

BAN CHỈ ĐẠO QUỐC GIA VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
NATIONAL STEERING COMMITTEE ON ICT (NSCICT)

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
MINISTRY OF INFORMATION AND COMMUNICATIONS (MIC)

THÔNG TIN VÀ SỐ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

**Information and Data on
Information and Communication Technology**

VIET NAM 2013

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
INFORMATION AND COMMUNICATIONS PUBLISHING HOUSE

Hà Nội - 2013



TS. Nguyễn Bắc Sơn

Thay mặt Bộ Thông tin và Truyền thông, tôi xin giới thiệu đến Quý độc giả Sách Trắng về Công nghệ thông tin và Truyền thông (CNTT-TT) Việt Nam 2013. Đây là tài liệu xuất bản và công bố hàng năm của Ban Chỉ đạo quốc gia về CNTT và Bộ Thông tin và Truyền thông từ năm 2009, được xây dựng dựa trên các thông tin, số liệu thu thập từ các Bộ, ngành liên quan, các Sở Thông tin và Truyền thông, các hiệp hội, doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo CNTT-TT trên cả nước.

Năm 2012, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Nghị quyết đã củng cố thêm quyết tâm, tiếp thêm động lực để ngành Thông tin và Truyền thông đẩy mạnh triển khai phát triển hạ tầng thông tin cùng nhiều chương trình, dự án trọng điểm quốc gia, đóng góp xứng đáng hơn nữa cho sự phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Năm 2012 cũng là năm Bộ Thông tin và Truyền thông tích cực chỉ đạo triển khai các nội dung trong Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình số mặt đất và đánh dấu mốc 15 năm hình thành và phát triển Internet tại Việt Nam. Những nội dung quan trọng này sẽ được bổ sung phân tích và nhận định trong Sách Trắng 2013. Ngoài ra, nhằm đáp ứng nhu cầu thống kê và quảng bá ngành CNTT-TT, Sách Trắng 2013 cũng sẽ cập nhật tình hình đánh giá, xếp hạng của các tổ chức quốc tế về ngành CNTT-TT Việt Nam và nhiều nội dung hữu ích khác.

Bộ Thông tin và Truyền thông tin tưởng rằng việc công bố Sách Trắng sẽ tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế đánh giá chính xác hơn về ngành CNTT-TT Việt Nam, đồng thời ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu tra cứu, cập nhật thông tin của độc giả. Bộ Thông tin và Truyền thông cũng hy vọng Sách Trắng sẽ tiếp tục là tài liệu tham khảo hữu ích trong các cơ quan quản lý nhà nước cũng như đối với các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp phát triển và ứng dụng CNTT-TT tại Việt Nam.

Cuối cùng, Ban Chỉ đạo quốc gia về CNTT và Bộ Thông tin và Truyền thông xin trân trọng cảm ơn các cơ quan, đơn vị liên quan, các hiệp hội, doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo về CNTT-TT trên cả nước, đặc biệt là Tổng cục Thống kê, Cục Đầu tư nước ngoài và Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Hải quan - Bộ Tài chính, Tổng cục Dạy nghề - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hỗ trợ, cung cấp thông tin, số liệu và đóng góp cho việc biên soạn và xuất bản tài liệu này. Chúng tôi rất hoan nghênh những ý kiến đóng góp của Quý vị để nội dung Sách Trắng sẽ ngày càng hoàn thiện hơn, đóng góp giá trị nhiều hơn cho ngành CNTT-TT trong những đợt công bố tiếp theo.

Trân trọng!

TS. Nguyễn Bắc Sơn
Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông



Dr. Nguyen Bac Son

It's an honor for me, on behalf of the Ministry of Information and Communications, to introduce to readers the 2013 White Book on Viet Nam's Information and Communication Technology (ICT). This is an annual official publication of the National Steering Committee on ICT and the Ministry of Information and Communications from 2009, which has been built based on information and data synthesized from the concerned ministries, associations, provincial departments of ICT, enterprises and ICT training institutions throughout the country.

In 2012, the Central Committee XI of the Communist Party of Viet Nam issued Resolution No. 13-NQ/TW on building a harmonized infrastructure system in order to turn our country into a basically industrialized and modernized nation by 2020. The Resolution has also reinforced the determination, and has created a motivation to the sector of Information and Communications to boost the development of the information infrastructure together with the national programs and projects to be able to contribute to the economic and social development for the sake of industrialization and modernization of the country. This year also witnessed how the Ministry of Information and Communications strengthened its steering of the implementation of the national plan on digitizing the transmission and broadcasting of terrestrial television and marked 15 years of formation and development of the Internet in Viet Nam. Thus, these important issues will be analyzed in this White Book. In addition, in order to meet the demand of ICT statistics as well as to promote the ICT sector, the 2013 White Book will be updated on the international evaluations and rankings of Viet Nam's ICT sector and some other useful contents.

The Ministry of Information and Communications believes that the release of the White Book will help many local and international organizations evaluate more adequately Viet Nam's ICT as well as increasingly satisfy the readers' demand for looking and updating ICT information. The Ministry of Information and Communications hopes that the White Book will be a useful reference for state agencies, organizations, domestic and foreign enterprises, and will play an important role in promoting the ICT development and application in Viet Nam.

Finally, the Ministry of Information and Communications and the National Steering Committee on ICT would like to express their sincere thanks to the involved agencies, organizations, associations, businesses and ICT training institutions across the country, especially to the General Statistics Office, Foreign Investment Agency and Business Registration Management Agency under the Ministry of Planning and Investment, General Department of Customs under the Ministry of Finance, the General Department of Vocational Training under the Ministry of Labour - Invalids and Social Affairs, and the Ministry of Education and Training for their valuable contribution and cooperation to the compilation and release of this document. We would like to encourage any comments from readers to enhance the quality of the subsequent editions, and to bring more values to Viet Nam's ICT in the future.

Sincerely,

A stylized handwritten signature in blue ink, consisting of several fluid, connected strokes.

Dr. Nguyen Bac Son

Minister of Information and Communications

Mục lục

THƯ GIỚI THIỆU	2
I HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN NGÀNH CNTT-TT	11
1. Tổng quan về ngành CNTT-TT Việt Nam năm 2012	12
2. Một số đánh giá của quốc tế về ngành CNTT-TT Việt Nam	16
II NHỮNG NỘI DUNG NỔI BẬT TRONG NĂM 2012	29
1. Ngành Thông tin và Truyền thông triển khai Nghị quyết Trung ương 4 về phát triển hạ tầng thông tin	30
2. Internet Việt Nam - 15 năm hội nhập và phát triển	32
3. Giới thiệu Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020	36
III HỆ THỐNG TỔ CHỨC VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	41
1. Sơ đồ tổ chức công nghệ thông tin và truyền thông quốc gia	42
2. Ban Chỉ đạo quốc gia về công nghệ thông tin	42
3. Bộ Thông tin và Truyền thông	44
IV CƠ SỞ HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	51
1. Điện thoại cố định	52
2. Điện thoại di động	52
3. Internet	54
4. Máy vi tính/ Thiết bị truyền thông đa phương tiện	56
5. Mạng bưu chính công cộng	56
V THỊ TRƯỜNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	59
1. Công nghiệp CNTT	60
2. Viễn thông	62
3. Bưu chính	70
4. Phát thanh - truyền hình	72

Contents

INTRODUCTORY LETTER	3
I CURRENT STATUS OF VIET NAM ICT	11
1. An overview of Viet Nam ICT in 2012	13
2. Evaluations of some international organizations on Viet Nam ICT	17
II SPECIAL THEMES IN 2012	29
1. Implementation of the resolution of Central Committee XI of the Party on development of information infrastructure	31
2. Internet in Viet Nam - 15 years of integration and development	33
3. The introduction of the national plan on digitization of terrestrial television broadcasting and transmission to 2020	37
III ADMINISTRATIVE ORGANIZATIONS ON ICT	41
1. Government Organizations on ICT	43
2. The National Steering Committee on ICT (NSCICT)	43
3. The Ministry of Information and Communications (MIC)	45
IV INFORMATION AND COMMUNICATION TECHNOLOGY INFRASTRUCTURE	51
1. Fixed-line phones	53
2. Mobile phones	53
3. Internet	55
4. Personal computers/Multimedia devices	57
5. Public postal network	57
V INFORMATION AND COMMUNICATION TECHNOLOGY MARKET	59
1. IT Industry	61
2. Telecommunications	63
3. Posts	71
4. Broadcasting	73

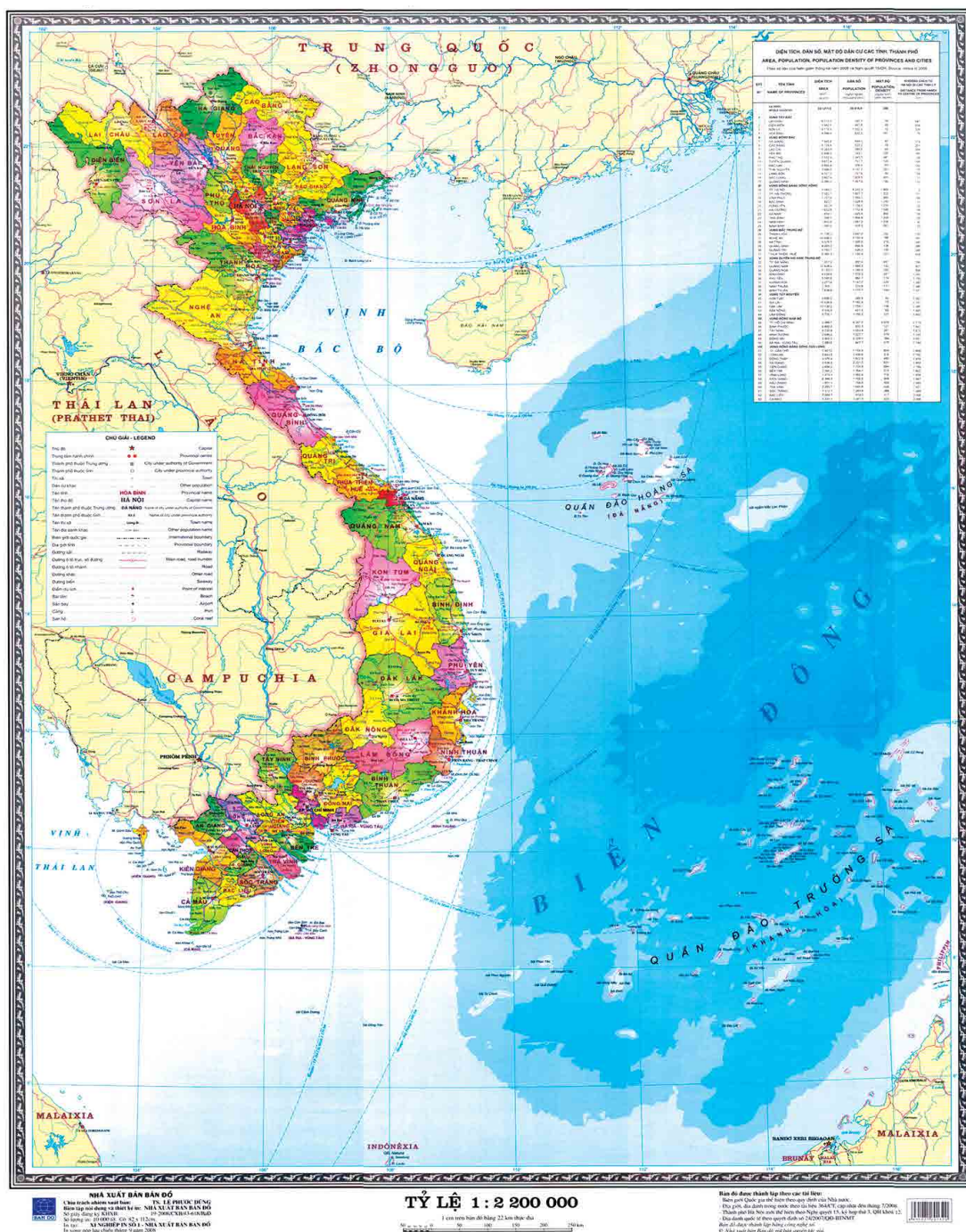
VI	ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC	75
1.	Tỷ lệ máy vi tính trên tổng số cán bộ công chức (%)	76
2.	Tỷ lệ máy vi tính có kết nối Internet (%)	76
3.	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước có trang/cổng thông tin điện tử (%)	76
4.	Tỷ lệ cơ quan nhà nước có đơn vị chuyên trách về CNTT (%)	76
5.	Tỷ lệ cơ quan nhà nước có mạng nội bộ (LAN, Intranet, Extranet) (%)	76
6.	Tổng số dịch vụ công trực tuyến	76
7.	Tổng số dịch vụ công trực tuyến tại Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	76
8.	Tổng số dịch vụ công trực tuyến tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	76
9.	Đánh giá xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin	78
VII	AN TOÀN THÔNG TIN	83
1.	Quản lý an toàn thông tin	84
2.	Mức độ áp dụng các giải pháp công nghệ đảm bảo an toàn thông tin	84
3.	Tỷ lệ các đơn vị nhận biết được có bị tấn công mạng xét theo một số loại tấn công cơ bản	84
VIII	NGUỒN NHÂN LỰC	87
1.	Trình độ nguồn nhân lực	88
2.	Đào tạo nguồn nhân lực CNTT-TT	90
3.	Lao động ngành CNTT-TT	94
4.	Nhân lực CNTT-TT trong cơ quan nhà nước	94
IX	HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ CNTT-TT	97
1.	Về công nghệ thông tin	98
2.	Về viễn thông, Internet, Phát thanh - truyền hình và Thông tin điện tử	102
3.	Về bưu chính	108
4.	Về sở hữu trí tuệ	108
X	CÁC CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN VỀ CNTT-TT	111
1.	Các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển CNTT-TT	112
2.	Các chương trình, dự án quốc gia về CNTT-TT	114
XI	HỢP TÁC QUỐC TẾ	117
1.	Hoạt động hợp tác quốc tế ngành CNTT-TT	118
2.	Một số hoạt động hợp tác quốc tế tiêu biểu về CNTT-TT giai đoạn 2012-2013	120
3.	Các tổ chức chuyên ngành quốc tế và khu vực mà Việt Nam tham gia là thành viên	124
4.	Một số sự kiện quốc tế tổ chức tại Việt Nam	126

VI	INFORMATION TECHNOLOGY APPLICATION IN STATE AGENCIES	75
1.	Ratio of computers over administrative officials (%)	77
2.	Ratio of computers with Internet access (%)	77
3.	Ratio of state agencies with a website/portal (%)	77
4.	Ratio of state agencies with information technology unit (%)	77
5.	Ratio of state agencies with internal network (LAN, Intranet, Extranet) (%)	77
6.	Total number of online public services	77
7.	Number of online public services in ministries and ministerial-level agencies	77
8.	Number of online public services in provincial agencies	77
9.	Information technology application rankings	79
VII	INFORMATION SECURITY	83
1.	Information security management	85
2.	Percentage of applying technical solutions for information security	85
3.	Percentage of organizations that can detect network attacks	85
VIII	HUMAN RESOURCES	87
1.	Education level	89
2.	ICT human resource training	91
3.	Workforce in the ICT sector	95
4.	ICT workforce in state agencies	95
IX	VIET NAM'S POLICY, LEGAL DOCUMENTS ON ICT	97
1	Information Technology	99
2	Telecommunications, Internet, Broadcasting and Electronic Information	103
3	Posts	109
4	Intellectual Property	109
X	NATIONAL STRATEGIES, PLANNINGS, PROGRAMS AND PROJECTS ON ICT	111
1	National strategies and plannings on ICT development	113
2.	National programs and projects on ICT	115
XI	INTERNATIONAL COOPERATION	117
1.	Overview of International cooperation	119
2.	Highlights of International cooperation in 2012-2013 period:	121
3.	Membership in international and regional organizations	125
4.	Recent major events organized in Viet Nam	127

XII	CÁC SỰ KIỆN CNTT-TT TIÊU BIỂU HÀNG NĂM TẠI VIỆT NAM	129
XIII	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU VỀ CNTT-TT TẠI VIỆT NAM	133
1.	Một số Hiệp hội nghề nghiệp về CNTT-TT	134
2.	Một số doanh nghiệp viễn thông và Internet tiêu biểu	136
3.	Một số doanh nghiệp bưu chính tiêu biểu	138
4.	Một số doanh nghiệp phần cứng, điện tử tiêu biểu	140
5.	Một số doanh nghiệp phần mềm tiêu biểu	142
6.	Một số doanh nghiệp phần mềm nguồn mở tiêu biểu	146
7.	Một số doanh nghiệp nội dung số tiêu biểu	148
8.	Một số doanh nghiệp tích hợp hệ thống tiêu biểu	148
9.	Một số doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số	150
10.	Một số doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, giải pháp an toàn thông tin tiêu biểu	152
11.	Một số đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền tiêu biểu	154
12.	Một số tổ chức, cơ sở đào tạo và cung cấp dịch vụ đào tạo CNTT-TT tiêu biểu	156
13.	Một số doanh nghiệp quốc tế đang hoạt động tại Việt Nam	158
14.	Các khu CNTT tập trung tại Việt Nam	160
15.	Một số Quỹ đầu tư mạo hiểm và công nghệ đang hoạt động	162
XIV	CÁC CƠ QUAN THUỘC HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM	165
1	Đảng Cộng sản Việt Nam	166
2	Quốc hội Việt Nam	166
3	Chính phủ Việt Nam	166
4	Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao	168
5	Tòa án Nhân dân tối cao	168
6	Kiểm toán Nhà nước	168
7	Các tổ chức chính trị - xã hội	168
XV	CÁC ĐƠN VỊ CHUYÊN TRÁCH CNTT TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC	171
1.	Tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ	172
2.	Tại các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	174
XVI	CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	183

XII	ANNUAL ICT EVENTS IN VIET NAM	129
XIII	AGENCIES, ORGANIZATIONS AND TYPICAL ENTERPRISES ON ICT IN VIET NAM	133
1.	Organizations and Associations on ICT	135
2.	Several typical telecommunication operators and internet service providers	137
3.	Several typical postal operators	139
4.	Several typical hardware, electronics enterprises	141
5.	Several typical software enterprises	143
6.	Several typical enterprises on open source softwares	147
7.	Several typical digital content enterprises	149
8.	Several typical enterprises in IT integration service	149
9.	Several digital signature authentication service providers	151
10.	Several typical enterprises in information security service/solution	153
11.	Several typical pay TV service providers	155
12.	Several typical universities and institutions offering ICT degrees	157
13.	Several ICT multi-national companies in Viet Nam	159
14.	Information technology parks in Viet Nam	161
15.	And overview of technology funds and venture capital for IT enterprises	163
XIV	AGENCIES OF VIET NAM'S POLITICAL SYSTEM	165
1	Communist Party of Viet Nam	167
2	National Assembly of Viet Nam	167
3	Government of Viet Nam	167
4	Supreme People's Procuracy of Viet Nam	169
5	Supreme People's Court of Viet Nam	169
6	State Audit Office of Viet Nam	169
7	Social and political organizations	169
XV	UNITS IN CHARGE OF ICT IN STATE AGENCIES	171
1.	Units in Ministries and ministerial level agencies	173
2.	Units in provincial agencies	175
XVI	UNITS OF THE MINISTRY OF INFORMATION AND COMMUNICATIONS	183

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Diện tích: 330.951 km²

Dân số tính đến 31/12/2012: 88.772.900 người

Số hộ gia đình năm 2012: 23.218.200

GDP năm 2012: 155,3 tỷ USD

GDP bình quân đầu người năm 2012: 1.749 USD

Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2012: 5,25%

Kim ngạch xuất khẩu năm 2012: 114.572,7 tỷ USD

Kim ngạch nhập khẩu năm 2012: 113.792,4 tỷ USD

Tỷ giá VNĐ/USD thị trường liên ngân hàng của Ngân hàng

Nhà nước Việt Nam ngày 31/12/2012: 20.828 VNĐ/USD

(Nguồn: Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Area: 330,951 km²

Population up to December 31st, 2012: 88,772,900 people

Number of households in 2012: 23,218,200

GDP of 2012: 155.3 billion USD

GDP per capita of 2012: 1,749 USD

Growth rate of GDP in 2012: 5.25%

Export value of 2012: 114,572.7 billion USD

Import value of 2012: 113,792.4 billion USD

Inter-bank exchange rate of VND versus USD of the State

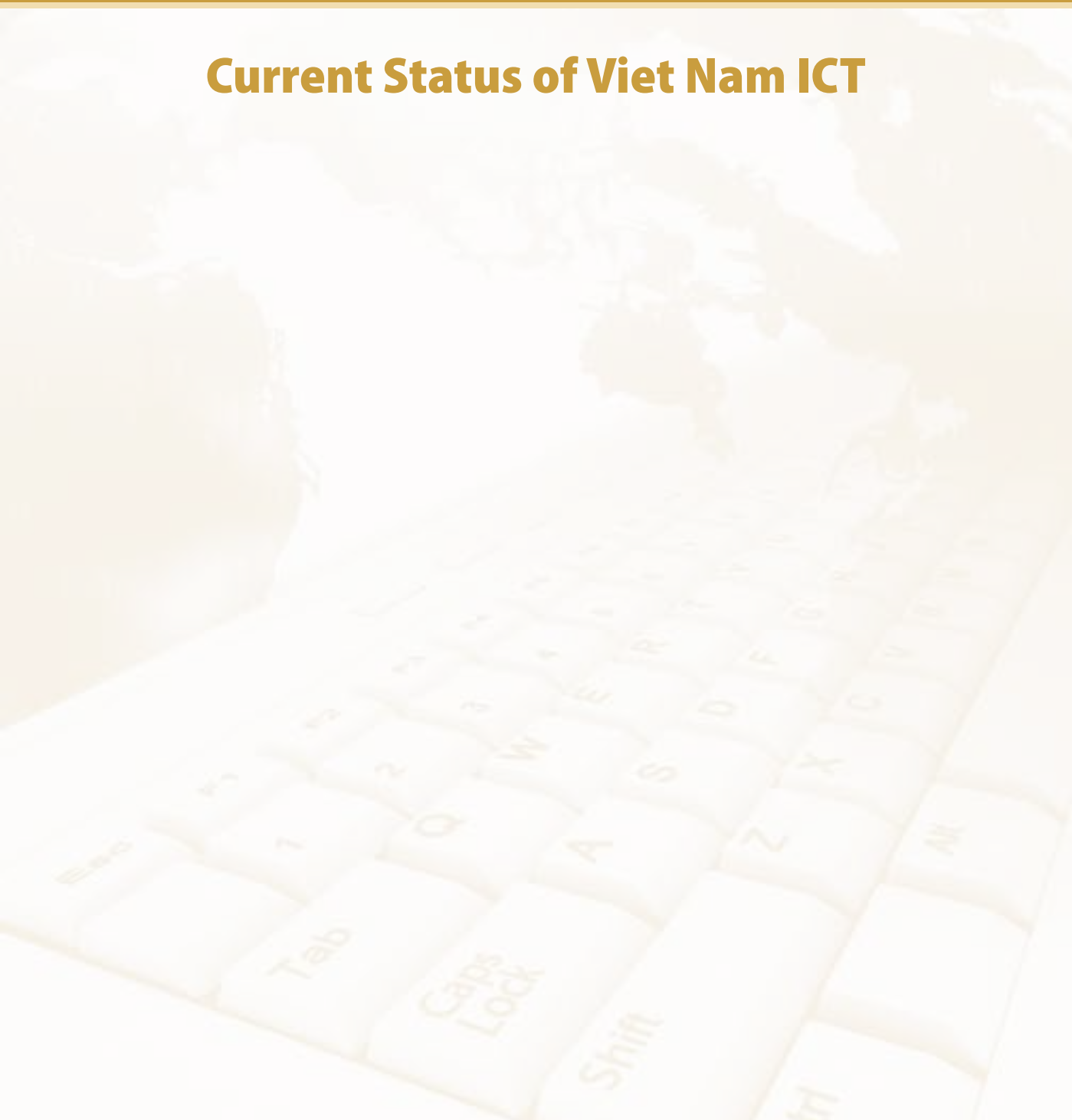
Bank of Viet Nam on December 31st, 2012: 20,828 VND/USD

(Source: General Statistics Office and State Bank of Viet Nam)

I

HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Current Status of Viet Nam ICT



1. TỔNG QUAN VỀ NGÀNH CNTT-TT VIỆT NAM NĂM 2012

Trong năm 2012, ngành CNTT-TT tiếp tục tăng trưởng, đạt được nhiều thành tựu quan trọng, trở thành điểm sáng của nền kinh tế trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang còn gặp nhiều khó khăn.

Hạ tầng mạng lưới viễn thông, Internet của Việt Nam tiếp tục được đầu tư phát triển, góp phần đáp ứng sự tăng trưởng mạnh mẽ của thuê bao điện thoại và Internet. Tính đến tháng 12/2012, cả nước đạt hơn 141 triệu thuê bao điện thoại, trong đó có 9,5 triệu thuê bao cố định và 131,6 triệu thuê bao di động. Mặc dù sự phát triển số lượng thuê bao điện thoại có sự chững lại do thị trường đã bão hòa, nhưng thuê bao điện thoại di động và Internet vẫn tiếp tục tăng với tỷ lệ tương ứng là 3,42% và 2,46% so với năm 2011. Ấn tượng nhất trong năm 2012, số lượng thuê bao Internet băng rộng cố định tăng nhanh với tốc độ tăng trưởng 24,74%, đạt gần 4,8 triệu thuê bao. Bên cạnh đó, số lượng thuê bao 3G giảm từ 16 triệu thuê bao xuống còn 15,7 triệu thuê bao, nhưng không phải do số thuê bao 3G hoạt động trong thực tế bị giảm mà là do các nhà mạng đã loại bỏ số thuê bao ảo. Về bản chất, số thuê bao 3G có hoạt động trên thực tế vẫn tiếp tục phát triển nhờ vào các chính sách của các doanh nghiệp viễn thông trong việc giảm giá cước 3G để dịch vụ này trở nên cạnh tranh hơn so với dịch vụ ADSL, cộng thêm với xu hướng giảm giá các thiết bị đầu cuối 3G và tác động của xu thế hội tụ điện tử - viễn thông - Internet.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn thách thức trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế, công nghiệp CNTT tiếp tục giữ vững là ngành kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao. Đồng thời, CNTT đã tạo ra tác động lan tỏa, thúc đẩy phát triển nhiều ngành, nhiều lĩnh vực kinh tế, xã hội, góp phần tạo thêm nhiều việc làm và

nâng cao thu nhập của người lao động. Tổng doanh thu công nghiệp CNTT năm 2012 đạt khoảng 25,5 tỷ USD, tăng 86,3% so với năm 2011. Trong đó, lĩnh vực công nghiệp phần cứng - điện tử tiếp tục khởi sắc nhờ sự tăng trưởng mạnh doanh thu từ hoạt động xuất khẩu. Doanh thu công nghiệp phần cứng - điện tử năm 2012 đạt 23 tỷ USD (tăng trưởng 103,2% so với năm trước), chiếm 90,4% tổng doanh thu toàn ngành và nâng doanh thu bình quân lĩnh vực CNTT lên trên 110 nghìn USD/người/năm trong vòng 05 năm trở lại đây, đưa nhóm ngành này vươn lên trở thành một trong ba nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất của cả nước. Khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài đóng góp 96,5% giá trị xuất khẩu mặt hàng máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện sản xuất lớn tại Việt Nam, điển hình là các doanh nghiệp như Samsung, Intel, Canon, Panasonic, Foxconn, Nokia... với các thị trường xuất khẩu như Trung Quốc, Ma-lai-xi-a, Nhật Bản, EU.... Năm 2012, giá trị xuất siêu lĩnh vực này đã lên tới gần 3,5 tỷ USD (tăng hơn 8 lần so với 2011). Công nghiệp phần mềm đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của kinh tế trong nước và thị trường nội địa nên tốc độ tăng trưởng không còn tăng mạnh như những năm trước. Doanh thu công nghiệp phần mềm năm 2012 tăng 3,1% so với năm 2011, đạt trên 1,2 tỷ USD. Mặc dù, tăng trưởng chung của toàn lĩnh vực phần mềm khiêm tốn, nhưng doanh thu gia công, xuất khẩu phần mềm tăng nhanh, bù đắp cho sự suy giảm của thị trường nội địa. Lĩnh vực công nghiệp nội dung số cũng chịu những ảnh hưởng do khó khăn của nền kinh tế nên doanh thu chỉ tăng 6,0% so với năm 2011, đạt 1,24 tỷ USD, trong đó có sự đóng góp lớn của ba doanh nghiệp chủ lực là VNG, VTC và FPT.

1. AN OVERVIEW OF VIET NAM ICT IN 2012

In 2012, the ICT of Viet Nam kept showing a growth with a number of important achievements. This was regarded as a highlight of the economy of Viet Nam in the context of the economic recession.

The telecommunications and Internet infrastructure in Viet Nam has been continuously invested to catch up with the trend of the growth of telephone and Internet subscribers. Up to December 31st, 2012, the total number of telephone subscribers in the country reached more than 141 million, including 9.5 million fixed-line telephone subscribers and 131.6 million mobile subscribers. Although the development of the telephone subscribers demonstrated a level-off due to the market saturation, the numbers of mobile and Internet subscribers continued to rise at a rate of 3.42% and 2.46%, respectively compared to those in 2011. Most notably in 2012, the number of the fixed Internet broadband subscribers increased remarkably by 24.74% with nearly 4.8 million subscribers. Besides, the number of 3G subscribers declined from 16 million to 15.7 million. This doesn't result from the decrease of actual number of 3G subscribers but from the aggressive cut of inactive subscribers from the network. In fact, the number of 3G subscribers continued to increase due to the policies of telecommunication service providers, for example: the reduction of the 3G service cost to make it more competitive than the ADSL service. Moreover, the downward trend in the prices of 3G terminals and the impact of the convergence of electronics - telecommunications - Internet are also contributing to the growth of 3G subscribers.

In spite of facing difficulties and challenges caused by the economic crisis, the IT industry kept being a high growth - rate economic sector. This sector simultaneously has asserted a diffuse impact on boosting other sectors and fields of the economy and society and create more jobs and improve

labourers' income. The total revenue of IT industry in 2012 reached about 25.5 billion USD, an increase of 86.3% compared to the same period of 2011. In particular, the hardware - electronics industry continued to thrive thanks to a considerable growth of export. The hardware - electronics industry revenue in 2012 represented 23 billion USD (a growth rate of 103.2% compared to last year), making up 90.4% of total revenue of the IT industry sector, thus raising the average revenue per employee per year in this sector up to more than 110 thousand USD over the past 5 years. This made this group become one of the largest export sectors of the country. The sector of foreign direct investment contributed 96.5% to the value of the export of computers, electronic devices and components produced in Viet Nam with some typical enterprises such as Samsung, Intel, Canon, Panasonic, Foxconn, Nokia, etc. whose main markets include China, Malaysia, Japan and EU. In 2012, the value of export surplus numbered 3.6 billion USD (8 times as much as that of 2011). Meanwhile, facing many difficulties and challenges on account of the downturn of the economy and domestic market, the software industry didn't maintain the sharp rise in comparison with the previous years. In fact, the revenue of the software industry in 2012 amounted to only over 1.2 billion USD, an increase of 3.1% compared to 2011. Although, the rate of the whole software industry remained a slight increase, the significant rise of the revenue of outsourcing compensated the market decline of the software expenditure in the domestic market. The revenue of the digital content industry was also negatively affected by the economic downturn with its revenue representing 1.24 billion USD, a 6.0% increase compared to 2011. This revenue was mainly contributed by 03 leading enterprises like VNG, FPT and VTC.

Trong lĩnh vực bưu chính, năm 2012 là năm đầu tiên các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài được phép tham gia thị trường bưu chính theo cam kết của Việt Nam với WTO. Nhận thức rõ sức cạnh tranh sẽ ngày càng mạnh mẽ khi các doanh nghiệp nước ngoài tham gia vào thị trường, nên dù tình hình sản xuất - kinh doanh gặp nhiều khó khăn, các doanh nghiệp trong nước vẫn tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành, mở thêm nhiều sản phẩm, dịch vụ mới để gia tăng nguồn thu, đổi mới cơ chế quản lý... Khép lại năm 2012, doanh thu bưu chính đạt gần 274 triệu USD (tăng 11,15% so với năm 2011).

Trong lĩnh vực phát thanh - truyền hình, thị trường cũng đạt được kết quả ấn tượng nhờ việc đa dạng hoá và nâng cao chất lượng dịch vụ, không ngừng nâng cấp hạ tầng truyền dẫn, phát sóng, ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu của khách hàng. Chỉ trong vòng 01 năm, số lượng thuê bao truyền hình trả tiền đã tăng gần gấp đôi, nâng tổng doanh thu truyền hình trả tiền đạt mức trên 200 triệu USD.

Về ứng dụng CNTT, tính đến cuối năm 2012, 100% cơ quan nhà nước đã xây dựng trang/cổng thông tin điện tử, cung cấp gần 102 nghìn dịch vụ công mức 1 và 2 (tăng gần 3,4 nghìn dịch vụ), 1,7 nghìn dịch vụ công mức 3 (tăng 802 dịch vụ), và 9 dịch vụ công mức 4. Năm 2012 là năm đầu tiên một số đơn vị đã bắt đầu đưa vào triển khai ứng dụng chữ ký số, một số cơ sở dữ liệu chuyên ngành cũng bắt đầu được quan tâm chú trọng phát triển. Theo đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT năm 2012, trong khối các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tăng từ thứ hạng 7 (năm 2011) lên vị trí dẫn đầu, Ngân hàng Nhà nước có bước nhảy vọt mạnh nhất khi tăng liền 9 bậc trong bảng xếp hạng (từ vị trí 12 năm 2011 lên vị trí thứ 3); trong khối các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, TP. Đà Nẵng tiếp tục nắm giữ vị trí cao nhất nhờ sự quyết tâm đầu tư và các giải pháp đồng bộ về ứng dụng CNTT.

Đảm bảo an toàn thông tin tiếp tục là vấn đề đang được quan tâm, nhằm bảo vệ an ninh cơ sở

hạ tầng, đảm bảo sự phát triển bền vững các ứng dụng CNTT nói riêng và sự phát triển toàn ngành nói chung. Bộ Thông tin và Truyền thông đang tích cực phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và hoàn thiện Luật An toàn thông tin nhằm tạo hành lang pháp lý cho lĩnh vực quan trọng này.

Hệ thống đào tạo nguồn nhân lực CNTT-TT tiếp tục được duy trì ổn định về quy mô và hình thức đào tạo với 290 trường đại học, cao đẳng có đào tạo về CNTT và viễn thông, tỷ lệ tuyển sinh ngành này là 10,83% trên tổng số chỉ tiêu tuyển sinh năm 2012. Trong năm 2012, số sinh viên ngành CNTT, viễn thông trình độ đại học, cao đẳng tốt nghiệp là trên 40 nghìn, nhập học là 58 nghìn và đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng là gần 170 nghìn. Bên cạnh đó, số lượng các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề có đào tạo về CNTT-TT tăng thêm 30 đơn vị so với năm 2011, nâng tổng số các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề lên 143 đơn vị.

Môi trường pháp lý về CNTT-TT ngày một được hoàn thiện nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường năng lực quản lý và điều hành của Nhà nước. Năm 2012, các chính sách được xây dựng, ban hành chủ yếu tập trung vào việc đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường điện tử và đảm bảo an ninh quốc gia như dự thảo Luật An toàn thông tin, Nghị định sửa đổi về chống thư rác, Quyết định về tiêu chí xác định công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia, Thông tư quy định danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu,

Khép lại một năm 2012 kinh tế đầy khó khăn, nhưng ngành CNTT-TT vẫn đạt được những kết quả, thành tựu đáng ghi nhận, tiếp tục củng cố vị thế và đà tăng trưởng, góp phần hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch giai đoạn đến năm 2015. Ngành CNTT-TT cũng đã dần xứng đáng với vai trò là một trong 10 hạ tầng chủ lực của hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020./.

In the postal sector, the year of 2012 is the first year wholly foreign owned enterprises have been allowed to enter the postal market under Viet Nam's WTO commitments. Being aware that the competitiveness of the postal market will be increasingly intense as foreign companies enter the market, regardless of a lot of obstacles in production and business, domestic enterprises still continued to promote IT application in management, administration and opened more new products and services in order to raise their revenue as well as deployed management mechanisms innovation. At the end of 2012, the postal revenue reached nearly 274 million USD (a 11.15% increase compared to 2011).

The broadcasting market also achieved impressive results. These achievements were due to diversifying and improving the quality of services, constantly upgrading transmission and broadcasting infrastructure to increasingly meet customers' requirements. Within only one year, the number of pay TV subscribers has nearly doubled, thus bringing the total pay TV revenue to more than 200 million USD.

As for IT application, by the end of 2012, 100% of state agencies built websites/portals which provided nearly 102 thousand public services at level 1 and 2 (an increase by roughly 3.4 thousand); 1.7 thousand public services at level 3 (an increase by 802), and 9 public services at level 4. In particular, this is the first year some units have started to deploy the digital signature application and focused on a number of specialized databases. Typically, the ranking of the level of IT application in 2012 showed in the group of ministries, ministerial-level agencies, the Ministry of Information and Communications improved its ranking from 7th in 2011 to 01st in 2012, while the State Bank had a leap by 9 positions in the ranking (from 12th position in 2011 to 3rd position in 2012). At the same time, in the group of provinces, Da Nang city continued to hold the highest position owing to its determination of investment and concerted solutions on IT application.

Information security assurance is the most concerned problem to protect the infrastructure security, ensure the sustainable development of IT application in particular and the development of the whole sector in general. The Ministry of Information and Communications in cooperation with related agencies has actively been building and completing the Law on Information Security in order to pave the way for the legal framework of this sector.

The training system for ICT human resources remained stable in terms of size and forms of training with 290 universities, colleges with IT and telecoms courses, and the ratio of enrolment in this sector over the total quota of enrolment was 10.83%. In 2012, there were 40 thousand graduates majoring in IT and telecoms, 58 thousand students actually enrolled and nearly 170 thousand studying. On the other hand, the number of vocational schools offering ICT training increased by 30 units compared to 2011 with the total number of vocational schools amounting to 143 units.

The legal environment for ICT is continuously perfected to facilitate the IT development and application and enhance the management and administration capacity of the Government. In 2012, built and promulgated policies focused on information security assurance in the electronic environment and national security assurance like the draft Law on Information Security, the Government's (amended) Decree on anti-spam, the Prime Minister's Decision providing the criteria for identifying vital telecommunications premises relating to the national security, the circular providing a list of used IT products to be banned from import.

Passing a year with tough challenges of the economy, the ICT of Viet Nam has achieved remarkable results and achievements, further consolidating its position and growth pace and fulfilling the missions of the national strategic plan by 2015. The ICT is gradually playing a role as one of 10 key sectors of the harmonized infrastructure system in order to turn Viet Nam to into a basically industrialized and modernized country by 2020./.

2. MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ CỦA QUỐC TẾ VỀ NGÀNH CNTT-TT VIỆT NAM

Nằm trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam luôn được các nước trên thế giới đánh giá cao không chỉ bởi nền kinh tế tăng trưởng nhanh, mà còn bởi sự phát triển vượt bậc của ngành CNTT-TT với những xếp hạng ấn tượng trên bản đồ CNTT-TT thế giới. Dù mới thực sự phát triển trong hơn 10 năm, CNTT-TT Việt Nam đã đạt được những thành tựu ban đầu, được một số tổ chức xếp hạng quốc tế ghi nhận. Các báo cáo đánh giá liên quan năm 2012 cũng như các năm gần đây tiếp tục đánh giá cao các thành tựu của CNTT-TT Việt Nam.

2.1 Xếp hạng chung về CNTT-TT

a) Chỉ số phát triển CNTT-TT (IDI)

Theo xếp hạng trong Báo cáo đánh giá về xã hội thông tin của Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU), Chỉ số phát triển CNTT-TT của Việt Nam năm 2012 tiếp tục tăng 5 bậc, từ 86/152 lên 81/161, vươn lên xếp vị trí thứ 4 khu vực Đông Nam Á, và đứng 12/27 nước châu Á - Thái Bình Dương. Nếu tính cả giai đoạn 10 năm (2002-2012), Việt Nam đã bứt phá ngoạn mục từ vị trí 107 lên vị trí 81, tăng 26 bậc. Việc xếp hạng về Chỉ số phát triển CNTT-TT này được đánh giá dựa trên 3 yếu tố chính là truy nhập mạng, ứng dụng CNTT và kỹ năng CNTT, trong đó Việt Nam được ITU đánh giá cao về ứng dụng CNTT với thứ hạng 76/161 (2012).

Bảng sau đây liệt kê xếp hạng về Chỉ số phát triển CNTT-TT (IDI) của Việt Nam và các nước trong khu vực Đông Nam Á trong 10 năm qua

TT	Tên nước	Năm		2012		2010		2008		2007		2002	
		Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng
1	Xin-ga-po	7,66	12	7,47	10	6,95	14	6,57	15	4,83	16		
2	Bru-nây	4,95	57	4,85	57	5,07	42	4,80	41	3,27	41		
3	Ma-lai-xi-a	4,82	58	4,63	57	3,96	56	3,79	52	2,74	50		
4	Việt Nam	3,68	81	3,41	86	3,05	86	2,61	92	1,59	107		
5	Thái Lan	3,41	92	3,29	89	3,27	76	3,44	63	2,17	70		
6	Phi-líp-pin	3,19	94	3,04	94	2,87	90	2,63	91	2,07	79		
7	In-đô-nê-xi-a	3,19	95	3,01	97	2,46	107	2,13	108	1,54	109		
8	Lào	1,99	120	1,84	120	1,74	118	1,60	117	1,05	125		
9	Căm-pu-chia	1,96	121	1,88	119	1,70	120	1,53	121	1,04	126		
10	Mi-an-ma	1,67	131	1,65	129	1,71	119	1,57	119	1,64	104		
11	Đông Ti-mo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
Tổng số nước đánh giá		161		152		159		154		154			

Ghi chú: “-” Chưa xếp hạng

2. EVALUATIONS OF SOME INTERNATIONAL ORGANIZATIONS ON VIET NAM ICT

Located in Southeast Asia, Viet Nam has always been appreciated not only for the economy with high growth rates but also for the development of the ICT sector with impressive ranks on the world ICT map. Despite experiencing 10 years of development, the ICT in Viet Nam has obtained a number of achievements which are recognized by international organizations. The related reports in 2012 or in the recent years has appreciated the accomplishments of the ICT in Viet Nam.

2.1 General rankings on ICT

a) ICT Development Index (IDI)

According to the ranking of the report on Measuring of Information Society by the International Telecommunication Union (ITU), the ICT Development Index of Viet Nam continued to rise 5 places from 86th to 81st, ranked 4th in the Southeast Asia and ranked 12th among 27 countries in the Asia - Pacific region. In the past 10 years (2002-2012), Viet Nam had a spectacular breakthrough from position 107 to position 81 with a jump of 26 steps. The IDI ranking is based on 3 main subindexes such as ICT assess, ICT use and ICT skills where Viet Nam was highly rated by ITU in terms of IT applications with a rank of 76th among 161 countries worldwide in 2012.

The table below lists the IDI ranks of Viet Nam and the Southeast Asian countries in the past 10 years.

No.	Country	Year		2012		2010		2008		2007		2002	
		Score	Rank	Score	Rank	Score	Rank	Score	Rank	Score	Rank	Score	Rank
1	Singapore	7.66	12	7.47	10	6.95	14	6.57	15	4.83	16		
2	Brunei	4.95	57	4.85	57	5.07	42	4.80	41	3.27	41		
3	Malaysia	4.82	58	4.63	57	3.96	56	3.79	52	2.74	50		
4	Viet Nam	3.68	81	3.41	86	3.05	86	2.61	92	1.59	107		
5	Thailand	3.41	92	3.29	89	3.27	76	3.44	63	2.17	70		
6	Philippines	3.19	94	3.04	94	2.87	90	2.63	91	2.07	79		
7	Indonesia	3.19	95	3.01	97	2.46	107	2.13	108	1.54	109		
8	Laos	1.99	120	1.84	120	1.74	118	1.60	117	1.05	125		
9	Cambodia	1.96	121	1.88	119	1.70	120	1.53	121	1.04	126		
10	Myanmar	1.67	131	1.65	129	1.71	119	1.57	119	1.64	104		
11	East Timor	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
Total number of countries		161		152		159		154		154		154	

Note: “-” Not ranked

b) Chỉ số sẵn sàng kết nối (NRI)

Theo xếp hạng được công bố trong Báo cáo CNTT toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, thứ hạng NRI của Việt Nam đã được cải thiện đáng kể trong giai đoạn 2001-2011, tăng 19 bậc từ vị trí 74 lên vị trí 55 toàn cầu. Tuy nhiên, đến năm 2012, do sự thay đổi phương pháp đánh giá của Diễn đàn Kinh tế Thế giới đã khiến Việt Nam cũng như nhiều nước bị tụt hạng so với năm 2011. Mặc dù vậy, Việt Nam vẫn là nước đứng thứ 5 về chỉ số này trong khu vực Đông Nam Á. Báo cáo đánh giá chỉ số sẵn sàng kết nối dựa trên 4 yếu tố: sự sẵn sàng của chính phủ, sẵn sàng của người dân, sẵn sàng của doanh nghiệp và tác động của CNTT-TT (mới được bổ sung trong báo cáo năm 2012). Trong đánh giá này, mức độ sẵn sàng của Chính phủ Việt Nam được thế giới đánh giá cao nhất trong các yếu tố sẵn sàng này.

Bảng sau đây liệt kê xếp hạng về Chỉ số sẵn sàng kết nối (NRI) của Việt Nam và các nước trong khu vực Đông Nam Á từ năm 2001 đến 2013.

TT	Tên nước	2013		2012		2011		2005		2001	
		Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng
1	Xin-ga-po	5,96	2	5,86	2	5,59	2	1,89	2	5,47	8
2	Ma-lai-xi-a	4,82	30	4,80	29	4,74	28	0,93	24	3,82	36
3	Thái Lan	3,86	74	3,78	77	3,89	59	0,35	34	3,58	43
4	In-đô-nê-xi-a	3,84	76	3,75	80	3,92	53	-0,36	68	3,24	59
5	Việt Nam	3,74	84	3,70	83	3,90	55	-0,47	75	2,42	74
6	Phi-líp-pin	3,73	86	3,64	86	3,57	86	-0,37	70	3,27	58
7	Căm-pu-chia	3,34	106	3,32	108	3,23	111	-1,03	104	-	-
8	Đông Ti-mo	2,72	134	2,84	132	2,72	136	-	-	-	-
9	Bru-nây	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Lào	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Mia-an-ma	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng số nước đánh giá		144		142		138		115		75	

Ghi chú: “-” Chưa xếp hạng

2.2. Xếp hạng về công nghiệp CNTT

Công nghiệp CNTT Việt Nam được thế giới ghi nhận với những thành tích ấn tượng. Theo xếp hạng của tập đoàn A.T. Kearney công bố 2 năm một lần, thì năm 2005 Việt Nam chỉ xếp hạng trung bình đối với các nước gia công phần mềm hấp dẫn với vị trí 26/50, nhưng đến năm 2011 Việt Nam đã được xếp hạng thứ 8 trong tổng số 50 nước hấp dẫn nhất về gia công phần mềm, tăng 2 bậc so với 2009, 11 bậc so với 2007 và 18 bậc so với năm 2005, vượt lên trên Phi-líp-pin và tiến sát Thái Lan. Báo cáo đánh giá xếp hạng này căn cứ vào 3 chỉ số là chỉ số tài chính, chỉ số kỹ năng và nguồn nhân lực, chỉ số môi trường kinh doanh. Việt Nam được đánh giá đứng đầu về chỉ số tài chính..

b) Networked Readiness Index (NRI)

According to the ranking released in the Global IT Report by the World Economic Forum (WEF) annually, the NRI of Viet Nam represented a dramatic improvement in the period 2001-2011 with a jump of 19 steps from rank 74 to rank 55 worldwide. However, from 2012, the changes in WEF's methodology in evaluating have made NRI ranks of Viet Nam and many countries fall compared to those of the year 2011. On the other hand, Viet Nam stands in the 5th position in the Southeast Asia. WEF evaluates the Networked Readiness Index based on 4 subindexes such as government readiness, individual readiness, business readiness, ICT impact (lately added in 2012). In this evaluation, the readiness subindex of the Viet Nam Government was ranked highest out of subindexes forming NRI.

The table below lists the NRI ranks of Viet Nam and the Southeast Asian countries from 2001 to 2013.

No.	Country	Year		2013		2012		2011		2005		2001	
		Score	Rank	Score	Rank	Score	Rank	Score	Rank	Score	Rank	Score	Rank
1	Singapore	5.96	2	5.86	2	5.59	2	1.89	2	5.47	8		
2	Malaysia	4.82	30	4.80	29	4.74	28	0.93	24	3.82	36		
3	Thailand	3.86	74	3.78	77	3.89	59	0.35	34	3.58	43		
4	Indonesia	3.84	76	3.75	80	3.92	53	-0.36	68	3.24	59		
5	Viet Nam	3.74	84	3.70	83	3.90	55	-0.47	75	2.42	74		
6	Philippines	3.73	86	3.64	86	3.57	86	-0.37	70	3.27	58		
7	Cambodia	3.34	106	3.32	108	3.23	111	-1.03	104	-	-		
8	East Timor	2.72	134	2.84	132	2.72	136	-	-	-	-		
9	Brunei	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
10	Laos	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
11	Myanmar	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
Total number of countries		144		142		138		115		75			

Note: “-” Not ranked

2.2. Rankings on IT industry

IT industry in Viet Nam has been recognized with outstanding achievements. According to the ranking of A.T. Kearney annually, in 2005, Viet Nam was ranked at the average level among the leading countries in offshore services with the 26th position among 50 countries. However, in 2011, Viet Nam was ranked 8th out of the top 50 countries in offshore services, an increase by 2 places compared to the year 2009, by 11 places compared to the year 2007 and by 18 places compared to the year 2005, and Viet Nam took over Philippines and came close to Thailand. In its ranking, A.T. Kearney evaluates countries based on 3 subindexes such as financial attractiveness, people skills and availability, business environment. Viet Nam leads in the financial subindex in this assessment

Bảng sau đây liệt kê xếp hạng về công nghiệp CNTT của Việt Nam và một số nước trên thế giới từ năm 2005 đến 2011.

Nước	Xếp hạng 2011	Xếp hạng 2009	Xếp hạng 2007	Xếp hạng 2005
Ấn Độ	1	1	1	1
Trung Quốc	2	2	2	2
Ma-lai-xi-a	3	3	3	3
Ai Cập	4	6	12	12
In-đô-nê-xi-a	5	5	13	13
Mê-hi-cô	6	11	17	17
Thái Lan	7	4	6	6
Việt Nam	8	10	19	26
Phi-líp-pin	9	7	8	4
Chi-lê	10	8	7	8
...				

Tập đoàn Gartner cũng có báo cáo thường niên đánh giá xếp hạng các nước về gia công phần mềm dựa trên 10 yếu tố: ngôn ngữ, hỗ trợ của chính phủ, lao động, cơ sở hạ tầng, hệ thống giáo dục, chi phí, môi trường kinh tế - chính trị, tính tương hợp văn hóa, toàn cầu hóa và môi trường pháp lý, sở hữu trí tuệ - an ninh - quyền riêng tư. Theo Báo cáo của Gartner, trong vòng 5 năm trở lại đây, Việt Nam là nước liên tục nằm trong danh sách top 30 thế giới và top 10 châu Á - Thái Bình Dương, và dẫn đầu thế giới về gia công phần mềm với chi phí thấp. Trong khi đó, theo Báo cáo về 100 thành phố hấp dẫn nhất thế giới về gia công phần mềm được Công ty Tư vấn Tholons công bố thường niên, TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội luôn nằm trong các top 20 và 30 thành phố gia công phần mềm hấp dẫn nhất thế giới. Năm 2013, TP. Hồ Chí Minh đang đứng ở vị trí 16 và Hà Nội ở vị trí 23.

Bảng sau liệt kê xếp hạng các thành phố hấp dẫn nhất về gia công phần mềm trên thế giới.

Nước	Thành phố	Xếp hạng 2013	Xếp hạng 2012	Xếp hạng 2010
...	...			
Ba Lan	Cra- kốp	10	11	11
Trung Quốc	Thượng Hải	11	10	10
Trung Quốc	Bắc Kinh	12	12	12
Cốt-ta Ri-ca	Xan Hô-xê	13	18	25
Trung Quốc	Thâm Quyển	14	16	18
Trung Quốc	Đại Liên	15	14	17
Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	16	17	16
Cộng hòa Séc	Pra-ha	17	20	22
Bra-xin	Xao Pau-lô	18	13	15
Ma-lai-xi-a	Kua-la Lăm-pơ	19	28	31
Xri Lan-ka	Cô-lôm-bô	20	19	20
Chi-lê	Xan-ti-a-go	21	22	24
Nam Phi	Giô-han-néc-bắc	22	26	28
Việt Nam	Hà Nội	23	21	21
...	...			

The table below lists the ranks on IT industry of Viet Nam and some countries worldwide from 2005 to 2011.

Nation/Rank	Rank in 2011	Rank in 2009	Rank in 2007	Rank in 2005
India	1	1	1	1
China	2	2	2	2
Malaysia	3	3	3	3
Egypt	4	6	12	12
Indonesia	5	5	13	13
Mexico	6	11	17	17
Thailand	7	4	6	6
Viet Nam	8	10	19	26
Philippines	9	7	8	4
Chile	10	8	7	8
...				

Garter Inc releases an annual report on ranking countries on offshore services based on 10 elements: language, government support, labour pool, infrastructure, educational system, cost, political and economic environment, cultural compatibility, globalization and legal maturity, data and intellectual property – security and privacy. In the ranking of Gartner, in the past 5 years, Viet Nam continually lay in the world's top 30 countries and in the Asia – Pacific region's top 10 countries in terms of offshore services as well as led in low-cost offshore services. Meanwhile, according to the Top 100 Outsourcing Destinations Rankings by Tholons Inc annually, Ho Chi Minh City and Ha Noi has been ranked among the top 20 và 30 outsourcing destinations, respectively. In 2013, Ho Chi Minh City was ranked 16th while Ha Noi was ranked 23rd.

The table below lists the ranks of leading offshore cities in the world.

Country	City	Rank in 2013	Rank in 2012	Rank in 2010
...	...			
Poland	Kraków	10	11	11
China	Shanghai	11	10	10
China	Beijing	12	12	12
Costa Rica	San José	13	18	25
China	Shenzhen	14	16	18
China	Dalian (Dairen)	15	14	17
Viet Nam	Ho Chi Minh City	16	17	16
Czech Republic	Prague	17	20	22
Brazil	São Paulo	18	13	15
Malaysia	Kuala Lumpur	19	28	31
Sri Lanka	Colombo	20	19	20
Chile	Santiago	21	22	24
South Africa	Johannesburg	22	26	28
Viet Nam	Ha Noi	23	21	21
...	...			

2.3. Xếp hạng về Chính phủ điện tử

Trong báo cáo tình hình phát triển Chính phủ điện tử của Liên Hiệp Quốc công bố 2 năm một lần, Chính phủ điện tử Việt Nam đã được đánh giá là phát triển tốt với những bước tiến mạnh mẽ cả về chỉ số và xếp hạng. Sau 10 năm phát triển, thứ hạng của Chính phủ điện tử Việt Nam đã tăng 14 bậc, từ xếp hạng 97 năm 2003 lên 83 năm 2012 trên tổng số 150 nước trên thế giới, và xếp thứ 4 khu vực Đông Nam Á. Báo cáo đánh giá chỉ số Chính phủ điện tử dựa trên 3 yếu tố: dịch vụ công trực tuyến, cơ sở hạ tầng viễn thông và nguồn nhân lực. Trong chỉ số này, Việt Nam được thế giới đánh giá cao về các dịch vụ công trực tuyến.

Bảng sau liệt kê xếp hạng về Chính phủ điện tử của Việt Nam và các nước Đông Nam Á từ năm 2003 đến 2012.

TT	Tên nước	Năm		2012		2010		2008		2005		2003	
		Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng
1	Xin-ga-po	0,8474	10	0,7476	11	0,7009	23	0,8503	7	0,746	12		
2	Ma-lai-xi-a	0,6703	40	0,6101	32	0,6063	34	0,5706	43	0,524	43		
3	Bru-nây	0,6250	54	0,4796	68	0,4667	87	0,4475	73	0,459	55		
4	Việt Nam	0,5217	83	0,4454	90	0,4558	91	0,3640	105	0,357	97		
5	Phi-líp-pin	0,5130	88	0,4637	78	0,5001	66	0,5721	41	0,574	33		
6	Thái Lan	0,5093	92	0,4653	76	0,5031	64	0,5518	46	0,446	56		
7	In-đô-nê-xi-a	0,4949	97	0,4026	109	0,4107	106	0,3819	96	0,422	71		
8	Lào	0,2935	153	0,2637	151	0,2383	156	0,2421	147	0,192	149		
9	Căm-pu-chia	0,2902	155	0,2878	140	0,2989	139	0,2989	128	0,264	134		
10	Mi-an-ma	0,2703	160	0,2818	141	0,2922	144	0,2959	129	0,280	126		
11	Đông Ti-mo	0,2365	170	0,2273	162	0,2462	155	0,2512	144	0,087	169		
Bình quân khu vực châu Á		0,4992		0,4424		0,4290		0,4388		-			
Bình quân thế giới		0,4882		0,4406		0,4514		0,4267		-			
Tổng số nước đánh giá		190		183		192		191		173			

Ghi chú: “-” Không có số liệu

2.3. Rankings on E-government development

In the E-Government Survey biannually released by the United Nations (UN), E-Government in Viet Nam is evaluated fairly good and has a remarkable advance in both its index value and rank. Over the 10 years, the ranking of E-government of Viet Nam has increased by 14 positions from ranking 97 in 2003 to 83 out of 150 countries throughout the world and hold the 4th position in the Southeast Asia in 2012. UN evaluates this index based on 3 components: online services, telecommunications infrastructure and human capital. In this index, Viet Nam is rated prominently in public online services.

The table below lists the ranks on E-government of Viet Nam and the Southeast Asian countries from 2003 to 2012.

No.	Country	2012		2010		2008		2005		2003	
		Score	Rank	Score	Rank	Score	Rank	Score	Rank	Score	Rank
1	Singapore	0.8474	10	0.7476	11	0.7009	23	0.8503	7	0.746	12
2	Malaysia	0.6703	40	0.6101	32	0.6063	34	0.5706	43	0.524	43
3	Brunei	0.6250	54	0.4796	68	0.4667	87	0.4475	73	0.459	55
4	Viet Nam	0.5217	83	0.4454	90	0.4558	91	0.3640	105	0.357	97
5	Philippines	0.5130	88	0.4637	78	0.5001	66	0.5721	41	0.574	33
6	Thailand	0.5093	92	0.4653	76	0.5031	64	0.5518	46	0.446	56
7	Indonesia	0.4949	97	0.4026	109	0.4107	106	0.3819	96	0.422	71
8	Laos	0.2935	153	0.2637	151	0.2383	156	0.2421	147	0.192	149
9	Cambodia	0.2902	155	0.2878	140	0.2989	139	0.2989	128	0.264	134
10	Myanmar	0.2703	160	0.2818	141	0.2922	144	0.2959	129	0.280	126
11	East Timor	0.2365	170	0.2273	162	0.2462	155	0.2512	144	0.087	169
Asian average		0.4992		0.4424		0.4290		0.4388		-	
World average		0.4882		0.4406		0.4514		0.4267		-	
Total number of countries		190		183		192		191		173	

Note: “-” No data

2.4. Xếp hạng về nguồn nhân lực CNTT-TT

Theo xếp hạng về Chỉ số kỹ năng, nguồn nhân lực CNTT-TT được ITU đánh giá trong Báo cáo đánh giá về xã hội thông tin, thứ hạng của Việt Nam cũng như nhiều nước có sự biến động trong những năm qua. Đến năm 2012, Việt Nam đứng ở dưới mức trung bình trong khu vực Đông Nam Á. Chỉ số này đánh giá nguồn nhân lực của một quốc gia dựa trên các yếu tố như: tỷ lệ biết chữ, tỷ lệ học trung học và tỷ lệ học đại học.

Bảng sau liệt kê xếp hạng về nguồn nhân lực CNTT-TT của Việt Nam và các nước Đông Nam Á từ năm 2002 đến 2012.

TT	Tên nước	Năm		2012		2010		2008		2007		2002	
		Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng
1	Thái Lan	7,34	62	7,32	64	7,74	52	7,65	50	6,83	67		
2	Xin-ga-po	7,08	71	7,08	71	7,07	71	7,07	66	7,02	56		
3	Bru-nây	7,08	72	7,08	72	6,91	78	6,87	73	6,50	71		
4	Phi-líp-pin	6,96	77	6,96	78	6,72	83	6,94	71	6,91	63		
5	Ma-lai-xi-a	6,69	90	6,69	90	6,19	98	6,15	96	6,07	86		
6	In-đô-nê-xi-a	6,41	100	6,41	100	6,33	95	5,76	101	5,36	102		
7	Việt Nam	6,40	101	6,40	101	5,85	105	5,76	102	5,73	95		
8	Mi-an-ma	5,24	111	5,24	111	5,05	112	4,90	110	4,62	108		
9	Căm-pu-chia	4,38	120	4,38	120	4,28	121	4,00	123	3,15	131		
10	Lào	4,35	121	4,35	121	4,33	120	4,14	121	3,66	122		
11	Đông Ti-mo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
Tổng số nước đánh giá		161		152		159		154		154			

Ghi chú: “-” Chưa xếp hạng

Trong Báo cáo toàn cầu về CNTT, Diễn đàn Kinh tế Thế giới cũng có đánh giá xếp hạng về một số chỉ tiêu về kỹ năng như: chất lượng giáo dục, chất lượng đào tạo môn Toán và các môn khoa học, tỷ lệ sinh viên học phổ thông và tỷ lệ dân số biết đọc, biết viết. Việt Nam tiếp tục tăng thứ hạng ở tất cả các chỉ số trong đó, đáng chú ý chất lượng đào tạo môn Toán và các môn khoa học tại Việt Nam được thế giới đánh giá cao với thứ hạng 58/144 (năm 2013).

Bảng sau liệt kê xếp hạng về chỉ tiêu kỹ năng của Việt Nam từ năm 2005 đến năm 2013.

Chỉ số	Xếp hạng 2013	Xếp hạng 2012	Xếp hạng 2011	Xếp hạng 2005
Chất lượng hệ thống giáo dục	72	69	60	85
Chất lượng đào tạo môn Toán và các môn khoa học	58	59	51	53
Tỷ lệ sinh viên học sau phổ thông	94	95	109	107
Tỷ lệ dân số biết đọc biết viết	71	74	73	115
Tổng số nước đánh giá	144	142	138	115

2.4. Rankings on ICT human resources

According to the ranking of the ICT Skills subindex by ITU in the report on Measuring the Information Society, Viet Nam's rankings demonstrated in the past years. In 2012, Viet Nam was ranked at the average level in this subindex among the Southeast Asian countries. This subindex evaluates ICT human resources of countries based on three factors such as: adult literacy rate, secondary gross enrolment ratio and tertiary gross enrolment ratio.

The table below lists the ranks on ICT human resources of Viet Nam and the Southeast Asian countries from 2002 to 2012.

No.	Country	2012		2010		2008		2007		2002	
		Score	Rank	Score	Rank	Score	Rank	Score	Rank	Score	Rank
1	Thailand	7.34	62	7.32	64	7.74	52	7.65	50	6.83	67
2	Singapore	7.08	71	7.08	71	7.07	71	7.07	66	7.02	56
3	Brunei	7.08	72	7.08	72	6.91	78	6.87	73	6.50	71
4	Philippines	6.96	77	6.96	78	6.72	83	6.94	71	6.91	63
5	Malaysia	6.69	90	6.69	90	6.19	98	6.15	96	6.07	86
6	Indonesia	6.41	100	6.41	100	6.33	95	5.76	101	5.36	102
7	Viet Nam	6.40	101	6.40	101	5.85	105	5.76	102	5.73	95
8	Myanmar	5.24	111	5.24	111	5.05	112	4.90	110	4.62	108
9	Cambodia	4.38	120	4.38	120	4.28	121	4.00	123	3.15	131
10	Laos	4.35	121	4.35	121	4.33	120	4.14	121	3.66	122
11	East Timor	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Total number of countries		161		152		159		154		154	

Note: “-” Not ranked

In the Global IT Report, WEF makes evaluations based on some skills - related indicators such as: quality of education system, quality of math and science education, secondary education gross enrolment rate and adult literacy rate. Viet Nam has shown a growth in all indicators rankings. Most notably, the quality of maths and science education in Viet Nam was appreciated with the 58th position among 144 countries in 2013.

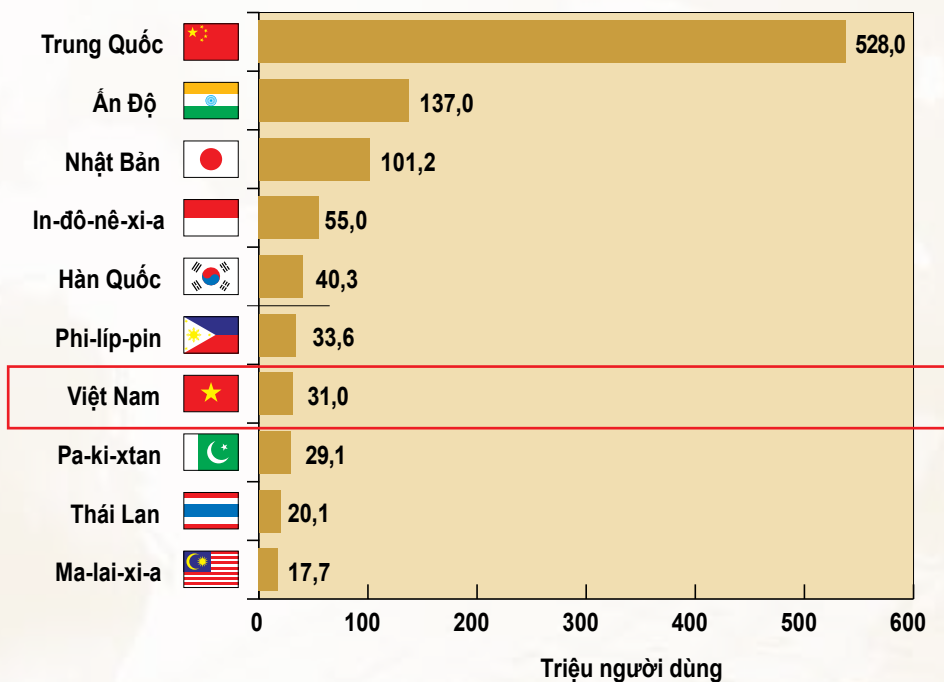
The table below lists the ranks on ICT Skills indicators of Viet Nam from 2005 to 2013.

Indicators	Rank in 2013	Rank in 2012	Rank in 2011	Rank in 2005
Quality of education system	72	69	60	85
Quality of math and science education	58	59	51	53
Secondary education gross enrolment rate	94	95	109	107
Adult literacy rate	71	74	73	115
Total number of countries	144	142	138	115

2.5. Xếp hạng về phát triển Internet

Việt Nam luôn được thế giới đánh giá là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng số người dùng Internet nhanh nhất hàng năm. Trong 5 năm trở lại đây, theo thống kê về Internet thế giới tại trang web www.internetworldstats.com, Việt Nam luôn nằm trong top 10 nước châu Á và hiện đang đứng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á về số người sử dụng Internet với 31 triệu người tính đến 30/6/2012.

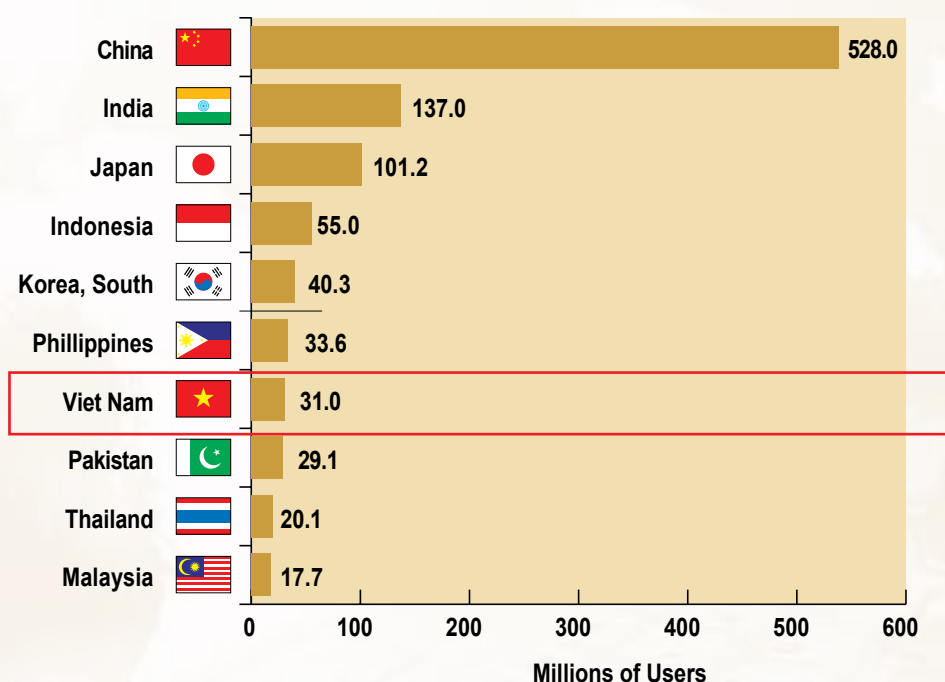
Top 10 nước châu Á dẫn đầu về người dùng Internet (tính đến 30/6/2012)



2.5. Rankings on Internet development

Viet Nam has been appreciated as one of the nations which have the fastest growth rates of the Internet users annually. In the past 5 years, according to the Internet statistics at website www.internetworldstats.com, Viet Nam always stood within the top 10 countries in the Asian region and currently ranked 3rd in the Southeast Asia in terms of the number of Internet users with 31 million people until June 30th, 2012

Asia Top Internet Countries June 30, 2012



http://www.





NHỮNG NỘI DUNG NỔI BẬT TRONG NĂM 2012

Special Themes in 2012



1. NGÀNH THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 4 (KHÓA XI) VỀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THÔNG TIN

Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Nghị quyết đã xác định hạ tầng thông tin là một trong 10 hạ tầng kinh tế - xã hội chủ lực, và coi thúc đẩy phát triển và ứng dụng CNTT-TT là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong lộ trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong từng ngành, từng lĩnh vực, với các định hướng như sau:

1. Phát triển mạnh hệ thống kết nối đa dạng với quốc tế, hình thành siêu xa lộ thông tin trong nước và liên kết quốc tế; tăng cường quản lý thông tin trên mạng Internet, các mạng xã hội và blog cá nhân. Tiếp tục phát triển vệ tinh viễn thông, đưa vệ tinh VINASAT-2 vào hoạt động trước năm 2015; xây dựng khu CNTT trọng điểm quốc gia.

2. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về công dân, đất đai, nhà ở, doanh nghiệp, làm cơ sở cho việc ứng dụng CNTT quản lý các nguồn lực phát triển đất nước. Đẩy nhanh tiến trình thực hiện thẻ công dân điện tử, Chính phủ điện tử và cam kết ASEAN điện tử.

3. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào quản lý, khai thác, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội vào toàn bộ nền kinh tế. Phát triển mạnh công nghiệp CNTT, thúc đẩy ngành công nghiệp phần mềm phát triển nhanh, bền vững.

4. Nâng cao năng lực làm chủ công nghệ và hiệu lực, hiệu quả quản lý hệ thống hạ tầng thông tin, nội dung thông tin phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước; đáp ứng yêu cầu cung cấp, trao đổi thông tin của xã hội, thúc đẩy phát triển

kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, chủ quyền quốc gia về không gian mạng.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 08/6/2012, Chính phủ đã phê duyệt Nghị quyết số 16/NQ-CP ban hành Chương trình hành động thực hiện nghị quyết số 13-NQ/TW. Tiếp đó, ngày 19/7/2012, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Quyết định số 1293/QĐ-BTTTT phê duyệt Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW (phần hạ tầng thông tin).

Để tổ chức phát triển hạ tầng thông tin, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 13-NQ/TW, Bộ Thông tin và Truyền thông đang tập trung xây dựng và triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp chính gồm:

- Thứ nhất, tích cực triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển hạ tầng thông tin theo Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW; đôn đốc xây dựng và triển khai các nhiệm vụ, giải pháp, dự án, đề án đảm bảo đúng trọng tâm, trọng điểm, kết hợp triển khai đồng bộ với các chiến lược, chương trình, kế hoạch về CNTT-TT đã được phê duyệt, đặc biệt là các nội dung của Đề án đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về CNTT-TT.

- Thứ hai, nghiên cứu, đề xuất các giải pháp đặc thù, mang tính đột phá để: đẩy mạnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực CNTT-TT đồng đảo, đạt trình độ quốc tế; nâng cao năng lực nghiên cứu phát triển, khả năng làm chủ công nghệ nguồn, sản xuất được các sản phẩm lõi, sản phẩm trọng điểm về công nghệ thông tin; xây dựng được các doanh nghiệp,

1. IMPLEMENTATION OF THE RESOLUTION OF CENTRAL COMMITTEE XI OF THE PARTY ON DEVELOPMENT OF INFORMATION INFRASTRUCTURE

On January 16th, 2012, The Central Committee XI of the Communist Party of Viet Nam issued the Resolution No.13-NQ/TW on building a harmonized infrastructure system in order to bring Viet Nam to a basically industrialized and modernized country by 2020. In the Resolution, the information infrastructure is defined as one of 10 key social economic infrastructure systems and boosting the ICT development and application is considered the top-priority task of information infrastructure in each sector, field for the sake of the industrialization and modernization of Viet Nam with the following orientations:

1. Strongly develop a system connected diversely with international networks, form domestic information superhighway and international links; enhance the management of information on the Internet, social networking sites and personal blogs. Continuously develop telecommunication satellites, put the satellite VINASAT-2 into operation before 2015 and build national key information technology parks.

2. Build national databases on citizens, land, houses, businesses to facilitate the information technology application in resources management for the development of the country. Accelerate the implementation of citizen electronic cards, e-Government and e-ASEAN commitments.

3. Promote the information technology application in management, use and operation of the socio- economic infrastructure systems into the economy as a whole. Intensely develop the IT industry, promote fast and sustainably the development of the software industry.

4. Improve the capability of mastering technology and effectiveness and efficiency in managing IT

systems, information to serve the leadership, direction and administration of the Party, the State to meet the requirement of society for information exchange and provision, promote socio- economic development, ensure the national defense and security, information security and national cyberspace sovereignty.

On June 08th, 2012, the Government approved Resolution No.16/NQ-CP promulgating the action program to implement Resolution No.13-NQ/TW. Together with this activity, on July 19th, 2012, the Ministry of Information and Communications promulgated Decision No.1293/QD-BTTTT approving the action program to implement Resolution No.13-NQ/TW.

To develop the information infrastructure for the success of Resolution No.13-NQ/TW, the Ministry of Information and Communications has been building and conducting some main tasks and solutions to implement Resolution No.13-NQ/TW as follows:

- First, actively conduct tasks, solutions on information infrastructure development according to the action program of the Government and the action program of the Ministry of Information and Communications to implement Resolution No.13-NQ/TW; Urge to conduct these tasks, solutions, projects, schemes in focus should also be harmonized with approved strategies, programs and plans on information technology and communication, especially the contents of the National Plan on Transforming Viet Nam into an advanced ICT country;

- Second, research and propose specific solutions with breakthroughs in order to: push up the training and development of abundant internationally qualified ICT human resources; improve the research

tập đoàn công nghệ thông tin Việt Nam mạnh, nhằm nâng cao năng lực làm chủ về công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn thông tin, giữ vững chủ quyền quốc gia về không gian mạng và tài nguyên số.

- Thứ ba, nghiên cứu, đề xuất các cơ chế mạnh về tài chính và đầu tư nhằm huy động tối đa, hiệu quả các nguồn lực, từ ngân sách Trung ương, địa phương, từ các doanh nghiệp, xã hội, từ trong nước và ngoài nước để đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng thông tin, đảm bảo xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ của nước ta.

- Thứ tư, đẩy mạnh thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thiện thể chế, kiện toàn bộ máy chỉ đạo, tham mưu, tư vấn cho Đảng, Nhà nước, Chính phủ về CNTT-TT, nhằm phát huy sức mạnh tổng thể của

lực lượng CNTT-TT trên cả nước; hoàn thiện môi trường pháp lý, ban hành các cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật rõ ràng, minh bạch trong lĩnh vực CNTT-TT để phát huy nội lực, thúc đẩy cạnh tranh, tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế cùng tham gia đầu tư phát triển.

Với chỉ đạo sát sao của Chính phủ, sự phối hợp và tham gia của các Bộ, ngành và địa phương nhằm phát triển hạ tầng thông tin theo tinh thần Nghị quyết số 13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI, CNTT-TT đã từng bước thực sự trở thành một nền tảng hạ tầng để phát triển kinh tế đất nước, góp phần quan trọng thực hiện thành công ba đột phá chiến lược mà Đảng đã đề ra.

2. INTERNET VIỆT NAM - 15 NĂM HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 2012 là mốc đánh dấu năm thứ 15 kể từ ngày đầu tiên Việt Nam chính thức kết nối vào mạng Internet toàn cầu. Trải qua nhiều khó khăn, thách thức, Internet Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ, đạt nhiều thành tựu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống của người dân. So với các lĩnh vực, ngành khác trong xã hội, 15 năm là bước khởi đầu, chuẩn bị nền tảng cho tương lai, tuy nhiên đối với Internet Việt Nam, quá trình phát triển kể từ năm 1997 đến nay đã đánh dấu, thể hiện tính mạnh mẽ cả về tư duy đổi mới lẫn tầm chiến lược của Chính phủ đối với vai trò của Internet, về sự nỗ lực không ngừng của các doanh nghiệp và việc ủng hộ, tham gia tích cực, toàn diện của người dân vào nền khoa học công nghệ hiện đại của thế giới.

Quá trình Internet vào Việt Nam bắt đầu từ năm 1992, khi đó Viện Công nghệ thông tin thuộc Viện Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia (nay là Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam) đã sớm sử dụng Internet như một thuê bao xa của Úc.

Năm 1994, Thủ tướng Thụy Điển và Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt đã trao đổi thư điện tử qua kết nối này. Dấu ấn đặc biệt là tại Hội nghị Trung ương 2 khoá VIII bàn về khoa học - công nghệ, giáo dục và đào tạo, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã đồng ý về nguyên tắc với báo cáo của Ban cán sự đảng Tổng cục Bưu điện tại Hội nghị: cho mở Internet tại Việt Nam. Ngay sau đó, Chính phủ ban hành Nghị định số 21/CP ngày 05/3/1997 về "Quy chế tạm thời về quản lý, thiết lập, sử dụng mạng Internet ở Việt Nam" với phương châm "quản lý đến đâu phát triển tới đó", tạo lập cơ sở pháp lý ban đầu cho các hoạt động Internet tại Việt Nam.

Với sự chuẩn bị tích cực, ngày 19/11/1997 tại trụ sở Tổng cục Bưu điện, 18 Nguyễn Du, Hà Nội (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông), Lễ kết nối Internet toàn cầu đã được long trọng tổ chức. Từ đó đến nay, để theo kịp sự phát triển, rất nhiều các chính sách lớn đã được ban hành và thay đổi cho phù hợp, như Nghị định số 55/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet, sau đó

and development capacity, master source technology, produce the core products and key products on ICT; build ICT strong Vietnamese enterprises and corporations to improve the ability of mastering ICT together with ensuring information security, national sovereignty in cyberspace and digital resources.

- Third, research, propose intensive mechanisms on financing and investment in order to mobilize the maximum resources from central to local agencies, from businesses and society, from the domestic and foreign investors in constructing and developing the information infrastructure for the sake of building a harmonized infrastructure system of Viet Nam;

- Finally, enhance the implementation of solutions to consolidate the institutional structure, the apparatus in conselling and advising to the

Party, State and Government on ICT, to bring into full play of ICT forces across the country; perfecting the legal environment, issue clear and transparent mechanisms and policies, legal documents in the field of ICT to develop internal resources, boost the competition and facilitate the investment and development of all economic sectors.

With the close direction of the Government and the cooperation and participation of ministries and provinces in order to develop the information infrastructure according to Resolution 13-NQ/TW of the Central Committee XI of the Communist Party, the ICT of Viet Nam is gradually becoming a base infrastructure for the economic development of the country to operationalize successfully three strategic breakthroughs set by the Party.

2. INTERNET IN VIET NAM - 15 YEARS OF INTEGRATION AND DEVELOPMENT

The year 2012 marked the 15th year of Viet Nam's official connection to the global Internet network. Despite many difficulties and challenges, the Internet in Viet Nam has made a strong growth with great achievements, contributed to boost the socio-economic development and enhanced people's living standards. Compared to other areas and sectors of the society, 15 years was the first step of preparing the foundation for the future. However its development since 1997 has marked and shown an advance in both innovative thinking and the strategic vision of the Government on the role of Internet, ongoing efforts of businesses, and the support and active participation of the people in the modern science and technology of the world.

The Internet entered Viet Nam in 1992, when the Institute of Information Technology under the National Natural Science and Technology Academy (now Viet Nam Academy of Science and Technology) hired the Internet as an Australian long distance telecommunication service. In 1994, the Prime

Minister of Sweden exchanged e-mails with the Prime Minister of Viet Nam, Mr. Vo Van Kiet through this connection. Especially, at the 02nd Central Conference on science and technology, education and training, the Party Central Committee VIII agreed on principles to the proposal report of the Party Committee of the Department General of Posts and Telecommunications (DGPT) at the meeting to open Internet in Viet Nam. Shortly afterwards, the Government issued the Decree No.21/CP dated May 03rd, 1997 on "Temporary rules on management, establishment and use of Viet Nam Internet network" with the motto "Development together with management", establishing the initial legal basis for activities on the Internet in Viet Nam.

With an active preparation, on November 19th, 1997, at the head office of DGPT located at 18 Nguyen Du Street, Ha Noi (now the Ministry of Information and Communications), the Global Internet Connection Ceremony was solemnly held. Since then, in order to keep pace with development, many

là Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet, và mới đây nhất là Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. Các chính sách này đã góp phần giúp cho Internet Việt Nam phát triển nhanh, theo kịp thế giới như ngày hôm nay.

Internet là xu hướng phát triển của thế giới hiện đại, là phương thức trao đổi thông tin nhanh chóng, tạo ra sự phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, của xã hội. Sự phát triển của mạng Internet đã mang lại rất nhiều lợi ích to lớn cho nền kinh tế của mỗi quốc gia nói riêng và của toàn thế giới nói chung. Trong thời gian qua, khi nền kinh tế thế giới suy thoái càng minh chứng rõ hơn vai trò của Internet trong việc giúp các doanh nghiệp cắt giảm chi phí, tiếp cận với khách hàng nhanh chóng và vươn lên thoát khỏi cuộc khủng hoảng, tiếp tục tồn tại và phát triển.

Tại lễ kỷ niệm 10 năm Internet Việt Nam diễn ra trong năm 2007, Internet đã được đánh giá là đang phát triển đúng theo quỹ đạo định hướng của Đảng và Nhà nước và đi vào cuộc sống của từng người dân, vào công việc của hầu hết các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam. Internet đã trở thành một phần không thể thiếu và đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc xây dựng Chính phủ điện tử, thương mại điện tử và đặc biệt là xã hội thông tin và kinh tế tri thức.

Trải qua nhiều năm kể từ mốc lịch sử đó, Internet Việt Nam vẫn tiếp tục phát triển mạnh mẽ, sâu rộng hơn. Hình thức truy nhập Internet gián tiếp truyền thống bằng quay số trước đây đã được thay thế hoàn toàn bởi Internet băng rộng với các công nghệ tiên tiến như công nghệ cáp quang (FTTx), băng rộng vô tuyến (3G), vệ tinh VINASAT-1, VINASAT-2, nhằm phục vụ nhu cầu giao tiếp ngày càng tăng, phát triển các ứng dụng băng thông rộng mới như mua bán trên mạng, đào tạo trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa, hội thảo trực tuyến, thư viện điện tử,... đã góp phần phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội và làm thay đổi cách thức giao tiếp, làm việc và sinh hoạt của người dân. Cơ sở hạ tầng viễn thông, Internet Việt

Nam đã và đang ngày càng hoàn thiện, phát triển hiện đại, đa hướng kết nối trong nước và quốc tế, đa loại hình truy nhập Internet với tốc độ cao, vùng phủ sóng rộng đến vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Tính đến hết năm 2012, trên toàn mạng Internet Việt Nam đã có khoảng 31,3 triệu người sử dụng Internet (tăng 15 lần so với thời điểm năm 2000), chiếm tỉ lệ 35,26% dân số, trong đó số lượng thuê bao Internet băng rộng cố định đạt gần 4,8 triệu thuê bao. Việt Nam đứng thứ 18/20 quốc gia có số lượng người sử dụng Internet lớn nhất trên thế giới, đứng thứ 8 trong khu vực châu Á và đứng vị trí thứ 3 ở khu vực Đông Nam Á.

Có thể nói, giai đoạn 05 năm từ 2007-2012 trong hành trình 15 năm phát triển Internet Việt Nam là giai đoạn của sự bùng nổ các loại hình ứng dụng và nội dung thông tin trên Internet, phục vụ tích cực cho sự phát triển nền kinh tế, văn hóa - xã hội của đất nước. Các dịch vụ và ứng dụng của Việt Nam từng bước đã cạnh tranh được với dịch vụ và ứng dụng nước ngoài, đáp ứng gần như đầy đủ các nhu cầu của người sử dụng Internet tại Việt Nam.

Tuy vậy, sự phát triển của Internet theo chiều rộng một mặt thúc đẩy sự phát triển của xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, mặt khác lại làm cho sự lệ thuộc của người sử dụng vào Internet ngày càng lớn, đồng thời nảy sinh các nguy cơ và thách thức mới đối với mặt trái của Internet về quản lý nội dung thông tin, đảm bảo an toàn và an ninh thông tin trên Internet. Ý thức được tầm quan trọng của Internet và đứng trước yêu cầu phát triển của đất nước, thời gian qua, Chính phủ đã và đang tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện chính sách thúc đẩy phát triển Internet nhằm tăng cường hơn nữa các biện pháp quản lý nội dung thông tin trên mạng, quản lý hiệu quả tài nguyên Internet, đảm bảo an toàn an ninh thông tin, hướng tới một môi trường Internet lành mạnh, an toàn, thúc đẩy sự phát triển bền vững, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đây sẽ là một động lực tinh thần để tiếp tục một giai đoạn mới của sự phát triển xã hội thông tin và kinh tế tri thức tại Việt Nam./.

of the major policies have been enacted and changed accordingly, such as the Decree No.55/2001/ND-CP dated August 03rd, 2001 on management, provision and use of Internet services, and then the Decree No. 97/2008/ND-CP dated August 28th, 2008 on the management, provision and use of Internet services and electronic information on the Internet, and the latest Decree No. 72/2013/ND-CP dated July 15th, 2013 on management, provision and use of the Internet service and online information. These policies have contributed to the rapid development of the Internet in Viet Nam to keep up with the world trends today.

The Internet is the development trend of the modern world, a method to exchange information quickly, creating sustainable development and improving the living standards of our people and society. The development of the Internet has brought many great benefits to the economy of each country and to the world in general. In the recent years, the economic recession has shown even more evidence of the role of the Internet in helping businesses cut costs, gain access to customers, and escape quickly from the crisis to survive and grow.

At the ceremony of 10 years anniversary of Internet Viet Nam that took place in 2007, the Internet was considered to be developing in the right direction set by the Party and State and penetrating into the lives of individuals, into the operation of most all agencies, organizations, businesses. It constitutes a driving force to promote socio-economic development in Viet Nam, has become an indispensable part of and played a very important role in the development of e-Government, e-commerce and especially the information society and knowledge economy.

Over the years from this above milestone, the Internet in Viet Nam has continued to develop in an extensive and intensive way. The traditional form of indirect Internet access via dial-up has been completely replaced with broadband Internet access based on advanced technologies such as fiber optic technologies (FTTx), wireless broadband (3G), VINASAT-1 and VINASAT-2 satellites, to serve the increasing needs for communication, and to develop new broadband applications such as online shopping, online training, remote healthcare, online seminars, e-library. These contributions have

been contributing to the overall economic and socio-cultural development as well as has changed the ways people communicate, work, and enjoy their lives. The telecommunications infrastructure of Internet in Viet Nam has become more complete, modern, multi-connected to both domestic and international destinations with a variety of types of high-speed Internet access, a wide area of coverage to remote areas, borders, islands, and difficult areas with limited economic and social conditions, ensuring national defense and security as well as improving people's living standards.

By the end of 2012, there are currently 31.3 million Internet users across Internet Viet Nam, which accounts for 35.26% of the population (an increase by more than 15 times compared to the year 2000). The number of Internet broadband subscribers reaches nearly 4.8 million. Viet Nam ranks 18th among 20 countries with the highest number of Internet users in the world, 8th in Asia, and 03rd in the Southeast Asia.

The five-years from 2007 to 2012 in the 15-year journey of Internet Viet Nam is the booming period of applications and information on the Internet, contributing to push up the economic and social development of the country. The services and applications of Viet Nam has gradually become able to compete with international ones, almost fully meeting the needs of Internet users in Viet Nam.

However, the development of the Internet in an extensive way, on the one hand, promotes the social development and improves people's living standards, but on the other hand stimulates the dependence of users and posed new risks and challenges resulted from its drawbacks on content management and information security on the Internet. Aware of the importance of the Internet and facing the requirements for the development of the country, the Government has been considering and improving policies on promoting Internet development, further strengthening the measures of information management on the Internet, efficient management of Internet resources, ensuring information security on the Internet towards building an effective and safe Internet environment and promoting the cultural and economic growth of the country. This will be a spiritual motivation for us to embark on a new phase of development of an information society and knowledge economy in Viet Nam./

3. GIỚI THIỆU ĐỀ ÁN SỐ HÓA TRUYỀN DẪN, PHÁT SÓNG TRUYỀN HÌNH MẶT ĐẤT ĐẾN NĂM 2020

Ngày 27/12/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 2451/QĐ-TTg phê duyệt Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020, trong đó xác định rõ mục tiêu, nguyên tắc, lộ trình và các giải pháp để số hóa hoàn toàn hệ thống truyền hình tương tự mặt đất tại Việt Nam.

Mục tiêu và lộ trình triển khai

Chuyển đổi hạ tầng truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất từ công nghệ tương tự sang công nghệ số (sau đây gọi là số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất) nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng số lượng kênh chương trình, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, nâng cao hiệu quả sử dụng tần số truyền hình và giải phóng một phần tài nguyên tần số để phát triển các dịch vụ thông tin vô tuyến băng rộng.

Mở rộng vùng phủ sóng truyền hình số mặt đất nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị, quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước, đảm bảo cung cấp các dịch vụ truyền hình đa dạng, phong phú, chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu và thu nhập của người dân.

Tạo điều kiện để tổ chức và sắp xếp lại các đài phát thanh, truyền hình trên phạm vi cả nước theo hướng chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa, đảm bảo hoạt động hiệu quả trên cơ sở phân định rõ hoạt động về nội dung thông tin với hoạt động về truyền dẫn, phát sóng.

Hình thành và phát triển thị trường truyền dẫn, phát sóng truyền hình số mặt đất nhằm thu hút các nguồn lực để phát triển hạ tầng kỹ thuật truyền hình, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở đảm bảo sự quản lý thống nhất, có hiệu quả của Nhà nước.

Theo đề án, lộ trình số hóa truyền hình tương tự mặt đất tại Việt Nam được chia thành 04 giai đoạn:

Giai đoạn I: Số hóa truyền hình mặt đất tại 05 thành phố trực thuộc Trung ương: Hà Nội (cũ), thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ dự kiến sẽ kết thúc việc phát các kênh truyền hình trên hạ tầng truyền dẫn, phát sóng truyền hình tương tự mặt đất và chuyển sang truyền hình số mặt đất trước ngày 31/12/2015.

Giai đoạn II: Số hóa truyền hình mặt đất tại 26 tỉnh: Hà Nội (mở rộng), Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Thái Bình, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Bắc Giang, Phú Thọ, Khánh Hòa, Bình Thuận, Ninh Thuận, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Hậu Giang dự kiến sẽ kết thúc việc phát các kênh truyền hình trên hạ tầng truyền dẫn, phát sóng truyền hình tương tự mặt đất và chuyển sang truyền hình số mặt đất trước ngày 31/12/2016.

Giai đoạn III: Số hóa truyền hình mặt đất tại 18 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Lâm Đồng, Bình Phước, Tây Ninh, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang, dự kiến sẽ kết thúc việc phát các kênh truyền hình trên hạ tầng truyền dẫn, phát sóng truyền hình tương tự mặt đất và chuyển sang truyền hình số mặt đất trước ngày 31/12/2018.

Giai đoạn IV: Số hóa truyền hình mặt đất tại các tỉnh còn lại: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Lạng Sơn, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông dự kiến sẽ kết thúc việc phát các kênh truyền hình trên hạ tầng truyền dẫn, phát sóng truyền hình tương tự mặt đất và chuyển sang truyền hình số mặt đất trước ngày 31/12/2020.

3. THE INTRODUCTION OF THE NATIONAL PLAN ON DIGITIZATION OF TERRESTRIAL TELEVISION BROADCASTING AND TRANSMISSION TO 2020

On December 27th, 2012, the Prime Minister issued the Decision No. 2451/QĐ-TTg approving the national plan on digitalization of terrestrial TV broadcasting and transmission to 2020. It is necessary to identify objectives, principles, itinerary and solutions to promote total digitalization of the system of analogue terrestrial TV broadcasting transmission in Viet Nam.

Objectives and itinerary:

To convert terrestrial TV broadcasting transmission infrastructure from the analogue technology to the digital technology (shortly called digitalization of the terrestrial TV broadcasting transmission) in order to raise the quality service, increase the number of program channels, diversify the forms of services, improve the efficiency of using radio frequency and liberate a part of frequency resources to develop broadband mobile services.

To expand the coverage of digital terrestrial TV in order to serve tasks on political, national defense and security issues of the Party and State as well as to ensure the diversity, variety and high-quality of TV services to meet the needs and incomes of people.

To facilitate to re-organize and re-arrange all TV and radio stations all over the country toward specializing to ensure effective activities on the basis of separating TV content activities and the TV broadcasting transmission activities.

To form and develop the market of transmission, broadcasting digital terrestrial TV to attract social resources to develop TV broadcasting and transmission infrastructure. To serve the development of economy and society on the basis of the State's uniform and efficient management.

According to the plan, the itinerary of digitizing analogue terrestrial TV in Viet Nam is divided into four periods:

Period I: Digitize terrestrial TV broadcasting and transmission at 05 central cities: Ha Noi (before being expanded), Ho Chi Minh City, Hai Phong, Da Nang, Can Tho. Tentatively, broadcasting TV channels via analogue terrestrial TV infrastructure will be ceased and converted to broadcasting via digital terrestrial TV infrastructure before December 31st, 2015.

Period II: Digitize terrestrial TV broadcasting and transmission at 26 provinces: Ha Noi (expanded areas), Vinh Phuc, Bac Ninh, Hai Duong, Hung Yen, Quang Ninh, Thai Nguyen, Thai Binh, Ha Nam, Nam Dinh, Ninh Binh, Bac Giang, Phu Tho, Khanh Hoa, Binh Thuan, Ninh Thuan, Binh Duong, Dong Nai, Ba Ria - Vung Tau, Long An, Tien Giang, Ben Tre, Vinh Long, Dong Thap, An Giang, Hau Giang. Tentatively, broadcasting TV channels via analogue terrestrial TV infrastructure will be ceased and converted to broadcasting via digital terrestrial TV infrastructure before December 31st, 2016.

Period III: Digitize terrestrial TV broadcasting transmission at 18 provinces: Thanh Hoa, Nghe An, Ha Tinh, Quang Binh, Quang Tri, Thua Thien - Hue, Quang Nam, Quang Ngai, Binh Dinh, Phu Yen, Lam Dong, Binh Phuoc, Tay Ninh, Tra Vinh, Soc Trang, Bac Lieu, Ca Mau, Kien Giang. Tentatively, broadcasting TV channels via analogue terrestrial TV infrastructure will be ceased and converted to broadcasting via digital terrestrial TV infrastructure before December 31st, 2018.

Period IV: Digitize terrestrial TV broadcasting transmission at the remaining provinces: Ha Giang, Cao Bang, Bac Kan, Tuyen Quang, Lao Cai, Yen Bai, Lang Son, Dien Bien, Lai Chau, Son La, Hoa Binh, Kom Tum, Gia Lai, Dak Lak, Dak Nong. Tentatively, broadcasting TV channels via analogue terrestrial TV infrastructure will be ceased and converted to broadcasting via digital terrestrial TV infrastructure before December 31st, 2020.

Các giải pháp thực hiện

Nhóm giải pháp về thông tin, tuyên truyền: Xây dựng các chuyên trang, chuyên đề, phóng sự, bài viết trên các phương tiện thông tin đại chúng; phát tờ rơi; quảng cáo trên bảng, biển hiệu, pa-nô, băng-rôn, màn hình nơi công cộng, phương tiện giao thông về kế hoạch số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất.

Nhóm giải pháp về thị trường và dịch vụ: Đẩy nhanh việc cấp phép cho các doanh nghiệp đủ điều kiện thiết lập hạ tầng truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất theo quy định của Luật Viễn thông, Luật Tần số vô tuyến điện và Quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình để hình thành thị trường truyền dẫn, phát sóng truyền hình số mặt đất với quy mô tối đa 03 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên phạm vi toàn quốc và 05 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên phạm vi vùng theo nguyên tắc các mạng truyền dẫn, phát sóng truyền hình vùng không phủ sóng trùng hoặc chồng lấn nhau về địa lý nhằm tránh đầu tư lãng phí và đảm bảo khai thác hiệu quả hạ tầng kỹ thuật.

Nhóm giải pháp về tổ chức bộ máy và đào tạo nguồn nhân lực: Từng bước sắp xếp lại bộ phận truyền dẫn, phát sóng của các đài phát thanh - truyền hình địa phương theo lộ trình số hóa với các nội dung sau: Về nhân lực bộ phận truyền dẫn, phát sóng, từng bước thực hiện tinh giảm biên chế và đào tạo lại cán bộ phù hợp với lộ trình số hóa để có thể đáp ứng yêu cầu tổ chức lại bộ máy của đài theo hướng tập trung vào nhiệm vụ sản xuất nội dung chương trình sau khi kết thúc truyền hình tương tự tại địa phương; Về cơ sở hạ tầng truyền dẫn, phát sóng, trong giai đoạn phát sóng song truyền hình tương tự và số mặt đất trên địa bàn, chỉ cho phép đầu tư để nâng cấp, sửa chữa, bảo dưỡng đối với các máy phát tương tự hiện có.

Nhóm giải pháp về công nghệ và tiêu chuẩn: Xây dựng, ban hành và áp dụng thống nhất tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật truyền hình số mặt đất DVB-T và các phiên bản tiếp theo đối với các máy phát, máy thu truyền hình số, đầu thu truyền hình số; Tất cả các máy thu hình sản xuất và nhập khẩu vào Việt Nam phải tích hợp chức năng thu truyền hình số mặt đất tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh và âm thanh MPEG-4: đối với các máy thu hình có kích thước trên 32 inch áp dụng từ ngày 01/4/2014 và các máy thu hình có kích thước dưới 32 inch áp dụng từ ngày 01/4/2015.

Nhóm giải pháp về tài chính: Sử dụng kinh phí từ Quỹ dịch vụ viễn thông công ích theo kế hoạch số hóa truyền hình mặt đất nhằm: Hỗ trợ cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng truyền hình số mặt đất đầu tư triển khai các máy phát số để phát các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu tại vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; Hỗ trợ đầu thu truyền hình số cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình chính sách.

Hiện tại, Bộ Thông tin và Truyền thông đang tích cực triển khai các nội dung liên quan đến Đề án, như: Tổ chức hội nghị toàn quốc để triển khai Đề án; Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia gồm QCVN 63:2012/BTTTT về thiết bị thu truyền hình số mặt đất DVB-T2 và QCVN 64:2012/BTTTT về tín hiệu phát truyền hình kỹ thuật số DVB-T2; Ban hành Thông tư số 07/2013/TT-BTTTT quy định thời điểm tích hợp chức năng thu truyền hình số mặt đất đối với máy thu hình được sản xuất và nhập khẩu để sử dụng tại Việt Nam; Xây dựng và triển khai đề án thông tin, truyền thông về số hóa truyền hình mặt đất; Cấp phép cho nhà khai thác toàn quốc và khu vực; Thúc đẩy sản xuất đầu thu truyền hình số DVB-T2,... Với nhiều hoạt động triển khai tích cực, Bộ Thông tin và Truyền thông hy vọng sẽ thực hiện thành công các mục tiêu của Đề án./.

Solutions:

The solution group on informing and propagandizing: Elaborate thematic pages, special subjects, reportages, posts on mass media; Distribute leaflets; Advertise on boards, panels, banderols, public displays, means of transportation about the plan on digitization of terrestrial TV broadcasting and transmission to 2020.

The solution group on market and service: Promote licensing for businesses which have enough resources to establish terrestrial TV broadcasting and transmission infrastructure in conformity with the Law on Telecommunications, Law on Radio Frequencies and the Master Plan on Radio and TV broadcasting and transmission to 2020. Form the market of terrestrial TV digital broadcasting and transmission with the maximum of three TV service providers all over the country and five TV service providers in some areas toward the principles of the TV broadcasting areas which don't cover coincide or overlap geographically to avoid the wasteful investment and ensure the effective exploitation of technical infrastructure.

The solution group on organization and human resource training: Step by step re-arrange the divisions for transmission and broadcasting of the local radio and TV stations with the following solutions: (i) As for human resources for transmission and broadcasting: step by step Reduce the quota of the staff and retraining them suitable for the digital itinerary to meet the requirements of restructuring the stations which focuses on producing program contents after ceasing analogue TV transmission in provinces; (ii) As for transmission and broadcasting infrastructure: in the period of simultaneously broadcasting analogue and digital terrestrial TV in areas, only allowing investing to upgrade, fix and maintain the existing analogue TV generators.

The solution group on technology and standard: Build, promulgate and apply uniformly standards, technical regulations on TV DVB-T digital terrestrial and the next versions of the generators and receivers of digital TV; all TVs produced and imported into Viet Nam have to be integrated with the function of receiving standard digital terrestrial TV with MPEG-4 image and sound encoding: for all TVs with their screen size over 32 inches will be applied on April 01st, 2014 and all TVs with their screen size under 32 inches will be applied on 01st, 2015.

The solution group on finance: Use funds from Utility Public Telecommunication Service Fund according to the plan on digital terrestrial TV transmission in order to: Support digital terrestrial TV broadcasting transmission service providers to afford to digital generators to broadcast program channels for serving political tasks, informing and propagandizing in remote and difficult areas ; Support digital TV receivers for poor households and households which are supported by the government.

Currently, the Ministry of Information and Communications is actively implementing the contents related to the plan such as: Organizing national conferences to implement plan; Promulgating National Technical Regulations including NTR 63:2012/BTTTT for the DVB-T2 digital terrestrial TV receiving equipment and NTR 64:2012/BTTTT for the DVB-T2 digital TV broadcasting signals; Issuing the Circular No. 07/2013/TT-BTTTT to define points of time to integrate the function of receiving terrestrial digital TV with produced and imported receivers to be used in Viet Nam; Building and implement a scheme on informing and propagandizing about digital terrestrial TV; Licensing nationwide and regional operators; Promoting the production of DVB-T2 digital TV receivers and other activities. With these activities, the Ministry of Information and Communications hopes to finish the plan's targets successfully.



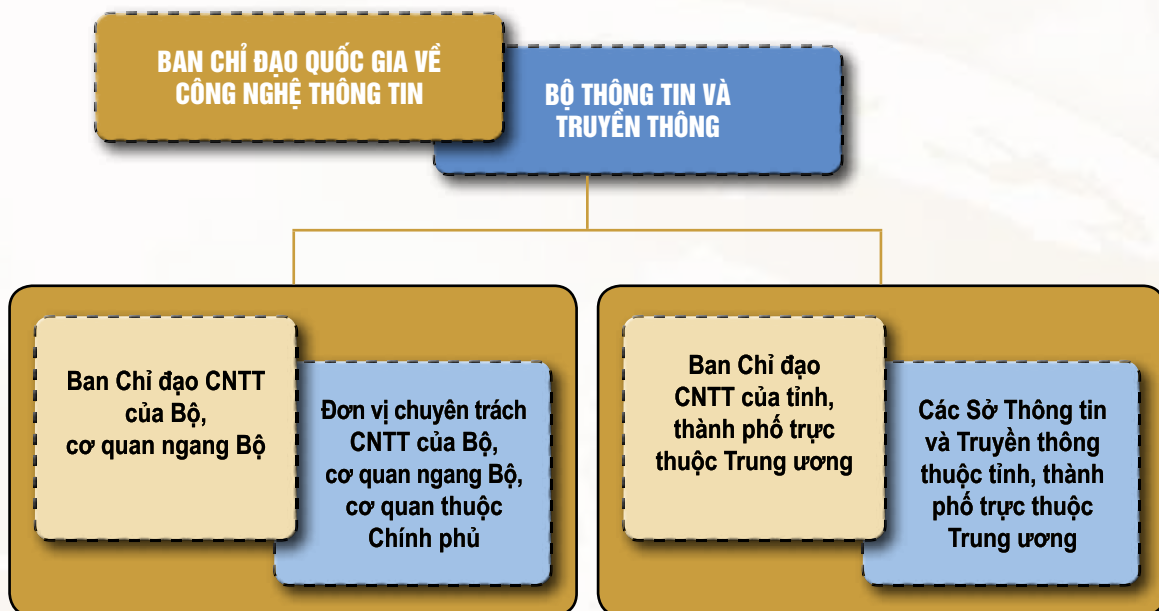


HỆ THỐNG TỔ CHỨC VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Administrative Organizations on ICT



1. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG QUỐC GIA

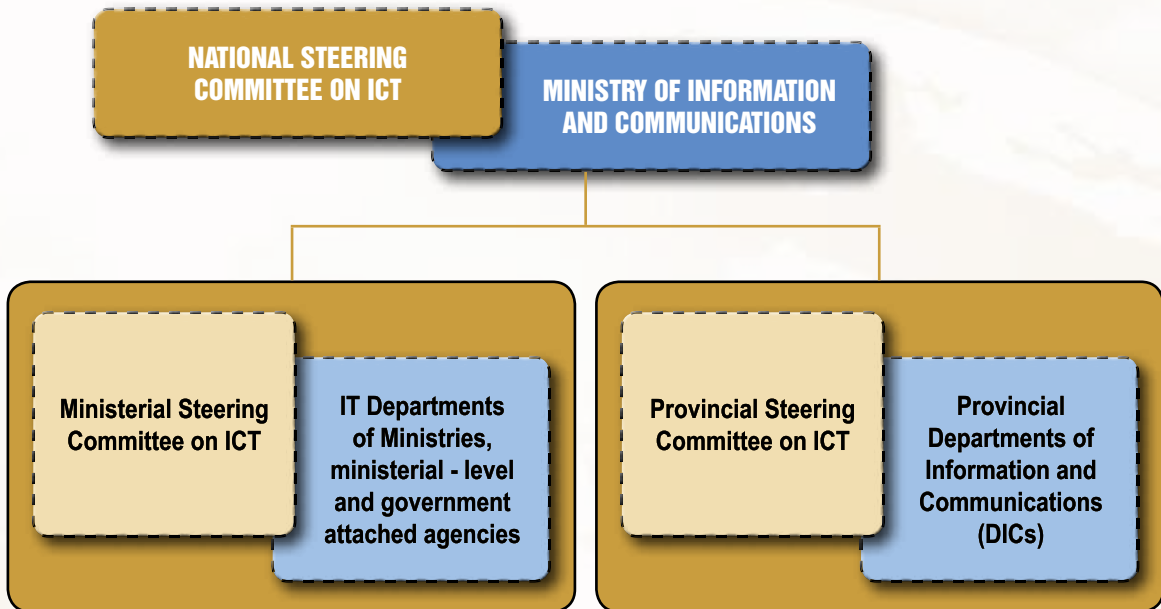


2. BAN CHỈ ĐẠO QUỐC GIA VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

2.1 Cơ cấu tổ chức

- Trưởng ban: Phó Thủ tướng Chính phủ: GS.TS Nguyễn Thiện Nhân
- Phó Trưởng ban thường trực: Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông: TS. Nguyễn Bắc Sơn
- Các Ủy viên:
 - + Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Ông Nguyễn Văn Trung
 - + Thứ trưởng Bộ Tài chính: Bà Nguyễn Thị Minh
 - + Thứ trưởng Bộ Nội vụ: Ông Văn Tất Thu
 - + Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ông Bùi Văn Ga
 - + Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông: Ông Nguyễn Minh Hồng
 - + Thứ trưởng Bộ Công Thương: Ông Nguyễn Nam Hải
 - + Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: Ông Chu Ngọc Anh
 - + Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: Ông Nguyễn Hữu Vũ
 - + Phó Chánh Văn phòng Văn phòng Trung ương Đảng: Ông Nguyễn Hữu Từ
 - + Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội: Ông Nguyễn Sĩ Dũng
- Văn phòng Ban Chỉ đạo (đặt tại Bộ Thông tin và Truyền thông).

1. GOVERNMENT ORGANIZATIONS ON ICT



2. THE NATIONAL STEERING COMMITTEE ON ICT (NSCICT)

2.1 Organizational structure

- Chairman: Deputy Prime Minister: Prof. Dr. Nguyen Thien Nhan
- Standing Vice Chairman: Minister of MIC: Dr. Nguyen Bac Son
- Members:
 - + Deputy Minister of Planning and Investment: Mr. Nguyen Van Trung
 - + Deputy Minister of Finance: Ms. Nguyen Thi Minh
 - + Deputy Minister of Home Affairs: Mr. Van Tat Thu
 - + Deputy Minister of Education and Training: Mr. Bui Van Ga
 - + Deputy Minister of Information and Communications: Mr. Nguyen Minh Hong
 - + Deputy Minister of Industry and Trade: Mr. Nguyen Nam Hai
 - + Deputy Minister of Science and Technology: Mr. Chu Ngoc Anh
 - + Vice Chairman of Government Office: Mr. Nguyen Huu Vu
 - + Deputy Chief of Central Party Office: Mr. Nguyen Huu Tu
 - + Vice Chairman of National Assembly Office: Mr. Nguyen Si Dung
- Office of NSCICT (at MIC).

2.2 Chức năng và nhiệm vụ

Ban Chỉ đạo Quốc gia về CNTT có các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 02 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Tham mưu cho Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ các chủ trương và giải pháp chiến lược thực hiện việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin;

2. Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều phối việc triển khai thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án trọng điểm, cơ chế chính sách về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của các Bộ, ngành, địa phương;

3. Hỗ trợ các Bộ, ngành, địa phương hướng dẫn, phổ biến và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, chiến lược, kế hoạch của Nhà nước về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin;

4. Kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tại các bộ, ngành, địa phương và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

3.1 Sơ đồ tổ chức



2.2 Functions and tasks

The National Steering Committee on ICT has the following duties and powers as prescribed in Article 3 of the Prime's Decision No. 343/QĐ-TTg dated April 02, 2008:

1. Conselling the Government and the Prime Minister on policies and strategic solutions to implement the application and IT development.

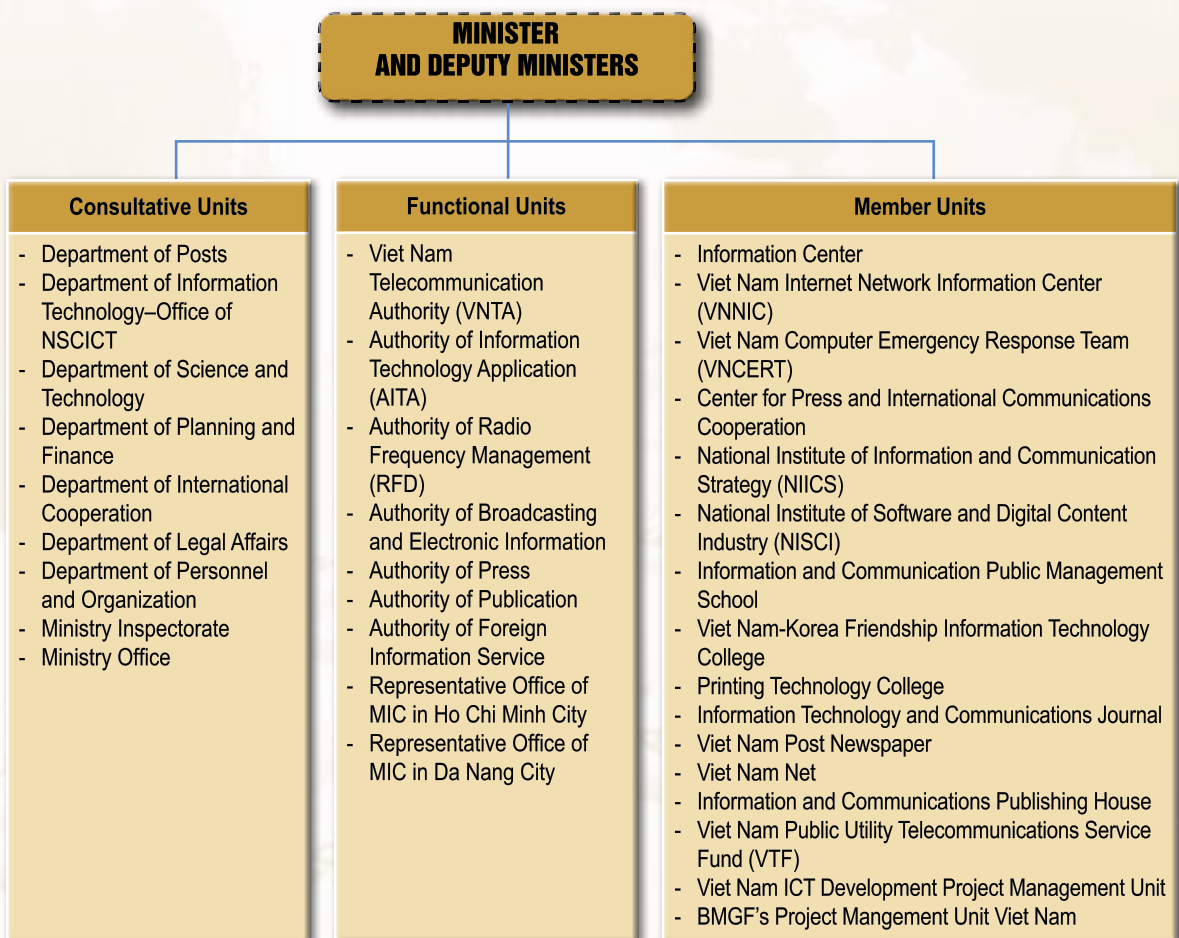
2. Assisting the Prime Minister to direct and coordinate the implementation of strategies, programs, plans, projects, policies and mechanisms on the application and IT development of Ministries, sectors and localities.

3. Supporting the Ministries, sectors and localities to guide, disseminate and implement guidelines, policies, strategies and plans of the State on the IT application and development.

4. Checking, supervising and evaluating the results of the application and development of IT in Ministries, sectors and localities and to periodically report to the Prime Minister.

3. THE MINISTRY OF INFORMATION AND COMMUNICATIONS (MIC)

3.1 Organizational structure



3.2 Chức năng và nhiệm vụ

Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về báo chí; xuất bản; bưu chính và chuyển phát; viễn thông và Internet; truyền dẫn phát sóng; tần số vô tuyến điện; công nghệ thông tin, điện tử; phát thanh và truyền hình và cơ sở hạ tầng thông tin truyền thông quốc gia; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ. Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25/12/2007 và Nghị định số 50/2011/NĐ-CP ngày 24/6/2011 của Chính phủ.

- Trình Chính phủ dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị quyết, nghị định của Chính phủ theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hàng năm của Bộ đã được phê duyệt và các dự án, đề án theo sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Trình Thủ tướng Chính phủ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, năm năm, hàng năm; chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hành động và các dự án, công trình quan trọng quốc gia thuộc ngành, lĩnh vực; các dự thảo quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

Về công nghệ thông tin, điện tử

- Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án về công nghệ thông tin, điện tử; cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp phần mềm, công nghiệp phần cứng, công nghiệp điện tử, công nghiệp nội dung; danh mục và quy chế khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia; quy chế quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách quản lý và các quy định liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, điện tử;

- Cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ và thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về công nghệ thông tin;

- Tổ chức thực hiện chức năng quản lý, điều phối các hoạt động ứng cứu sự cố máy tính trong toàn quốc.

Về viễn thông và Internet

- Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch quốc gia về phát triển viễn thông và Internet; cơ chế, chính sách quan trọng để phát triển viễn thông và Internet; quy định điều kiện đầu tư trong lĩnh vực viễn thông; quy định về bán lại dịch vụ viễn thông; chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Ban hành theo thẩm quyền quy hoạch, quy định quản lý kho số và tài nguyên Internet; các quy định về giá cước dịch vụ viễn thông, các quyết định phân bổ, thu hồi kho số và tài nguyên Internet;

- Cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ và thu hồi các loại giấy phép viễn thông theo quy định; Thực hiện quản lý kho số và tài nguyên Internet; thực hiện quản lý về chất lượng, giá, cước các dịch vụ viễn thông và Internet;

- Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch truyền dẫn phát sóng; quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Ban hành quy hoạch băng tần, quy hoạch kênh, quy định về điều kiện phân bổ, ấn định và sử dụng tần số vô tuyến điện, băng tần số vô tuyến điện;

- Ban hành các tiêu chuẩn về thiết bị truyền dẫn phát sóng, thiết bị vô tuyến điện, các tiêu chuẩn về phát xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ trường;

- Quy định về điều kiện kỹ thuật, điều kiện khai thác các loại thiết bị vô tuyến điện được sử dụng có điều kiện, quy định điều kiện kỹ thuật (tần số, công suất phát) cho các thiết bị vô tuyến điện trước khi sản xuất hoặc nhập khẩu để sử dụng tại Việt Nam.

3.2 Functions and tasks

The Ministry of Information and Communications (MIC) of the Socialist Republic of Viet Nam is the policy making and regulatory body in the fields of press, publishing, posts, telecommunications and Internet, transmission, radio frequency, information technology, electronics, broadcasting and national information infrastructure, management of related public services on behalf of the government. The functions and responsibilities of MIC are regulated in the Government's Decree No. 187/2007/ND-CP dated Dec 25, 2007 and the Government's Decree No. 50/2011/ND-CP dated Jun 24, 2011.

- MIC submits drafts of laws, ordinances, regulations, strategies and development plans on press, publishing, posts, telecommunications and information technology to the Government, National Assembly, National Assembly Standing Committee.

- MIC submits strategies, plannings, long-term development plans, annual national target programs, action programs and projects, national important works in the sector as well as raft decisions and directives to the Prime Minister.

- MIC also provides guidances to the enforcement of laws, ordinances, regulations as well as the implementation of development strategies and plans related to press, publishing, post, telecommunications and information technology.

Information Technology, Electronics

- Give guidance, assign, and organize implementation of projects in the fields of information technology, electronics, provide frameworks, policies, on supporting for the development of hardware, software and digital content industries Provide lists and regulations on national databases and on investment management

in the field of information technology application using the state budget which were approved by the Prime Minister;

- Issue policies, regulations on IT/Electronics goods and services;

- Grant, stop, revoke licenses in the fields of information technology;

- Perform management functions, coordinate computer emergency response activities nationwide.

Telecommunications and Internet

- Give guidance, implement national plans and strategies to develop telecommunications and Internet; important policies in order to develop telecommunications and Internet; regulate terms and conditions for investment in telecommunications and projects on telecommunications universal services;

- Regulate telecommunications and the Internet services' quality, price and fare;

- Regulate numbering resources, codes, domain names and addresses used in the fields of telecommunications and Internet;

- Grant, extend, revoke telecommunications licenses;

- Radio transmission, radio frequency spectrum;

- Give guidance, plan, assign and allocate national radio frequency spectrum;

- Control and monitor radio frequency spectrum and radio equipment;

- Regulate technology/using conditions of radio equipment; Organize radio frequency, satellite orbit registration and coordination.

Về bưu chính

- Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch phát triển bưu chính; danh mục dịch vụ công ích trong lĩnh vực bưu chính, và cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp để thực hiện cung ứng dịch vụ công ích và nghĩa vụ công ích khác trong lĩnh vực bưu chính đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Ban hành theo thẩm quyền giá cước dịch vụ công ích, phạm vi dịch vụ dành riêng trong lĩnh vực bưu chính; quyết định các quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ; quy định về bộ mã bưu chính quốc gia;

- Cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi các loại giấy phép hoạt động bưu chính; thực hiện kiểm tra chất lượng dịch vụ;

- Quy định và quản lý về an toàn, an ninh trong lĩnh vực bưu chính; về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực bưu chính; quy định và quản lý về tem bưu chính.

- Chủ trì tổ chức đặt hàng doanh nghiệp cung ứng dịch vụ công ích trong lĩnh vực bưu chính; kiểm tra, giám sát việc thực hiện cung cấp dịch vụ công ích và thực hiện thanh quyết toán hàng năm.

Về phát thanh và truyền hình

- Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch quốc gia về phát thanh và truyền hình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Ban hành theo thẩm quyền các quy định về thực hiện quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; quy định tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công nghệ, kỹ thuật; quản lý giá, cước các dịch vụ liên quan;

- Cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ và thu hồi các loại giấy phép về phát thanh và truyền hình.

Về cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia

- Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ an toàn, an ninh cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Ban hành theo thẩm quyền các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh đối với cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông trong môi trường hội tụ; các cơ chế, chính sách quy định về sử dụng chung cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông.

Về báo chí

- Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch mạng lưới báo chí trong cả nước, văn phòng đại diện cơ quan thường trú ở nước ngoài của các

cơ quan báo chí Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Quản lý các loại hình báo chí trong cả nước bao gồm báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử, thông tấn và thông tin trên mạng;

- Cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động báo chí; giấy phép xuất bản đặc san, số phụ, phụ trương, chương trình đặc biệt, chương trình phụ; thẻ nhà báo; cấp phép cho báo chí xuất bản ở nước ngoài phát hành tại Việt Nam;

- Hướng dẫn việc thực hiện quảng cáo trên báo chí, trên mạng thông tin máy tính và trên xuất bản phẩm.

Về xuất bản (bao gồm xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm)

- Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch mạng lưới xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm; chính sách về hoạt động xuất bản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Quy định chi tiết điều kiện thành lập và kinh doanh về xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật;

- Cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi giấy phép thành lập nhà xuất bản, giấy phép đặt văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài tại Việt Nam; giấy phép đặt văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam trong lãnh vực phát hành xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật;

- Cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh; giấy phép hoạt động in đối với sản phẩm phải cấp phép; giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài; giấy phép nhập khẩu thiết bị in; giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; giấy phép triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật; quản lý việc công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài theo thẩm quyền.

Về quyền tác giả, bản quyền và sở hữu trí tuệ

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các quy định, của pháp luật về quyền tác giả đối với sản phẩm báo chí, xuất bản, bản quyền về sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông; quyền sở hữu trí tuệ các phát minh, sáng chế thuộc các ngành, lĩnh vực quản lý của Bộ;

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ hợp pháp của nhà nước, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực quyền tác giả, bản quyền sản phẩm, sở hữu trí tuệ theo thẩm quyền;

- Hướng dẫn nghiệp vụ bảo hộ trong lĩnh vực quyền tác giả, bản quyền, sở hữu trí tuệ cho các ngành, địa phương, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và công dân đối với sản phẩm, dịch vụ theo thẩm quyền.

Posts

- Give guidance to carry out plans, strategies, public services related to the postal sector, universal postal services;

- Regulate postal charges and tariffs for universal postal services, reserved services' extension, set technical standards on quality of services and regulate the national postal code;

- Grant, extend, revoke licenses for postal operation and inspect on quality of services;

- Regulate and manage safety, security, competition and resolve disputes in the fields of posts; regulate and manage postage stamps.

- Hosted order business supplying public services in the field of postal, inspecting and supervising the provision of public services and make annual settlement.

Broadcasting

- Give guidance, assign, organize to carry out national program in developing broadcast and television industry;

- Regulate on standards; technical standards in technology; regulate charges and tariffs in related services;

- Grant, stop, revoke operating licenses in fields of broadcast and television.

National information and communications infrastructure

- Give guidance, assign, organize to follow regulations in safety, security of national information and communications infrastructures;

- Issue solutions to secure safety, security of information and communications in converging environment; mechanisms and policies related to the usage of information and communications infrastructures;

- Grant licenses to foreign organizations, individuals to operate in information activities in Viet Nam with reference to Vietnamese laws.

Press

- Give guidance to organize press network including national and Vietnamese press representative offices located overseas;

- Manage all types of press including printing press, speaking press, electronic newspapers, television and information on Internet;

- Grant licenses to press, foreign newspapers distributing in Viet Nam;

- Give guidance to advertise on press, computer networks and publications.

Publishing

- Give guidance to organize publishing, printing and distributing network, policies on publishing activities;

- Stipulate terms and conditions to enterprise in publishing, printing;

- Grant licenses to local publishers as well as foreign publishers to operate in Viet Nam;

Advertising on press, computer networks and publications:

- Grant, modify, revoke licenses on advertising on press (including: newspapers, spoken press, electronic newspapers), on computer networks and publications.

Copyright and Intellectual Property Right

- Assign and organize to implement regulations in the fields of copyright and intellectual property right regarding press, publications, information technology services and related inventions;

- Take actions to protect organizations, individuals in the fields of copyright and intellectual property right;

- Inspect all activities and settle all regulatory breaches in the fields of its legal functions.





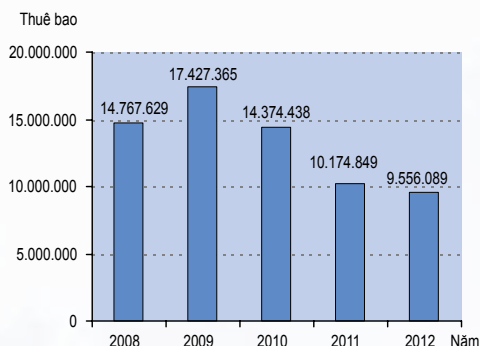
CƠ SỞ HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Information and Communication Technology Infrastructure



1. ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH

1.1 Số thuê bao điện thoại cố định



1.2 Số thuê bao điện thoại cố định/100 dân

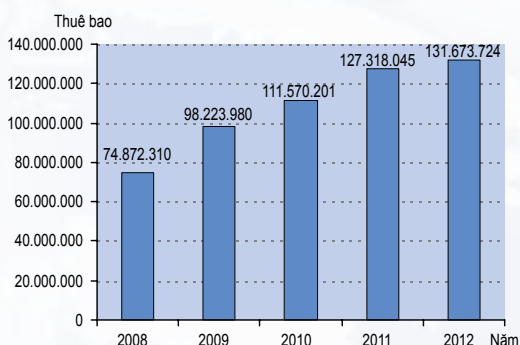


1.3 Số hộ gia đình có thuê bao điện thoại cố định/100 hộ gia đình



2. ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG

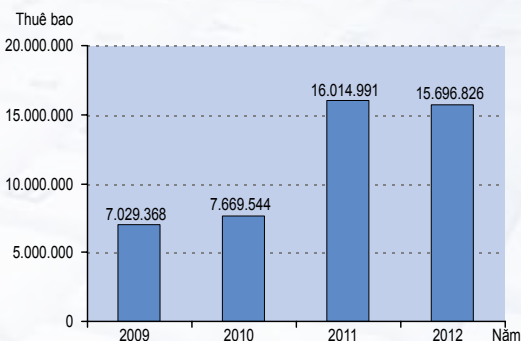
2.1 Số thuê bao điện thoại di động (2G, 3G)



2.2 Số thuê bao điện thoại di động/100 dân



2.3 Số thuê bao điện thoại di động 3G

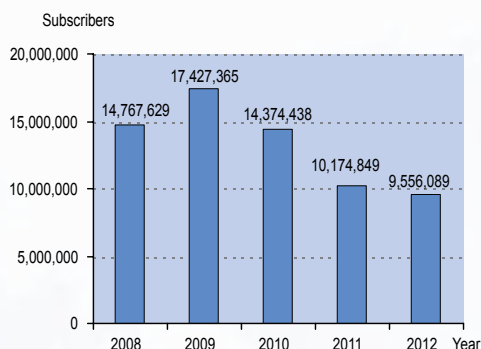


1.4 Số thuê bao mạng thông tin di động năm 2012: 14.420

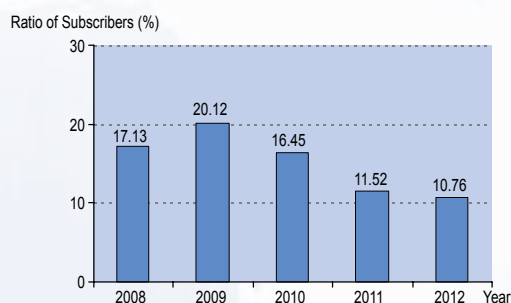
Nguồn: Tổng cục Thống kê và Bộ Thông tin và Truyền thông

1. FIXED-LINE PHONES

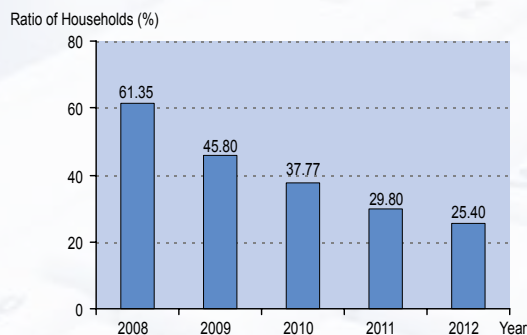
1.1 Number of Fixed-line telephone subscribers



1.2 Number of Fixed-line telephone subscribers per 100 inhabitants



1.3 Households with a Fixed-line telephone line per 100 households

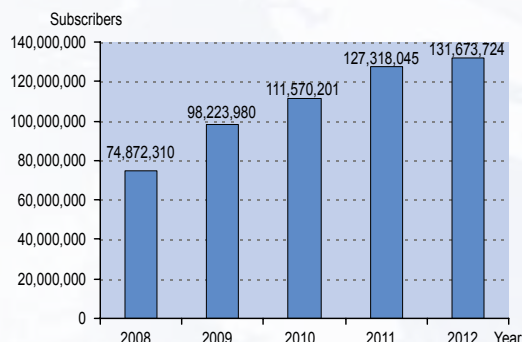


1.4 Number of Coast Radio Station Network subscribers in 2012: 14,420

Source: General Statistics Office and Ministry of Information and Communications

2. MOBILE PHONES

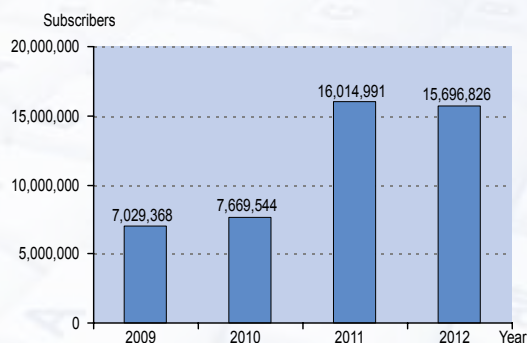
2.1 Number of 2G and 3G mobile phone subscribers



2.2 Number of mobile phones subscribers per 100 inhabitants

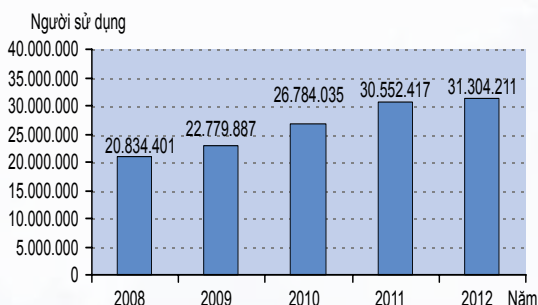


2.3 Number of 3G mobile phone subscribers

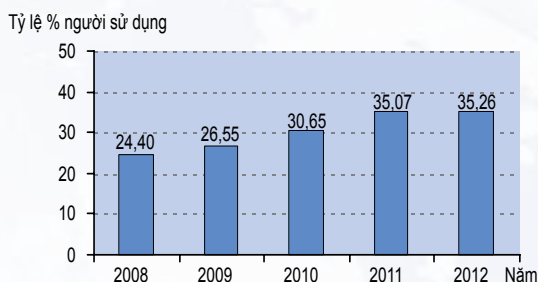


3. INTERNET

3.1 Số người sử dụng Internet



3.2 Số người sử dụng Internet/100 dân



		2011	2012
3.3	Số thuê bao truy nhập Internet băng rộng cố định	3.828.388	4.775.368
3.3.1	Số thuê bao truy nhập Internet qua hình thức xDSL	3.574.909	4.321.782
3.3.2	Số thuê bao truy nhập Internet qua hệ thống cáp truyền hình (CATV)	102.657	150.011
3.3.3	Số thuê bao truy nhập Internet qua kênh thuê riêng (thuê bao leased-line quy đổi ra 256 kbit/s)	11.614	108.516
3.3.4	Số thuê bao truy nhập Internet qua hệ thống cáp quang tới nhà thuê bao (FTTx)	139.208	195.059
3.4	Số thuê bao truy nhập Internet qua mạng di động 3G	16.014.991	15.327.826
3.5	Hình thức khác (nếu có)	9.679	0
3.6	Số thuê bao Internet băng rộng/100 dân	22,48	22,64
3.7	Số hộ gia đình có kết nối Internet	2.996.221	3.245.190
3.8	Số hộ gia đình có kết nối Internet/100 hộ gia đình	12,99	13,98
3.9	Tổng băng thông kênh kết nối Internet quốc tế (Mbit/s)	311.331	350.062
3.10	Băng thông kênh kết nối quốc tế (bit/s)/01 người sử dụng Internet	10.685	11.726
3.11	Số tên miền “.vn” đã đăng ký	261.116	357.584
3.12	Số tên miền tiếng Việt đã đăng ký	548.728	872.755
3.13	Số địa chỉ Internet (IPv4) đã cấp	15.515.648	15.552.256
3.14	Số địa chỉ Internet (IPv6) đã cấp quy đổi theo đơn vị /64	54.950.983.680/64	73.015.951.360/64

3. INTERNET

3.1 Number of Internet users



3.2 Internet users per 100 inhabitants

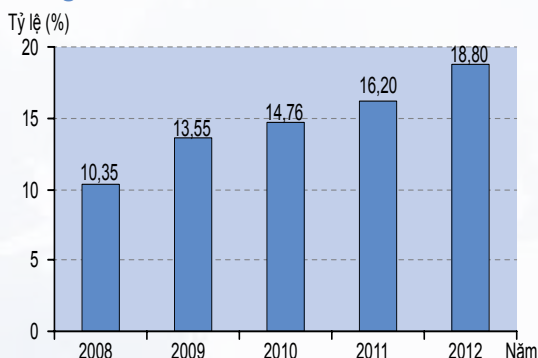


		2011	2012
3.3	Number of fixed (wired) broadband Internet subscribers	3,828,388	4,775,368
3.3.1	Number of Internet subscribers via xDSL	3,574,909	4,321,782
3.3.2	Number of Internet subscribers via CATV	102,657	150,011
3.3.3	Number of Internet subscribers via leased-line	11,614	108,516
3.3.4	Number of Internet subscribers via FTTx	139,208	195,059
3.4	Number of mobile broadband Internet subscribers via 3G network	16,014,991	15,327,826
3.5	Other forms (if available)	9,679	0
3.6	Broadband Internet subscribers per 100 inhabitants	22.48	22.64
3.7	Number of households with Internet access	2,996,221	3,245,190
3.8	Households with personal Internet access at home per 100 households	12.99	13.98
3.9	Total international Internet bandwidth (Mbit/s)	311,331	350,062
3.10	International Internet bandwidth (bit/s) per Internet user	10,685	11,726
3.11	Number of “.vn” domain names	261,116	357,584
3.12	Number of Vietnamese domain names	548,728	872,755
3.13	Number of allocated IP4 addresses	15,515,648	15,552,256
3.14	Number of allocated IP6 addresses (unit/64)	54,950,983,680/64	73,015,951,360/64

4. MÁY VI TÍNH/ THIẾT BỊ TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN

		2008	2009	2010	2011	2012
4.1	Số lượng máy vi tính cá nhân để bàn, xách tay	4.478.500	4.880.800	5.319.000	5.899.830	6.980.353
4.2	Số máy vi tính cá nhân/100 dân	5,19	5,63	6,08	6,68	7,86

4.3 Số hộ gia đình có máy vi tính/100 hộ gia đình



4.4 Số hộ gia đình có máy thu hình/100 hộ gia đình



4.5. Số hộ gia đình sử dụng máy tính và máy thu hình màu

		2009	2010	2011	2012
4.5.1	Số hộ gia đình có máy tính	3.095.791	3.371.051	3.736.627	4.365.022
4.5.2	Số hộ gia đình có máy thu hình màu	19.854.043	20.555.190	21.128.090	21.291.090

Nguồn: Tổng cục Thống kê

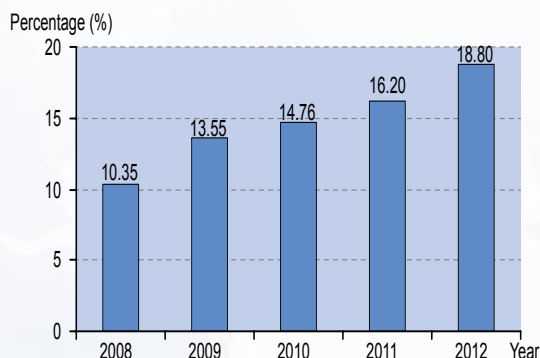
5. MẠNG BƯU CHÍNH CÔNG CỘNG

		2008	2009	2010	2011	2012
5.1	Số lượng điểm phục vụ bưu chính	18.502	17.976	16.436	14.911	13.612
5.2	Bán kính phục vụ bình quân trên 01 điểm phục vụ bưu chính (km)	2,39	2,42	2,53	2,66	2,78
5.3	Số dân phục vụ bình quân trên 01 điểm phục vụ bưu chính (người)	4.659	4.796	5.270	5.922	6.486

4. PERSONAL COMPUTERS/MULTIMEDIA DEVICES

		2008	2009	2010	2011	2012
4.1	Number of desktop, laptop computers	4,478,500	4,880,800	5,319,000	5,899,830	6,980,353
4.2	Personal computers per 100 inhabitants	5.19	5.63	6.08	6.68	7.86

4.3 Households with computers per 100 households



4.4 Households with a television per 100 households



4.5. Households with a computer and a color television

		2009	2010	2011	2012
4.5.1	Number of households with a computer	3,095,791	3,371,051	3,736,627	4,365,022
4.5.2	Number of households with a color television	19,854,043	20,555,190	21,128,090	21,291,090

Source: General Statistics Office

5. PUBLIC POSTAL NETWORK

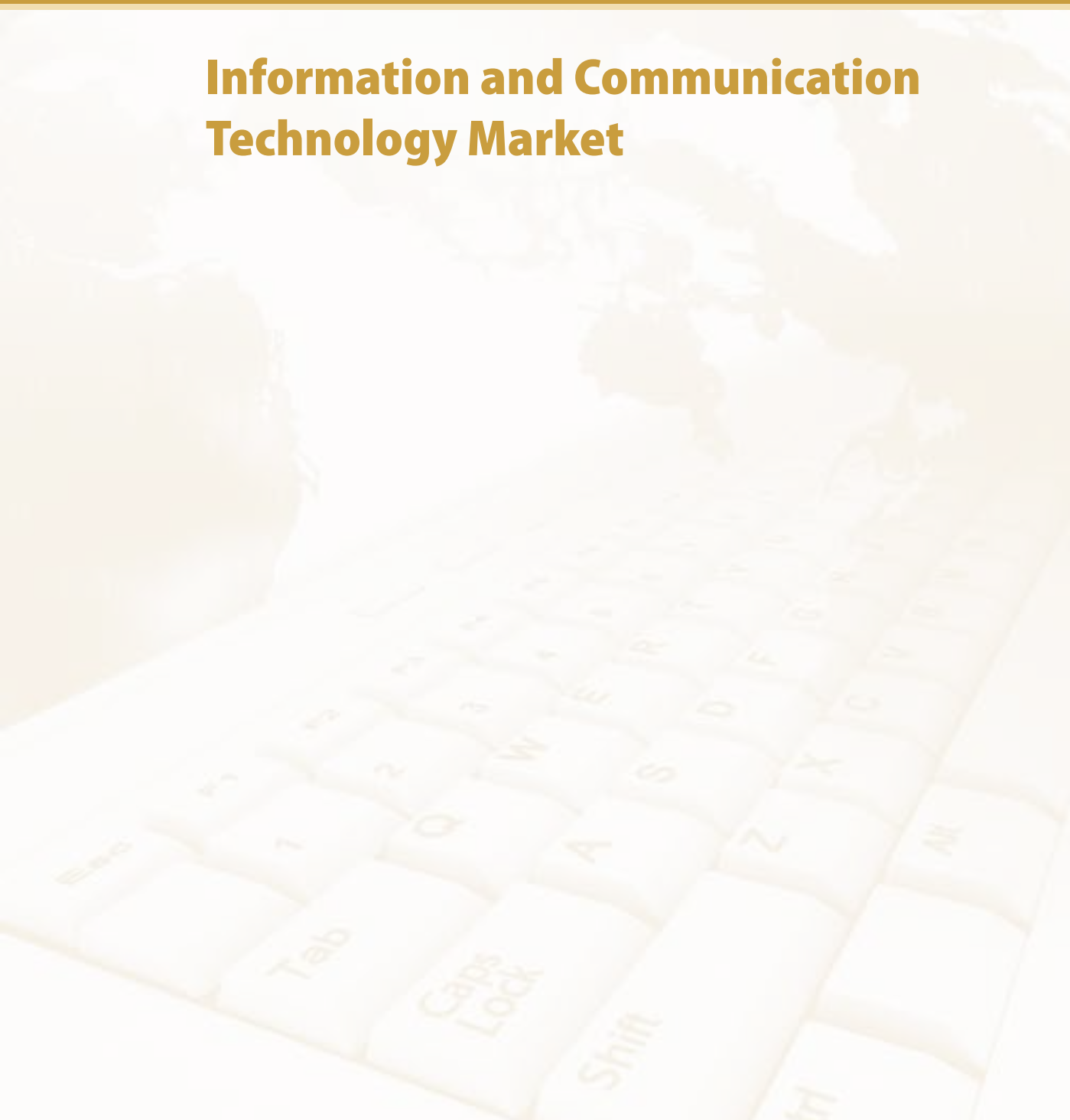
		2008	2009	2010	2011	2012
5.1	Total number of postal outlets	18,502	17,976	16,436	14,911	13,612
5.2	Average radius per postal outlet (km)	2.39	2.42	2.53	2.66	2.78
5.3	Average number of inhabitants served by a postal outlet (persons)	4,659	4,796	5,270	5,922	6,486





THỊ TRƯỜNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Information and Communication Technology Market



1. CÔNG NGHIỆP CNTT

1.1	Doanh thu công nghiệp CNTT (triệu USD)	2008	2009	2010	2011	2012	Tăng trưởng
1.1.1	Tổng doanh thu công nghiệp CNTT	5.220	6.167	7.629	13.663	25.458	86,3%
1.1.2	Công nghiệp phần cứng	4.100	4.627	5.631	11.326	23.015	103,2%
1.1.3	Công nghiệp phần mềm	680	850	1.064	1.172	1.208	3,1%
1.1.4	Công nghiệp nội dung số	440	690	934	1.165	1.235	6,0%

1.2	Tổng số doanh nghiệp đăng ký lĩnh vực công nghiệp CNTT (doanh nghiệp)	2008	2009	2010	2011	2012
1.2.1	Công nghiệp phần cứng	-	992	1.273	2.763	2.431
1.2.2	Công nghiệp phần mềm	-	1.756	2.958	7.044	7.246
1.2.3	Công nghiệp nội dung số	-	2.844	2.312	3.289	3.883

Nguồn: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1.3	Doanh thu bình quân lĩnh vực công nghiệp CNTT (USD/người/năm)	2008	2009	2010	2011	2012
1.3.1	Công nghiệp phần cứng	37.200	38.582	44.148	67.555	110.287
1.3.2	Công nghiệp phần mềm	12.000	13.750	14.816	14.855	14.957
1.3.3	Công nghiệp nội dung số	13.300	16.829	18.339	19.352	19.615

1.4	Mức lương bình quân lĩnh vực công nghiệp CNTT (USD/người/năm)	2008	2009	2010	2011	2012
1.4.1	Công nghiệp phần cứng	1.440	1.809	2.201	2.279	2.281
1.4.2	Công nghiệp phần mềm	3.600	4.093	5.123	5.034	5.009
1.4.3	Công nghiệp nội dung số	2.820	3.505	4.896	5.267	5.201

1.5	Xuất nhập khẩu CNTT-TT (triệu USD)	2008	2009	2010	2011	2012
1.5.1	Kim ngạch xuất khẩu linh kiện, sản phẩm, thiết bị phần cứng, máy tính, điện tử, viễn thông	2.807	3.370	5.666	10.893	22.916
1.5.2	Kim ngạch nhập khẩu linh kiện, sản phẩm, thiết bị phần cứng, máy tính, điện tử, viễn thông	5.710	6.527	7.638	10.465	19.443

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Ghi chú: “-” Không có số liệu

1. IT INDUSTRY

1.1	Revenue of IT industry (million USD)	2008	2009	2010	2011	2012	Growth rate
1.1.1	Total revenue of IT industry	5,220	6,167	7,629	13,663	25,458	86.3%
1.1.2	Hardware industry	4,100	4,627	5,631	11,326	23,015	103.2%
1.1.3	Software industry	680	850	1,064	1,172	1,208	3.1%
1.1.4	Digital content industry	440	690	934	1,165	1,235	6.0%

1.2	Total number of registered enterprises in the IT industry sector (enterprises)	2008	2009	2010	2011	2012
2.1	Hardware industry	-	992	1,273	2,763	2,431
2.2	Software industry	-	1,756	2,958	7,044	7,246
2.3	Digital content industry	-	2,844	2,312	3,289	3,883

Source: Authority of Business Registration Management, Ministry of Planning and Investment

1.3	Average of revenue per employee in the IT industry sector (USD/person/year)	2008	2009	2010	2011	2012
1.3.1	Hardware industry	37,200	38,582	44,148	67,555	110,287
1.3.2	Software industry	12,000	13,750	14,816	14,855	14,957
1.3.3	Digital content industry	13,300	16,829	18,339	19,352	19,615

1.4	Average wage in the IT industry sector (USD/person/year)	2008	2009	2010	2011	2012
1.4.1	Hardware industry	1,440	1,809	2,201	2,279	2,281
1.4.2	Software industry	3,600	4,093	5,123	5,034	5,009
1.4.3	Digital content industry	2,820	3,505	4,896	5,267	5,201

1.5	ICT Import - Export (million USD)	2008	2009	2010	2011	2012
1.5.1	Spare parts, computers, electronic products, telecommunication equipment export turnover	2,807	3,370	5,666	10,893	22,916
1.5.2	Spare parts, computers, electronic products, telecommunication equipment import turnover	5,710	6,527	7,638	10,465	19,443

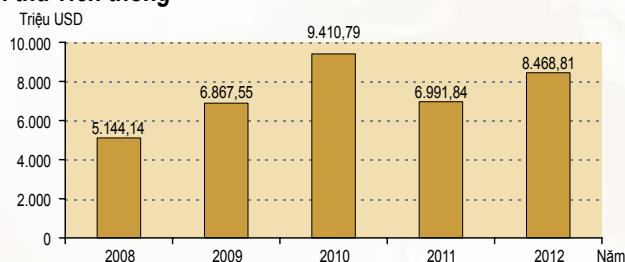
Source: General Directorate of Customs

Notes: “-” No data

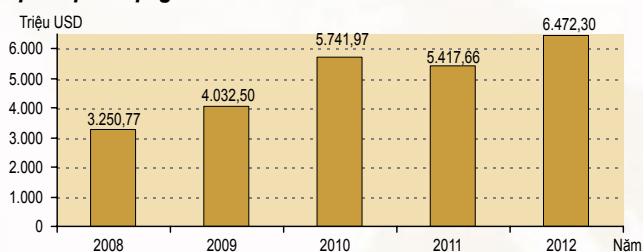
2. VIỄN THÔNG

2.1 Doanh thu lĩnh vực viễn thông (triệu USD)

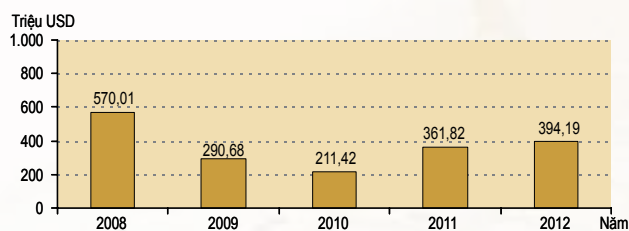
2.1.1 Tổng doanh thu viễn thông



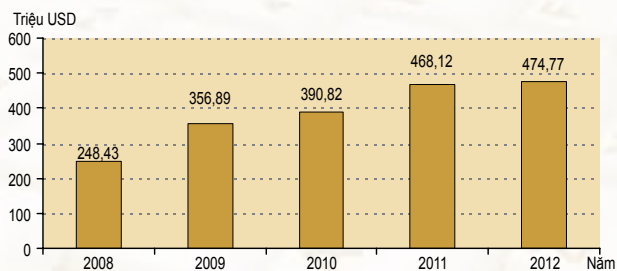
2.1.2 Doanh thu dịch vụ di động



2.1.3 Doanh thu dịch vụ cố định



2.1.4 Doanh thu dịch vụ Internet



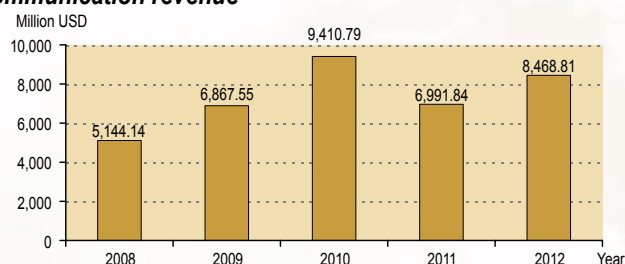
2.1.5 Doanh thu dịch vụ thông tin duyên hải năm 2012 (triệu USD): 2,48

2.1.6 Doanh thu dịch vụ khác năm 2012 (triệu USD): 1.125,07

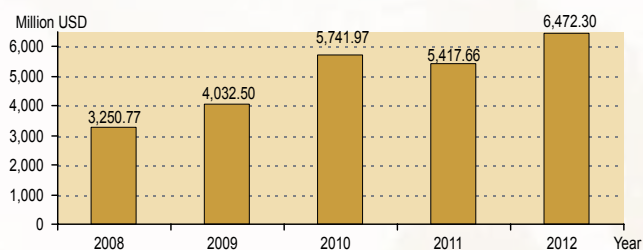
2. TELECOMMUNICATIONS

2.1 Total telecommunication turnover (million USD)

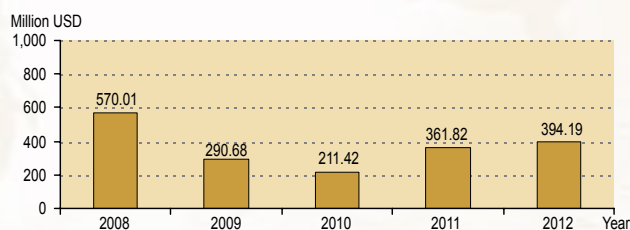
2.1.1 Total telecommunication revenue



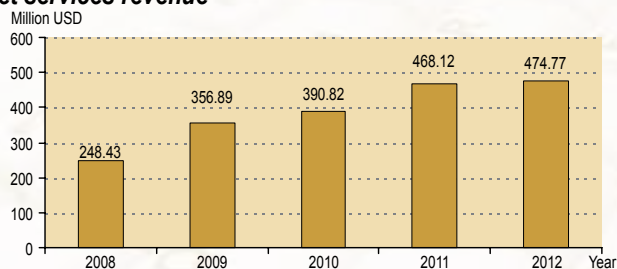
2.1.2 Mobile services revenue



2.1.3 Fixed telephone services revenue



2.1.4 Total Internet services revenue



2.1.5 Coast Radio Station Network service revenue in 2012 (million USD): 2.48

2.1.6 Other telecommunication services revenue in 2012 (million USD): 1,125.07

2.2 Số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông và Internet

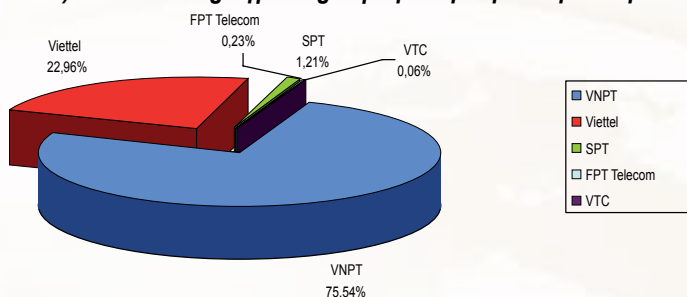
TT	Phân loại	2011	2012	Chi tiết
1	Số lượng doanh nghiệp được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông cố định	10	10	VNPT, Viettel, FPT Telecom, HTC, CMC Telecom, Gtel, Đông Dương, VTC, SPT, Vishipel
2	Số lượng doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ viễn thông cố định	6	9	VNPT, Viettel, FPT Telecom, HTC, CMC Telecom, Gtel, Đông Dương, VTC, SPT.
3	Số lượng các doanh nghiệp được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông di động	7	6	VinaPhone, VMS (MobiFone), Viettel, Gtel Mobile (GMobile), SPT (SFone), HTC (Vietnamobile)
4	Số lượng các doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ viễn thông di động	7	6	VinaPhone, VMS (MobiFone), Viettel, Gtel Mobile (GMobile), SPT (SFone), HTC (Vietnamobile)
5	Số lượng các doanh nghiệp được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ 3G	5	4	VinaPhone, VMS (MobiFone), Viettel, HTC (Vietnamobile)
6	Số lượng các doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ 3G	5	4	VinaPhone, VMS (MobiFone), Viettel, HTC (Vietnamobile)
7	Số lượng các doanh nghiệp được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ di động không có hệ thống truy nhập vô tuyến (MVNO)	2	1	VTC
8	Số lượng các doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ di động không có hệ thống truy nhập vô tuyến (MVNO)	0	0	
9	Số lượng các doanh nghiệp được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ Internet	91	85	VNPT, Viettel, FPT Telecom,...
10	Số lượng các doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ Internet	50	57	VNPT, Viettel, FPT Telecom,...

2.2 Number of telecoms, Internet service providers

No	Classification	2011	2012	Details
1	Number of licensed telecommunication operators	10	10	VNPT, Viettel, FPT Telecom, HTC, CMC Telecom, Gtel, Dong Duong, VTC, SPT, Vishipel
2	Number of current fixed telecommunication operators	6	9	VNPT, Viettel, FPT Telecom, HTC, CMC Telecom, Gtel, Dong Duong, VTC, SPT
3	Number of licensed 2G mobile telecom operators	7	6	VinaPhone, VMS (MobiFone), Viettel, Gtel Mobile (GMobile), SPT (SFone), HTC (Vietnamobile)
4	Number of current mobile telecom operators	7	6	VinaPhone, VMS (MobiFone), Viettel, Gtel Mobile (GMobile), SPT (SFone), HTC (Vietnamobile)
5	Number of licensed 3G mobile telecom operators	5	4	VinaPhone, VMS (MobiFone), Viettel, HTC (Vietnamobile)
6	Number of current 3G mobile telecom current operators	5	4	VinaPhone, VMS (MobiFone), Viettel, HTC (Vietnamobile)
7	Number of licensed mobile operators without network (MVNO)	2	1	VTC
8	Number of current mobile operators without network (MVNO)	0	0	
9	Number of licensed Internet service operators	91	85	VNPT, Viettel, FPT Telecom, etc
10	Number of current Internet operators	50	57	VNPT, Viettel, FPT Telecom, etc

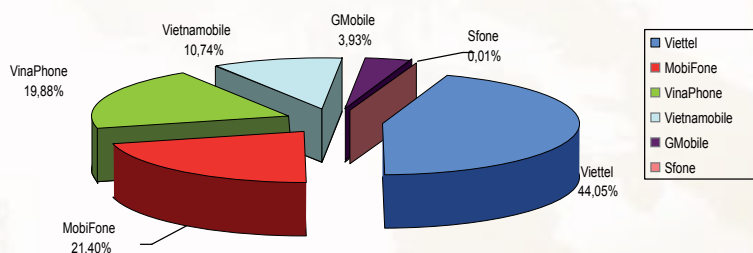
2.3 Thị phần (thuê bao) các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông và Internet năm 2012

2.3.1 Thị phần (thuê bao) các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại cố định

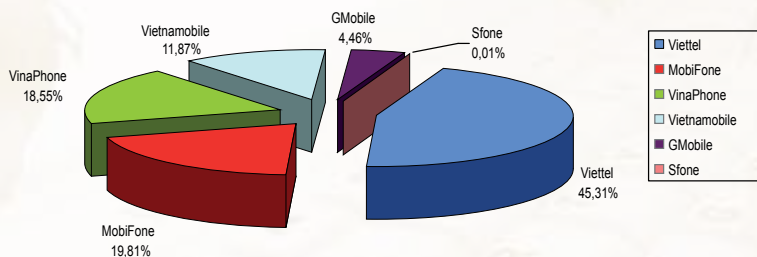


2.3.2 Thị phần (thuê bao) các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại di động

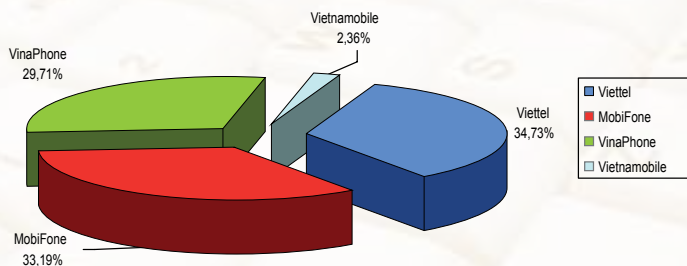
2.3.2.1. Thị phần (thuê bao) các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại di động 2G và 3G



2.3.2.2. Thị phần (thuê bao) các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại di động 2G

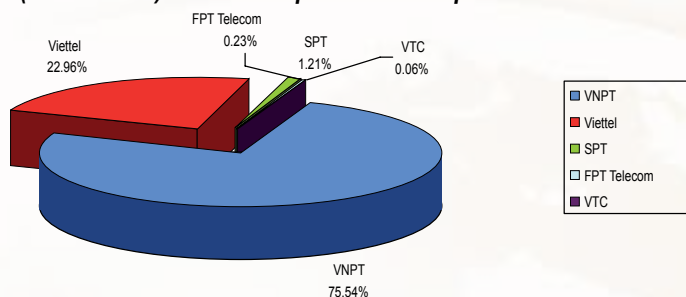


2.3.2.3. Thị phần (thuê bao) các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại di động 3G



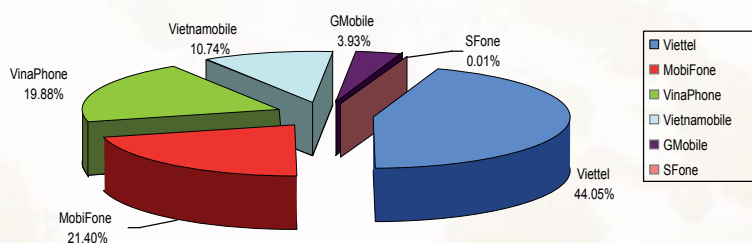
2.3 Market shares (subscribers) of telecommunications and Internet operators in 2012

2.3.1 Market shares (subscribers) of fixed telephone service providers

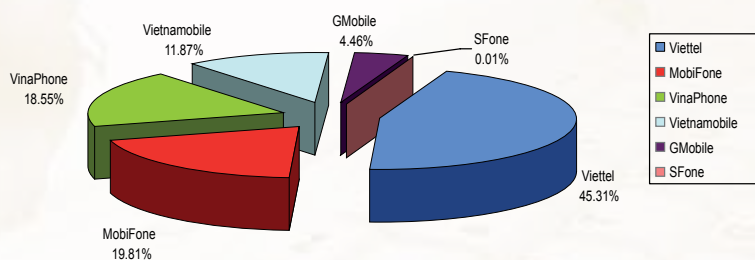


2.3.2 Market shares (subscribers) of mobile phone service providers

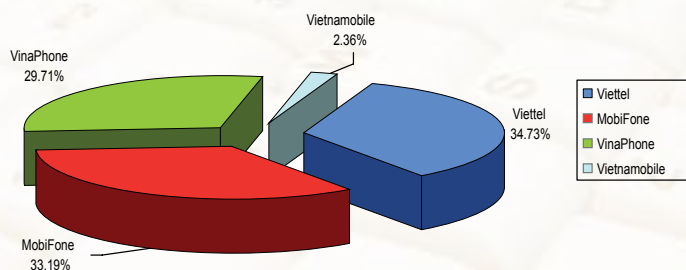
2.3.2.1. Market shares (subscribers) of 2G and 3G mobile phone service providers



2.3.2.2. Market shares (subscribers) of 2G mobile phone service providers

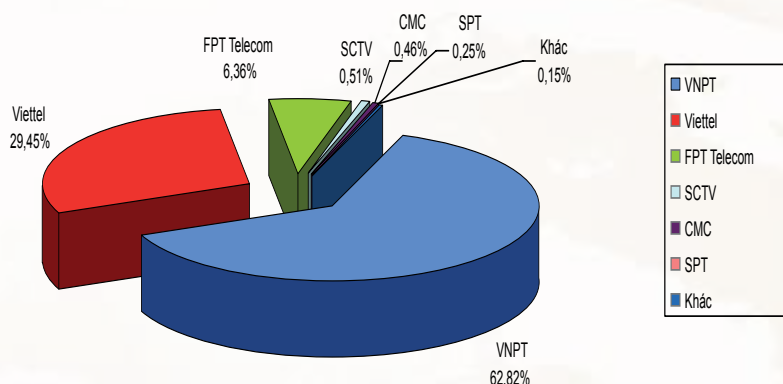


2.3.2.3. Market shares (subscribers) of 3G mobile phone service providers

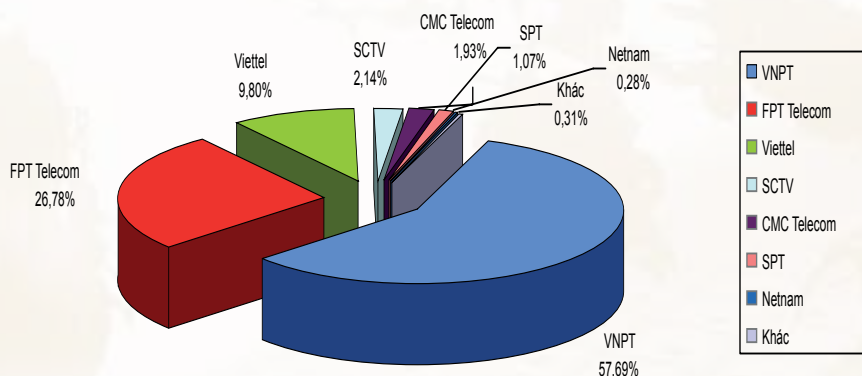


2.3.3. Thị phần (thuê bao) của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet

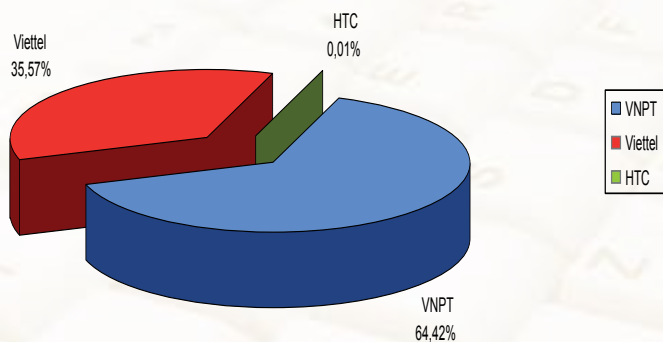
2.3.3.1 Thị phần (thuê bao) của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng rộng (cố định và di động)



2.3.3.2 Thị phần (thuê bao) dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định

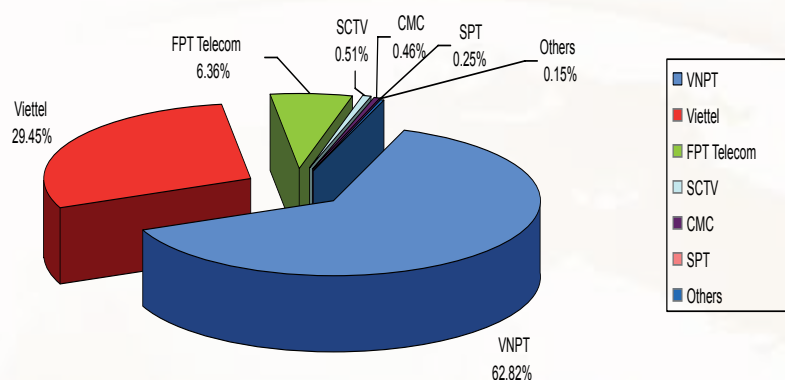


2.3.3.3 Thị phần (thuê bao) dịch vụ truy nhập Internet băng rộng di động 3G

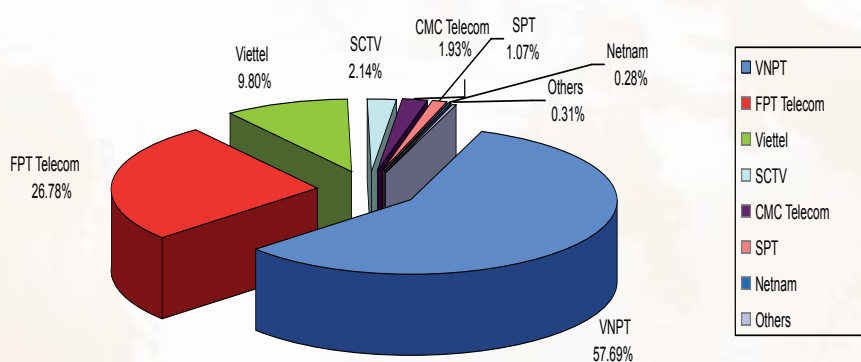


2.3.3 Market shares (subscribers) of Internet broadband providers

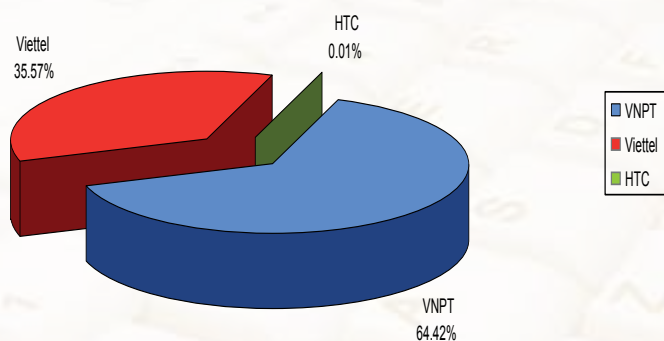
2.3.3.1 Market shares (subscribers) of Internet broadband providers via fixed and mobile networks



2.3.3.2 Market shares (subscribers) of Internet fixed broadband providers

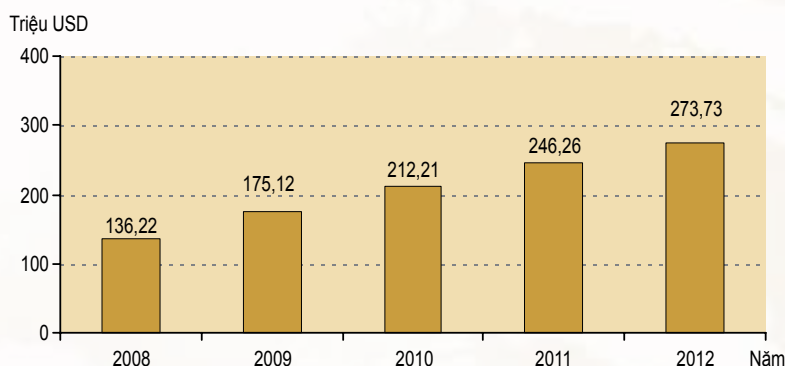


2.3.3.1 Market shares (subscribers) of Internet mobile broadband providers via 3G network



3. BƯU CHÍNH

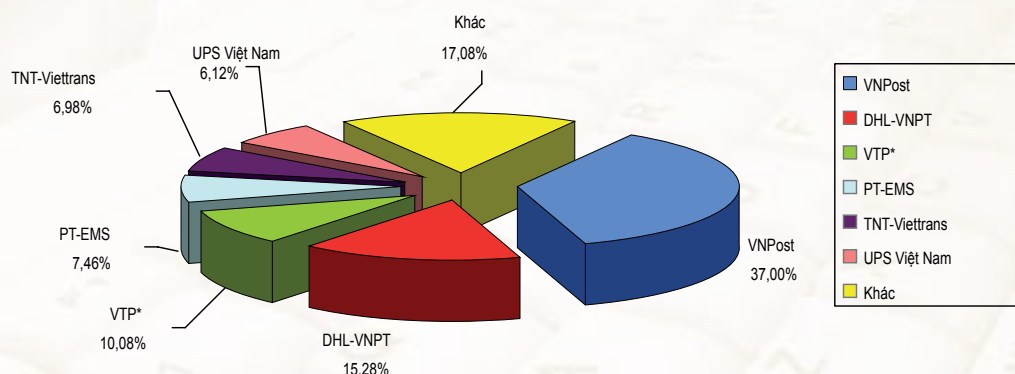
3.1 Doanh thu dịch vụ bưu chính (triệu USD)



3.2 Số lượng các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bưu chính

TT	Phân loại	2008	2009	2010	2011	2012
3.2.1	Số lượng doanh nghiệp được cấp giấy phép bưu chính	15	23	31	38	63
3.2.2	Số lượng doanh nghiệp được xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	13	25	29	40	56
3.2.3	Tổng số doanh nghiệp được cấp giấy phép bưu chính, xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	19	32	40	50	79

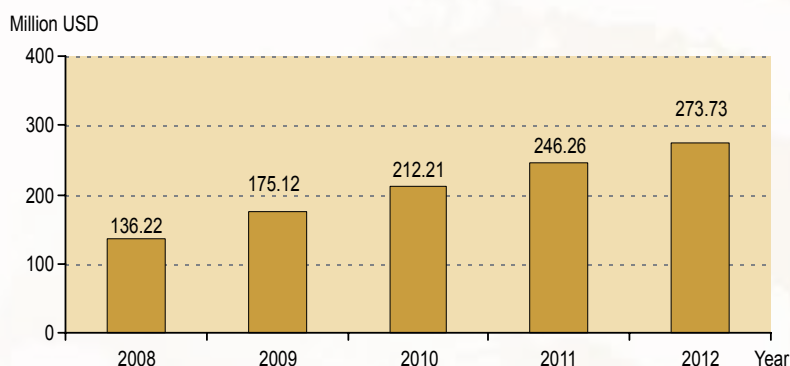
3.3 Thị phần các doanh nghiệp bưu chính tính theo doanh thu năm 2012



Ghi chú: “*” Trước đây là Viettel Post

3. POSTS

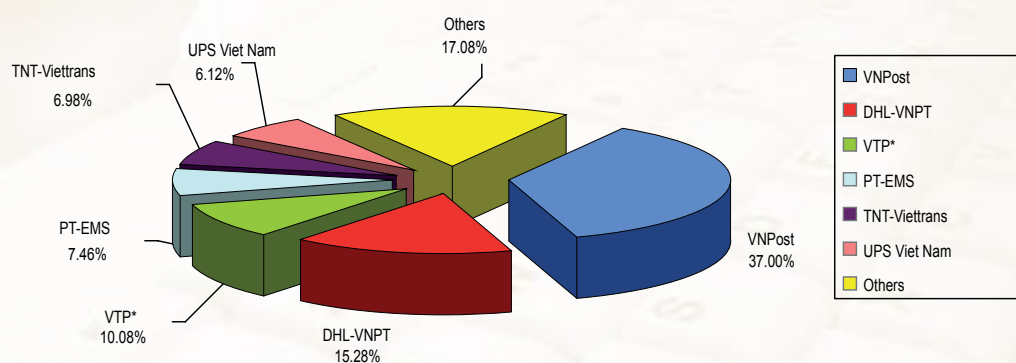
3.1 Revenue of postal services (million USD)



3.2 Number of postal operators

No	Classification	2008	2009	2010	2011	2012
3.2.1	Number of licensed postal operators	15	23	31	38	63
3.2.2	Number of certified postal operators	13	25	29	40	56
3.2.3	Total number of licensed and certified postal operators	19	32	40	50	79

3.3 Market shares (revenue) of postal service providers in 2012



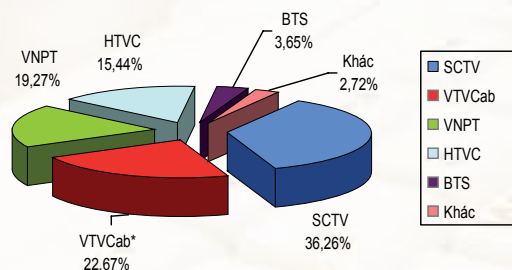
Note: "*" Formerly named Viettel Post

4. PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH

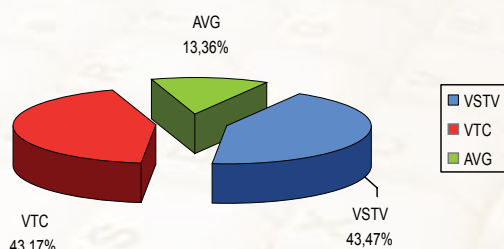
TT	Phân loại	2011	2012	Chi tiết
4.1	Tổng doanh thu truyền hình trả tiền (triệu USD)	-	200,20	
4.1.1	Doanh thu truyền hình cáp	-	193,74	
4.1.2	Doanh thu truyền hình số mặt đất	-	1,52	
4.1.3	Doanh thu truyền hình số vệ tinh	-	4,94	
4.2	Số thuê bao truyền hình trả tiền			
4.2.1	Số thuê bao truyền hình cáp	2.500.000	4.412.000	
4.2.2	Số thuê bao truyền hình số mặt đất	2.000.000	3.640.000	
4.2.3	Số thuê bao truyền hình số vệ tinh	500.000	973.000	
4.3	Số lượng các đài phát thanh - truyền hình	67	67	VTV, VOV, VTC, Hà Nội TV, HTV, Đà Nẵng TV,...
4.4	Số lượng các nhà cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền			
4.4.1	Số lượng các nhà cung cấp dịch vụ truyền hình cáp	47	27	SCTV, VTVcab* VNPT, HTVC, Viettel,...
4.4.2	Số lượng các nhà cung cấp dịch vụ truyền hình số mặt đất	5	5	VTV, VTC, AVG, HTV, Đài PT-TH Bình Dương
4.4.3	Số lượng các nhà cung cấp dịch vụ truyền hình số vệ tinh	3	3	VSTV, VTC, AVG

4.5 Thị phần (thuê bao) của nhà cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền năm 2012

4.5.1 Thị phần (thuê bao) của các nhà cung cấp dịch vụ truyền hình cáp



4.5.2 Thị phần (thuê bao) của các nhà cung cấp dịch vụ truyền hình số vệ tinh



Ghi chú: “-” Không có số liệu

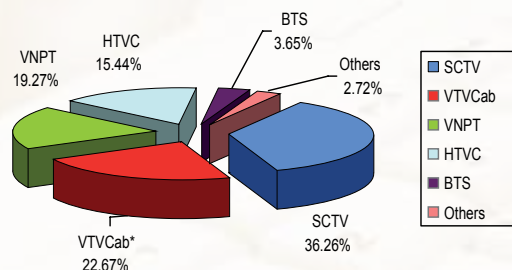
“*” Trước đây là VCTV

4. BROADCASTING

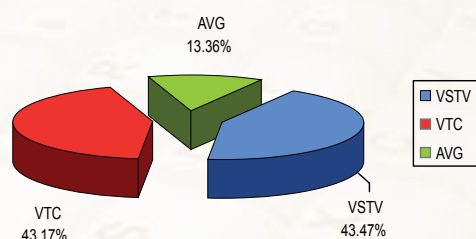
No.	Classification	2011	2012	Details
4.1	Total revenue of pay TV service (million USD)	-	200.20	
4.1.1	Revenue of cable TV service	-	193.74	
4.1.2	Revenue of terrestrial digital TV service	-	1.52	
4.1.3	Revenue of satellite digital TV service	-	4.94	
4.2	Number of pay TV subscribers			
4.2.1	Number of cable TV subscribers	2,500,000	4,412,000	
4.2.2	Number of terrestrial digital TV subscribers	2,000,000	3,640,000	
4.2.3	Number of satellite digital TV subscribers	500,000	973,000	
4.3	Number of broadcasters	67	67	VTV, VOV, VTC Ha Noi TV, HTV, Da Nang TV, etc.
4.4	Number of pay TV service providers			
4.4.1	Number of cable TV broadcasters	47	27	SCTV, VTCab*, VNPT, HTVC, Viettel, etc.
4.4.2	Number of terrestrial digital TV broadcasters	5	5	VTV, VTC, AVG, HTV, Binh Duong Radio-Television Station.
4.4.3	Number of satellite digital TV broadcasters	3	3	VSTV, VTC, AVG

4.5 Market shares (subscribers) of pay TV service providers in 2012

4.5.1 Market share (subscribers) of cable TV broadcasters



4.5.2 Market shares (subscribers) of satellite digital TV broadcasters



Note: “-” No data

“*” Formerly named VCTV



VI

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Information Technology Application in State Agencies



		2008	2009	2010	2011	2012
1	Tỷ lệ máy vi tính trên tổng số cán bộ công chức (%)					
	- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	77,86	81,41	88,50	90,70	87,86
	- Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	37,36	55,87	63,19	67,50	85,69
2	Tỷ lệ máy vi tính có kết nối Internet (%)					
	- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	80,33	69,78	88,37	94,29	93,40
	- Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	79,30	71,47	85,53	88,00	90,96
3	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước có trang/cổng thông tin điện tử (%)					
	- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	26/30	27/30	28/30	29/30	30/30
	- Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	59/63	61/63	62/63	63/63	63/63
4	Tỷ lệ cơ quan nhà nước có đơn vị chuyên trách về CNTT (%)					
	- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	-	-	100	100	100
	- Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	-	-	100	100	100
5	Tỷ lệ cơ quan nhà nước có mạng nội bộ (LAN, Intranet, Extranet) (%)					
	- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	-	-	100	100	100
	- Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	-	-	100	100	100
6	Tổng số dịch vụ công trực tuyến					
	- Mức 1 & 2	794	51.512	93.228	98.439	101.995
	- Mức 3	20	263	775	860	1.662
	- Mức 4	0	0	4	11	9
7	Tổng số dịch vụ công trực tuyến tại Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ					
	- Mức 1 & 2	231	1.977	4.841	3.437	3.726
	- Mức 3	3	9	27	31	53
	- Mức 4	0	0	1	3	4
8	Tổng số dịch vụ công trực tuyến tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương					
	- Mức 1 & 2	563	49.535	88.387	95.002	98.269
	- Mức 3	17	254	748	829	1.609
	- Mức 4	0	0	3	8	5

Ghi chú: "-": Không có số liệu

		2008	2009	2010	2011	2012
1	Ratio of computers over administrative officials (%)					
	- Ministries and ministerial-level agencies	77.86	81.41	88.50	90.70	87.86
	- Provincial agencies	37.36	55.87	63.19	67.50	85.69
2	Ratio of computers with Internet access (%)					
	- Ministries and ministerial-level agencies	80.33	69.78	88.37	80.33	93.40
	- Provincial agencies	79.30	71.47	85.53	79.30	90.96
3	Ratio of state agencies with a website/portal (%)					
	- Ministries and ministerial-level agencies	26/30	27/30	28/30	29/30	30/30
	- Provincial agencies	59/63	61/63	62/63	63/63	63/63
4	Ratio of state agencies with information technology unit (%)					
	- Ministries and ministerial-level agencies	-	-	100	100	100
	- Provincial agencies	-	-	100	100	100
5	Ratio of state agencies with internal network (LAN, Intranet, Extranet) (%)					
	- Ministries and ministerial-level agencies	-	-	100	100	100
	- Provincial agencies	-	-	100	100	100
6	Total number of online public services					
	- Level 1 & 2	794	51,512	93,228	98,439	101,995
	- Level 3	20	263	775	860	1,662
	- Level 4	0	0	4	11	9
7	Number of online public services in ministries and ministerial-level agencies					
	- Level 1 & 2	231	1,977	4,841	3,437	3,726
	- Level 3	3	9	27	31	53
	- Level 4	0	0	1	3	4
8	Number of online public services in provincial agencies					
	- Level 1 & 2	563	49,535	88,387	95,002	98,269
	- Level 3	17	254	748	829	1,609
	- Level 4	0	0	3	8	5

Note: "-": No data

9. ĐÁNH GIÁ XẾP HẠNG MỨC ĐỘ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

9.1 Các Bộ, cơ quan ngang Bộ

TT	Bộ, cơ quan ngang Bộ	Xếp hạng 2012	Xếp hạng 2011
1	Bộ Thông tin và Truyền thông	01	07
2	Bộ Công Thương	02	06
3	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	03	12
4	Bộ Tài chính	04	04
5	Bộ Ngoại giao	05	02
6	Thanh tra Chính phủ	06	05
7	Bộ Giáo dục và Đào tạo	07	01
8	Bộ Tư pháp	08	09
9	Bộ Xây dựng	09	08
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	10	03
11	Bộ Nội vụ	11	14
12	Bộ Khoa học và Công nghệ	12	15
13	Bộ Giao thông vận tải	13	10
14	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	14	11
15	Bộ Tài nguyên và Môi trường	15	13
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	16	18
17	Bộ Y tế	17	16
18	Ủy ban Dân tộc	18	17

Ghi chú: Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng không đánh giá xếp hạng do những quy định đặc thù.

9. INFORMATION TECHNOLOGY APPLICATION RANKINGS

9.1 Ministries, ministerial-level agencies

No.	Ministries, ministerial-level agencies	Rank in 2012	Rank in 2011
1	Ministry of Information and Communications	01	07
2	Ministry of Industry and Trade	02	06
3	State Bank of Viet Nam	03	12
4	Ministry of Finance	04	04
5	Ministry of Foreign Affairs	05	02
6	Government Inspectorate	06	05
7	Ministry of Education and Training	07	01
8	Ministry of Justice	08	09
9	Ministry of Construction	09	08
10	Ministry of Agriculture and Rural Development	10	03
11	Ministry of Home Affairs	11	14
12	Ministry of Science and Technology	12	15
13	Ministry of Transport	13	10
14	Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs	14	11
15	Ministry of Natural Resources and Environment	15	13
16	Ministry of Culture, Sports and Tourism	16	18
17	Ministry of Health	17	16
18	Committee on Ethnic Minority Affairs	18	17

Note: Due to specific regulations, the Office of the Government, Ministry of Planning and Investment, Ministry of Public Security and Ministry of National Defense were not ranked.

9.2 Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

TT	Tỉnh/thành phố	Xếp hạng 2012	Xếp hạng 2011
1	TP. Đà Nẵng	01	01
2	TP. Hà Nội	02	19
3	Thanh Hóa	03	04
4	TP. Hồ Chí Minh	04	08
5	Nghệ An	05	52
6	An Giang	06	02
7	Thừa Thiên Huế	07	03
8	Lào Cai	08	05
9	Hà Tĩnh	09	12
10	TP. Hải Phòng	10	09
11	Bà Rịa - Vũng Tàu	11	20
12	Bình Phước	12	06
13	Trà Vinh	13	13
14	Bình Thuận	14	32
15	Đồng Nai	15	07
16	Bắc Giang	16	23
17	Lâm Đồng	17	30
18	Khánh Hòa	18	22
19	Bắc Ninh	19	25
20	Quảng Nam	20	49
21	Đồng Tháp	21	10
22	Vĩnh Long	22	11
23	Hậu Giang	23	18
24	Bình Dương	24	24
25	Bắc Kạn	25	26
26	Bình Định	26	37
27	Long An	27	15
28	Hà Giang	28	62
29	Thái Nguyên	29	41
30	Phú Yên	30	45
31	TP. Cần Thơ	31	27
32	Phú Thọ	32	17

TT	Tỉnh/thành phố	Xếp hạng 2012	Xếp hạng 2011
33	Hải Dương	33	43
34	Yên Bái	34	14
35	Quảng Ninh	35	31
36	Nam Định	36	28
37	Quảng Ngãi	37	34
38	Kon Tum	38	42
39	Đắk Nông	39	59
40	Quảng Bình	40	21
41	Vĩnh Phúc	41	33
42	Đắk Lắk	42	51
43	Bến Tre	43	61
44	Quảng Trị	44	36
45	Hà Nam	45	16
46	Bạc Liêu	46	58
47	Tây Ninh	47	46
48	Thái Bình	48	39
49	Kiên Giang	49	29
50	Sóc Trăng	50	50
51	Lạng Sơn	51	48
52	Gia Lai	52	35
53	Ninh Bình	53	38
54	Hòa Bình	54	40
55	Cà Mau	55	53
56	Hưng Yên	56	56
57	Tiền Giang	57	44
58	Tuyên Quang	58	54
59	Điện Biên	59	57
60	Cao Bằng	60	63
61	Lai Châu	61	60
62	Ninh Thuận	62	55
63	Sơn La	-	47

Ghi chú: Năm 2012, Sơn La không tham gia xếp hạng

9.2 Provincial agencies

No.	Provinces/Cities	Rank in 2012	Rank in 2011
1	Da Nang City	01	01
2	Ha Noi City	02	19
3	Thanh Hoa	03	04
4	Ho Chi Minh City	04	08
5	Nghe An	05	52
6	An Giang	06	02
7	Thua Thien Hue	07	03
8	Lao Cai	08	05
9	Ha Tinh	09	12
10	Hai Phong City	10	09
11	Ba Ria - Vung Tau	11	20
12	Binh Phuoc	12	06
13	Tra Vinh	13	13
14	Binh Thuan	14	32
15	Dong Nai	15	07
16	Bac Giang	16	23
17	Lam Dong	17	30
18	Khanh Hoa	18	22
19	Bac Ninh	19	25
20	Quang Nam	20	49
21	Dong Thap	21	10
22	Vinh Long	22	11
23	Hau Giang	23	18
24	Binh Duong	24	24
25	Bac Kan	25	26
26	Binh Dinh	26	37
27	Long An	27	15
28	Ha Giang	28	62
29	Thai Nguyen	29	41
30	Phu Yen	30	45
31	Can Tho City	31	27
32	Phu Tho	32	17

No.	Provinces/Cities	Rank in 2012	Rank in 2011
33	Hai Duong	33	43
34	Yen Bai	34	14
35	Quang Ninh	35	31
36	Nam Dinh	36	28
37	Quang Ngai	37	34
38	Kon Tum	38	42
39	Dak Nong	39	59
40	Quang Binh	40	21
41	Vinh Phuc	41	33
42	Dak Lak	42	51
43	Ben Tre	43	61
44	Quang Tri	44	36
45	Ha Nam	45	16
46	Bac Lieu	46	58
47	Tay Ninh	47	46
48	Thai Binh	48	39
49	Kien Giang	49	29
50	Soc Trang	50	50
51	Lang Son	51	48
52	Gia Lai	52	35
53	Ninh Binh	53	38
54	Hoa Binh	54	40
55	Ca Mau	55	53
56	Hung Yen	56	56
57	Tien Giang	57	44
58	Tuyen Quang	58	54
59	Dien Bien	59	57
60	Cao Bang	60	63
61	Lai Chau	61	60
62	Ninh Thuan	62	55
63	Son La	-	47

Note: In 2012, the province of Son La was not ranked



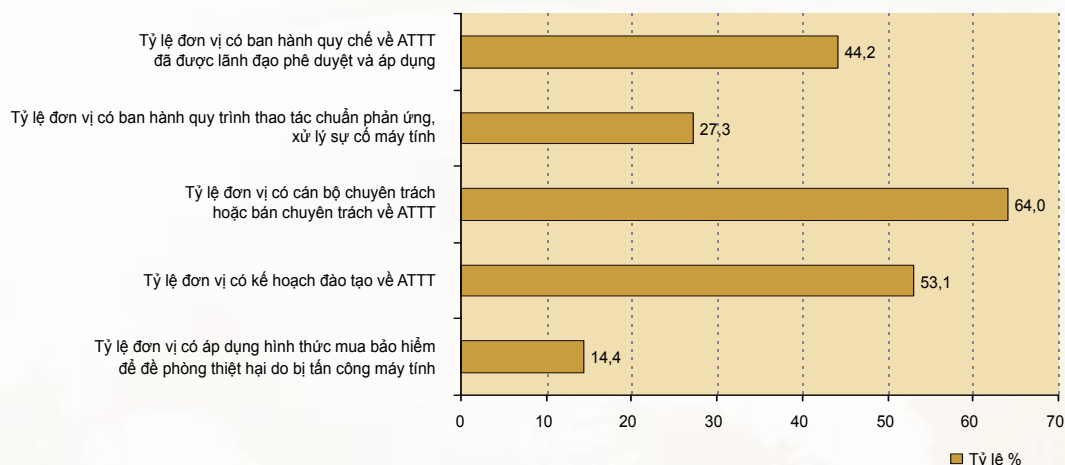


AN TOÀN THÔNG TIN

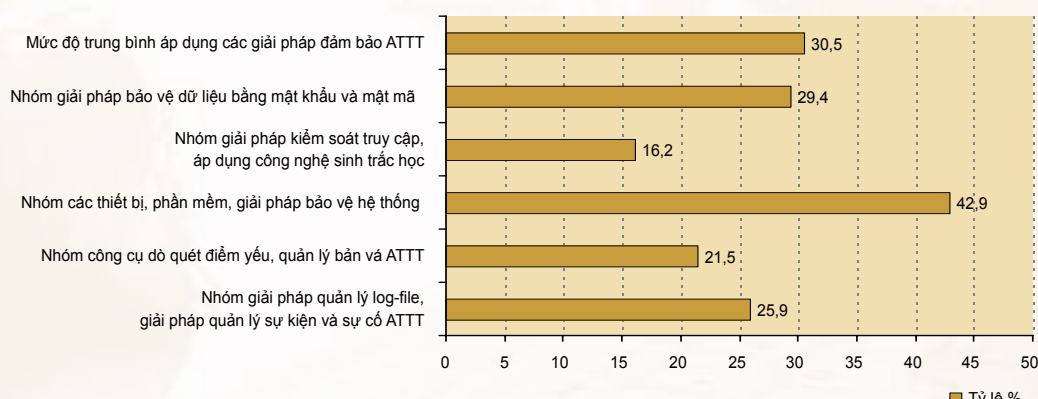
Information Security



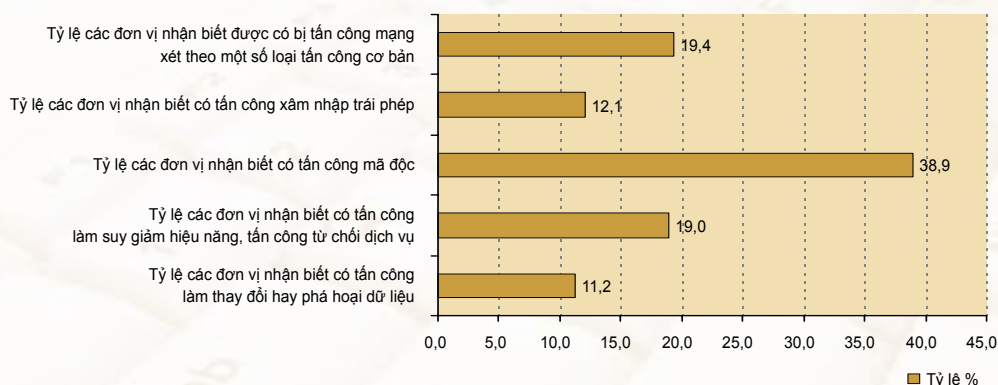
1. QUẢN LÝ AN TOÀN THÔNG TIN



2. MỨC ĐỘ ÁP DỤNG CÁC GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ ĐẢM BẢO AN TOÀN THÔNG TIN

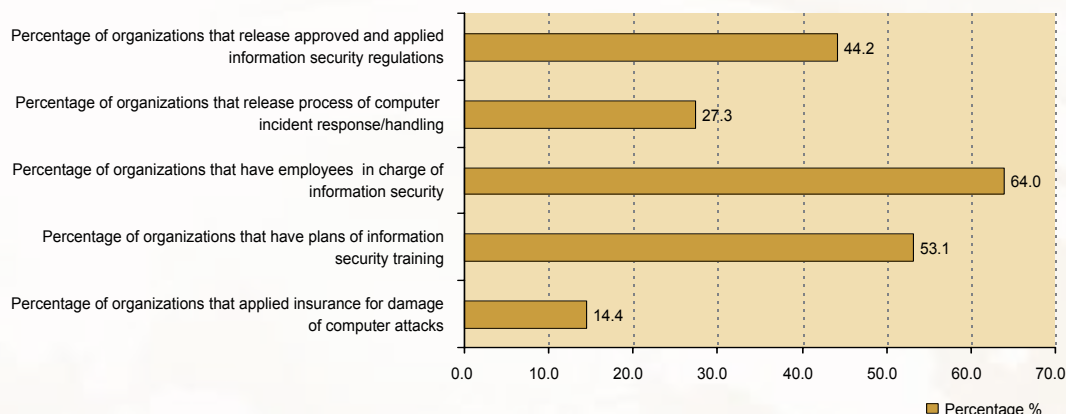


3. TỶ LỆ CÁC ĐƠN VỊ NHẬN BIẾT ĐƯỢC CÓ BỊ TẤN CÔNG MẠNG XÉT THEO MỘT SỐ LOẠI TẤN CÔNG CƠ BẢN

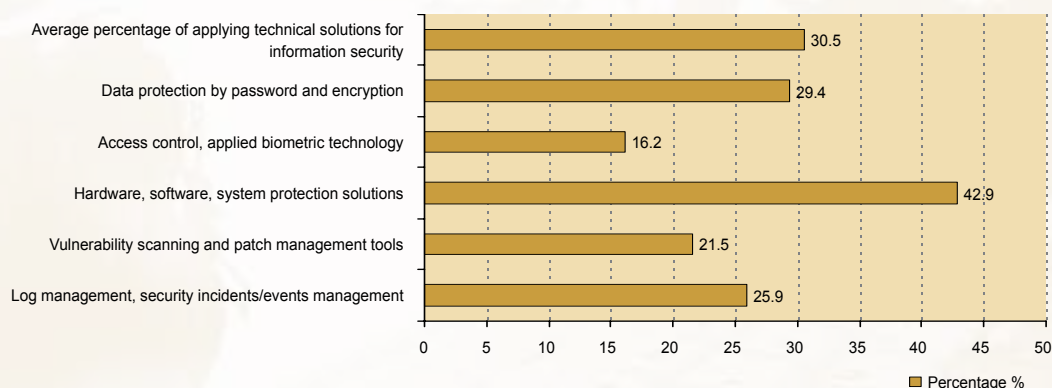


Ghi chú: Theo thống kê trên tổng số 500 cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp toàn quốc năm 2012

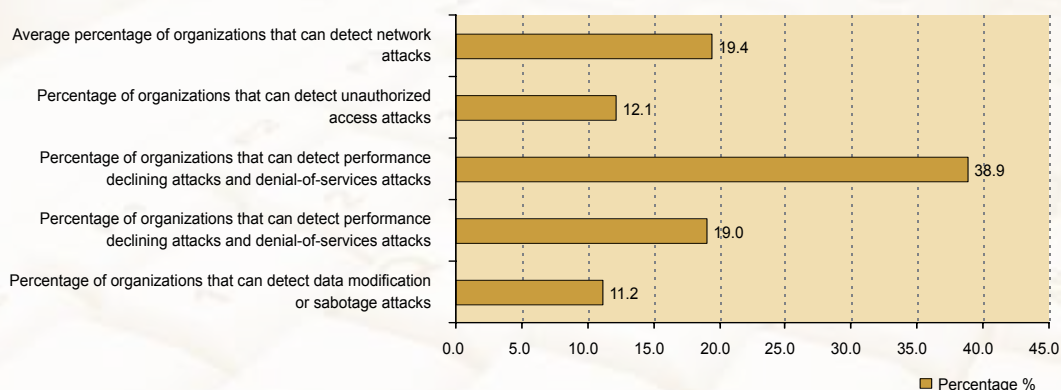
1. INFORMATION SECURITY MANAGEMENT



2. PERCENTAGE OF APPLYING TECHNICAL SOLUTIONS FOR INFORMATION SECURITY



3. PERCENTAGE OF ORGANIZATIONS THAT CAN DETECT NETWORK ATTACKS



Note: According to statistics on the total number of 500 agencies, organizations and businesses throughout the country in 2012





NGUỒN NHÂN LỰC

Human Resources



1. TRÌNH ĐỘ NGUỒN NHÂN LỰC

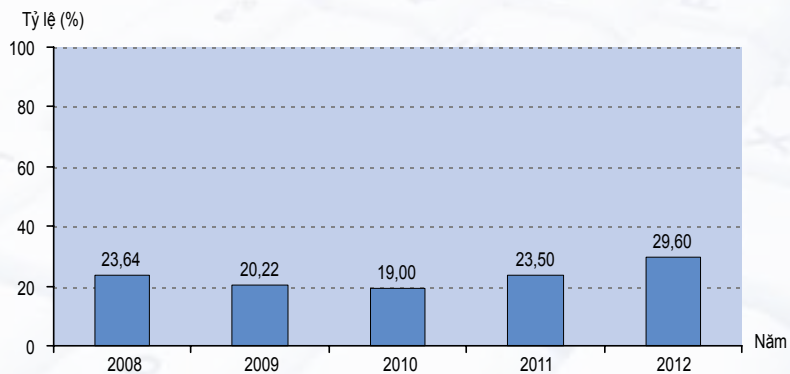
1.1 Tỷ lệ số người trên 15 tuổi biết đọc, viết



1.2 Tỷ lệ số học sinh tiểu học, THCS và THPT trên tổng dân số trong độ tuổi 6-17



1.3 Tỷ lệ số người học đại học, cao đẳng trên tổng số người trong độ tuổi học đại học, cao đẳng



Nguồn: Tổng cục Thống kê

1. EDUCATION LEVEL

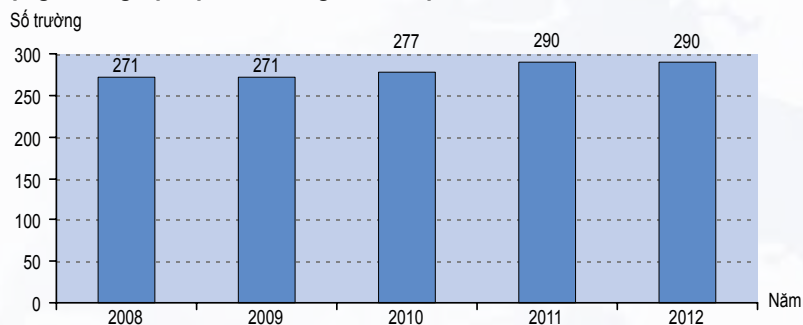
1.1 Percentage of literate population aged 15 and above



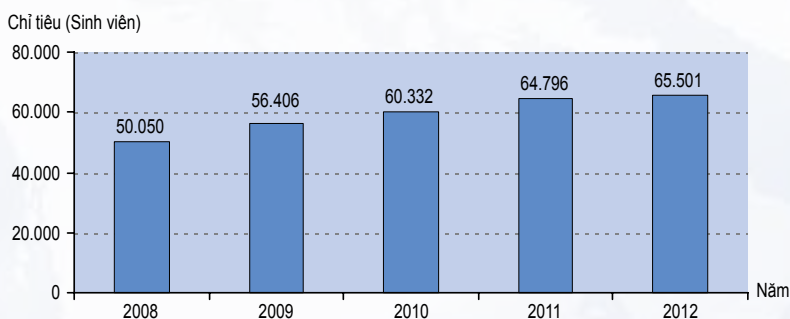
2. ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CNTT-TT

2.1 Đào tạo đại học, cao đẳng

2.1.1. Số lượng trường đại học, cao đẳng có đào tạo về CNTT-TT



2.1.2 Chỉ tiêu tuyển sinh đại học, cao đẳng chuyên ngành CNTT-TT



2.1.3 Tỷ lệ tuyển sinh đại học, cao đẳng ngành CNTT-TT (%)



Nguồn: Cuốn Những điều cần biết về tuyển sinh Đại học, Cao đẳng 2012 - Bộ Giáo dục và Đào tạo

2.1.4 Số lượng sinh viên CNTT-TT *

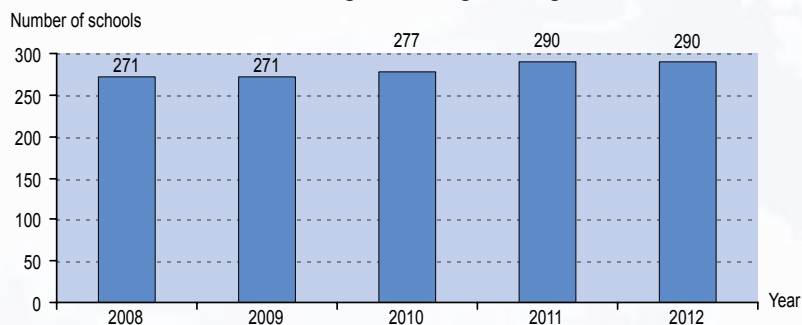
		2010	2011	2012
2.1.4.1	Số lượng sinh viên đại học, cao đẳng CNTT-TT thực tế được tuyển	56.338	55.197	57.917
2.1.4.2	Số lượng sinh viên đại học, cao đẳng CNTT-TT đang học	169.156	173.107	169.302
2.1.4.3	Số lượng sinh viên đại học, cao đẳng CNTT-TT đã tốt nghiệp	34.498	41.908	40.233

* Chỉ xét loại hình đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy.

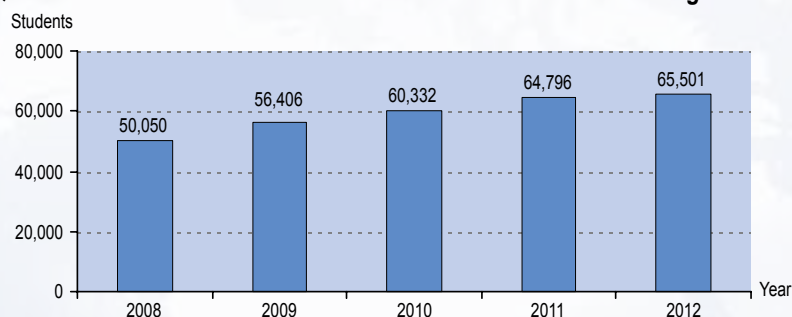
2. ICT HUMAN RESOURCE TRAINING

2.1 Tertiary training

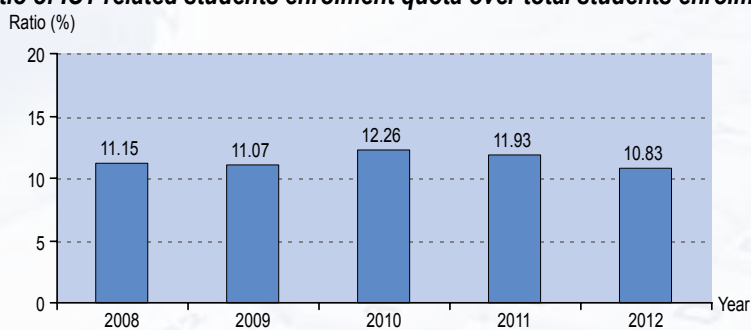
2.1.1 Number of universities and colleges offering ICT degrees



2.1.2 Quota of ICT-related students enrolment in universities and colleges



2.1.3 Ratio of ICT-related students enrolment quota over total students enrolment quota



Source: Guidebook on universities and colleges recruitment 2012 - Ministry of Education and Training

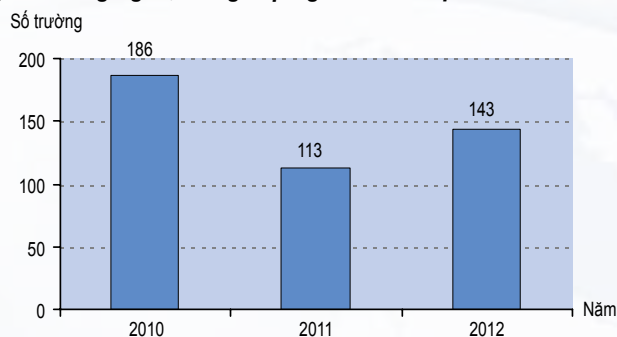
2.1.4 Number of ICT – related students in universities and colleges*

		2010	2011	2012
2.1.4.1	Actual number of ICT- related students enrolled	56,338	55,197	57,917
2.1.4.2	Number of ICT- related students studying	169,156	173,107	169,302
2.1.4.3	Number of ICT- related graduates	34,498	41,908	40,233

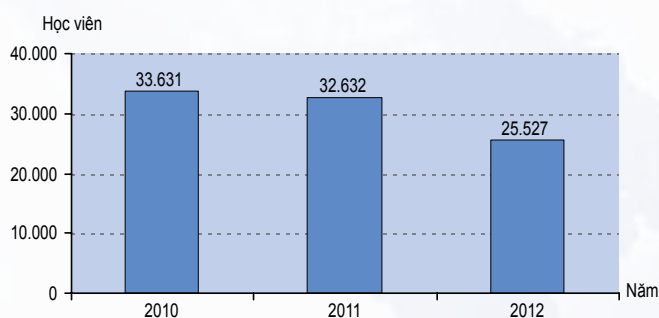
* Applied to full time training courses of universities and colleges.

2.2 Đào tạo nghề

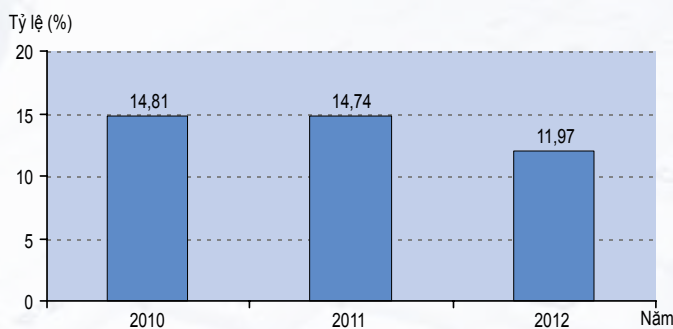
2.2.1 Số lượng trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề có đào tạo về CNTT-TT



2.2.2 Số lượng học viên nghề CNTT-TT tuyển sinh thực tế



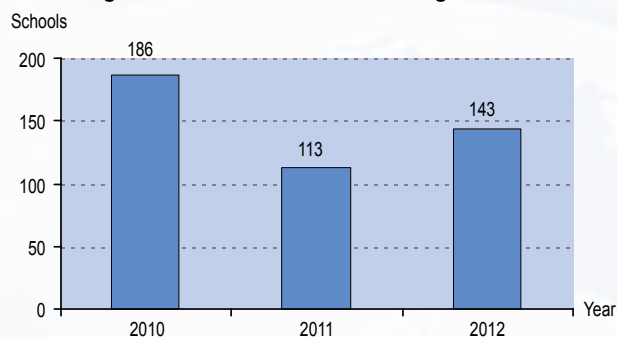
2.2.3 Tỷ lệ tuyển sinh đào tạo nghề ngành CNTT-TT thực tế (%)



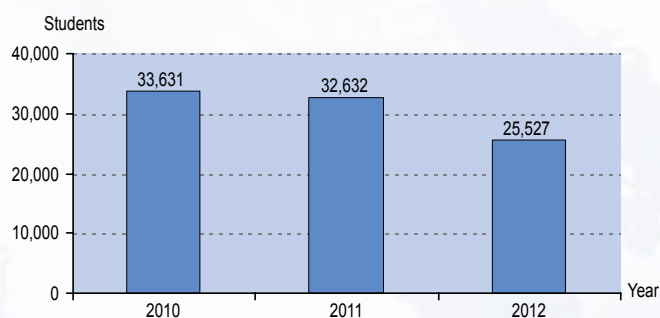
Nguồn: Tổng cục Dạy nghề

2.2 Vocational training

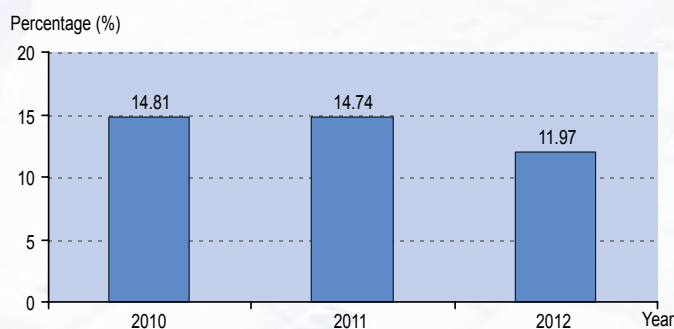
2.2.1 Number of schools offering ICT-related vocational training



2.2.2 Actual number of ICT-related students enrolled in vocational schools



2.2.3 Ratio of the actual number of ICT-related vocational students enrolled over the total number of vocational students number (%)



Source: General Department of Vocational Training

3. LAO ĐỘNG NGÀNH CNTT-TT

STT	Số lao động	2008	2009	2010	2011	2012
3.1	Lĩnh vực công nghiệp CNTT	200.000	226.300	250.290	306.754	352.742
3.1.1	Công nghiệp phần cứng	110.000	121.300	127.548	167.660	208.680
3.1.2	Công nghiệp phần mềm	57.000	64.000	71.814	78.894	80.820
3.1.3	Công nghiệp nội dung số	33.000	41.000	50.928	60.200	63.242
3.2	Lĩnh vực viễn thông	-	-	-	79.799	78.819
3.3	Lĩnh vực bưu chính	54.834	54.685	48.964	49.295	47.673
3.4	Lĩnh vực phát thanh truyền hình	-	-	-	18.054	10.854*

Ghi chú: “-” Không có số liệu

“*” Chưa bao gồm lao động của các doanh nghiệp

4. NHÂN LỰC CNTT-TT TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

STT	Lao động	Năm 2012
4.1	Tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ	
4.1.1	Tỉ lệ trung bình số đơn vị trực thuộc có cán bộ chuyên trách về CNTT	61,67%
4.1.2	Số cán bộ chuyên trách về CNTT trung bình tại các đơn vị thuộc, trực thuộc có cán bộ chuyên trách CNTT	2,69 người
4.2	Tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
4.2.1	Tỉ lệ trung bình số đơn vị thuộc, trực thuộc có cán bộ chuyên trách về CNTT	82,45%
4.2.2	Số cán bộ chuyên trách về CNTT trung bình tại các đơn vị thuộc, trực thuộc có cán bộ chuyên trách CNTT	2,19 người
4.2.3	Tỉ lệ trung bình số ủy ban nhân dân cấp quận, huyện có cán bộ chuyên trách về CNTT	85,73%
4.2.4	Số cán bộ chuyên trách về CNTT trung bình tại các ủy ban nhân dân cấp quận, huyện có cán bộ chuyên trách CNTT	1,91 người

3. WORKFORCE IN THE ICT SECTOR

No.	Number of employees	2008	2009	2010	2011	2012
3.1	Information technology industry sector	200.000	226.300	250.290	306,754	352,742
3.1.1	Hardware industry	110,000	121,300	127,548	167,660	208,680
3.1.2	Software industry	57,000	64,000	71,814	78,894	80,820
3.1.3	Digital content industry	33,000	41,000	50,928	60,200	63,242
3.2	Telecommunications sector	-	-	-	79,799	78,819
3.3	Postal sector	54,834	54,685	48,964	49,295	47,673
3.4	Broadcasting sector	-	-	-	18,054	10,854*

Note : “-“ No data

“*”Excluding employees in enterprises.

4. ICT WORKFORCE IN STATE AGENCIES

No.	Employees	Year 2012
4.1	In ministries and ministerial level agencies	
4.1.1	Average ratio of a number of units of ministries and ministerial level agencies which have employees in charge of ICT	61.67%
4.1.2	Average number of employees in charge of ICT in the units of ministries and ministerial level agencies	2.69 people
4.2	In provincial agencies	
4.2.1	Average ratio of a number of units of provincial agencies which have employees in charge of ICT	82.45%
4.2.2	Average number of employees in charge of ICT in the units of provincial agencies which have employees in charge of ICT	2.19 people
4.2.3	Average ratio of a number of district-level people's committees which have employees in charge of ICT per provincial agencies	85.73%
4.2.4	Average number of employees in charge of ICT in district-level people's committees	1.91 people





HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

**Viet Nam's Policy,
Legal Documents on ICT**



1. VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1.1 Luật

- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006.
- Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

1.2. Nghị định

- Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23/11/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007.
- Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.
- Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
- Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/5/2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin.
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.
- Nghị định số 63/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin.
- Nghị định số 35/2007/NĐ-CP ngày 08/3/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng.
- Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính.
- Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.
- Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28/8/2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Khu công nghệ cao.

1.3 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 50/2009/QĐ-TTg ngày 03/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành "Quy chế quản lý Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm và Chương trình phát triển công nghiệp nội dung số Việt Nam".
- Quyết định số 223/2006/QĐ-TTg ngày 04/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Quyết định số 169/2006/QĐ-TTg ngày 17/7/2006.
- Quyết định số 169/2006/QĐ-TTg ngày 17/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ về đầu tư mua sắm các sản phẩm công nghệ thông tin của các cơ quan, tổ chức sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

1.4 Thông tư

1.4.1. Công nghiệp CNTT

- Thông tư số 11/2012/TT-BTTTT ngày 17/7/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu.

1. INFORMATION TECHNOLOGY

1.1 Law

- Law on Information Technology (No. 67/2006/QH11, Promulgator: National Assembly, Dated: Jun 29, 2006).
- Law on E-transactions (No. 51/2005/QH11, Promulgator: National Assembly, Dated: Nov 29, 2005).

1.2 Government's Decrees

- Decree No. 106/2011/ND-CP dated Nov 23, 2011 amending, supplementing some articles of Decree No. 26/2007/ND-CP dated Feb 15, 2007.
- Decree No. 43/2011/ND-CP dated Jun 13, 2011 regulating the provision of information and online public services on websites or portals of state agencies.
- Decree No. 102/2009/ND-CP dated Nov 06, 2009 on the management of investment in information technology application using the state budget.
- Decree No. 71/2007/ND-CP dated May 03, 2007 detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Law on Information Technology regarding information technology industry.
- Decree No. 64/2007/ND-CP dated Apr 10, 2007 on information technology application in state agencies' operations.
- Decree No. 63/2007/ND-CP dated Apr 10, 2007 on sanctioning of administrative violations in the domain of information technology.
- Decree No. 35/2007/ND-CP dated Mar 08, 2007 on banking e-transactions.
- Decree No. 27/2007/ND-CP dated Feb 23, 2007 on e-transactions in financial activities.
- Decree No. 26/2007/ND-CP dated Feb 15, 2007 detailing the Law on E-transaction regarding digital signatures and digital signature certification services.
- Decree No. 99/2003/ND-CP dated Sep 28, 2003 promulgating the Regulation on High-tech Parks.

1.3 Prime Minister's Decisions

- Decision No. 50/2009/QĐ-TTg dated Apr 03, 2009 promulgating the "Regulation on the management of the software industry development program and the digital content industry development program in Viet Nam".
- Decision No. 223/2006/QĐ-TTg dated Oct 04, 2006 amending some articles of Decision No. 169/2006/QĐ-TTg dated Jul 17, 2006.
- Decision No. 169/2006/QĐ-TTg dated Jul 17, 2006 providing for investment and procurement of information technology products by agencies and organizations using the state budget.

1.4 Circulars

1.4.1 Information technology industry

- Circular No. 11/2012/TT-BTTTT dated Jul 17, 2012 of the Ministry of Information and Communications promulgating a list of used information technology products to be banned from import.

- Thông tư số 35/2011/TT-BTTTT ngày 06/12/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hủy bỏ tiêu chuẩn ngành về điện tử, viễn thông và công nghệ thông tin.
- Thông tư số 31/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải công bố hợp quy.
- Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông.
- Thông tư số 20/2011/TT-BTTTT ngày 01/7/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

1.4.2 Ứng dụng CNTT

- Thông tư số 24/2011/TT-BTTTT ngày 20/9/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc tạo lập, sử dụng và lưu trữ dữ liệu đặc tả trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.
- Thông tư số 19/2011/TT-BTTTT ngày 01/7/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về áp dụng tiêu chuẩn định dạng tài liệu mở trong cơ quan nhà nước.
- Thông tư số 06/2011/TT-BTTTT ngày 28/02/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.
- Thông tư số 02/2011/TT-BTTTT ngày 04/01/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định nội dung giải quyết sự cố trong quá trình thực hiện đầu tư bảo hành, vận hành các dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
- Thông tư số 01/2011/TT-BTTTT ngày 04/01/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông công bố Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin cơ quan nhà nước.

1.4.3 Giao dịch điện tử

- Thông tư số 08/2011/TT-BTTTT ngày 31/3/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14/02/2009.
- Thông tư số 09/2011/TT-BCT ngày 30/3/2011 của Bộ Công Thương quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT ngày 14/02/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp các dịch vụ chứng thực chữ ký số.
- Thông tư số 78/2008/TT-BTC ngày 15/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính.

- Circular No. 35/2011/TT-BTTTT dated Dec 6, 2011 of the Ministry of Information and Communications canceling the industry standards on electronics, telecommunications and information technology.
- Circular No. 31/2011/TT-BTTTT dated Oct 31, 2011 of the Ministry of Information and Communications promulgating a list of information and communication technology products and goods subject to announcement of standard conformity.
- Circular No. 30/2011/TT-BTTTT dated Oct 31, 2011 of the Ministry of Information and Communications regulating of certification and announcement of standard conformity to information and communications technology products and goods.
- Circular No. 20/2011/TT-BTTTT dated Jul 01, 2011 of the Ministry of Information and Communications promulgating a list of products and goods likely to be unsafe subject to management.

1.4.2 Information technology application

- Circular No. 24/2011/TT-BTTTT dated Sep 20, 2011 of the Ministry of Information and Communications regulating the creation, use and storage of specific data on the websites or portals of state agencies.
- Circular No. 19/2011/TT-BTTTT dated Jul 01, 2011 of the Ministry of Information and Communications regulating the application of open document format standards in state agencies.
- Circular No. 06/2011/TT-BTTTT dated Feb 28, 2011 the Ministry of Information and Communications providing for the establishment and management of investment expenses for information technology application.
- Circular No. 02/2011/TT-BTTTT dated Jan 04, 2011 of the Ministry of Information and Communications on settlement of incidents during investment, warranty and operation of state-funded projects on information technology application.
- Circular No. 01/2011/TT-BTTTT dated Jan 04, 2011 of the Ministry of Information and Communications promulgating a list of technical standards on information technology application to state agencies.

1.4.3 E-transactions

- Circular No. 08/2011/TT-BTTTT dated Mar 31, 2011 of the Ministry of Information and Communications, amending some articles of Circular No. 37/2009/TT-BTTTT dated Dec 14, 2009.
- Circular No. 09/2011/TT-BCT dated Mar 30, 2011 of the Ministry of Industry and Trade regulating the management and use of digital signatures, digital certificates and certification services for digital signatures belonging to the Ministry of Industry and Trade.
- Circular No. 37/2009/TT-BTTTT dated Dec 14, 2009 of the Ministry of Information and Communications providing regulations on procedures and records related to licensing, registration and accreditation of organizations which provide digital signature certification services.
- Circular No. 78/2008/TT-BTC dated Sep 15, 2008 of the Ministry of Finance guiding the implementation of some regulations of the Government's Decree No. 27/2007/ND-CP dated Feb 23, 2007 on e-transactions on financial activities.

2. VỀ VIỄN THÔNG, INTERNET, PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

2.1 Luật

- Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23/11/2009.
- Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23/11/2009.

2.2 Nghị định

- Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng..
- Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13/8/2008 về chống thư rác.
- Nghị định số 83/2011/NĐ-CP ngày 20/9/2011 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông.
- Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông.
- Nghị định số 28/2009/NĐ-CP ngày 20/3/2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet.
- Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13/8/2008 của Chính phủ về chống thư rác.

2.3 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 18^q/2013/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý hoạt động truyền hình trả tiền ban hành kèm theo Quyết định số 20/2011/QĐ-TTg ngày 24/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ.
- Quyết định số 45/2012/QĐ-TTg ngày 23/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chí xác định công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.
- Quyết định số 16/2012/QĐ-TTg ngày 08/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định về đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.
- Quyết định số 55/2011/QĐ-TTg ngày 14/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng do Nhà nước nắm Cổ phần, vốn góp chi phối.
- Quyết định số 20/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 20/3/2011 ban hành Quy chế quản lý hoạt động truyền hình trả tiền.
- Quyết định số 155/2008/QĐ-TTg ngày 01/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án điều chỉnh cước dịch vụ điện thoại cố định nội hạt.

2.4 Thông tư

2.4.1 Viễn thông

- Thông tư số 15/2013/TT-BTTTT ngày 01/7/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 20/2012/TT-BTTTT ngày 04/12/2012.
- Thông tư số 08/2013/TT-BTTTT ngày 26/3/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

2. TELECOMMUNICATIONS, INTERNET, BROADCASTING AND ELECTRONIC INFORMATION

2.1 Laws

- Law on Telecommunications (No. 41/2009/QH12, Promulgator: The National Assembly, Dated: Nov 23, 2009).
- Law on Radio Frequencies (No. 42/2009/QH12, Promulgator: The National Assembly, Dated: Nov 23, 2009).

2.2 Government's Decrees

- Decree No. 72/2013/ND-CP dated Jul 15, 2013 on management, provision and use of the Internet service and online information.
- Decree No. 77/2012/ND-CP dated Oct 05, 2012 amending and supplementing some articles of Decree No. 90/2008/ND-CP dated Aug 13, 2008 on anti-spam.
- Decree No. 83/2011/ND-CP dated September 20, 2011 on sanctioning of administrative violations in the telecommunications sector.
- Decree No. 25/2011/ND-CP dated Apr 6, 2011 detailing and guiding some articles of the Law on Telecommunications.
- Decree No. 28/2009/ND-CP dated Mar 20, 2009 on sanctioning of administrative violations in the management, provision and use of Internet service and electronic information on the Internet.
- Decree No. 90/2008/ND-CP dated Aug 13, 2008 on anti-spam.

2.3 Prime Minister's Decisions

- Decision No. 18^a/2013/QD-TTg dated Mar 29, 2013, amending, supplementing some articles of the Regulation on management of pay TV services approved at the Decision No. 20/2011/QD-TTg dated Mar 24, 2011.
- Decision No. 45/2012/QD-TTg dated Oct 23, 2012 providing the criteria for defining important telecommunication projects related to national security.
- Decision No. 16/2012/QD-TTg dated Mar 08, 2012 on auctioning and transfer rights to use radio frequencies.
- Decision No. 55/2011/QD-TTg dated Oct 14, 2011 promulgating a list of telecommunication service providers with network infrastructure in which the state holds dominating shares or capital contributions.
- Decision No. 20/2011/QD-TTg dated Mar 20, 2011 promulgating the Regulation on pay television management.
- Decision No. 155/2008/QD-TTg dated Dec 01, 2008 approving the plan on the adjustment of local fixed telephone service charges.

2.4 Circulars

2.4.1 Telecommunications

- Circular No. 15/2013/TT-BTTTT dated Jul 01, 2013 of the Ministry of Information and Communications amending, supplementing the Circular No. 20/2012/TT-BTTTT dated Dec 04, 2012.
- Circular No. 08/2013/TT-BTTTT dated Mar 26, 2013 of the Ministry of Information and Communications on telecommunications service quality management;

- Thông tư số 07/2013/TT-BTTTT ngày 18/3/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định thời điểm cụ thể tích hợp chức năng thu truyền hình số mặt đất đối với máy thu hình sản xuất và nhập khẩu để sử dụng tại Việt Nam.
- Thông tư số 04/2013/TT-BTTTT ngày 23/01/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy hoạch sử dụng kênh tần số phát thanh FM đến năm 2020.
- Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22/01/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu.
- Thông tư số 02/2013/TT-BTTTT ngày 22/01/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục dịch vụ viễn thông bắt buộc quản lý chất lượng.
- Thông tư số 01/2013/TT-BTTTT ngày 10/01/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.
- Thông tư số 20/2012/TT-BTTTT ngày 04/12/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.
- Thông tư số 18/2012/TT-BTTTT ngày 15/11/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông Danh mục doanh nghiệp viễn thông, nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với các dịch vụ viễn thông quan trọng.
- Thông tư số 17/2012/TT-BTTTT ngày 05/11/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định việc tổ chức và đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai.
- Thông tư số 16/2012/TT-BTTTT ngày 30/10/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định phương pháp xác định và chế độ báo cáo giá thành dịch vụ viễn thông.
- Thông tư số 14/2012/TT-BTTTT ngày 12/10/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định giá cước dịch vụ thông tin di động mặt đất.
- Thông tư số 12/2012/TT-BTTTT ngày 30/7/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.
- Thông tư số 10/2012/TT-BTTTT ngày 10/7/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông Ban hành danh mục dịch vụ viễn thông quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông.
- Thông tư số 05/2012/TT-BTTTT ngày 18/5/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông về phân loại các dịch vụ viễn thông.
- Thông tư số 04/2012/TT-BTTTT ngày 13/4/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý thuê bao di động trả trước.
- Thông tư số 03/2012/TT-BTTTT ngày 20/3/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục thiết bị vô tuyến điện được miễn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, điều kiện kỹ thuật và khai thác kèm theo.
- Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BTTTT-BGTVT ngày 24/02/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn việc quản lý, cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động hàng không, nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không.
- Thông tư số 35/2011/TT-BTTTT ngày 06/12/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông hủy bỏ tiêu chuẩn ngành về điện tử, viễn thông và công nghệ thông tin.
- Thông tư số 32/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải chứng nhận và công bố hợp quy.
- Thông tư số 31/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông bắt buộc phải công bố hợp quy.

- Circular No. 07/2013/TT-BTTTT dated Mar 18, 2013 of the Ministry of Information and Communications regulating the points of time to integrate the function of recording terrestrial digital television applied to produced and imported televisions to use in Viet Nam.
- Circular No. 04/2013/TT-BTTTT dated Jan 23, 2013 of the Ministry of Information and Communications on planning to use the channels broadcasted via FM frequencies to 2020.
- Circular No. 03/2013/TT-BTTTT dated Jan 22, 2013 of the Ministry of Information and Communications providing applicable standards, technical regulations for data centers
- Circular No. 02/2013/TT-BTTTT dated Jan 22, 2013 of the Ministry of Information and Communications providing a list of telecommunications services subject to quality management.
- Circular No. 01/2013/TT-BTTTT dated Jan 10, 2013 of the Ministry of Information and Communications promulgating national technical standards.
- Circular No. 20/2012/TT-BTTTT dated Dec 04, 2012 of the Ministry of Information and Communications promulgating national technical standards.
- Circular No. 18/2012/TT-BTTTT dated Nov 15, 2012 of the Ministry of Information and Communications providing a list of telecommunications operators with dominant positions on market for the important telecommunication services.
- Circular No. 17/2012/TT-BTTTT dated Nov 05, 2012 of the Ministry of Information and Communications providing the organization and stabilization of communications service for directing and administering in terms of natural disasters prevention.
- Circular No. 16/2012/TT-BTTTT dated Oct 30, 2012 of the Ministry of Information and Communications providing methods for identification and reporting of telecommunication services costs.
- Circular No. 14/2012/TT-BTTTT dated Oct 12, 2012 of the Ministry of Information and Communications on charges of the terrestrial mobile communication services.
- Circular No. 12/2012/TT-BTTTT dated Jul 30, 2012 of the Ministry of Information and Communications providing the examination for the right to use radio frequencies;
- Circular No. 10/2012/TT-BTTTT dated Jul 10, 2012 of the Ministry of Information and Communications promulgating a list of telecommunication services specified in Clause 1, Article 3 of the Government's Decree No.25/2011/ND-CP dated Apr 06, 2011 detailing and guiding the implementation of some articles of the Law on Telecommunications.
- Circular No. 05/2012/TT-BTTTT dated May 18, 2012 of the Ministry of Information and Communications on the classification of telecommunication services.
- Circular No. 04/2012/TT-BTTTT dated Apr 13, 2012 of the Ministry of Information and Communications on the management of pre-paid mobile subscribers.
- Circular No. 03/2012/TT-BTTTT dated Mar 20, 2012 of the Ministry of Information and Communications regulating the list of radio equipment to be exempted from the license to use radio frequencies with corresponding technical and operating conditions.
- Joint Circular No. 01/2012/TTLT-BTTTT-BGTVT dated Feb 24, 2012 of the Ministry of Information and Communications and Ministry of Transport guiding the management, certification of radio frequencies for radio stations using frequencies in airway mobile business and airway navigation radio business.
- Circular No. 35/2011/TT-BTTTT dated Dec 06, 2011 of the Ministry of Information and Communications canceling the industry standards on electronics, telecommunications and information technology.
- Circular No. 32/2011/TT-BTTTT dated Oct 31, 2011 of the Ministry of Information and Communications promulgating a list of information and communications technology products and goods subject to be certified and announced of standard conformity.
- Circular No. 31/2011/TT-BTTTT dated Oct 31, 2011 of the Ministry of Information and Communications promulgating a list of information and communications technology products and goods subject to be announced of standard conformity.

- Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông.
- Thông tư số 29/2011/TT-BTTTT ngày 26/10/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về viễn thông.
- Thông tư số 22/2011/TT-BTTTT ngày 02/8/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành cuộc kết nối cuộc gọi từ mạng thông tin di động mặt đất đến mạng viễn thông cố định mặt đất nội hạt.
- Thông tư số 18/2011/TT-BTTTT ngày 30/6/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Quy trình kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng.
- Thông tư số 11/2011/TT-BTTTT ngày 26/5/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về viễn thông.

2.4.2 Internet

- Thông tư số 27/2011/TT-BTTTT ngày 04/10/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về điều phối các hoạt động ứng cứu sự cố mạng Internet Việt Nam.
- Thông tư số 09/2011/TT-BTTTT ngày 08/4/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24/12/2008 và Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30/12/2008.
- Thông tư số 03/2009/TT-BTTTT ngày 02/3/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc mã số quản lý và mẫu giấy chứng nhận mã số quản lý đối với nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn, nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet.
- Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30/12/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13/8/2008 về chống thư rác.
- Thông tư số 10/2008/TT-BTTTT ngày 24/12/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc giải quyết tranh chấp tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”.
- Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24/12/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.
- Thông tư số 05/2008/TT-BTTTT ngày 12/11/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn một số điều của Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet đối với dịch vụ Internet.
- Thông tư liên tịch số 02/2005/TTLT-BCVT-VHTT-CA-KHĐT ngày 14/7/2005 của Bộ Bưu chính Viễn thông, Bộ Văn hóa và Thông tin, Bộ Công an và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quản lý đại lý Internet.

2.4.3 Phát thanh - truyền hình và Thông tin điện tử

- Thông tư số 33/2011/TT-BTTTT ngày 01/11/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định việc cấp phép hoạt động báo chí điện tử, giấy phép chuyên trang điện tử.
- Thông tư số 28/2011/TT-BTTTT ngày 21/10/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành các mẫu Tờ khai đăng ký, mẫu Đơn đề nghị cấp phép, mẫu Chứng nhận đăng ký và mẫu Giấy phép quy định tại Quyết định số 20/2011/QĐ-TTg ngày 20/3/2011 Ban hành Quy chế quản lý hoạt động truyền hình trả tiền.
- Thông tư số 14/2010/TT-BTTTT ngày 29/6/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet đối với hoạt động quản lý trang thông tin điện tử và dịch vụ mạng xã hội trực tuyến.
- Thông tư số 07/2008/TT-BTTTT ngày 18/12/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn một số nội dung về hoạt động cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử cá nhân trong Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet.

- Circular No. 30/2011/TT-BTTTT dated Oct 31, 2011 of the Ministry of Information and Communications regulating of certification and announcement of standard conformity to information and communications technology products and goods.
- Circular No. 29/2011/TT-BTTTT dated Oct 26, 2011 of the Ministry of Information and Communications promulgating the national technical regulations on telecommunications.
- Circular No. 22/2011/TT-BTTTT dated Sep 02, 2011 of the Ministry of Information and Communications regulating the connection charges of the calls from the terrestrial mobile network to the local terrestrial fixed network.
- Circular No. 18/2011/TT-BTTTT dated Jun 30, 2011 of the Ministry of Information and Communications promulgating the test procedure of public terrestrial mobile base stations.
- Circular No. 11/2011/TT-BTTTT dated May 26, 2011 of the Ministry of Information and Communications promulgating the national technical regulations on telecommunications.

2.4.2 Internet

- Circular No. 27/2011/TT-BTTTT dated Oct 04, 2011 of the Ministry of Information and Communications regulating the coordination of incident response activities on the Internet in Viet Nam.
- Circular No. 09/2011/TT-BTTTT dated Apr 08, 2011 of the Ministry of Information and Communications amending, supplementing some provisions of the Circular No. 09/2008/TT-BTTTT dated Dec 24, 2008 và Circular No. 12/2008/TT-BTTTT dated Dec 30, 2008.
- Circular No. 03/2009/TT-BTTTT dated Mar 02, 2009 of the Ministry of Information and Communications promulgating the regulations on management codes and management code sample certificates for advertising service providers by e-mail, via SMS and message on the Internet.
- Circular No. 12/2008/TT-BTTTT dated Dec 30, 2008 of the Ministry of Information and Communications guiding the implementation of some provisions of the Government's Decree No. 90/2008/ND-CP dated Aug 13, 2008 on anti-spam.
- Circular No. 10/2008/TT-BTTTT dated Dec 24, 2008 of the Ministry of Information and Communications guiding the settlement of disputes over the Viet Nam's country code domain name ".vn".
- Circular No. 09/2008/TT-BTTTT dated Dec 24, 2008 of the Ministry of Information and Communications guiding the management and use of Internet resources.
- Circular No. 05/2008/TT-BTTTT dated Nov 12, 2008 of the Ministry of Information and Communications guiding some articles of the Government's Decree No. 97/2008/ND-CP dated Aug 28, 2008 on the management, provision and use of Internet service and electronic information on the Internet.
- Joint Circular No. 02/2005/TTLT-BCVT-VHTT-CA-KHDT dated Jul 14, 2005 of the Ministry of Posts and Telematics, Ministry of Culture and Information, Ministry of Public Security and Ministry of Planning and Investment on the management of Internet agents.

2.4.3 Broadcasting and Electronic Information

- Circular No. 33/2011/TT-BTTTT dated Nov 01, 2011 of the Ministry of Information and Communications detailing the licensing of e-newspapers and special websites of e-newspapers.
- Circular No. 28/2011/TT-BTTTT dated Oct 21, 2011 of the Ministry of Information and Communications promulgating sample papers of Registration Declaration, Certification Request, Registration Certificate and License in the Prime Minister's Decision No. 20/2011/QD-TTg dated Mar 20, 2011 promulgating the Regulation on pay television management.
- Circular No. 14/2008/TT-BTTTT dated Jun 29, 2010 of the Ministry of Information and Communications detailing a number of contents of the Government's Decree No. 97/2008/ND-CP dated Aug 28, 2008 on the management, provision and use of Internet service and information on the Internet regarding the supply of information on blogs.
- Circular No. 07/2008/TT-BTTTT dated Dec 18, 2008 of the Ministry of Information and Communications guiding some articles on the management of websites and online social network service of the Government's Decree No. 97/2008/ND-CP dated Aug 28, 2008 on the management, provision and use of the Internet service and electronic information on the Internet.

3. VỀ BƯU CHÍNH

3.1 Luật

- Luật bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/6/2010.

3.2 Nghị định

- Nghị định số 58/2011/NĐ-CP ngày 08/7/2011 của Chính phủ quy định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực Bưu chính.
- Nghị định số 121/2008/NĐ-CP ngày 03/12/2008 của Chính phủ về hoạt động đầu tư trong lĩnh vực Bưu chính, Viễn thông.

3.3 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 72/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 22/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 65/2008/QĐ-TTg ngày 22/5/2008.
- Quyết định số 41/2011/QĐ-TTg ngày 03/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc chỉ định doanh nghiệp thực hiện duy trì, quản lý mạng bưu chính công cộng, cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ bưu chính quốc tế.
- Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg ngày 22/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.
- Quyết định số 39/2007/QĐ-TTg ngày 21/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông.

4. VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

4.1 Luật

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 36/2009/QH12 ngày 29/6/2009.
- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

4.2 Nghị định

- Nghị định số 97/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.
- Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.
- Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp.
- Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan.

4.3 Thông tư

- Thông tư liên tịch số 07/2012/TTLT-BTTTT-BVHTTDL ngày 19/6/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian trong việc bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan trên môi trường mạng Internet và mạng viễn thông.
- Thông tư số 44/2011/TT-BTC ngày 01/4/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác chống hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan.

3. POSTS

3.1 Law

- Law on Post (No. 49/2010/QH12, Promulgator: The National Assembly, Dated: Jun 17, 2010).

3.2 Government's Decrees

- Decree No. 58/2011/ND-CP dated Jul 08, 2011 on sanctioning of administrative violations in the field of post.
- Decree No. 121/2008/ND-CP dated Dec 03, 2008 on investment activities in the posts and telecommunications sector.

3.3 Prime Minister's Decisions

- Decision No. 72/2011/QĐ-TTg dated Sep 22, 2011 amending, supplementing some articles of Decision No. 65/2008/QĐ-TT dated May 22, 2008.
- Decision No. 41/2011/QĐ-TTg dated Aug 03, 2011 on appointing enterprises to maintain, manage public postal network, supply utility public postal services and international postal services.
- Decision No. 65/2008/QĐ-TTg dated May 22, 2008 on the provision of utility public postal services.
- Decision No. 39/2007/QĐ-TTg dated Mar 21, 2007 on the management of posts and telecommunication service charges.

4. INTELLECTUAL PROPERTY

4.1 Law

- Law amending and supplementing some articles of the Law on Intellectual Property (No. 36/2009/QH12, Promulgator: National Assembly, Dated: Jun 29, 2009).
- Law on Intellectual Property (No. 50/2005/QH11, Promulgator: National Assembly, Dated: Nov 29, 2005).

4.2 Government's Decrees

- Decree No. 97/2010/ND-CP dated Sep 21, 2010 sanctioning of administrative violations in the field of industrial property.
- Decree No. 105/2006/ND-CP dated Sep 22, 2006 detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Law on Intellectual Property on protection of intellectual property rights and on state management of intellectual property.
- Decree No. 103/2006/ND-CP dated Sep 22, 2006 detailing and guiding the implementation of some articles of the Law on Intellectual Property on industrial property.
- Decree No. 100/2006/ND-CP dated Sep 21, 2006 detailing and guiding the implementation of some articles of the Civil Code, the Law on Intellectual Property on copyright and related rights.

4.3 Circulars

- Joint Circular No. 07/2012/TTLT-BTTTT-BVHTTDL dated Jun 19, 2012 of the Ministry of Information and Communications and Ministry of Culture, Sports and Tourism regulating the responsibilities of intermediary service providers in the protection of copyright and related rights on the Internet and the telecommunication network.
- Circular No. 44/2011/TT-BTC dated Apr 01, 2011 of the Ministry of Finance guiding affairs on anti-smuggling and intellectual property rights protection in the field of customs.





CÁC CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

**National Strategies, Plannings,
Programs and Projects on ICT**



1. CÁC CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CNTT-TT

- Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia đến năm 2020 (Quyết định số 32/2012/QĐ-TTg ngày 27/7/2012)
- Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020 (Quyết định số 2451/QĐ-TTg ngày 27/12/2011).
- Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020 (Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 19/4/2011).
- Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông” (Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 22/9/2010).
- Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020 (Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 13/01/2010).
- Quy hoạch tần số vô tuyến điện quốc gia (Quyết định số 125/2009/QĐ-TTg ngày 23/10/2009).
- Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 (Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 01/6/2009).
- Quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020 (Quyết định số 22/2009/QĐ-TTg ngày 16/02/2009).
- Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin Việt Nam đến năm 2020 (Quyết định số 05/2007/QĐ-BTTTT ngày 26/10/2007).
- Quy hoạch phát triển CNTT-TT vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 (Quyết định số 15/2007/QĐ-BBCVT 15/6/2007).
- Quy hoạch phát triển CNTT-TT vùng kinh tế trọng điểm miền Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 (Quyết định số 14/2007/QĐ-BBCVT ngày 15/6/2007).
- Quy hoạch phát triển CNTT-TT vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 (Quyết định số 13/2007/QĐ-BBCVT ngày 15/6/2007).
- Kế hoạch tổng thể phát triển công nghiệp điện tử Việt Nam đến 2010, tầm nhìn 2020 (Quyết định số 75/2007/QĐ-TTg ngày 28/5/2007).
- Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia (Quyết định số 336/2005/QĐ-TTg ngày 16/12/2005).
- Chiến lược phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 (Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005).
- Chiến lược phát triển Bưu chính - Viễn thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 (Quyết định số 158/2001/QĐ-TTg ngày 18/10/2001).

1. NATIONAL STRATEGIES AND PLANNINGS ON ICT DEVELOPMENT

- Planning on telecommunications development to 2020 (Prime Minister's No. 32/2012/QĐ-TTg dated Jul 27, 2012)
- Strategy on digitization of terrestrial television transmission and broadcasting to 2020 (Prime Minister's No 2451/QĐ-TTg dated Dec 27, 2011).
- Strategy on development of human resources of Viet Nam during the period 2011-2020 (Prime Minister's No 579/QĐ-TTg dated Apr 09, 2011).
- National strategy on "Transforming Viet Nam into an advanced ICT country" (Prime Minister's Decision No. 1755/QĐ-TTg dated Sep 22, 2010).
- Planning of development of digital information security to 2020 (Prime Minister's Decision No. 63/QĐ-TTg dated Jan 13, 2010).
- Planning of national radio frequency (Prime Minister's Decision No. 125/2009/QĐ-TTg dated Oct 23, 2009).
- Master plan on development of information technology human resources of Viet Nam to 2015, orientations toward 2020 (Prime Minister's Decision No 698/QĐ-TTg dated Jun 01, 2009).
- Planning on transmission, broadcasting of radio and television until 2020 (Prime Minister's Decision No. 22/2009/QĐ dated Feb 16, 2009).
- Planning on development of information technology human resources of Viet Nam to 2020 (Decision No 05/2007/QĐ-BTTTT dated Oct 26, 2007).
- Planning on development of information and communication technology in the northern key economic region to 2010 and orientations towards 2020 (Decision No. 15/2007/QĐ-BBCVT dated Jun 15, 2007 of MIC Minister, on behalf of Prime Minister).
- Planning on development of information and communication technology in the southern key economic region up to 2010, and orientations towards 2020 (Decision No. 14/2007/QĐ-BBCVT dated Jun 15, 2007 of MIC Minister, on behalf of Prime Minister).
- Planning on development of information and communication technology in the central key economic region up to 2010, and orientations towards 2020 (Decision No. 13/2007/QĐ-BBCVT dated Jun 15, 2007 of MIC Minister, on behalf of Prime Minister).
- Master plan on development of the electronics industry of Viet Nam to 2010, a vision toward 2020 (Prime Minister's Decision No. 75/2007/QĐ-TTg dated May 28, 2007).
- National planning on spectrum radio (Prime Minister's Decision No. 336/2005/QĐ-TTg dated Dec 16, 2005).
- Strategy on development of information and communication technology of Viet Nam to 2010 and orientations toward 2020 (Prime Minister's Decision No. 246/2005/QĐ-TTg dated Oct 6, 2005).
- National strategy on development of posts and telecommunications of Viet Nam to 2010, orientations towards 2020 (Prime Minister's Decision No. 158/2001/QĐ-TTg dated Oct 18, 2001).

2. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN QUỐC GIA VỀ CNTT-TT

2.1 Về công nghiệp CNTT, bưu chính, viễn thông

- Dự án nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy cập Internet công cộng tại Việt Nam (BMGF), cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông, thời gian thực hiện: 2011-2016.

- Đề án phát triển thông tin, truyền thông nông thôn giai đoạn 2011-2020, cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2011 - 2015 (Quyết định số 1643/2011/QĐ-TTg ngày 21/09/2011)

- Chương trình mục tiêu quốc gia Đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo, cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Dự án “Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng, áp dụng quy trình sản xuất theo chuẩn CMMi”, cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Dự án “Hỗ trợ tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn cho doanh nghiệp”, cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; thời gian triển khai: 2011-2013.

2.2 Về ứng dụng CNTT/Chính phủ điện tử

- Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015.

- Dự án “Hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số trong các cơ quan nhà nước”, cơ quan chủ trì: Bộ Quốc phòng - Ban Cơ yếu Chính phủ, thời gian thực hiện: 2011 - 2015.

- Dự án “Đầu tư trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước”, cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Dự án “Hệ thống thông tin tài chính tích hợp”, cơ quan chủ trì: Bộ Tài chính, thời gian thực hiện: 2011 - 2015.

- Dự án “Xây dựng và triển khai thí điểm hệ thống nộp tờ khai thuế qua mạng Internet”, cơ quan chủ trì: Bộ Tài chính, thời gian thực hiện: 2011 - 2015.

- Dự án “Triển khai thủ tục hải quan điện tử”, cơ quan chủ trì: Bộ Tài chính.

- Dự án “Mạng giáo dục và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục”, cơ quan chủ trì: Bộ Giáo dục và Đào tạo, thời gian thực hiện: 2011 - 2015.

- Dự án “Tin học hóa quản lý giáo dục”, cơ quan chủ trì: Bộ Giáo dục và Đào tạo, thời gian thực hiện: 2011 - 2015, thời gian thực hiện: 2011 - 2015.

- Dự án “Xây dựng mới hệ thống phần mềm quản lý, thống kê án kinh tế, lao động, hành chính ngành Tòa án nhân dân và nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý, thống kê án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình ngành Tòa án nhân dân”, cơ quan chủ trì: Tòa án nhân dân tối cao, thời gian thực hiện: 2011 - 2015.

- Dự án “Nâng cao năng lực cho Hội Nông dân Việt Nam, xây dựng các điểm khai thác ứng dụng công nghệ thông tin trong hội viên, nông dân”, cơ quan chủ trì: Hội Nông dân Việt Nam.

- Dự án “Hiện đại hóa hệ thống quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam”, cơ quan chủ trì: Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, thời gian thực hiện: 2011 - 2015.

- Dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên và môi trường, cơ quan chủ trì: Bộ Tài nguyên và Môi trường, thời gian thực hiện: 2011 - 2015.

2.3 Về đảm bảo an toàn thông tin

- Dự án “Trung tâm hệ thống kỹ thuật an toàn mạng quốc gia”, cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông, thời gian thực hiện: 2010 - 2015.

- Dự án “Xây dựng Hệ thống đánh giá, kiểm định an toàn thông tin quốc gia”, cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông, thời gian thực hiện: 2010 - 2015

- Dự án “Xây dựng Hệ thống cảnh báo, phát hiện và phòng chống tội phạm trên mạng”, cơ quan chủ trì: Bộ Công an, thời gian thực hiện: 2011- 2015.

- Dự án “Xây dựng Hệ thống xác thực, bảo mật cho các hệ thống thông tin chính phủ”, cơ quan chủ trì: Ban Cơ yếu Chính phủ, thời gian thực hiện: 2011- 2015.

- Dự án “Đào tạo chuyên gia an toàn thông tin cho cơ quan chính phủ và hệ thống thông tin trọng yếu quốc gia”, cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông, thời gian thực hiện: 2010 - 2020

- Dự án “Xây dựng hệ thống đảm bảo an toàn thông tin số trong các hoạt động giao dịch thương mại điện tử phục vụ ngành Công Thương.”, cơ quan chủ trì: Bộ Công Thương, thời gian thực hiện: 2010 - 2015.

2. NATIONAL PROGRAMS AND PROJECTS ON ICT

2.1. IT industry, posts and telecommunications development

- Project on improvement of computer usage and public Internet access ability in Viet Nam (BMGF), implementing agency: Ministry of Information and Communications, implementation duration: 2011-2016.

- National program on providing utility public telecommunications service in the period 2011 - 2015 (Prime Minister's Decision No. 1643/2011/QĐ-TTg dated Sep 21st, 2011)

- Project on rural information and communications development period 2011-2020, implementing agency: Ministry of Information and Communications.

- National program on bringing ICT services to communities in mountainous, remote and border areas and islands, implementing agency: Ministry of Information and Communications. Implementation duration: 2011-2015

- Project "Supporting enterprises implementing CMMi", implementing agency: Ministry of Information and Communications.

- Project "Organizing short courses for enterprises", implementing agency: Ministry of Information and Communications; implementation duration: 2011-2013.

2.2 Information technology application/ E-Government

- National program on information technology application in state agencies' operations during the period 2011-2015.

- Project "Electronic certification and digital signature system in state agencies", implementing agency: Ministry of Defense, implementation duration: 2011 - 2015.

- Project "Invest equipment for IT application in state agency", implementing agency: Ministry of Information and Communications, implementation duration: 2011 - 2015.

- Project "Financial Information System Integration", implementing agency: Ministry of Finance.

- Project "Pilot project submitting tax declaration via Internet", implementing agency: Ministry of Finance, implementation duration: 2011 - 2015.

- Project "Implement electronic procedures for Customs", implementing agency: Ministry of Finance, implementation duration: 2011 - 2015.

- Project "Education network and IT application in education", implementing agency: Ministry of Education and Training, implementation duration: 2011 - 2015.

- Project "Computerization of education", implementing agency: Ministry of Education and Training, implementation duration: 2011 - 2015.

- Project "Build a new software system for management, statistics of economic, labor and administration case for people courts. Upgrade software system for management, statistic of criminal, civil, marriage and family case for people courts", implementing agency: Ministry of Labour - Invalids and Social Affairs, implementation duration: 2011 - 2015.

- Project "Improve capability for Viet Nam Farmer's Union; construct points for using IT applications for association's members and farmers, implementing agency: Viet Nam Farmer's Union.

- Project "Modernization management system for Viet Nam Social Insurance", implementing agency: Viet Nam Social Insurance, implementation duration: 2011 - 2015.

- Project on building the national database on natural resources and environment, implementing agency: Ministry of Natural Resources and Environment, implementation duration: 2011 - 2015.

2.3 Information security assurance

- Project "Technical system center of national network security", implementing agency: Ministry of Information and Communications, implementation duration: 2010 - 2015.

- Project "Building the national system for information security evaluation and verification", agency: Ministry of Information and Communications, implementation duration: 2010 - 2015.

- Project "Building the system of warning, detecting and preventing cyber crimes" implementing agency: Ministry of Public Security, implementation duration: 2011 - 2015.

- Project "Building the system of authentication and security of government information systems" implementing agency: Government Cipher Commission, implementation duration: 2011 - 2015.

- Project "Training information security experts for government agencies and national key information systems", implementing agency: Ministry of Information and Communications, implementation duration: 2010 - 2020.

- Project "Building a system of information security assurance in the operation of e-commerce transactions for the Trade and Industry sector.", implementing agency: Ministry of Industry and Trade, implementation duration: 2010 - 2015.





HỢP TÁC QUỐC TẾ

International Cooperation



1. HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ NGÀNH CNTT-TT

Hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực CNTT-TT luôn đóng vai trò quan trọng góp phần tăng cường quan hệ ngoại giao, kinh tế và khoa học giữa Việt Nam với các quốc gia và các nền kinh tế trên thế giới.

Thực hiện Chiến lược phát triển Kinh tế - Xã hội của Việt Nam tới năm 2020, trong đó coi CNTT-TT là “hạ tầng của hạ tầng”, Bộ Thông tin và Truyền thông đã đẩy mạnh các hoạt động hợp tác song phương thông qua việc trao đổi đoàn cấp cao, ký kết các Thỏa thuận hợp tác, tham gia vào các Ủy ban liên chính phủ, hợp tác song phương đã mở ra nhiều cơ hội thu hút đầu tư, xúc tiến thương mại, chuyển giao công nghệ và phát triển nguồn nhân lực góp phần duy trì tốc độ phát triển nhanh và bền vững của ngành CNTT-TT với tốc độ từ 25-30%/năm. Năm 2012, bên cạnh những đối tác truyền thống từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Hoa Kỳ, châu Âu và Đông Nam Á, ngành CNTT-TT đã tăng cường mở rộng hợp tác với các quốc gia ở khu vực châu Phi, Nam Mỹ và Trung Đông nhằm thực hiện quyết tâm giúp các doanh nghiệp CNTT-TT Việt Nam tìm kiếm và thâm nhập các thị trường mới và tiềm năng.

Tại các diễn đàn đa phương, Việt Nam luôn là thành viên tích cực và có trách nhiệm với cộng đồng quốc tế, bảo vệ được uy tín, chủ quyền của đất nước và đảm bảo quyền lợi hợp lý của các thành viên tham gia. Việt Nam đã tích cực tham gia các diễn đàn, hội nghị, hội thảo quốc tế và khu vực; tham gia chủ trì các nhóm công tác của các tổ chức quốc tế; tham gia các nhóm công tác, nhóm nghiên cứu; chú trọng việc

nghiên cứu, xây dựng đề xuất, ý kiến đóng góp để bảo vệ quyền lợi của Việt Nam; tranh thủ sự ủng hộ và hỗ trợ về tư vấn pháp lý, kỹ thuật, nghiệp vụ của quốc tế và khu vực cho sự phát triển của các lĩnh vực TT&TT trong nước.

Kể từ khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2007, Việt Nam đã trở thành một đối tác kinh tế tiềm năng của nhiều nước và khu vực trên thế giới với việc tham gia ngày càng nhiều trong các khuôn khổ hợp tác kinh tế, thương mại quốc tế. Với chủ trương mở cửa thị trường thu hút đầu tư nước ngoài, hầu hết các tập đoàn đa quốc gia về CNTT-TT trên thế giới đã có mặt và đầu tư tại Việt Nam tạo ra thị trường lao động tiềm năng và đóng góp tỷ trọng không nhỏ trong doanh thu của ngành.

Công tác kinh tế đối ngoại được đổi mới đã phát huy hiệu quả. Bên cạnh các nguồn vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và Phi chính phủ (NGO), các mô hình hợp tác mới đã được áp dụng và triển khai thành công thông qua các thỏa thuận hợp tác song phương, hợp tác nhà nước - doanh nghiệp (PPP) mang lại nguồn kinh phí không nhỏ phục vụ các nhiệm vụ quan trọng của ngành trong quá trình nâng cao năng lực quản lý, hoàn thiện hành lang pháp lý, đổi mới công nghệ và thực hiện nỗ lực phổ cập CNTT-TT trong xã hội. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đang dần được thay đổi từ đào tạo sử dụng đáp ứng yêu cầu nội địa sang đáp ứng yêu cầu quốc tế, tăng cường năng lực cạnh tranh góp phần đưa Việt Nam tiến tới nền kinh tế tri thức.

1. AN OVERVIEW OF INTERNATIONAL COOPERATION

The international cooperation in ICT sector has long since been recognized as an indispensable component in scientific, economic and diplomatic partnerships between Viet Nam and other nations in the world.

In an effort to realize the National strategy of Socioeconomic development by 2020, in which ICT is considered as “the fundament of national infrastructure”, the Ministry of Information and Communications has been promoting bilateral cooperations by taking advantage of high-level delegations exchange, initiating and signing partnership agreements, actively participating in intergovernmental panel, which have contributed to creating favorable opportunities of trade and investment promotion, technology transfer as well as human resource development for Viet Nam, supporting the stable and sustainable sectoral growth rate of 25-30% per year. In 2012, in order to support domestic ICT enterprises in exploring new emerging and potential market opportunities, aside from such traditional partners as Japan, Korea, China, USA, European and Asean regions, Viet Nam has expanded cooperation partnerships in the sector to countries in Africa, Southern America and Middle East regions.

On multilateral perspectives, Viet Nam has also earned wide reputation as a responsible and active member in international organizations, while balancing national rightful interests and common interests in international society. Status of Viet Nam in international ICT-specialized organizations has been remarkably heightened thanks to proactive contributions to international and regional ICT fora,

successful chairmanships in technical organizations or working groups, etc. Via multilateral cooperation channel, Viet Nam has effectively taken advantage of supports from international and regional partners in terms of technical and legal consultations or capacity building programs to serve the national development goals in ICT sector.

Since the accession to the World Trade Organization (WTO) in 2007, with increasingly active participation in variety of global free trade and investment agreements, Viet Nam has become a potential economic partner with a great number of countries and regions worldwide. Upon realizing the policy to liberalize domestic ICT market and attract foreign investors, Viet Nam has now become a favourite investment destination for most of top-ranking multi-national ICT corporations in the world.

External economic activities in Viet Nam's ICT sector have been innovated in implementation methodology and achieved fruitful outcomes. Apart from the funding from official development assistances (ODAs) and Non-government organizations (NGOs), the flexible adoption of new cooperation models such as bilateral partnership agreement or Public-Private partnership (PPP) has led to great mobilization of other financial support to serve the execution of sectoral missions including administration capacity building, legal framework improvement, technology innovation and universalization of ICT in society. Human resource development and training activities in ICT have also switched from domestic to international labour market with enhanced competitiveness, contributing to turning Viet Nam into a knowledge economy

2. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ TIÊU BIỂU VỀ CNTT-TT GIAI ĐOẠN 2012-2013:

Xuất phát từ nhận thức viễn thông là một trong những lĩnh vực thuộc hạ tầng cơ sở đóng vai trò góp phần tạo môi trường thuận lợi cho các lĩnh vực khác phát triển, Việt Nam đã định hướng tập trung phát triển mạng lưới viễn thông với những công nghệ hiện đại, cập nhật. Đến nay, Việt Nam đã và đang có được một mạng lưới viễn thông hiện đại ngang tầm với các quốc gia trong khu vực và thế giới như việc triển khai mạng NGN, các hệ thống cáp quang biển và đất liền, cấp phép mạng 3G, v.v. với những đội ngũ cán bộ, chuyên gia, kỹ sư đã thực sự làm chủ được công nghệ.

Trong năm 2012, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tích cực và chủ động tham gia nhiều hội nghị, diễn đàn quốc tế đa phương về thông tin và truyền thông phục vụ lợi ích quốc gia, tổ chức 30 hội nghị hội thảo quốc tế tại Việt Nam. Một số hội nghị quốc tế lớn mà Bộ tham gia đã thu được những kết quả cao như Hội nghị Bộ trưởng Thông tin các nước ASEAN, Hội nghị Bộ trưởng Viễn thông ASEAN (TELMIN), Hội nghị Thông tin Vô tuyến thế giới (WRC), Hội nghị Tiêu chuẩn hóa thế giới (WTSA), Đại hội thế giới về thông tin di động (GSMA); tổ chức thành công Hội nghị Viễn thông APEC lần thứ 45, Hội nghị khu vực Châu Á - Thái Bình Dương lần thứ nhất chuẩn bị cho Hội nghị thông tin vô tuyến thế giới 2015 (APG15-1) và Hội nghị Thông tin Vô tuyến Châu Á Thái Bình Dương lần thứ 13 (AWG-13). Bên cạnh đó, hoạt động của Việt Nam trong các tổ chức này cũng được thực hiện tích cực, chủ động và có trách nhiệm thông qua các nội dung đóng góp, các bài trình bày chia sẻ kinh nghiệm và nắm giữ các vị trí điều phối các nhóm chuyên ngành như Chủ tịch Nhóm công tác về Thu hẹp khoảng cách tiêu chuẩn hóa của APT; Phó chủ tịch Nhóm Chiến lược ASTAP; Phó chủ tịch Nhóm nghiên cứu số 1 của ITU-D, etc.

Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực CNTT năm 2012 tiếp tục được xác định theo hướng “Chủ động hợp tác, nắm bắt cơ hội để hỗ trợ tối đa doanh nghiệp CNTT-TT Việt Nam mở rộng thị trường ra nước ngoài.” Trên

cơ sở đó, nhiều hoạt động đã được triển khai thành công góp phần tăng cường năng lực, quảng bá hình ảnh và huy động các nguồn lực cho việc phát triển thị trường công nghiệp và dịch vụ CNTT, ứng dụng CNTT và an toàn an ninh thông tin thông qua các hình thức hợp tác đa dạng bao gồm hợp tác truyền thống song phương, đa phương, kinh tế đối ngoại; đổi mới mô hình hợp tác nhà nước – doanh nghiệp (PPP); mở rộng mô hình xã hội hoá các nguồn lực hỗ trợ cho phát triển CNTT, hợp tác giữa cơ quan quản lý với các tổ chức xã hội nghề nghiệp.

Cùng với viễn thông - CNTT, trong lĩnh vực Bưu chính, bên cạnh việc đạt được các thành quả phát triển mạng lưới, mở rộng dịch vụ, đảm bảo các nghĩa vụ công ích với nhà nước, Việt Nam đã không ngừng mở rộng quan hệ hợp tác song phương, đa phương với các nước trong khu vực và trên thế giới. Với tư cách là thành viên của các tổ chức quốc tế và khu vực về bưu chính, Việt Nam đã tích cực tham gia vào hoạt động chung cũng như phối hợp với các tổ chức này tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên ngành, mời các chuyên gia nước ngoài vào tư vấn giảng dạy tại Việt Nam và chỉ đạo doanh nghiệp trong nước triển khai các chương trình, dự án hỗ trợ nâng cao chất lượng dịch vụ.

Năm 2012 được đánh dấu với sự kiện Việt Nam lần thứ 3 được bầu vào Hội đồng điều hành - Liên minh Bưu chính Thế giới (CA-UPU) nhiệm kỳ 2013-2016, thể hiện sự tin nhiệm của cộng đồng quốc tế đối với Việt Nam trong tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế. Bên cạnh việc tham gia tích cực vào các hoạt động của Hội đồng Điều hành CA-UPU và Hội đồng Chấp hành Liên minh Bưu chính Châu Á – Thái Bình Dương (APPU-EC), Việt Nam tiếp tục tham gia với tư cách quan sát viên ở các Nhóm công tác của Hội đồng Khai thác bưu chính (POC-UPU), Diễn đàn Bưu chính các nước ASEAN (ASEAN POST), cuộc họp Đại hội đồng các Hiệp hội EMS, Telematics, và Hiệp hội Bưu chính châu Á – Thái Bình Dương (APP). Một số dự án hợp tác đầu tư quốc tế lớn hiện nay mà

2. HIGHLIGHTS OF INTERNATIONAL COOPERATION IN 2012-2013 PERIOD:

Bearing in mind the role of telecommunications as an indispensable facilitator for the growth of other sectors, Viet Nam has given high priority to developing telecommunications with adoption of latest technology. So far, Viet Nam has developed an internationally advanced telecommunication infrastructure and network with well-deployed submarine cable system, Next Generation Network (NGN) and 3G network, etc., which are effectively operated by teams of well-trained technical staff and experienced experts.

In 2012, MIC has continued its active participation in many international conferences and fora on ICT, and also successfully hosted 30 international events in Viet Nam. Some fruitful meetings could be mentioned, such as ASEAN Information Ministers Meeting, ASEAN Telecommunications and Information technology Ministers Meeting (TELMIN), World Radio Conference (WRC), The World Telecommunication Standardization Assembly (WTSA), Global system for mobile association (GSMA); The 45th Meeting of APEC Telecommunications and Information working group (APECT-TEL 45), The 1st Meeting of the APT Conference preparatory group for WRC – 15 (APG 15-1), The 13rd Meeting of the APT wireless group (AWG-13). With the membership of these organizations, Viet Nam has also performed its active and practical contributions to working agendas as well as successful chairmanships at working group level such as chairman of APT Working group on bridging standardization gap, vice-chairman of ASTAP Working group on Strategy, vice-chairman of ITU-D Study Group 1, ect.

Guided by the enlightened policy “Active cooperation and thorough opportunity seizure to support Viet Nam’s ICT enterprises in outreaching

global market”, international cooperation activities in Information Technology (IT) area in 2012 have been effectively carried out. Through diversity of cooperation models including traditional cooperation on bilateral and multilateral channels, external economic cooperation, renovated Public-Private Partnership (PPP), socialization of IT development, IT regulators – social and occupational organizations cooperation, etc., IT sector has successfully accomplished objectives of capacity building, promoting Viet Nam’s IT image, mobilizing resources for developing IT industry and service market, promoting IT applications and information security.

Year 2012 also marked the third time Viet Nam was elected to the Council of Administration of Universal Postal Union (CA-UPU) for period 2013-2016, which reflects the strengthened confidence that international community has placed in Viet Nam. Beside that, Viet Nam continued to participate as observer of the Working Groups of CA/POC Councils of UPU and APPU, ASEAN POST Business Meeting, General Assembly of EMS, Telematics and APP meetings. Some typical international cooperation projects that Viet Nam Post Corporations (VNPost) has been assigned to participate and implement quite effectively could be listed as follows: the projects benefited from the “Quality of Service Fund” of the UPU in 2012 in order to improve the quality of postal services in Viet Nam; the UPU Global Monitoring System (GSM) project (second period 2012-2013) and RAQUEL project for Asia Pacific region in order to improve the quality of postal services; the International remittance service project for Viet Nam – Laos – Cambodia with the financial support from UPU and IFAD; the continuous testing program on international postal service in 2012 and implement

Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam nay là Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam được chỉ định tham gia và triển khai khá hiệu quả có thể kể đến như Dự án nâng cao chất lượng dịch vụ được thụ hưởng từ “Quỹ Chất lượng Dịch vụ”, các dự án toàn cầu của UPU như dự án GMS (giai đoạn 2: 2012-2013), dự án RAQUEL về nâng cao chất lượng dịch vụ trong khu vực, dự án về dịch vụ chuyển tiền quốc tế (Việt Nam là trung tâm chung chuyển giữa 3 nước trong khu vực Việt Nam – Lào – Căm-pu-chia sử dụng nguồn tài trợ từ UPU và IFAD), chương trình kiểm tra chất lượng bưu phẩm quốc tế toàn trình, phát triển bền vững (giai đoạn 2); tham gia Cuộc thi viết thư Quốc tế UPU lần thứ 42 (2012-2013).

Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phát thanh truyền hình cũng đã góp phần quan trọng trong việc tiếp nhận công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nghiệp vụ làm báo tiên tiến trên thế giới. Từ công nghệ truyền hình lạc hậu, ngành truyền hình Việt Nam đến nay đã hội tụ được những công nghệ tiên tiến của thế giới như truyền hình kỹ thuật số, truyền hình độ nét cao (truyền hình HD), truyền hình cáp số, truyền hình số vệ tinh, truyền hình số mặt đất, truyền hình IPTV, truyền hình di động, truyền hình Internet, v.v. Tại Việt Nam hiện có 75 kênh truyền hình nước ngoài được phát sóng rộng rãi (so với 50 kênh năm 2009 và 73 kênh năm 2011) như các kênh nổi tiếng thế giới là CNN, BBC, Bloomberg, các kênh của truyền hình Úc, Pháp, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, v.v. phục vụ 4,4 triệu thuê bao trên toàn quốc. Ngoài ra, các chương trình phát thanh và truyền hình của Việt Nam cũng đang từng bước thâm nhập vào thị trường nước ngoài. Các kênh truyền hình quảng bá của Đài Truyền hình Việt Nam đã phủ sóng 100% lãnh thổ Lào, Căm-pu-chia qua vệ tinh; các kênh đối ngoại như truyền hình VTV4 và phát thanh VOV5 được phủ sóng ra thế giới qua vệ tinh và internet; kênh văn hóa Việt VTC10 đã phủ sóng tới nhiều vùng lãnh thổ, quốc gia trên thế giới qua nhiều phương tiện truyền phát như: vệ tinh, truyền hình số mặt đất, hệ thống IPTV, internet và TV Mobile qua mạng di động 3G. Việt Nam đang tích cực hợp tác và học hỏi kinh nghiệm của các nước trên thế giới trong

việc triển khai Đề án “Số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất” dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2020 trên phạm vi toàn quốc.

Về hợp tác đa phương trong lĩnh vực phát thanh truyền hình, Việt Nam là thành viên đầy đủ và tích cực tham gia các tổ chức, hiệp hội quốc tế như Ủy ban Văn hóa Thông tin ASEAN (COCI); Tiểu ban Thông tin ASEAN (SCI); Hiệp hội Phát thanh Truyền hình châu Á – Thái Bình Dương (ABU); Hiệp hội Truyền hình cáp và vệ tinh Châu Á (CASBAA), Viện Phát triển Phát thanh truyền hình châu Á-Thái Bình Dương (AIBD)...

Đối với lĩnh vực hội nhập kinh tế quốc tế, theo chỉ đạo chung của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp tục có sự đóng góp tích cực và chủ động vào các hoạt động đàm phán các Hiệp định tự do thương mại và đầu tư mà Việt Nam tham gia, nhằm đáp ứng yêu cầu mới và ngày càng cấp bách về hội nhập kinh tế và tự do hoá thương mại đầu tư trong lĩnh vực TT&TT nói riêng và của cả đất nước nói chung. Bên cạnh việc nghiêm túc thực hiện các cam kết WTO về mở cửa thị trường, ngành TT&TT Việt Nam tiếp tục có những bước tiến lớn về hội nhập kinh tế quốc tế khi mạnh dạn tham gia vào các Hiệp định tự do thương mại và đầu tư mới của khu vực và thế giới, trong đó phải kể đến Hiệp định Đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP) – Hiệp định được coi là mô hình kiểu mẫu về tự do hoá thương mại và đầu tư của thế kỷ 21. Việc tham gia một Hiệp định với mức độ cam kết cao hơn hẳn WTO về cả chiều rộng và chiều sâu sẽ tạo ra một động lực lớn không chỉ đối với sự tăng trưởng của thị trường Viễn thông và CNTT trong nước mà còn cả với sự cải thiện về môi trường pháp lý và cơ chế quản lý nhà nước của ngành TT&TT. Ngoài ra, trong khuôn khổ khu vực, Việt Nam còn tích cực tham gia đàm phán các Hiệp định về tự do thương mại (FTA) cả đa phương và song phương như Hiệp định FTA ASEAN+ các nước đối tác, FTA Việt Nam – Hàn Quốc, FTA Việt Nam – Khối EFTA, FTA Việt Nam – EU, trong đó TT&TT luôn được coi là một trong những lĩnh vực quan trọng và thu hút được sự quan tâm nhiều nhất từ phía các đối tác đàm phán.

the 42nd International writing letter contest UPU (2012-2013) nationwide.

International cooperation has also played an important role in the transforming process of broadcasting and television in Viet Nam through facilitating technology transfer, human resource development and, especially, enhancement of professional competence of press. Television has achieved innovation with latest technologies of the world including digital television, High-definition (HD) television, digital cable television, digital satellite television, terrestrial digital television, IPTV, mobile and internet television, etc. There are 75 foreign TV channels broadcasted (compare with over 50 channels in 2009 and 73 channels in 2011) such as CNN, BBC, Bloomberg, national television channel as Australia, France, Germany, Japan, Korea, China, etc. serving 4.4 million subscribers nationwide. On content perspective, Viet Nam's broadcasting and television has, on the one hand, imported globally popular entertaining channels and, on the other hand, taken gradual approach to exporting content worldwide. All VTV broadcast channels have covered 100% Laotian and Cambodian territories, international channels, i.e. VTV4 and VOV5, have been broadcasted worldwide via satellite and internet, Vietnamese cultural channel VTC10 has also been televised to many territories and countries in the world via such means of transmission as satellite, terrestrial digital TV, IPTV, Internet and 3G-based mobile TV. Recently, Viet Nam has actively taken advantage of variety of cooperation channels to learn experiences from developed countries in the world to support the implementation of project "Terrestrial Television Digitization" which is expected to be completed by 2020 on a national scale.

On multilateral fora for broadcasting and television, Viet Nam has been recognized as an active and responsible member of such organizations as ASEAN Committee on Culture and Information (COCI), ASEAN Sub-Committee on Information (SCI), Asia-Pacific Broadcasting Union (ABU), Cable and Satellite Broadcasting Association of Asia (CASBAA), Asia-Pacific Institute for Broadcasting Development, etc.

Following the guideline by the Government on international economic integration, MIC, in collaboration with related agencies, has been actively and responsibly participating in the negotiation process of free trade and investment agreements that Viet Nam is involved in order to step by step quench the thirst for international integration and market liberalization of ICT sector in particular and national economy in general. 2012 is the fifth year of Viet Nam's WTO membership (2007 - 2012) marking a new period of market liberalization in Viet Nam' ICT sector when many barriers to trade and investment in ICT services will be unlocked thenceforward. Besides earnest compliance with WTO commitments, Viet Nam's ICT sector is also taking further steps in the international integration process with active participation in new regional and global free trade and investment agreements, notably the Trans-Pacific Partnership (TPP) Agreement which is seen as a model agreement on free trade and investment of 21st century. The impacts of such a complicated and challenging agreement as TPP are expected to leverage the growth of domestic ICT market as well as to motivate the improvement of domestic ICT legal framework. On regional scale, Viet Nam has also been zealously joined ASEAN common effort to hasten Free Trade Agreements (FTAs) between ASEAN and other Partners (ASEAN+ FTAs), in which, ICT has always been considered as an important and attention-grabbing issue to all stakeholders

3. CÁC TỔ CHỨC CHUYÊN NGÀNH QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC MÀ VIỆT NAM THAM GIA LÀ THÀNH VIÊN

3.1 Tham gia với tư cách quốc gia thành viên

- Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU)
- Tổ chức Vệ tinh Viễn thông Quốc tế (ITSO)
- Tổ chức Thông tin Vũ trụ (INTERSPUTNIK)
- Liên minh Viễn thông châu Á - Thái Bình Dương (APT)
- Liên minh Bưu chính Thế giới (UPU)
- Liên minh Bưu chính châu Á - Thái Bình Dương (APPU)
- Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á - ASEAN (Hội nghị Bộ trưởng Viễn thông - ASEAN TELMIN, Hội nghị quan chức viễn thông - ASEAN TELSOM, Hội đồng điều hành viễn thông ASEAN - ATRC)
- Nhóm công tác về viễn thông và thông tin (APEC TEL) trong khuôn khổ Diễn đàn kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC)
- Diễn đàn Hợp tác Á - Âu ASEM (Hội nghị Bộ trưởng ASEM về ICT)

3.2 Tham gia là thành viên của các tổ chức và hiệp hội ngành nghề

- Liên minh Dịch vụ và Công nghệ thông tin Thế giới (WITSA)
- Tổ chức Công nghiệp Điện toán châu Á - châu Đại Dương (ASOCIO)
- Liên đoàn Quốc tế về Công nghệ thông tin (IFIP)
- Trung tâm thông tin mạng châu Á - Thái Bình Dương (APNIC)
- Nhóm ứng cứu khẩn cấp máy tính châu Á - Thái Bình Dương (APCERT)
- Tổ chức hợp tác quốc tế đa phương đối với mối đe dọa trong không gian mạng (ITU- IMPACT)

3. MEMBERSHIP IN INTERNATIONAL AND REGIONAL ORGANIZATIONS

3.1 State members of inter-governmental specialized international and regional organizations

- International Telecommunication Union (ITU)
- International Telecommunication Satellite Organization (ITSO)
- Intersputnik International Organization of Space Communications (INTERSPUTNIK)
- Asia Pacific Telecommunity (APT)
- Universal Postal Union (UPU)
- Asia Pacific Postal Union (APPU)
- Association of Southeast Asian Nations (ASEAN) (ASEAN TELMIN - ASEAN Telecommunications Ministers Meeting, ASEAN TELSOM - Telecommunications Senior Officials Meeting, ATRC - ASEAN Telecom Regulators Council)
- Asia Pacific Economic Cooperation - APEC (APEC Telecommunications and Information Working Group - APEC TEL)
- Asia Europe Meeting (ASEM) (ASEM ICT Ministerial Meeting)

3.2 Members of professional organizations and Associations

- World Information Technology and Service Alliance (WITSA)
- Asian - Oceanian Computing Industry Organization (ASOCIO)
- International Federation for Information Processing (IFIP)
- Asia Pacific Network Information Centre (APNIC)
- Asia Pacific Computer Emergency Response Team (APCERT)
- International Multilateral Partnership Against Cyber Threats (ITU- IMPACT)

4. MỘT SỐ SỰ KIỆN QUỐC TẾ TỔ CHỨC TẠI VIỆT NAM

TT	Sự kiện	Thời gian
1	Hội nghị Ủy ban Văn hóa - Thông tin ASEAN lần thứ 47	10-15/12/2012
2	Hội nghị vô tuyến châu Á - Thái Bình Dương lần thứ 13 (AWG-13)	12-15/9/2012
3	Hội nghị khu vực châu Á - Thái Bình Dương lần thứ nhất chuẩn bị cho Hội nghị thông tin vô tuyến thế giới 2015 (APG 15-1)	10-11/9/2012
4	Hội nghị Quan chức Viễn thông và Công nghệ thông tin ASEAN (Special Telsom)	05-07/9/2012
5	Hội thảo "Phát triển bền vững cho các doanh nghiệp bưu chính khu vực Châu Á-Thái Bình Dương"	25-28/6/2012
6	Hội nghị lần thứ 45 Nhóm công tác viễn thông trong APEC (APEC TEL 45)	03-11/4/2012
7	Hội thảo khu vực ASEAN của ITU về Phối hợp kiểm soát tần số HF	08-09/12/2011
8	Hội thảo kết nối nông thôn vì giáo dục và phát triển của ASEAN	21- 23/9/2011
9	Hội thảo khu vực châu Á - Thái Bình Dương của ITU về số hóa phát thanh truyền hình và sử dụng tần số sau số hóa	26-27/5/2011
10	Hội nghị Cấp cao khu vực châu Á về Truyền thông đa phương tiện lần thứ 8	23-26/5/2011
11	Diễn đàn Chính sách và thể lệ APT lần thứ 11	17-19/5/2011
12	Hội thảo ITU dành cho Cầm -pu-chia, Lào, Mía-an-ma và Việt Nam về Công nghệ và Dịch vụ NGN/IP	14-17/12/2010
13	Hội nghị Bưu chính các nước ASEAN lần thứ 17	25-27/11/2010
14	Hội nghị các Nhà quản lý Viễn thông ASEAN (ATRC)	07-10/7/2010
15	Cuộc họp Nhóm nghiên cứu số 5D của ITU, Hội thảo khu vực về IMT	09-16/6/2010
16	Phiên họp liên tịch giữa Hội đồng lần thứ 38 và Ủy ban khai thác lần thứ 11 của Tổ chức Intersputnik	27-28/4/2010
17	Phiên họp Quan chức cấp cao không chính thức ASEAN về công nghệ thông tin và viễn thông (TELSOM Leader Retreat)	19-20/01/2010
18	Hội nghị Bộ trưởng Viễn thông Tiểu khu vực (Cầm-pu-chia, Lào, Mía-an-ma, Việt Nam)	10-12/12/2009
19	Diễn đàn Công nghệ thông tin Thế giới 2009 (WITFOR)	26-28/8/2009
20	Cuộc họp Nhóm công tác Quan chức Viễn thông ASEAN	26-29/4/2009
21	Hội nghị lần thứ sáu Diễn đàn Thông tin Vô tuyến APT	31/3 - 3/4/2009
22	Hội thảo khu vực của APT về Quản lý và Kiểm soát Tần số	30/3/2009
23	Cuộc họp Nhóm cước châu Á – Thái Bình Dương thuộc Nhóm nghiên cứu số 3 ITU	05-06/3/2009
24	Hội thảo chuyên đề của Khu vực về cước (dành cho quốc gia thành viên Nhóm cước châu Á - châu Đại Dương)	04/3/2009
25	Cuộc họp lần thứ 3 của APT chuẩn bị cho Khóa họp tiêu chuẩn hóa Viễn thông Thế giới 2008 (WTSA 2008-03)	17-19/9/2008
26	Diễn đàn phát triển Khu vực châu Á – Thái Bình Dương của ITU về thu hẹp khoảng cách tiêu chuẩn hóa Công nghệ thông tin và Truyền thông	15-16/9/2008
27	Cuộc họp lần thứ 31 Hội đồng điều hành Liên minh Bưu chính châu Á – Thái Bình Dương (APPU)	09 - 13/6/2008

4. RECENT MAJOR EVENTS ORGANIZED IN VIET NAM

TT	Events	Date
1	47 th Meeting of ASEAN Committee on Culture and Information	10-15 Dec 2012
2	13rd Meeting of the APT wireless group (AWG-13)	12-15 Sep 2012
3	01 st Meeting of the APT Conference preparatory group for WRC – 15 (APG 15-1)	10-11 Sep 2012
4	The special meeting of ASEAN telecommunications and IT Senior officials (Special Telsom)	05-07 Sep 2012
5	02 nd sustainable development seminar for postal operators in Asia-Pacific countries	25-28 Jun 2012
6	45 th Meeting of APEC Telecommunications and Information Working Group (APEC TEL 45)	03-11 Apr 2012
7	ITU workshop on “HF monitoring coordination in Asean”	08-09 Dec 2011
8	ASEAN rural connectivity conference for education and development	21-23 Sep 2011
9	ITU Regional Workshop on transition to digital broadcasting and digital dividend	26-27 May 2011
10	08th ASIA Media Summit 2011 (AMS 8)	23-26 May 2011
11	11th Meeting of the APT policy and regulatory forum (PRF-11)	17-19 May 2011
12	ITU Subregional Workshop for Cambodia, Lao PDR., Myanmar and Viet Namon “NGN/IP Technologies and Services”	14-17 Dec 2010
13	17 th ASEAN Posts Meeting	25-27 Nov 2010
14	16 th ASEAN Telecommunication Regulators’ Council Meeting	07-10 Jul 2010
15	Meeting of ITU-R Working Party 5D and Seminar on IMT systems	9-16 Jun 2010
16	Joint 38 th Session of the Board and 11 th Meeting of the Operation Committee of INTERSPUTNIK	27-28 Apr 2010
17	3 rd TELSOM Leaders Retreat Meeting of ASEAN	19-20 Jan 2010
18	16 th Subregional Telecommunication Ministerial Meeting for Cambodia, Lao PDR., Myanmar and Viet Nam	10-12 Dec 2009
19	World Information Technology Forum 2009 (WITFOR 2009)	26-28 Aug 2009
20	ASEAN TELSOM Joint Working Group and Working Groups Meeting	26-29 Apr 2009
21	6 th Meeting of the APT Wireless Forum	31 Mar - 03 Apr 2009
22	APT Workshop on “Spectrum Management & Monitoring”	30 Mar 2009
23	ITU Study Group 3 Regional Group for Asia and Oceania (SG3RG-AO)	05-06 Mar 2009
24	Regional Seminar on Costs and Tariffs for member countries of the Regional Group for Asia and Oceania (SG3RG-AO)	04 Mar 2009
25	03 rd APT Preparatory Meeting for WTSA-2008 (WTSA 2008-03)	17-19 Sep 2008
26	ITU Regional Development Forum 2008 for Asia Region on Bridging the ICT standardization gap in developing countries	15-16 Sep 2008
27	31 st APPU Executive Council Meeting	09 - 13 Jun 2008



XII

CÁC SỰ KIỆN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TIÊU BIỂU HÀNG NĂM TẠI VIỆT NAM

Annual ICT Events in Viet Nam



TT	Tên sự kiện	Địa điểm	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
1	Hội thảo an ninh bảo mật quốc gia	Hà Nội	Tháng 3	Bộ Công an	www.securityworld.com.vn
2	Giải thưởng CNTT-TT Việt Nam	Hà Nội	Tháng 3	Bộ TT&TT	
3	Triển lãm Quốc tế Điện tử, Viễn thông & Mạng Việt Nam	Hà Nội	Tháng 4	VEIA	www.vce.vn
4	Giải thưởng Sao Khuê	Hà Nội	Tháng 4	VINASA	www.saokhueaward.vn
5	Hội nghị Viễn thông Quốc tế	Hà Nội	Tháng 5	Bộ TT&TT	
6	Hội thảo - Triển lãm Banking Việt Nam	Hà Nội	Tháng 5	Ngân hàng nhà nước VN	www.bankingvn.com.vn
7	Diễn đàn cấp cao CNTT-TT Việt Nam	Hà Nội	Tháng 6	VINASA	www.vinasa.org.vn
8	Hội thảo quốc gia về Chính phủ điện tử	Hà Nội hoặc TP. HCM	Tháng 7	BCĐ QG về CNTT	www.egov.org.vn
9	Hội nghị và Lễ trao Lãnh đạo CNTT tiêu biểu Đông Nam Á	Hà Nội	Tháng 7	IDG	www.cio.org.vn
10	Triển lãm và hội thảo "Toàn cảnh CNTT-TT Việt Nam và Viet Nam Computer Electronics World Expo"	TP. HCM	Tháng 7	HCA	www.vcw.com.vn
11	Giải thưởng Huy chương vàng và Top 5 ICT Việt Nam	TP. HCM	Tháng 7	HCA	www.hca.org.vn
12	Triển lãm thế giới CNTT viễn thông và điện tử Việt Nam	Các tỉnh	Tháng 8	IDG	www.viexpo.com.vn
13	Hội thảo hợp tác phát triển CNTT-TT	Các tỉnh	Tháng 8	VAIP	www.itweek.org.vn; www.vaip.org.vn
14	Hội thảo và Triển lãm Tài chính Việt Nam	Hà Nội hoặc TP. HCM	Tháng 9	Bộ Tài chính	www.ictfinance.vn
15	Tuần lễ mua sắm trực tuyến	Hà Nội và TP. HCM	Tháng 9	Hiệp hội thương mại điện tử	www.vecom.vn
16	Ngày CNTT Nhật Bản	Hà Nội hoặc TP. HCM	Tháng 9	VINASA	www.vinasa.org.vn
17	Triển lãm và Hội nghị quốc tế Mobile Viet Nam	Hà Nội	Tháng 10	Bộ TT&TT	
18	Tuần lễ Tin học Việt Nam	Hà Nội	Tháng 10	VAIP	www.itweek.org.vn
19	Hội thảo & Triển lãm sản phẩm và dịch vụ CNTT thương hiệu Việt	TP. HCM	Tháng 11	MIC	www.vibrand.vn
20	Ngày An toàn thông tin Việt Nam	Hà Nội và TP. HCM	Tháng 11	VNISA	www.vnisa.org.vn
21	Triển lãm về Viễn thông, Internet, CNTT và các sản phẩm điện tử	Hà Nội hoặc TP. HCM	Tháng 11	VNPT	2 năm 1 lần www.vnpt.com.vn
22	Hội thảo quốc gia về CNTT-TT Việt Nam	Hà Nội	Tháng 11	BCĐ QG về CNTT	www.ict-industry.gov.vn
23	Ngày Internet Việt Nam	Hà Nội	Tháng 12	Hiệp hội Internet VN	www.via.org.vn
24	Hội nghị và Lễ trao giải Lãnh đạo An toàn thông tin tiêu biểu	TP. HCM	Tháng 12	IDG	www.cso.org.vn

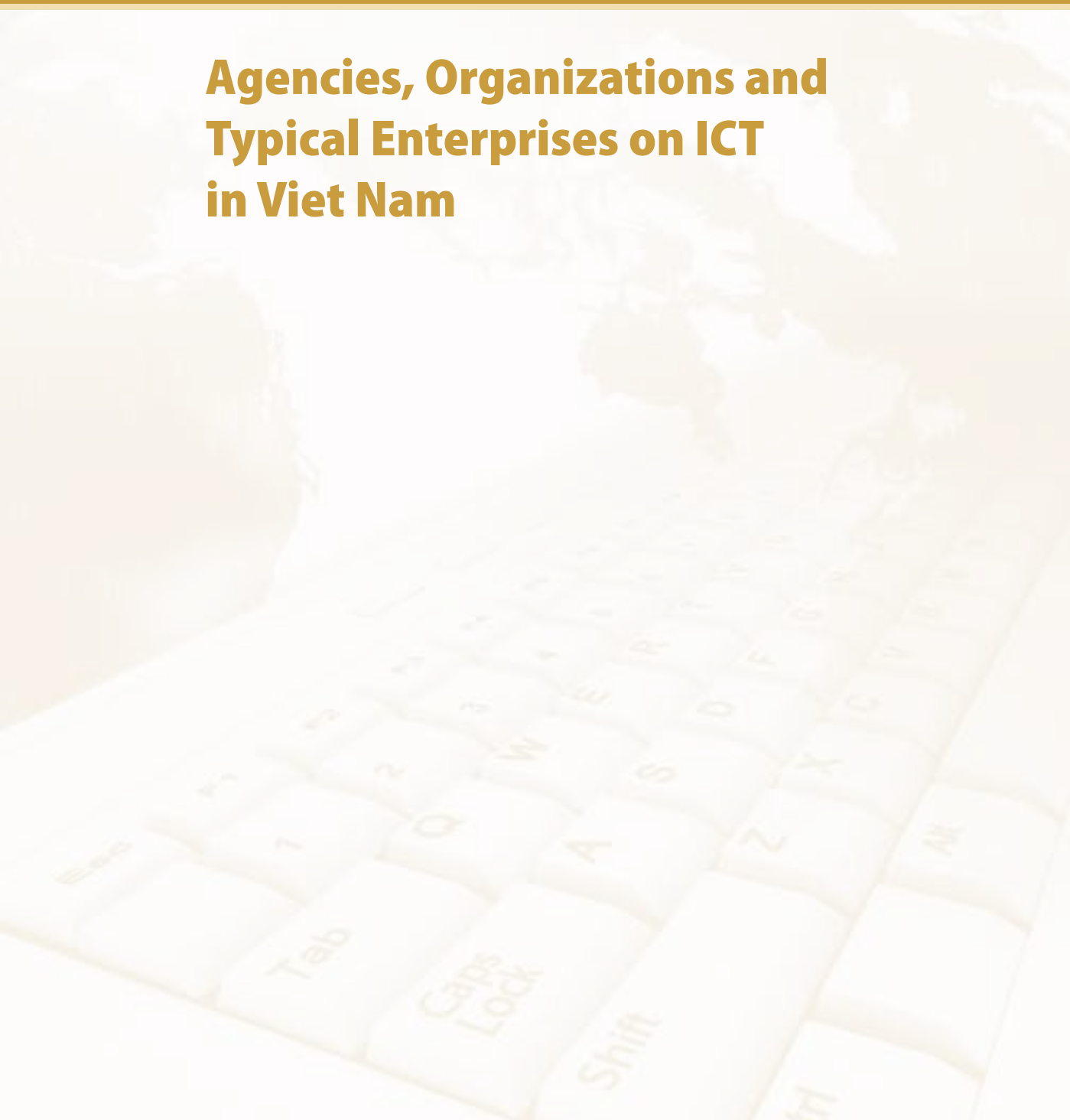
No	Event	Venue	Time	Host by	Remark
1	Security World Conference	Ha Noi	March	MPS	www.securityworld.com.vn
2	Viet Nam ICT Awards	Ha Noi	March	MIC	
3	Viet Nam Consumer Electronics Expo	Ha Noi	April	VEIA	www.vce.vn
4	Sao Khue Awards	Ha Noi	April	VINASA	www.saokhueaward.vn
5	Viet Nam International Telecommunication Summit	Ha Noi	May	MIC	
6	Banking Viet Nam Conference & Expo	Ha Noi	May	SBV	www.bankingvn.com.vn
7	Viet Nam ICT Summit	Ha Noi	June	VINASA	www.vinasa.org.vn
8	Viet Nam E-government Symposium	Ha Noi or HCMC	July	NSCICT	www.egov.org.vn
9	CIO Summit & Awards	Ha Noi	July	IDG	www.cio.org.vn
10	Viet Nam IT Outlook & Viet Nam Computer Electronics World Expo	HCMC	July	HCA	www.vcw.com.vn
11	The Gold Medal Awards & The Cup Top 5 ICT Viet Nam	HCMC	July	HCA	www.hca.org.vn
12	Viet Nam IT and Telecom Electronics World Expo	Provinces	August	IDG	www.viexpo.com.vn
13	Workshop on ICT Development Cooperation	Provinces	August	VAIP	www.itweek.org.vn ; www.vaip.org.vn
14	Viet Nam ICT in Finance Conference	Ha Noi or HCMC	September	MOF	www.ictfinance.vn
15	Online Shopping Week	Ha Noi and HCMC	September	VECOM	www.vecom.vn
16	Japan ICT day	HCMC	September	VINASA	www.vinasa.org.vn
17	International Exhibition and Conference Mobile Viet Nam	Ha Noi	October	MIC	
18	Viet Nam ITWeek	Ha Noi	October	VAIP	www.itweek.org.vn
19	Conference and Exhibition on Viet Nam ICT brand name products and services	HCMC	November	MIC	www.vibrand.vn
20	Viet Nam Information Security Day	Ha Noi and HCMC	November	VNISA	www.vnisa.org.vn
21	Viet Nam Telecomp, Internet Electronics Exhibition	Ha Noi or HCMC	November	VNPT	biennially www.vnpt.com.vn
22	Viet Nam National Conference on ICT	Ha Noi	November	NSCICT	www.ict-industry.org.vn
23	Viet Nam Internet Day	Ha Noi	December	VIA	www.via.org.vn
24	CSO Conference and Awards	HCMC	December	IDG	www.cso.org.vn





CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TẠI VIỆT NAM

**Agencies, Organizations and
Typical Enterprises on ICT
in Viet Nam**



1. MỘT SỐ HIỆP HỘI NGHỀ NGHIỆP VỀ CNTT-TT

Hội Tin học Việt Nam (VAIP)

Trụ sở chính: Tầng 06, 14 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38211725; Fax: (84-4) 38211708
Website: www.vaip.org.vn

Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam (VINASA)

Trụ sở chính: Tầng 11, Tòa nhà Cung Trí thức, Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3577 2336; Fax: (84-4) 3577 2337
Website: www.vinasa.org.vn

Hiệp hội Doanh nghiệp Điện tử Việt Nam (VEIA)

Trụ sở chính: 11B Phan Huy Chú, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3933 2845; Fax: (84-4) 3933 2846
Website: www.veia.org.vn

Hiệp hội An toàn thông tin Việt Nam (VNISA)

Trụ sở chính: 28B Hạ Hối, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3972 8457; Fax: (84-4) 3972 8457
Website: www.vnisa.org.vn

Hiệp hội Internet Việt Nam (VIA)

Trụ sở chính: Tầng 20, 57 Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3774 1635; Fax (84-4) 3774 1627
Website: www.via.org.vn

Hiệp hội Vô tuyến Điện tử Việt Nam (REV)

Trụ sở chính: Tầng 02, 57 Vũ Thạnh, quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 6295 9849; Fax: (84-4) 3512 3614
Website: www.rev.org.vn

Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (VECOM)

Trụ sở chính: Phòng 702, Tầng 07, Tòa nhà HKC, 285 Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 6278 4479
Website: www.vecom.vn

Hội Tin học TP. Hồ Chí Minh (HCA)

Trụ sở chính: 79 Trương Định, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3822 2876; Fax: (84-8) 3825 0053
Website: www.hca.org.vn

Hội Tin học - Viễn thông Hà Nội

Địa chỉ: 02 Ngõ 87 Lê Thanh Nghị, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3628 5326; Fax: (84-4) 3628 5327
Website: www.hanict.org.vn

Hội Truyền thông số Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà VTC Online, 18 Tam Trinh, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3633 8833; Fax: (84-4) 3633 9933
Website: www.vdca.org.vn

1. ORGANIZATIONS AND ASSOCIATIONS ON ICT

Viet Nam Association for Information Processing (VAIP)

Address: 06th Floor, No. 14 Tran Hung Dao Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3821 1725; Fax: (84-4) 3821 1708
 Website: www.vaip.org.vn

Viet Nam Software and Information Technology Services Association (VINASA)

Address: 11th Floor, Cung Tri Thuc Building, Tran Thai Tong Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3577 2336; Fax: (84-4) 3577 2337
 Website: www.vinasa.org.vn

Viet Nam Electronic Industries Association (VEIA)

Address: No. 11B Phan Huy Chu Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3933 2845; Fax: (84-4) 3933 2846
 Website: www.veia.org.vn

Viet Nam Information Security Association (VNISA)

Address: No. 28B Ha Hoi Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3972 8457; Fax: (84-4) 3972 8457
 Website: www.vnisa.org.vn

Viet Nam Internet Association (VIA)

Address: 20th Floor, No. 57 Huynh Thuc Khang Str., Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3774 1635; Fax (84-4) 3774 1627
 Website: www.via.org.vn

Radio-Electronics Association of Viet Nam (REV)

Address: 2nd Floor, No. 57 Vu Thanh, Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 6295 9849; Fax: (84-4) 3512 3614
 Website: www.rev.org.vn

Viet Nam E-commerce Association (VECOM)

Address: Room 702, 07th Floor, HKC Building, No 285 Doi Can, Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 6278 4479
 Website: www.vecom.vn

Ho Chi Minh City Computer Association (HCA)

Address: No. 79 Truong Dinh Str., Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 3822 2876 ; Fax: (84-8) 3825 0053
 Website: www.hca.org.vn

Ha Noi Informatics and Telecommunications Association

Address: No. 02 Alley No. 87 Le Thanh Nghi Str., Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3628 5326; Fax: (84-4) 3628 5327
 Website: www.hanict.org.vn

Viet Nam Digital Communication Association

Address: 14th Floor, VTC Online Building, No. 18 Tam Trinh Str., Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Điện thoại : (84-4) 3633 8833; Fax: (84-4) 3633 9933
 Website: www.vdca.org.vn

2. MỘT SỐ DOANH NGHIỆP VIỄN THÔNG VÀ INTERNET TIÊU BIỂU

2.1 Dịch vụ viễn thông cố định

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)

Trụ sở chính: 57 Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3577 5104; Fax: (84-4) 3934 5851
Website: www.vnpt.vn

Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel)

Trụ sở chính: 01 Giang Văn Minh, quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 6255 6789; Fax: (84-4) 6299 6789
Website: www.viettel.com.vn

2.2 Dịch vụ viễn thông di động

Công ty Viễn thông Viettel (Viettel Telecom)

Trụ sở chính: 01 Giang Văn Minh, quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 6255 6789; Fax: (84-4) 6299 6789
Website: www.vietteltelecom.vn

Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội (Vietnamobile)

Trụ sở chính: 02 Chùa Bộc, quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3572 9833; Fax: (84-4) 3572 9834
Website: www.vietnamobile.com.vn

Công ty Cổ phần Viễn thông Di động Toàn cầu – GTel Mobile (GMobile)

Trụ sở chính: 280B Lạc Long Quân, quận Tây Hồ, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3767 4846; Fax: (84-4) 3767 4854
Website: www.gmobile.vn

Công ty Dịch vụ Viễn thông VinaPhone

Trụ sở chính: 216 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3773 5555; Fax: (84-4) 3773 7544
Website: www.vinaphone.com.vn

Công ty Thông tin Di động VMS (MobiFone)

Trụ sở chính: Lô VP1, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3783 1733; Fax: (84-4) 3783 1734
Website: www.mobifone.com.vn

2.3 Dịch vụ Internet

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)

Trụ sở chính: 57 Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3577 5104; Fax: (84-4) 3934 5851
Website: www.vnpt.vn

Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel)

Trụ sở chính: 01 Giang Văn Minh, quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 6255 6789; Fax: (84-4) 6299 6789
Website: www.viettel.com.vn

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Trụ sở chính: Tầng 01, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 7300 2222; Fax: (84-4) 7300 8889
Website: www.fpt.vn

2. SEVERAL TYPICAL TELECOMMUNICATION OPERATORS AND INTERNET SERVICE PROVIDERS

2.1 Fixed-line telephone services

Viet Nam Posts and Telecommunications Group (VNPT)

Head Office: No. 57 Huynh Thuc Khang Str, Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3577 5104; Fax: (84-4) 3934 5851
 Website: www.vnpt.vn

Viettel Group (Viettel)

Head Office: No. 01 Giang Van Minh Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 6255 6789; Fax: (84-4) 6299 6789
 Website: www.viettel.com.vn

2.2 Mobile phone services

Viettel Telecom Company (Viettel)

Head Office: No. 01 Giang Van Minh Str, Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 6255 6789;; Fax: (84-4) 6299 6789
 Website: www.vietteltelecom.vn

Ha Noi Telecom Corporation (Vietnamobile)

Head Office: No. 02 Chua Boc Str., Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3572 9833; Fax: (84-4) 3572 9834
 Website: www.vietnamobile.com.vn

Global Telecommunication Corporation - GTel Mobile (GMobile)

Head Office: No. 20B Lac Long Quan Str., Tay Ho Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3767 4846;; Fax: (84-4) 3767 4854
 Website: www.gmobile.vn

Viet Nam Telecom Services Company (VinaPhone)

Head Office: No. 216 Tran Duy Hung Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3773 5555; Fax: (84-4) 3773 7544
 Website: www.vinaphone.com.vn

Viet Nam Mobile Telecom Services Company (MobiFone)

Head Office: VP1 Block, Yen Hoa Ward, Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3783 1733; Fax: (84-4) 3783 1734
 Website: www.mobifone.com.vn

2.3 Internet service

Viet Nam Posts and Telecommunications Group (VNPT)

Head Office: No. 57 Huynh Thuc Khang Str, Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3577 5104; Fax: (84-4) 3934 5851
 Website: www.vnpt.vn

Viettel Group (Viettel)

Head Office: No. 01 Giang Van Minh Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 6255 6789; Fax: (84-4) 6299 6789
 Website: www.viettel.com.vn

FPT Telecom JSC

Head Office: 01st Floor, FPT Building, Duy Tan Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 7300 2222; Fax: (84-4) 7300 8889
 Website: www.fpt.vn

3. MỘT SỐ DOANH NGHIỆP BƯU CHÍNH TIÊU BIỂU

Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam (VNPost)

Trụ sở chính: 05 Đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3768 9407; Fax: (84-4) 3768 9433

Website: www.vnpost.vn

Công ty TNHH Chuyển phát nhanh DHL-VNPT (DHL-VNPT)

Trụ sở chính: 04 Phan Thúc Duyện, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3844 6203; Fax: (84-8) 3847 8113

Website: www.dhl.com.vn

Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel (VTP)

Trụ sở chính: 01 Giang Văn Minh, quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6266 0306; Fax: (84-69) 522490

Website: www.viettelpost.com.vn

Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện (PT-EMS)

Trụ sở chính: 01 Tân Xuân, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3757 5577; Fax: (84-4) 3757 6144

Website: www.ems.com.vn

Công ty TNHH TNT-Vietrans Express World Wide Việt Nam (TNT-Vietrans)

Trụ sở chính: Phòng 803-806, tầng 8, Tòa nhà Khâm Thiên, 193-195 Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3715 0855; Fax: (84-4) 3513 3038

Website: www.tnt.com

3. SERVERAL TYPICAL POSTAL OPERATORS

Viet Nam Post Corporation (VNPost)

Head Office: No. 05 Pham Hung Str., My Dinh Ward, Tu Liem Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3768 9407; Fax: (84-4) 3768 9433
Website: www.vnpost.vn

DHL-VNPT Express Co., Ltd (DHL-VNPT)

Head Office: No. 04 Phan Thuc Duyen Str., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam
Telephone: (84-8) 3844 6203; Fax: (84-8) 3847 8113
Website: www.dhl.com.vn

Viettel Post JSC (VTP)

Head Office: No. 01 Giang Van Minh Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 6266 0306; Fax: (84-69) 522490 (thiếu số)
Website: www.viettelpost.com.vn

P&T Express JSC (PT-EMS)

Head Office: No. 01 Tan Xuan, Xuan Dinh Ward, Tu Liem Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3757 5577, Fax: (84-4) 3757 6144
Website: www.ems.com.vn

TNT-Vietrans Express Worldwide Co., Ltd (TNT-Vietrans Express)

Head Office: Room 803-806, 08th Floor, Kham Thien Building, 193-195 Kham Thien Str., Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3715 0855; Fax: (84-4) 3513 3038
Website: www.tnt.com

4. MỘT SỐ DOANH NGHIỆP PHẦN CỨNG, ĐIỆN TỬ TIÊU BIỂU

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Việt Nam

Trụ sở chính: 15 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3825 6404; Fax: (84-4) 3826 4786
Website: www.veic.com.vn

Công ty TNHH Một thành viên Hanel

Trụ sở chính: 02 Chùa Bộc, quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3852 2102; Fax: (84-4) 3852 5770
Website: www.hanel.com.vn

Công ty TNHH 4P

Trụ sở chính: Tầng 15, 53 Quang Trung, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3945 4510; Fax: (84-4) 3945 4515
Website: www.4p.com.vn

Công ty Mitsustar Việt Nam

Trụ sở chính: 90 Đường Láng, quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3853 8795; Fax: (84-4) 3853 8794
Website: www.mitsustar.com.vn

Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp Bưu chính Viễn thông (VNPT Technology)

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km 29, Đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3836 2094/96; Fax: (84-4) 3836 2915/ 3863 1195
Website: www.vnpt-technology.vn (không truy cập được)

Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH Một thành viên

Trụ sở chính: 11/121 Lê Đức Thọ, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3894 1072; Fax: (84-8) 3894 0947
Website: www.cns.com.vn

Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ FPT

Trụ sở chính: 236 Điện Biên Phủ, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 7300 6666; Fax: (84-8) 3930 6002
Website: www.elead.com.vn

Công ty TNHH Máy tính CMS

Trụ sở chính: Tầng 12, tòa nhà CMC, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3795 8666; Fax: (84-4) 3783 3228
Website: www.cms.com.vn

Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình

Trụ sở chính: 248A Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3516 3885; Fax: (84-8) 3516 3886
Website: www.vtb.com.vn

4. SERVERAL TYPICAL HARDWARE, ELECTRONICS ENTERPRISES

Viet Nam Electronics and Informatics Corporation

Address: No.15 Tran Hung Dao Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3825 6404; Fax: (84-4) 3826 4786
 Website: www.veic.com.vn

Ha Noi Electronics Corporation

Address: No.02 Chua Boc Str., Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3852 2102; Fax: (84-4) 3852 5770
 Website: www.hanel.com.vn

4P Co., Ltd

Address: 15th Floor, No.53 Quang Trung Str., Hai Ba Trung Dist., Ha Noi , Viet Nam
 Telephone: (84-4) 39 454 510; Fax: (84-4) 39 454 515
 Website: www.4p.com.vn

Mitsustar Viet Nam

Address: No. 90 Lang Str., Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3853 8795; Fax: (84-4) 3853 8794
 Website: www.mistustar.com.vn

VNPT Technology JSC

Address: Hi-Tech Industrial Park 1, Hoa Lac Hi-Tech Park, Km 29, Thang Long Freeway, Thach That Dist, Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 38362094/96; Fax: (84-4) 38362915/38631195
 Website: www.vnpt-technology.vn

Saigon Industy Corporation

Address: No. 11/121 Le Duc Tho Str., Go Vap Dist. , Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 3894 1072; Fax: (84-8) 3894 0947
 Website: www.cns.com.vn

FPT Technology Products Co., Ltd

Address: No. 236 Dien Bien Phu Str., Dist.3, Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 7300 6666; Fax: (84-8) 3930 6002
 Website: www.elead.com.vn

CMS Computer Co., Ltd

Address: 12th Floor, CMC Tower, Duy Tan Dist., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3795 8666; Fax: (84-4) 3783 3228
 Website: www.cms.com.vn

Viettronics Tan Binh Corporation

Address: No. 248A No. Trang Long Str., Binh Thanh Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 3516 3885; Fax: (84-8) 3516 3886
 Website: www.vtb.com.vn

5. MỘT SỐ DOANH NGHIỆP PHẦN MỀM TIÊU BIỂU

Công ty Cổ phần Phần mềm FPT

Trụ sở chính: Tòa nhà FPT, Phạm Hùng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3768 9048; Fax: (84-4) 3768 9049

Website: www.fpt-software.com

Công ty CSC Việt Nam

Trụ sở chính: 366 Nguyễn Trãi, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3923 8520; Fax: (84-8) 3923 8521

Website: www.csc.com

Doanh nghiệp Tư nhân Dịch vụ Tường Minh TMA

Trụ sở chính: 111 Nguyễn Đình Chính, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3990 3848; Fax: (84-8) 3990 3303

Website: www.tmasolutions.com

Công ty Tin học Lạc Việt

Trụ sở chính: 23 Nguyễn Thị Huỳnh, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 3842 3333; Fax: (84-8) 3842 2370

Website: www.lacviet.com.vn

Công ty TNHH Gameloft Việt Nam

Trụ sở chính: Tòa nhà E-Town, 364 Cộng Hòa, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 6297 1167; Fax: (84-8) 6297 1168

Website: www.gameloft.com.vn

Công ty Cổ phần Phần mềm Việt

Trụ sở chính: Tầng 18, Tòa nhà VTC Online, 18 Tam Trinh, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3974 5699/121; Fax: (84-4) 3974 5700

Website: www.vietsoftware.com

Công ty TNHH Harvey Nash

Trụ sở chính: Tòa nhà E-town 2, 364 Cộng Hòa, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3810 6200; Fax: (84-8) 3810 6201

Website: www.harveynash.vn

Công ty Cổ phần Phần mềm Việt quốc tế

Trụ sở chính: Tầng 6, 15 Phạm Hùng, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3728 0366; Fax: (84-4) 3728 0367

Website: www.vsi-international.com

Công ty Cổ phần MISA

Trụ sở chính: Tầng 9, Tòa nhà TechnoSoft, Lô B1D, Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3795 9595; Fax: (84-4) 3795 8088

Website: www.misa.com.vn

Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC

Trụ sở chính: Tầng 14, tòa nhà CMC, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3943 9066; Fax: (84-4) 3943 9067

Website: www.cmcsoft.com

Công ty Cổ phần Công nghệ Tinh Vân

Trụ sở chính: Tầng 8, Khách sạn Thể thao, Làng Sinh viên Hacinco, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3558 9970; Fax: (84-4) 3558 9971

Website: www.tinhvan.com

5. SEVERAL TYPICAL SOFTWARE ENTERPRISES

FPT Software JSC

Address: FPT Building, Pham Hung Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3768 9048; Fax: (84-4) 3768 9049
 Website: www.fpt-software.com

CSC Viet Nam

Address: No.366 Nguyen Trai, Dist. 5, Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 3923 8520; Fax: (84-8) 3923 8521
 Website: www.csc.com

TMA Solutions

Address: No. 111 Nguyen Dinh Chinh Str., Phu Nhuan Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 3 990 3848; Fax: (84-8) 3 990 3303
 Website: www.tmasolutions.com

LacViet Computing Corporation

Address: No. 23 Nguyen Thi Huynh, Phu Nhuan Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 3842 3333; Fax: (84-8) 3842 2370
 Website: www.lacviet.com.vn

Gameloft Viet Nam

Address: 7th Floor, E-Town Building, No. 364 Cong Hoa Str., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 6297 1167; Fax: (84-8) 6297 1168
 Website: www.gameloft.com

VietSoftware JSC

Address: 18th Floor, VTC Online Building, No. 18 Tam Trinh Str., Hoang Mai Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3974 5699/121; Fax: (84-4) 3974 5700
 Website: www.vietsoftware.com

Harvey Nash Company Limited (Harvey Nash)

Address: Etown 2 Building, No. 364 Cong Hoa Str., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 3810 6200; Fax: (84-8) 3810 6201
 Website: www.harveynash.vn

Vietsoftware International JSC (VSI)

Address: 06th Floor, No. 15 Pham Hung Str, Tu Liem Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3728 0366/120; Fax: (84-4) 3728 0367
 Website: www.vsi-international.com

MISA JSC

Address: 09th Floor, TechnoSoft Building, Plot B1D, Duy Tan Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3795 9595; Fax: (84-4) 3795 8088
 Website: www.misa.com.vn

CMC Software Co., Ltd

Address: 14th Floor, CMC Tower, Duy Tan Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3943 9066; Fax: (84-4) 3943 9067
 Website: www.cmcsoft.com

Tinh Van Corporation

Address: 08th Floor, Sport Hotel, Hacinco Student Village, Thanh Xuan Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3558 9970; Fax: (84-4) 3558 9971
 Website: www.tinhvan.com

Công ty TNHH Pyramid Consulting Việt Nam

Trụ sở chính: Etown 1, Lầu 3, 364 Cộng Hòa, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3812 3367; Fax: (84-8) 38123218

Website: www.pyramid-consulting.com

Công ty TNHH GHP Far East

Trụ sở chính: Tòa nhà Saigon ICT, Công viên phần mềm Quang Trung, quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 3715 5359; Fax: (84-8) 3715 5391

Website: www.ghp-fareast.vn

Công ty Cổ phần Global Cybersoft (Việt Nam)

Trụ sở chính: Tòa nhà Helios, Công viên phần mềm Quang Trung, quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 3715 5359; Fax: (84-8) 3715 5391

Website: www.globalcybersoft.com

Công ty TNHH Nec Solutions Việt Nam

Trụ sở chính: Phòng 508, Tòa nhà Sun Red River, 23 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3933 3585; Fax: (84-4) 3933 3588

Website: www.necsv.com

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ELCOM

Trụ sở chính: Tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3835 9359; Fax: (84-4) 3835 5884

Website: www.elcom.com.vn

Công ty TNHH Mạng máy tính Phú Sĩ

Trụ sở chính: 51 Đường Phạm Hùng, quận 8, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3825 0100; Fax: (84-8) 3823 3195

Website: www.fujinet.net

Công ty TNHH Giải pháp Tài chính công FPT

Trụ sở chính: Tầng 22, Tòa nhà Keangnam, Lô E6, Phạm Hùng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3562 6000; Fax: (84-4) 3562 4850

Website: www.fis.com.vn

Công ty Cổ phần Công nghệ NCS

Trụ sở chính: 05, ngõ 535 Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 3716 4181; Fax: (84-4) 3716 4287

Website: www.ncs.com.vn

Tập đoàn HIPT

Trụ sở chính: 152 Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội

Địa chỉ: (84-4) 3847 4548 ; Fax: (84-4) 3847 4549

Website: www.hipt.com.vn

Công ty TNHH Phát triển và Chuyển giao Phần mềm DTSoft

Trụ sở chính: 133 Kim Ngưu, Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3821 3982; Fax: (84-4) 3987 4888

Website: www.dtsoftvn.com

Công ty Cổ phần phần mềm Luvina

Trụ sở chính: 1001 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3793 1103; Fax: (84-4) 3793 1106

Website: www.luvina.net

Pyramid Consulting Viet Nam Co., Ltd

Address: Etown 1, No. 364 Cong Hoa Str., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 3812 3367; Fax: (84-8) 3812 3218
 Website: www.pyramid-consulting.com

GHP Far East Co., Ltd

Address: Saigon ICT Building, Quang Trung Software Park, Dist. 12, Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 3715 5359; Fax: (84-8) 3715 5391
 Website: www.ghp-fareast.vn

Global Cybersoft Viet Nam JSC

Address: Helios Building, Quang Trung Software Park, Dist. 12, Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 3715 5359; Fax: (84-8) 3715 5391
 Website: www.globalcybersoft.com

Nec Solutions Viet Nam Co., Ltd

Address: Room 508, Sun Red River Building, No. 23 Phan Chu Trinh Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3933 3585; Fax: (84-4) 3933 3588
 Website: www.necsv.com

Electronics Communications Technology Investment and Development JSC (ELCOM)

Address: Elcom Building, Duy Tan Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3835 9359; Fax: (84-4) 3835 5884
 Website: www.elcom.com.vn

Fujinet Co., Ltd

Address: No. 51 Pham Hung Str., Dist. 8, Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 3825 0100; Fax: (84-8) 3823 3195
 Website: www.fujinet.net

FPT Public Finance Solution Co., Ltd (FIS-PFS)

Address: 22th Floor, Keangnam Landmark Tower, Plot E6, Pham Hung Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3562 6000; Fax: (84-4) 3562 4850
 Website: www.fis.com.vn

NCS Technology Corporation

Address: 03rd Floor, Housing Building, No.299 Trung Kinh Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3716 4181; Fax: (84-4) 3716 4287
 Website: www.ncs.com.vn

HiPT Group

Address: No. 152 Thuy Khue Str., Tay Ho Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3847 4548; Fax: (84-4) 3847 4549
 Website: www.hipt.com.vn

Development Tranfer Software Co, Ltd (DTSoft)

Address: No. 133 Kim Nguu Str., Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3821 3982; Fax: (84-4) 3987 4888
 Website: www.dtsoftvn.com

Luvina Software JSC

Address: No. 1001 Hoang Quoc Viet Str, Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3793 1103; Fax: (84-4) 3793 1106
 Website: www.luvina.net

6. MỘT SỐ DOANH NGHIỆP PHẦN MỀM NGUỒN MỞ TIÊU BIỂU

Công ty Cổ phần NetNam

Trụ sở chính: Tầng 3, Nhà 2B, Khu Công nghệ
Nghĩa Đô, 18 Hoàng Quốc Việt, quận
Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3756 4907; Fax: (84-4) 3756 1888
Website: www.netnam.vn

Công ty Cổ phần Tin học Giải pháp Tích hợp Mở (iNET)

Trụ sở chính: 115/100 Lê Văn Sỹ, quận Phú Nhuận,
TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3991 9150; Fax: (84-8) 3991 9152
Website: www.inetcloud.vn

Công ty Cổ phần Phần mềm Việt (VietSoftware)

Trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà VTC Online, 18 Tam
Trinh, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3974 5699; Fax: (84-4) 3974 5700
Website: www.vietsoftware.com

Công ty Cổ phần Tin học Lạc Tiên

Trụ sở chính: KC45 Huỳnh Tấn Phát, quận 7,
Ho Chi Minh City
Điện thoại: (84-8) 2211 5070; Fax: (84-8) 6262 1286
Website: www.lactien.com

Công ty Cổ phần công nghệ DTT

Trụ sở chính: Lô 305, Tầng 3, Trung tâm thương
mại Hà Thành, 102 Thái Thịnh, quận
Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 6266 5599; Fax: (84-4) 6266 5539
Website: www.dtt.vn

Công ty TNHH một thành viên HANEL

Trụ sở chính: 02 Chùa Bộc, quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3852 2102; Fax: (84-4) 3852 5770
Website: www.hanel.com.vn

Công Ty Cổ phần tư vấn và tích hợp công nghệ D&L

Trụ sở chính: C08-1, Tòa nhà chung cư Bộ Kế
hoạch và Đầu tư, phố Đông Quan, quận
Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 6655 2836; Fax: (84-4) 3767 8812
Website: www.dlcorp.com.vn

Công ty Cổ phần EcoIT

Trụ sở chính: A13 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa,
quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 6281 4275; Fax: (84-4) 6275 0064
Website: www.ecoit.asia

Công ty Cổ phần Giải pháp Thông tin (iWay)

Trụ sở chính: 20A, ngõ 98, Thái Hà, quận Đống Đa,
Hà Nội
Điện thoại: (84-8) 3537 8680; Fax: (84-4) 3537 8684
Website: www.iwayvietnam.com

Công ty Cổ phần Phát triển nguồn mở Việt Nam

Trụ sở chính: Phòng 1805, Tòa nhà CT2 Nàng
Hương, 583 Nguyễn Trãi, quận Thanh
Xuân, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 8587 2007; Fax: (84-4) 3550 0914
Website: www.vinades.vn

Công ty Viễn thông Viettel (Viettel Telecom)

Trụ sở chính: 01 Giang Văn Minh, quận Ba Đình,
Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 6288 0000; Fax: (84-4) 6266 0446
Website: www.vietteltelecom.vn

Công ty Cổ phần Phát triển Giải pháp Công nghệ THT

Trụ sở chính: Phòng 702, 57 Vũ Trọng Phụng, quận
Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3200 1014; Fax: (84-4) 3200 1015
Website: www.thts.vn

Công ty Cổ phần Hệ thống mạng thông minh tích hợp tối ưu

Trụ sở chính: Trung tâm Regus, Cầu lạc bộ Báo chí,
59 Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3537 7880
Website: www.i3-vietnam.com

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Tâm Việt

Trụ sở chính: 08 Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3625 0687
Website: www.tamviettech.vn

6. SEVERAL TYPICAL OPEN SOURCE SOFTWARES ENTERPRISES

Netnam JSC

Address: 03rd Floor, 2B Building, Nghia Do
Technological Park, No. 18 Hoang Quoc
Viet Str., Cau Giay Dist., Ha Noi,
Viet Nam
Telephone: (84-4) 3756 4907; Fax: (84-4) 3756 1888
Website: www.netnam.vn

iNet Solutions Corporation

Address: No. 115/100 Le Van Sy Str., Phu Nhuan
Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam
Telephone: (84-8) 3991 9150; Fax: (84-8) 3991 9152
Website: www.inetcloud.vn

Vietsoftware JSC

Address: 12th Floor, VTC Online Building, No 18
Tam Trinh Str., Hoang Mai Dist., Ha Noi,
Viet Nam
Telephone: (84-4) 3974 5699; Fax: (84-4) 3974 5700
Website: www.vietsoftware.com

Lac Tien JSC

Address: KC45 Huy Tan Phat Str., Dist.7, Ho Chi
Minh City, Viet Nam
Telephone: (84-8) 2211 5070; Fax: (84-8) 6262 1286
Website: www.lactien.vn

DTT Technology Group

Address: Plot 305, 03rd Floor, Ha Thanh
Commercial Center, No. 102 Thai Thinh
Str., Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 6266 5599; Fax: (84-4) 6266 5539
Website: www.dtt.vn

Hanel Co., Ltd

Address: No. 02 Chua Boc Str., Dong Da Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3852 2102; Fax: (84-4) 3852 5770
Website: www.hanel.com.vn

D&L Corporation

Address: C08-1, Block of flats of the Ministry of
Planning and Investment, Dong Quan
Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 6655 2836; Fax: (84-4) 3767 8812
Website: www.dlcorp.com.vn

EcoIT JSC

Address: A13 Hoang Cau Str., O Cho Dua Ward,
Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam
Điện thoại: (84-4) 6281 4275; Fax: (84-4) 6275 0064
Website: www.ecoit.asia

Iway

Address: No.20A, Lane No. 98, Thai Ha Str., Dong
Da Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-8) 3537 8680; Fax: (84-4) 3537 8684
Website: www.iwayvietnam.com

Vinades JSC

Address: Room 1805, CT2 Nang Huong Building,
No 583 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan
Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 8587 2007; Fax: (84-4) 3550 0914
Website: www.vinades.vn

Viettel Telecom JSC

Address: No. 01 Giang Văn Minh Str., Ba Dinh
Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 6288 0000; Fax: (84-4) 6266 0446
Website: www.vietteltelecom.vn

THT-Solutions JSC

Address: Room 702, No. 57 Vu Trong Phung Str.,
Thanh Xuan Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3200 1014; Fax: (84-4) 3200 1015
Website: www.thts.vn

i3 Network Systems

Address: Regus Center, PressClub, No. 59
Ly Thai To Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi,
Viet Nam
Telephone: (84-4) 3537 7880
Website: www.i3-vietnam.com

Tam Viet Technology JSC

Address: No.08 Lang Ha Str., Ba Dinh Dist., Ha
Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3625 0687
Website: www.tamviettech.vn

7. MỘT SỐ DOANH NGHIỆP NỘI DUNG SỐ TIÊU BIỂU

Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghệ thông tin (VTC Intecom)

Trụ sở chính: 65 Lạc Trung, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 4451 2468; Fax: (84-4) 3636 7728
Website: www.vtc.com.vn

Công ty Cổ phần VNG

Trụ sở chính: 182 Lê Đại Hành, quận 11, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3866 4666; Fax: (84-8) 3866 4666
Website: www.vng.com.vn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT

Trụ sở chính: 153 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 6299 1299; Fax: (84-8) 3929 1758
Website: www.fptonline.net

Công ty Phần mềm và Truyền thông VASC

Trụ sở chính: 97 Nguyễn Chí Thanh, quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3772 2728; Fax: (84-4) 3772 2733
Website: www.vasc.com.vn

Công ty TNHH DIGI-TEXX Việt Nam

Trụ sở chính: Lầu 2, Tòa nhà ANNA, Công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Hiệp Chánh, quận 12, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (84-8) 3715 5325; Fax: (84-8) 3715 9402
Website: www.digi-texx.com.vn

Công ty Cổ phần iNet (iNET)

Trụ sở chính: 129 Phan Văn Trường, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3793 1188; Fax: (84-4) 3793 0979
Website: www.inet.vn

Công ty TNHH P.A Việt Nam

Trụ sở chính: 254A Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (84-8) 6256 3737; Fax: (84-8) 6290 6480
Website: www.pavietnam.vn

8. MỘT SỐ DOANH NGHIỆP TÍCH HỢP HỆ THỐNG TIÊU BIỂU

Công ty Hệ thống Thông tin FPT (FIS)

Trụ sở chính: Tầng 22, Tòa nhà Keangnam, Lô E6, Phạm Hùng, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3562 6000; Fax: (84-4) 3562 4850
Website: www.fis.com.vn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HiPT

Trụ sở chính: 152 Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội
Điện thoại: (84-8) 3847 4548; Fax: (84-8) 3847 4549
Website: www.hipt.com.vn

Công ty Cổ phần dịch vụ Công nghệ Tin học HPT

Trụ sở chính: Tầng 9, Tòa nhà Saigon Paragon, 03 Nguyễn Lương Bằng, quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 5412 3400; Fax: (84-8) 5410 8801
Website: www.hpt.vn

Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu

Trụ sở chính: Lô U.12B, 16A Đường 22, Khu Chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3770.0968; Fax: (84-8) 3770 0969
Website: www.saobacdau.vn

Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện

Trụ sở chính: 158/2 Hồng Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3863 4597; Fax: (84-4) 38630 227
Website: www.ct-in.com.vn

Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà CMC, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3795 8686; Fax: (84-4) 3795 8383
Website: www.cmcsi.com.vn

7. SEVERAL TYPICAL DIGITAL CONTENT ENTERPRISES

VTC Investment and Development of Technology JSC (VTC Intecom)

Address: No. 65 Lac Trung Str, Hai Ba Trung Dist.,
Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 4451 2468; Fax: (84-4) 3636 7728

Website: www.vtc.com.vn

VNG JSC

Address: No. 182 Le Dai Hanh Str., Dist. 11, Ho
Chi Minh City, Viet Nam

Telephone: (84-8) 3866 4666; Fax: (84-8) 3866 4666

Website: www.vng.com.vn

FPT Online Service JSC

Address: No 153 Nguyen Dinh Chieu Str., Dist. 3,
Ho Chi Minh City, Viet Nam

Telephone: (84-8) 6299 1299; Fax: (84-8) 3929 1758

Website: www.fptonline.net

VASC Software and Media Company

Address: No. 97 Nguyen Chi Thanh Str., Ba Dinh
Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3772 2728; Fax: (84-4) 3772 2733

Website: www.vasc.com.vn

DIGI-TEXX Viet Nam Co., Ltd

Address: 2nd Floor, Anna Building Quang Trung
Software Park, Tan Chanh Hiep Ward,
Dist.12, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3715 5325; Fax: (84-4) 3715 9402

Website: www.digi-texx.com.vn

iNet JSC

Address: No. 129 Phan Van Truong Str., Cau Giay
Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3793 1188; Fax: (84-4) 3793 0979

Website: www.inet.vn

P.A Viet Nam Co., Ltd

Address: No. 254A Nguyen Dinh Chieu, Dist. 3, Ho
Chi Minh City, Viet Nam

Telephone: (84-8) 6256 3737; Fax: (84-8) 6290 6480

Website: www.pavietnam.vn

8. SEVERAL TYPICAL ENTERPRISES IN IT INTEGRATION SERVICE

FPT Information System Company

Address: 22nd Floor, Keangnam Landmark Tower,
Plot E6, Pham Hung Str., Cau Giay Dist.,
Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3562 6000; Fax: (84-4) 3562 4850

Website: www.fis.com.vn

HiPT Group

Address: No 152 Thuy Khue Str., Tay Ho Dist., Ha
Noi, Viet Nam

Telephone: (84-8) 3847 4548; Fax: (84-8) 3847 4549

Website: www.hipt.com.vn

HPT Informatics Technology Service

Trụ sở chính: 09th Floor, Saigon Paragon Building,
No. 03 Nguyen Luong Bang Str., Dist. 7,
Ho Chi Minh City, Viet Nam

Telephone: (84-8) 5412 3400; Fax: (84-8) 5410 8801

Website: www.hpt.vn

Sao Bac Dau Technologies JSC

Address: Plot U12B, No 16A Road No.22, Tan
Thuan Export Processing Zone,
Tan Thuan Dong Ward, Dist. 7, Ho Chi
Minh City, Viet Nam

Telephone: (84-8) 3770 0968; Fax: (84-8) 3770 0969

Website: www.saobacdau.vn

Telecom and Informatics JSC

Address: No.158/2 Hong Mai Str., Hai Ba Trung
Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3863 4597; Fax: (84-4) 38630 227

Website: www.ct-in.com.vn

CMC System Integration

Address: 16th Floor, CMC Tower, Duy Tan Str.,
Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3795 8686; Fax: (84-4) 3795 8383

Website: www.cmcsi.com.vn

9. MỘT SỐ DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT-CA)

Trụ sở chính: Nhà Internet, Lô IIA, Làng Quốc tế Thăng Long, quận Cầu Giấy, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3793 2924/3793 0506; Fax: (84-4) 3793 0506
 Website: www.vnpt-ca.vn

Công ty Cổ phần Công nghệ Thẻ Nacencomm (CA2)

Trụ sở chính: Tầng 5, 02 Chùa Bộc, quận Đống Đa, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3576 5146; Fax: (84-4) 3576 5147
 Website: www.cavn.vn

Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT (FPT-CA)

Trụ sở chính: Tầng 22, tháp Keangnam, Lô E6, Phạm Hùng, quận Cầu Giấy, Hà Nội
 Điện thoại: 1900 6625; Fax: (84-4) 3514 3663
 Website: www.ca.fis.com.vn

Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel (VIETTEL-CA)

Trụ sở chính: Tòa nhà N2 Viettel, Km 2 Đại lộ Thăng Long, Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội
 Điện thoại: 1900 9099; Fax: (84-4) 6288 0005
 Website: www.viettel-ca.vn

Công ty TNHH An ninh mạng Bkav (BKAV-CA)

Trụ sở chính: Tòa nhà Bkav, Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 7305 0060/1900 5454; Fax: (84-4) 3782 2135
 Website: www.bkavca.vn

Công ty Công nghệ và Truyền thông CK (CK-CA)

Trụ sở chính: 4/122 Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3664 7888; Fax: (84-4) 3664 7770
 Website: www.ckca.vn

Công ty Cổ phần Truyền thông Newtelecom (Newtel-CA)

Trụ sở chính: 08 Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3772 7766; Fax: (84-4) 3772 7755
 Website: www.newtel-ca.vn

Công ty Cổ phần Chữ ký số Vina (Smartsign)

Trụ sở chính: 385C Nguyễn Trãi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (84-8) 3920 8141; Fax: (84-8) 3920 8142
 Website: www.smartsign.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng số an toàn (Safe-CA)

Trụ sở chính: 37 Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (84-8) 2220 0911; Fax: (84-8) 2220 0913
 Website: www.safecert.com.vn

9. SEVERAL DIGITAL SIGNATURE AUTHENTICATION SERVICE PROVIDERS

Viet Nam Posts and Telecommunications Group (VNPT-CA)

Address: Internet Building , Plot 02A, International Thang Long Village, Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3793 2924/3793 0506; Fax: (84-4) 3793 0506
 Website: www.vnpt-ca.vn

Nacencomm Technologies JSC (CA2)

Address: 5th Floor, No. 02 Chua Boc Str., Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3576 5146; Fax: (84-4) 3576 5147
 Website: www.cavn.vn

FPT Information System JSC (FPT-CA)

Address: 22nd Floor, Keangnam Landmark Tower, Plot E6, Pham Hung Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: 1900 6625; Fax: (84-4) 3514 3663
 Website: www.ca.fis.com.vn

Viettel Group (VIETTEL-CA)

Address: N2 Viettel Building, Km No. 2 Thang Long Avenue, Me Tri Ward, Tu Liem Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: 1900 9099; Fax: (84-4) 6288 0005
 Website: www.viettel-ca.vn

Bkav Co., Ltd (BKAV-CA)

Address: Bkav Building, Yen Hoa Ward, Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 7305 0060/1900 5454; Fax: (84-4) 3782 2135
 Website: www.bkavca.vn

CK Media (CK-CA)

Address: No. 4/122 Dinh Cong Str., Hoang Mai Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3664 7888; Fax: (84-4) 3664 7770
 Website: www.ckca.vn

Newtelecom Media JSC (Newtel-CA)

Address: No. 08 Lang Ha Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3772 7766; Fax: (84-4) 3772 7755
 Website: www.newtel-ca.vn

Smartsign JSC (Smartsign-CA)

Trụ sở chính: No. 385C Nguyen Trai Str., Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Điện thoại: (84-8) 3920 8141; Fax: (84-8) 3920 8142
 Website: www.smartsign.com.vn

Safecert JSC (Safe-CA)

Trụ sở chính: No. 37 Ton Duc Thang Str., Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Điện thoại: (84-8) 2220 0911; Fax: (84-8) 2220 0913
 Website: www.safecert.com.vn

10. MỘT SỐ DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ, GIẢI PHÁP AN TOÀN THÔNG TIN TIÊU BIỂU

Công ty Tư vấn Đầu tư và Phát triển Công nghệ

Trụ sở chính: 141 Hoàng Hoa Thám, quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 2223 2241; Fax: (84-4) 2223 2242
Website: www.aic.com.vn

Trung tâm Phần mềm và Giải pháp An ninh mạng (BKIS)

Trụ sở chính: Tầng 5- Hitech, Đại học Bách Khoa Hà Nội, Số 1A Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3868 4757; Fax: (84-4) 3868 4755
Website: www.bkav.com.vn

Công ty Cổ phần an toàn an ninh thông tin CMC (CMCInfosec)

Trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà CMC, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 3795 8282; Fax: (84-4) 3984 5053
Website: www.cmcinfosec.com

Công ty Điện tử - Hóa chất - Tin học

Trụ sở chính: 19 Hoàng Sâm, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3835 0021; Fax: 04.38354436
Website: www.elinco.vn

Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT (Fis)

Trụ sở chính: Tầng 22, Tòa nhà Keangnam, Plot E6, Phạm Hùng, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3562 6000; Fax: (84-4) 5624850
Website: www.fis.com.vn

Công ty Cổ phần Phần mềm FPT (Fsoft)

Trụ sở chính: Tòa nhà FPT, Phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3768 9048; Fax: (84-4) 3768 9049
Website: www.fpt-soft.com

Tập đoàn HIPT

Trụ sở chính: 152 Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3847 4548; Fax: (84-4) 3847 4549
Website: www.hipt.com.vn

Học viện NETPRO - ITI

Trụ sở chính: Tầng 4 nhà E3, 144 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 6659 6065
Website: www.netpro.edu.vn

Công ty Netnam

Trụ sở chính: 18 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3756 4907; Fax: (84-4) 3756 1888
Website: www.netnam.vn

Văn phòng Đại diện Trend Micro Singapore Pte. Ltd tại Hà Nội

Trụ sở chính: Biệt thự 28, số 10 Đặng Thai Mai, quận Tây Hồ, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3718 6425
Website: www.vn.trendmicro.com

Công ty Ứng dụng Kỹ thuật và Sản xuất

Trụ sở chính: 18A Cộng Hoà, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3811 0181; Fax: (84-8) 3811 0688
Website: www.tecapro.com.vn

Công ty Cổ phần phát triển phần mềm và hỗ trợ công nghệ (MISOFT)

Trụ sở chính: 11 Phan Huy Chú, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 39331613; Fax: (84-4) 3933 1612
Website: www.misoft.com.vn

Công ty Điện toán và Truyền số liệu (VDC)

Trụ sở chính: Lô IIA, Làng quốc tế Thăng Long, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3793 0569; Fax: (84-4) 3793 0506
Website: www.vdc.com.vn

Công ty TNHH Công nghệ M-Security Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 15, tòa nhà Ladeco, 266 Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3935 0970
Website: www.mtechpro.com

Công ty Cổ phần An ninh mạng Việt Nam (VSEC)

Trụ sở chính: Phòng 1402, Tòa C Tháp Vincom City Tower 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 6650 5202; Fax: (84-4) 6650 5202
Website: www.vsec.com.vn

Công ty TNHH Cisco Systems Việt Nam

Trụ sở chính: Phòng 2301-2305, Tầng 23, Tòa 72 tầng, Tòa nhà Keangnam, Lô E6, Phạm Hùng, huyện Từ Liêm, Hà Nội.
Điện thoại: (84-4) 3974 6227; Fax: (84-4) 3974 2790
Website: www.cisco.com

10. SERVERAL TYPICAL ENTERPRISES IN INFORMATION SECURITY SERVICE/SOLUTION

Advancing Technologies & Investment Consultants JSC

Address: No. 141 Hoang Hoa Tham Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 2223 2241; Fax: (84-4) 2223 2242
Website: www.aic.com.vn

BKAV Internet Sercurity (BKIS)

Address: 05th Floor Hitech Building,, University of Technology, No 01A Dai Co Viet Str., Hai Ba Trung Distr., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3868 4757; Fax: (84-4) 3868 4755
Website: www.bkav.com.vn

CMC Information Security JSC (CMCInfoSec)

Address: 04th Floor, CMC Tower, Duy Tan Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3795 8282; Fax: (84-4) 3984 5053
Website: www.cmcinfosec.com

Electronics Informatics Chemical Company

Address: No. 19 Hoang Sam Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3835 0021; Fax: 04.38354436
Website: www.elinco.vn

FPT Information System Co., Ltd (FIS)

Address: 22nd Floor, Keangnam Landmark Tower, Plot E6, Pham Hung Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3562 6000 Fax: (84-4) 3562 4850
Website: www.fis.com.vn

FPTsoftware JSC (Fsoft)

Address: FPT Building, Duy Tan Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3768 9048; Fax:(84-4) 3768 9049
Website: www.fpt-soft.com

HiPT Group

Address: No. 152 Thuy Khue Str., Tay Ho Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3847 4548; Fax: (84-4) 3847 4549
Website: www.hipt.com.vn

INETPRO – ITI Academy

Address: 04th Floor, E3 Building, No. 144 Xuan Thuy Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 6659 6065
Website: www.netpro.edu.vn

Netnam Corporation

Address: No. 18 Hoang Quoc Viet Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3756 4907; Fax: (84-4) 3756 1888
Website: www.netnam.vn

Representative Office of Trend Micro Singapore Pte, Ltd in Ha Noi

Address: Villa 28, No. 10 Dang Thai Mai Str., Ha Noi, Viet Nam, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3718 6425
Website: www.vn.trendmicro.com

Software Development and Technology Promotion JSC (MISOFT)

Address: No. 11 Phan Huy Chu Str., Hoan Kiem Dist., Hà Nội
Telephone: (84-4) 39331613; Fax: (84-4) 3933 1612
Website: www.misoft.com.vn

Technology Application and Production Company

Address: No 18A Cong Hoa Str., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam
Điện thoại: (84-8) 3811 0181; Fax: (84-8) 3811 0688
Website: www.tecapro.com.vn

Viet Nam Datacommunications Company (VDC)

Address: Plot 02A, Thang Long International Village, Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3793 0569; Fax: (84-4)3793 0506
Website: www.vdc.com.vn

Viet Nam M-Security Co., Ltd

Address: 15th Floor, Ladeco Building, No.266 Doi Can Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3935 0970
Website: www.mtechpro.com

Viet Nam Security Network Company (VSEC)

Address: Room 1402, Vincom City Tower C, No. 191 Ba Trieu Str., Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 6650 5202; Fax: (84-4) 6650 5202
Website: www.vsec.com.vn

Cisco Systems Viet Nam Co., Ltd

Address: Room 2301-2305, 23rd Floor, Building 72, KeangnamLandmark Tower, Plot E6, Pham Hung Street, Tu Liem District, Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3974 6227; Fax: (84-4) 3974 2790
Website: www.cisco.com

11. MỘT SỐ ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN TIÊU BIỂU

Công ty Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV)

Địa chỉ: 31-33 Đinh Công Tráng, Phường Tân Định, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Website: www.sctv.com.vn

Đài Truyền hình TP. Hồ Chí Minh (HTV)

Địa chỉ: 14 Đinh Tiên Hoàng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Website: www.htv.com.vn

Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam (VTVcab)

Địa chỉ: 884 La Thành, quận Ba Đình, Hà Nội
Website: www.vtvcab.vn

Công ty TNHH truyền hình số vệ tinh (K+)

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp A Tòa nhà Resco, 521 Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội
Website: www.kplus.vn

Tổng Công ty Truyền thông đa phương tiện Việt Nam (VTC)

Địa chỉ: 67B Hàm Long, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Website: www.vtc.com.vn

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)

Địa chỉ: 57 Huỳnh Thúc Kháng, quận Ba Đình, Hà Nội
Website: www.vnpt.vn

Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel

Địa chỉ: 01 Giang Văn Minh, quận Ba Đình, Hà Nội
Website: www.viettel.com.vn

Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội

Địa chỉ: 05 Huỳnh Thúc Kháng, quận Ba Đình, Hà Nội
Website: www.hanoitv.vn

Công ty Cổ phần Nghe nhìn Toàn cầu (AVG)

Địa chỉ: 15AV Hồ Xuân Hương, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Website: www.truyenhinhanviet.vn; www.anvientv.net

11. SEVERAL TYPICAL PAY TV SERVICE PROVIDERS

Saigontourist Cable Television Co, Ltd (SCTV)

Address: No. 31-33 Dinh Cong Trang Str., Tan Dinh Ward, Distr. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Website: www.sctv.com.vn

Ho Chi Minh City Television (HTV)

Address: No. 14 Dinh Tien Hoang, Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Website: www.htv.com.vn

Viet Nam Cable Television Corporation (VTVcab)

Address: No. 884 La Thanh Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam
Website: www.vtvcb.vn

Viet Nam Satellite Digital Television Co., Ltd (K+)

Address: 15th Floor, Tower A Resco Building, No 521 Kim Ma Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam
Website: www.kplus.vn

Viet Nam Multimedia Corporation (VTC)

Address: No. 67B Ham Long Str., Hoan Kiem Distr., Ha Noi, Viet Nam
Website: www.vtc.com.vn

Viet Nam Posts and Telecommunications Group (VNPT)

Address: No. 57 Huynh Thuc Khang Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam
Website: www.vnpt.vn

Viettel Group

Address: No. 01 Giang Van Minh Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam
Website: www.viettel.com.vn

Ha Noi Television

Address: No. 05 Huynh Thuc Khang Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam
Website: www.hanoitv.vn

An Vien Television (AVG)

Address: No. 15AV Ho Xuan Huong Str., Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam
Website: www.truyenhinhhanviet.vn; www.anvientv.net

12. MỘT SỐ TỔ CHỨC, CƠ SỞ ĐÀO TẠO VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐÀO TẠO CNTT-TT TIỂU BIỂU

12.1 Đào tạo đại học, cao đẳng

1. Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Địa chỉ: Km 10 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội
Website: www.ptit.edu.vn

2. Học viện Kỹ thuật Quân sự

Địa chỉ: Số 100 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Website: www.lqdtu.edu.vn; www.mta.edu.vn

3. Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ: 144 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Website: www.coltech.vnu.edu.vn

4. Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

Địa chỉ: 01 Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Website: www.hut.edu.vn

5. Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ: 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
Website: www.hus.vnu.edu.vn

6. Trường Đại học Công nghệ thông tin – Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Km 20 Xa lộ Hà Nội, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Website: www.uit.edu.vn

7. Học viện Kỹ thuật Mật mã

Địa chỉ: 141 Chiến Thắng, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
Website: www.actvn.edu.vn

8. Trường Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 268 Lý Thường Kiệt, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Website: www.hcmut.edu.vn

9. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 227 Nguyễn Văn Cừ, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Website: www.hcmus.edu.vn

10. Trường Đại học FPT

Địa chỉ: Tòa nhà Detech, Số 15B Phạm Hùng, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Website: www.fpt.edu.vn

11. Trường Đại học Cần Thơ

Địa chỉ: Khu II, Đường 3/2, quận Ninh Kiều, Cần Thơ
Website: www.ctu.edu.vn

12. Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng

Địa chỉ: 57 Nguyễn Lương Bằng, quận Liên Chiểu, Đà Nẵng
Website: www.ud.edu.vn

13. Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên

Địa chỉ: Xã Quyết Thắng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Website: www.ictu.edu.vn

12.2 Đào tạo phi chính quy và cao đẳng nghề

1. Hệ thống Aptech Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 3, 51 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Website: www.aptech.edu.vn

2. Hệ thống NIIT Việt Nam

Địa chỉ: 138C Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Website: www.niit.edu.vn

3. Hệ thống Arena Multimedia

Địa chỉ: 80 Trúc Khê, quận Đống Đa, Hà Nội
Website: www.arena-multimedia.vn

4. Học viện Công nghệ thông tin Hà Nội (Ha Noi CTT)

Địa chỉ: 141 Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Website: www.hanoictt.com.vn

5. Viện Công nghệ kỹ thuật (Saigon CTT)

Địa chỉ: Tòa nhà DTS, 287B Điện Biên Phủ, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Website: www.saigonctt.com.vn

6. Trường SaigonTECH

Địa chỉ: Tòa nhà SaigonTech, Lô 14, đường số 5, Công viên phần mềm Quang Trung, quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Website: www.saigontech.edu.vn

7. Trường Cao đẳng nghề Công nghệ thông tin iSPACE

Địa chỉ: 240 Võ Văn Ngân, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Website: www.ispace.edu.vn

8. Trung tâm Đào tạo Quản trị & An ninh mạng Athena

Địa chỉ: 02 Đinh Tiên Hoàng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Website: www.athena.com.vn

9. Trung tâm Đào tạo Mạng máy tính Nhất nghệ

Địa chỉ: 105 Bà huyện Thanh Quan, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Website: www.nhatnghe.com

10. Trường Đào tạo Công nghệ thông tin InfoWorld

Địa chỉ: 43 Nguyễn Thông, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Website: www.infoworldschool.com

11. Trung tâm Tin học Việt Tin

Địa chỉ: 278/4 Nguyễn Văn Linh, quận Thanh Khê, Đà Nẵng
Website: www.vietin.com

12. Trường Cao đẳng CNTT Hữu nghị Việt - Hàn

Địa chỉ: 57 Nguyễn Hữu Thọ, quận Hải Châu, Đà Nẵng
Website: www.viethanit.edu.vn

12. SEVERAL TYPICAL UNIVERSITIES AND INSTITUTIONS OFFERING ICT DEGREES

12.1 Universities, colleges

1. Posts and Telecommunications Institute of Technology

Address: Km 10 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Ha Noi, Viet Nam
Website: www.ptit.edu.vn

2. Military Technical Academy

Address: No. 100 Hoang Quoc Viet Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
Website: www.lqdtu.edu.vn; www.mta.edu.vn

3. University of Engineering and Technology - Viet Nam National University, Ha Noi

Address: No. 144 Xuan Thuy Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
Website: www.coltech.vnu.edu.vn

4. Ha Noi University of Science and Technology

Address: No 1 Dai Co Viet, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam
Website: www.hut.edu.vn

5. University of Science, Viet Nam National University, Ha Noi

Địa chỉ: No. 334 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Ha Noi, Viet Nam
Website: www.hus.vnu.edu.vn

6. Information Technology University - Viet Nam National University, Ho Chi Minh City

Address: Km20 Ha Noi Highway, Thu Duc Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam
Website: www.uit.edu.vn

7. Academy of Cryptography Techniques

Address: No. 141 Chien Thang Str., Thanh Tri Dist., Ha Noi, Viet Nam
Website: www.actvn.edu.vn

8. University of Technology - Viet Nam National University, Ho Chi Minh City

Address: No. 286 Ly Thuong Kiet Str., Dist. 10, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Website: www.hcmut.edu.vn

9. University of Science – Viet Nam National University, Ho Chi Minh city

Address: No. 227 Nguyen Van Cu Str., Dis. 5, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Website: www.hcmus.edu.vn

10. FPT University

Address: Detech Building, No 15B Pham Hung Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
Website: www.fpt.edu.vn

11. Can Tho University

Address: Block II, 3/2 Str., Ninh Kieu Dist. Can Tho, Viet Nam
Website: www.ctu.edu.vn

12. University of Science and Technology - Da Nang University

Address: No. 54 Nguyen Luong Bang Str., Lien Chieu Dist., Da Nang, Viet Nam
Website: www.dut.edu.vn

13. University of Information and Communication Technology - Thai Nguyen University

Address: Quyet Thang Commune, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province, Viet Nam
Website: www.ictu.edu.vn

12.2 Non-formal and vocational colleges

1. Aptech Viet Nam

Address: Level 03, No. 51 Le Dai Hanh Str., Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam
Website: www.aptech.edu.vn

2. NIIT Viet Nam

Address: No. 138C Nguyen Dinh Chieu Str., Dist. 3, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Website: www.niit.edu.vn

3. Arena Multimedia

Address: No. 80 Truc Khe Str., Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam
Website: www.arena-multimedia.vn

4. Ha Noi CTT IT Academy (Ha Noi CTT)

Address: No. 141 Le Duan Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam
Website: www.HaNoicctt.com.vn

5. Saigon Institute for Techniques and Technology (Sai Gon CTT)

Address: DTS Building, No. 287B Dien Bien Phu Str., Dist. 3, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Website: www.saigonctt.com.vn

6. SaigonTECH

Address: SaigonTech Building, Plot 14, Block 5, Quang Trung Software park, Dist. 12, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Website: www.saigontech.edu.vn

7. iSPACE

Address: No. 240 Vo Van Ngan Str., Thu Duc Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam
Website: www.ispace.edu.vn

8. Athena Center

Address: No. 02 Bis Dinh Tien Hoang Str., Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Website: www.athena.com.vn

9. Nhat Nghe Center

Address: No. 105 Ba Huyen Thanh Quan Str., Dist. 3, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Website: www.nhatnghe.com

10. InfoWorld

Address: No. 43 Nguyen Thong Str., Dist. 3, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Website: www.infoworldschool.com

11. Viet Tin Center

Address: No. 278/4 Nguyen Van Linh Str., Thanh Khe Dist., Da Nang, Viet Nam
Website: www.vietin.com

12. Viet Nam - Korea Friendship IT College

Address: No. 57 Nguyen Huu Tho, Hai Chau Dist., Da Nang, Viet Nam
Website: www.viethanit.edu.vn

13. MỘT SỐ DOANH NGHIỆP QUỐC TẾ ĐANG HOẠT ĐỘNG TẠI VIỆT NAM

Công ty TNHH Intel Products Việt Nam

Trụ sở chính: Lô I2, đường D2, Khu Công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh, quận 9, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3736 6200; Fax: (84-8) 3736 0510
Website: www.intel.vn

Công ty TNHH Canon Việt Nam

Trụ sở chính: Lô A1, Khu Công nghiệp Thăng Long, huyện Đông Anh, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3811 2111; Fax: (84-4) 3771 1678
Website: www.canon.com.vn

Công ty TNHH Fujitsu Việt Nam

Trụ sở chính: Phòng 01-03, Tòa nhà Keangnam, Khu E6, Phạm Hùng, huyện Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3823 6300; Fax: (84-4) 3823 6303
Website: www.fujitsu.com

Công ty TNHH IBM Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà Pacific, 83B Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3946 2021; Fax: (84-4) 3946 0203
Website: www.ibm.com

Công ty TNHH Panasonic Việt Nam

Trụ sở chính: Lô J1-J2, Khu công nghiệp Thăng Long, huyện Đông Anh, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3955 0111; Fax: (84-4) 3955 0144
Website: www.panasonic.com.vn

Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 35, tòa nhà Keangnam, Tòa 70 tầng, Lô E6, Đường Phạm Hùng, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3934 5110; Fax: (84-4) 3934 5118
Website: www.lg.com

Công ty TNHH Ericsson Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Keangnam, Tòa 72 tầng, Lô E6, Đường Phạm Hùng, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3838 0100; Fax: (84-4) 3838 0101
Website: www.ericsson.com

Công ty TNHH Microsoft Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 16, Tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3935 1053; Fax: (84-4) 3934 5118
Website: www.microsoft.com.vn

Công ty TNHH Thiết kế Renesas Việt Nam

Trụ sở chính: Đường Tân Thuận, Khu Chế xuất Tân Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3770 0255; Fax: (84-8) 3770 0249
Website: vietnam.renesas.com

Công ty TNHH Summitomo Bakelite Việt Nam

Trụ sở chính: Lô C6, Khu Công nghiệp Thăng Long, huyện Đông Anh, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3881 1531; Fax: (84-4) 3881 1532
Website: www.sbv.com.vn

Văn phòng đại diện ZTE tại Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 17, 266 Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 6272 1818
Fax: (84-4) 6272 2636

Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam

Trụ sở chính: Khu công nghiệp Yên Phong I, xã Yên Phong, huyện Yên Trung, Bắc Ninh
Điện thoại: (84-241) 369 6049; Fax: (84-241) 369 6003
Website: www.samsung.com.vn

Công ty TNHH Yahoo! Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 8, tòa nhà Centec 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 6299 8031; Fax: (84-8) 6299 8001
Website: www.vn.yahoo.com

Công ty TNHH Công nghệ Huawei Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 21, tòa nhà Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 2220 8818; Fax: (84-4) 2220 8828
Website: www.huawei.com

Công ty TNHH Siemens Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 4 và 5 Tòa nhà Landmark, 5B Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-4) 3825 1900; Fax: (84-8) 3825 1580
Website: www.siemens.com.vn

Công ty TNHH DongAh Elecomm Việt Nam

Trụ sở chính: Khu công nghiệp Lương Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
Điện thoại: (84-281) 382 6781; Fax: (84-281) 382 6783
Website: www.dongah.vn

Công ty TNHH Nec Tokin Electronics Việt Nam

Trụ sở chính: Lô A5 – A6, Công viên công nghệ Long Bình, Khu Chế xuất Long Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
Điện thoại: (84-61) 389 1970; Fax: (84-61) 389 1973

Công ty TNHH Toshiba Việt Nam

Trụ sở chính: Phòng 1702, Tầng 17, Tòa nhà Centec Tower, 72 - 74 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3824 2818
Website: www.toshiba.com.vn

Công ty TNHH Thông tin NTT Việt Nam

Trụ sở chính: Lô A-10, 11 Trung tâm Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3827 3646; Fax: (84-8) 3827 3643
Website: www.ntt.com.vn

Công ty TNHH Cisco Systems tại Việt Nam

Trụ sở chính: Phòng 2301-2305, Tầng 23, Tòa nhà Keangnam, Tòa 72 tầng, Lô E6, Phạm Hùng, huyện Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3974 6227; Fax: (84-4) 3974 2790
Website: www.cisco.com

Công ty TNHH Jabil Việt Nam

Trụ sở chính: Lô I4, Nhà máy F02, Lê Văn Việt, Khu công nghệ cao Sài Gòn, quận 9, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3736 0547; Fax: (84-8) 3736 0545

Công ty TNHH Fuhong Precision Component

Trụ sở chính: Khu Công nghệ cao Đình Trám, huyện Việt Yên, Bắc Giang
Điện thoại: (84-241) 385 6888

13. SEVERAL ICT MULTI-NATIONAL COMPANIES IN VIET NAM

Intel Products Viet Nam Co., Ltd

Head Office: Plot I2, D1 Road, Saigon Hi-Tech Park, District 9, Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 3736 6200; Fax: (84-8) 3736 0510
 Website: www.intel.vn

Canon Viet Nam Co., Ltd

Head Office: Plot A1, Thang Long Industrial Zone, Dong Anh Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3811 2111; Fax: (84-4) 3771 1678
 Website: www.canon.com.vn

Fujitsu Viet Nam Co., Ltd

Head Office: Room 01-03rd, Keangnam Landmark Tower, Plot E6, Pham Hung Str., Tu Liem Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3823 6300; Fax: (84-4) 3823 6303
 Website: www.fujitsu.com

IBM Viet Nam Co., Ltd

Head Office: 2nd Floor, Pacific Building, No 83B Ly Thuong Kiet Str., Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3946 2021; Fax: (84-4) 3946 0203
 Website: www.ibm.com

Panasonic Viet Nam Co., Ltd

Head Office: Plot J1-J2, Thang Long Industrial Zone, Dong Anh Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3955 0111; Fax: (84-4) 3955 0144
 Website: www.panasonic.com.vn

LG Electronics Viet Nam Co., Ltd

Head Office: 35th Floor, Hanoi Lanmark Tower 70, Plot E6, Pham Hung Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3934 5110; Fax: (84-4) 3934 5118
 Website: www.lg.com

Ericsson Viet Nam Co., Ltd

Head Office: 15th Floor, Keangnam Landmark Tower, Building 72, Plot E6, Pham Hung Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3838 0100; Fax: (84-4) 3838 0101
 Website: www.ericsson.com

Microsoft Viet Nam Co., Ltd

Head Office: 16th Floor, Capital Tower Building, No. 109 Tran Hung Dao Str., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3935 1053; Fax: (84-4) 3934 5118
 Website: www.microsoft.com.vn

Renesas Design Viet Nam Co., Ltd

Head Office: Tan Thuan Road, Tan Thuan Export Processing Zone, Dist. 7, Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 3770 0255; Fax: (84-8) 3770 0249
 Website: Viet Nam.renesas.com

Summitomo Bakelite Viet Nam Co., Ltd

Head Office: Plot C6, Thang Long Industrial Zone, Dong Anh Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3881 1531; Fax: (84-4) 3881 1532
 Website: www.sbv.com.vn

Representative Office of ZTE in Viet Nam

Head Office: 17th Floor, No. 266 Doi Can Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 6272 1818
 Website: www.zte.com

Samsung Electronics Viet Nam Co., Ltd

Head Office: Yen Phong I Industrial Zone, Yen Phong Ward, Yen Trung Dist., Bac Ninh, Viet Nam
 Telephone: (84-241) 369 6049; Fax: (84-241) 369 6003
 Website: www.samsung.com.vn

Yahoo! Viet Nam Co., Ltd

Head Office: 08th Floor, Centec Building, No 72-74 Nguyen Thi Minh Khai, Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 6299 8031; Fax: (84-8) 6299 8001
 Website: www.vn.yahoo.com

Huawei Technology Viet Nam Co., Ltd

Head Office: 21st Floor, Charmvit Tower, No. 117 Tran Duy Hung Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 2220 8818; Fax: (84-4) 2220 8828
 Website: www.huawei.com

Siemens Viet Nam Co., Ltd

Head Office: 04 – 05th Landmark Building, No. 5B Ton Duc Thang Str., Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 825 1900; Fax: (84-8) 3825 1580
 Website: www.siemens.com.vn

DongAh Elecomm Viet Nam Co., Ltd

Head Office: Luong Son Industrial Zone, Hoa Son Ward, Luong Son Dist., Hoa Binh, Viet Nam
 Telephone: (84-281) 382 6781; Fax: (84-281) 382 6783
 Website: www.dongah.vn

Nec Tokin Electronics Viet Nam Co., Ltd

Head Office: Plot A5-A6, Long Binh Export Processing Zone, Bien Hoa City, Dong Nai, Viet Nam
 Telephone: (84-61) 389 1970; Fax: (84-61) 389 1973

Toshiba Viet Nam Co., Ltd

Head Office: Room 1702, 17th Floor, Centec Tower, No. 72 - 74 Nguyen Thi Minh Khai Str., Dist. 3, Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 3824 2818
 Website: www.toshiba.com.vn

NTT Communication Viet Nam Co., Ltd

Head Office: L4A-10, 11 Vincom Center, No. 72 Le Thanh Ton, Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Telephone: (84-8) 3827 3646; Fax: (84-8) 3827 3643
 Website: www.ntt.com.vn

Cisco Systems Viet Nam Co., Ltd

Head Office: Room 2301-2305, 23rd Floor, Keangnam Landmark Tower, Building 72, Lot E6, Pham Hung Str., Tu Liem Dist, Ha Noi, Viet Nam
 Website: www.cisco.com
 Telephone: (84-4) 3974 6227; Fax: (84-4) 3974 2790

Jabil Viet Nam Co., Ltd

Head Office: Plot I4, F02 Factory, Le Van Viet Str., Saigon Hi-Tech Park, Dist. 9, Ho Chi Minh City, Viet Nam
 Tel: (84-8) 3736 0547; Fax: (84-8) 3736 0545

Fuhong Precision Component Co., Ltd

Head Office: Dinh Tram Hi-Tech Park, Viet Yen Dist., Bac Giang, Viet Nam
 Telephone: (84-241) 385 6888

14. CÁC KHU CNTT TẬP TRUNG TẠI VIỆT NAM

14.1. Hiện trạng các khu CNTT tập trung

- + Số lượng các khu CNTT: 07
- + Tổng quỹ đất: 710.593,3 m²
- + Tổng diện tích văn phòng làm việc : 263.102 m²
- + Tổng số doanh nghiệp CNTT đang hoạt động: trên 200
- + Tổng số nhân lực làm việc: trên 36.000 người

14.2. Thông tin về các khu CNTT tập trung

1. Công viên phần mềm Quang Trung

- Trụ sở chính: 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Văn phòng đại diện: Nhà 3, khu Công viên Phần mềm Quang Trung, quận 12, TP. Hồ Chí Minh
- Diện tích đất: 434.539,7 m²
- Diện tích văn phòng: 130.606 m²
- Số doanh nghiệp CNTT hoạt động: 106
- Số nhân lực: trên 25.000 người, trong đó tổng số kỹ sư và chuyên viên CNTT là 6.121 người
- Điện thoại: (84-8) 3715 8999; Fax: (84-8) 3715 5985
- Email: qstc@qstc.com.vn
- Website: www.quangtrungsoft.com.vn

2. Trung tâm Giao dịch CNTT Hà Nội

- Trụ sở chính: 185 Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội
- Diện tích đất: 1.700 m²
- Diện tích văn phòng: 2.500 m²
- Số doanh nghiệp CNTT đang hoạt động: 38
- Số nhân lực: 600 người, trong đó số lao động chuyên về CNTT là 500 người.
- Điện thoại (84-4) 3512 1430; Fax: (84-4) 3512 1486

3. Trung tâm Công nghệ Phần mềm TP. Hồ Chí Minh

- Trụ sở chính: 123 Trương Định, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Diện tích đất: 3.000 m²
- Số doanh nghiệp CNTT đang hoạt động: 28
- Số nhân lực: 500 người
- Điện thoại: (84-8) 3932 0990; Fax: (84-8) 3932 0993
- Email: sales@ssp.com.vn
- Website: www.ssp.com.vn

4. Khu Công viên Phần mềm Đà Nẵng

- Trụ sở chính: 02 Quang Trung, quận Hải Châu, Đà Nẵng
- Diện tích đất: 4.697,6 m²
- Diện tích văn phòng: 9.115 m²
- Số doanh nghiệp CNTT đang hoạt động: 29
- Số nhân lực: 2.000 người
- Điện thoại: (84-511) 388 8666; Fax: (84-511) 388 8879
- Email: sales@dsp.vn
- Website: www.dsp.vn

5. Khu Công nghệ Phần mềm Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

- Trụ sở chính: Khu phố 6, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Diện tích đất: 230.000 m²
- Diện tích văn phòng: 14.925 m²
- Số nhân lực: 610 trong đó có gồm 420 nhân lực CNTT.
- Điện thoại: (84-8) 3724 4000; Fax: (84-8) 3724 2058
- Email: vanphong@vnu-iTP.edu.vn
- Website: www.vnu-iTP.edu.vn

6. E-TOWN

- Trụ sở chính: 364 Cộng Hòa, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Diện tích đất: 35.000m² gồm 7 toà nhà eTown1, eTown2, eTown3, eTown4, eTown EW, trụ sở REE và khu thể thao liên hợp eTown
- Diện tích văn phòng: 84.300 m²
- Điện thoại: (84-8) 3810 4462; Fax: (84-8) 3810 6816
- E-mail: sales@etown.com.vn
- Website: www.etown.com.vn

7. Trung tâm Công nghệ Phần mềm Cần Thơ

- Trụ sở chính: 29 Cách mạng Tháng Tám, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
- Diện tích văn phòng: 1.656 m²
- Điện thoại: (84-71) 376 1937; Fax: (84-71) 376 1937
- E-mail: canthosoft@csp.vn
- Website: www.csp.vn

14. INFORMATION TECHNOLOGY PARKS IN VIET NAM

14.1. AN OVERVIEW OF IT PARKS

- + Number of IT Parks: 07
- + Total size of land: 710,593.3 m²
- + Total size of office space : 263,102 m²
- + Total number of IT enterprises: over 200
- + Total number of employees: over 36,000 people

14.2. BRIEF DESCRIPTION OF IT PARKS

1. Quang Trung Software City

- Address: No. 97 - 101 Nguyen Cong Tru, Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam
- Representative Office: Building 3, Quang Trung Software City, Dist. 12, Ho Chi Minh City, Viet Nam
- Size of land: 434,539.7 m²
- Size of office space: 130,606 m²
- Number of IT enterprises: 106
- Number of employees: over 25,000 people including 6,121 IT engineers and officers.
- Telephone: (84-8) 3715 8999; Fax: (84-8) 3715 5985
- Email: qstc@qstc.com.vn
- Website: www.quangtrungsoft.com.vn

2. Ha Noi it Trading center

- Address: No. 185 Giang Vo Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam
- Size of land: 1.700 m²
- Size of office space: 2.500 m²
- Number of IT enterprises: 38
- Number of IT employees: 600 people including 500 IT employees.
- Telephone: (84-4) 3512 1430; Fax: (84-4) 3512 1486

3. Sai Gon Software park

- Address: No. 123 Truong Dinh Str., Dist 3, Ho Chi Minh City, Viet Nam
- Size of land: 3,000 m²
- Number of IT enterprises: 28
- Number of employees: 500 people
- Telephone: (84-8) 3932 0990; Fax: (84-8) 3932 0993
- Email: sales@ssp.com.vn
- Website: www.ssp.com.vn

4. Da Nang Software park

- Address: No. 02 Quang Trung Str., Hai Chau Dist., Da Nang, Viet Nam
- Size of land: 4,697.6 m²
- Size of office space: 9,115 m²
- Number of IT enterprises: 29
- Number of employees: 2,000 people
- Telephone: (84-511) 388 8666; Fax: (84-511) 388 8879
- Email: sales@dsp.vn
- Website: www.dsp.vn

5. It park of Viet Nam National University, Ho Chi Minh City

- Address: Neighbourhood No. 06, Thu Duc Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam
- Size of land : 230,000 m²
- Size of office space: 14,925 m²
- Number of employees: 610 including 420 IT employees.
- Telephone: (84-8) 3724 4000; Fax: (84-8) 3724 2058
- Email: vanphong@vnu-ITP.edu.vn
- Website: www.vnu-ITP.edu.vn

6. E-TOWN

- Address: No. 364 Cong Hoa Str., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Viet Nam
- Size of land: 35,000 m² including 7 buildings like eTown1, eTown2, eTown 3, eTown4, eTown EW, REE head office and eTown sport complex.
- Size of office space: 84.300 m²
- Telephone: (84-8) 3810 4462; Fax: (84-8) 3810 6816
- E-mail: sales@etown.com.vn
- Website: www.etown.com.vn

7. Can Tho Software park

- Address: No. 29 Cach mang Thang Tam Str., Ninh Kieu Dist., Can Tho City, Viet Nam
- Size of office space: 1,656 m²
- Telephone: (84-71) 376 1937; Fax: (84-71) 376 1937
- E-mail: canthosoft@csp.vn
- Website: www.csp.vn

15. MỘT SỐ QUỸ ĐẦU TƯ MẠO HIỂM VÀ CÔNG NGHỆ ĐANG HOẠT ĐỘNG

Quỹ IDG Venture Việt Nam (IDGVV)

Văn phòng tại Hà Nội

- Địa chỉ: Tầng 09, 60 Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3936 3363
- Fax: (84-4) 2220 0349

Văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Tầng 57, tòa nhà Bitexco, 02 Hải Triều, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 3827 8888
- Fax: (84-8) 3827 8899
- Website: www.idgvv.com.vn
- Năm thành lập: 2004
- Số vốn đăng ký: 100 triệu USD
- Địa chỉ đầu tư trong nước tiêu biểu: Moore Corp, Apollo Việt Nam, YeuTheThao, YeuAmNhac Group, Vinapay.

Công ty Tài chính quốc tế (IFC), Ngân hàng Thế giới

Văn phòng tại Hà Nội

- Địa chỉ: Tầng 3, 63 Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3934 2282
- Fax: (84-4) 3934 2289

Văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Somerset Chancellor Court, 21 – 23 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 3823 5266
- Fax: (84-8) 3827 7566
- Website: www.ifc.org
- Địa chỉ đầu tư trong nước tiêu biểu: Công ty Cổ phần Mạng thanh toán VINA (Paynet)

Quỹ DFJ VinaCapital L.P. (VinaCapital)

Văn phòng tại Hà Nội

- Địa chỉ: Tầng 6, 17 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3936 4630
- Fax: (84-4) 3936 4629

Văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Tầng 17, tòa tháp Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 3821 9930
- Fax: (84-8) 3821 9931
- Website: www.dfv-vinacapital.com
- Năm thành lập: 2006
- Số vốn quản lý: 50 triệu USD
- Địa chỉ đầu tư trong nước tiêu biểu: Chicilon Media, DirectWithHotels, Gapit, Greenvity, TaxOnline, Vietnam Online Network, Yeah1.

Quỹ Mekong Capital (Mekong Enterprise Fund)

Văn phòng tại Hà Nội

- Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà HAREC, 4A Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3772 4888
- Fax: (84-4) 3772 4868

Văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Capital Place, 06 Thái Văn Lung, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 3827 3161;
- Fax: (08) 3827 3162
- Website: www.mekongcapital.com
- Năm thành lập: 2002
- Địa chỉ đầu tư trong nước tiêu biểu: Thế giới di động, Tập đoàn Golden Gate, Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ), Công ty Dược phẩm Traphaco, FPT.

15. AN OVERVIEW OF TECHNOLOGY FUNDS AND VENTURE CAPITAL FOR IT ENTERPRISES

IDG Venture Viet Nam (IDGVV)

Office in Ha Noi

- Address: 09th Floor, No. 60 Ly Thai To Str.,
Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam
- Telephone: (84-4) 3936 3363
- Fax: (84-4) 2220 0349

Office in Ho Chi Minh City

- Address: 57th Floor, Bitexco Finance Building,
No. 02 Hai Trieu Str., Dist. 1, Ho Chi
Minh City, Viet Nam
- Telephone: (84-8) 3827 8888
- Fax: (84-8) 3827 8899
- Website: www.idgvv.com.vn
- Established year: 2004
- Fund's capital: 100 million USD
- Typical portfolio companies: Moore Corp, Apollo
Việt Nam, YeuTheThao, YeuAmNhac Group,
Vinapay.

International Finance Corporation (IFC), World Bank

Office in Ha Noi

- Address: 3rd Floor, No. 63 Ly Thai To Str.,
Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam
- Telephone: (84-4) 3934 2282
- Fax: (84-4) 3934 2289

Office in Ho Chi Minh City

- Address: 3rd Floor, Somerset Chancellor
Court Tower, No. 21 - 23 Nguyen
Thi Minh Khai Str., Dist. 1, Ho Chi
Minh City, Viet Nam
- Telephone: (84- 8) 3823 5266
- Fax: (84-8) 3827 7566
- Website: www.ifc.org
- Typical portfolio company: Paynet Incorporation
(Paynet).

DFJ VinaCapital L.P. (VinaCapital)

Office in Ha Noi

- Address: 6th Floor, No. 17 Ngo Quyen Str.,
Hoan Kiem Dist. Ha Noi, Viet Nam
- Telephone: (84-4) 3936 4630
- Fax: (84-4) 3936 4629

Office in Ho Chi Minh City

- Địa chỉ: 17th Floor, Sun Wah Tower, No. 115
Nguyen Hue Str., Dist. 1, Ho Chi
Minh City, Viet Nam
- Telephone: (84-8) 3821 9930
- Fax: (84-8) 3821 9931
- Website: www.djf-vinacapital.com
- Established year: 2006
- Fund's capital: 50 million USD
- Typical portfolio companies: Chicilon Media,
DirectWithHotels, Gapit, Greenvity, TaxOnline,
Vietnam Online Network, Yeah1.

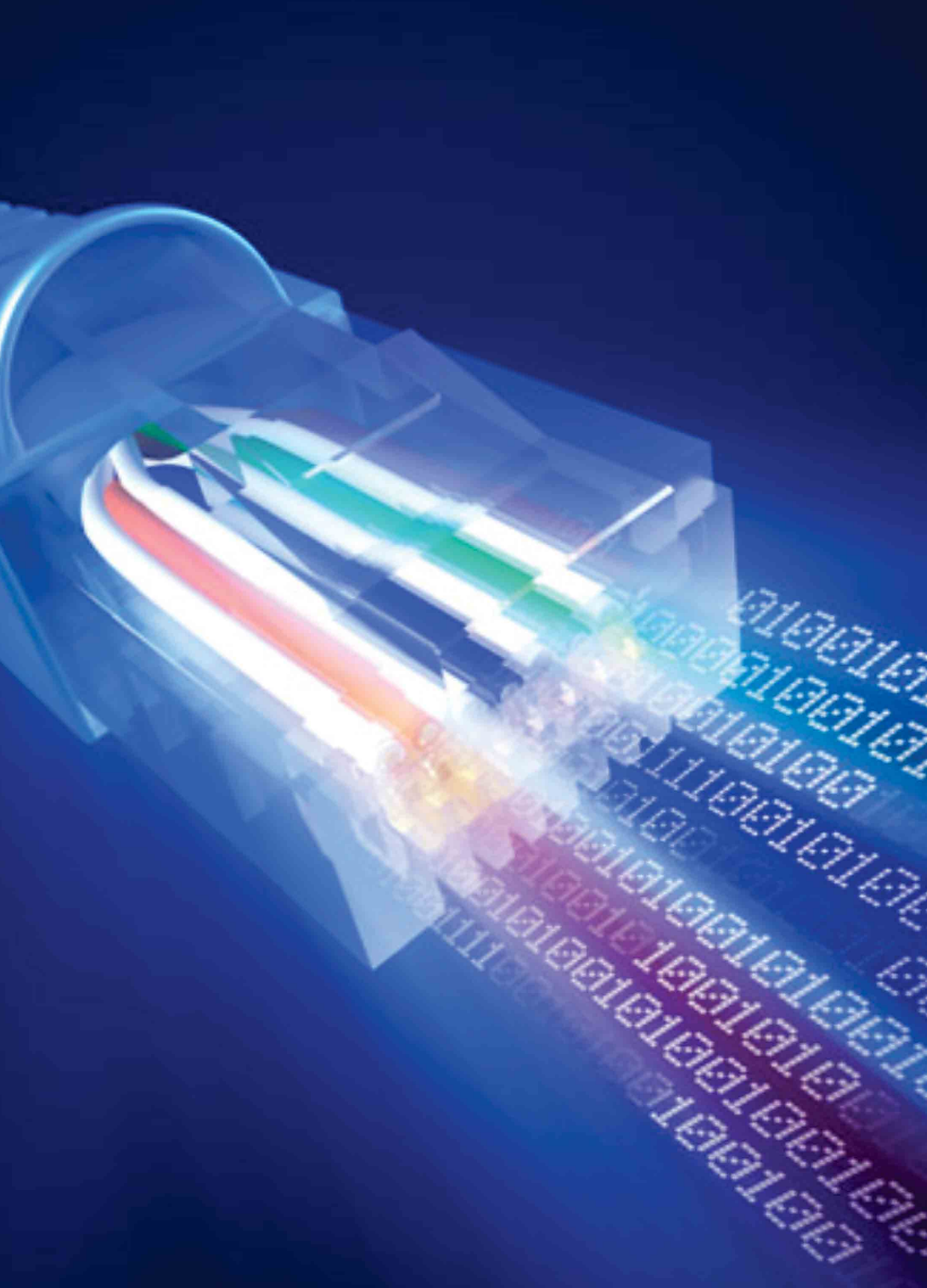
Mekong Capital (Mekong Enterprise Fund)

Office in Ha Noi

- Address: 12th Floor, HAREC Building, No. 4A
Lang Ha Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi,
Viet Nam
- Telephone: (84-4) 3772 4888
- Fax: (84-4) 3772 4868

Office in Ho Chi Minh City

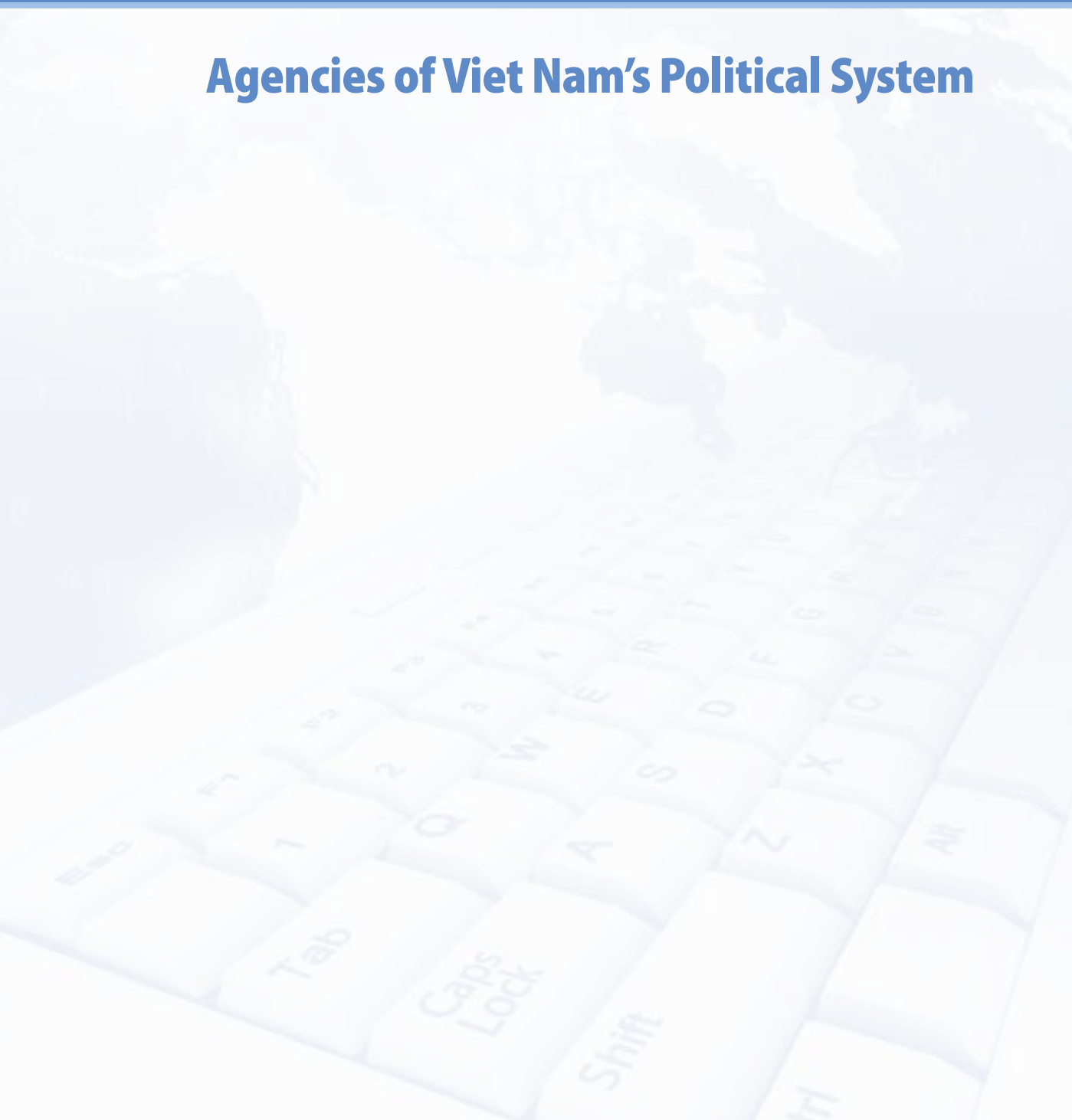
- Address: 8th Floor, Capital Place Building,
No. 06 Thai Van Lung Str., Dist. 1,
Ho Chi Minh City, Viet Nam
- Telephone: (08) 3827 3161;
- Fax: (08) 3827 3162
- Website: www.mekongcapital.com
- Established year: 2002
- Typical portfolio companies: Mobile World,
Golden Gate Group, Phu Nhuan Jewelry (PNJ),
Traphaco, FPT.





CÁC CƠ QUAN THUỘC HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

Agencies of Viet Nam's Political System



1. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Website: www.dangcongsan.vn; www.cpv.org.vn

2. QUỐC HỘI VIỆT NAM

Website: www.quochoi.vn; www.na.gov.vn

3. CHÍNH PHỦ VIỆT NAM

Website: www.chinhphu.vn; www.vietnam.gov.vn

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Bộ Quốc phòng

Địa chỉ: 1B Nguyễn Tri Phương, quận Ba Đình, Hà Nội
Website: www.mod.gov.vn

Bộ Công an

Địa chỉ: 44 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Website: www.bocongan.gov.vn; www.mps.gov.vn

Bộ Ngoại giao

Địa chỉ: 01 Tôn Thất Đàm, quận Ba Đình, Hà Nội
Website: www.mofa.gov.vn

Bộ Tư pháp

Địa chỉ: 60 Trần Phú, quận Ba Đình, Hà Nội
Website: www.moj.gov.vn

Bộ Tài chính

Địa chỉ: 28 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Website: www.mof.gov.vn

Bộ Công Thương

Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Website: www.moit.gov.vn

Bộ Lao Động - Thương binh và Xã hội

Địa chỉ: 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Website: www.molisa.gov.vn

Bộ Giao thông vận tải

Địa chỉ: 80 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Website: www.mt.gov.vn

Bộ Xây dựng

Địa chỉ: 37 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Website: www.xaydung.gov.vn

Bộ Thông tin và Truyền thông

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Website: www.mic.gov.vn

Bộ Giáo dục và Đào tạo

Địa chỉ: 49 Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Website: www.moet.gov.vn

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Địa chỉ: 02 Ngọc Hà, quận Ba Đình, Hà Nội
Website: www.agroviet.gov.vn, www.mard.gov.vn

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Địa chỉ: 6B Hoàng Diệu, quận Ba Đình, Hà Nội
Website: www.mpi.gov.vn

Bộ Nội vụ

Địa chỉ: 08 Tôn Thất Thuyết, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Website: www.moha.gov.vn

Bộ Y tế

Địa chỉ: 138A Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội
Website: www.moh.gov.vn

Bộ Khoa học và Công nghệ

Địa chỉ: 113 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Website: www.most.gov.vn

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Địa chỉ: 51- 53 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Website: www.bvhttdl.gov.vn; www.cinet.gov.vn;

Bộ Tài nguyên và Môi trường

Địa chỉ: 10 Tôn Thất Thuyết, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Website: www.monre.gov.vn

Văn phòng Chính phủ

Địa chỉ: 01 Hoàng Hoa Thám, quận Ba Đình, Hà Nội
Website: vpcp.chinhphu.vn

Thanh tra Chính phủ

Địa chỉ: Lô D29, Khu Đô thị mới Trần Thánh Tông, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Website: www.thanhtra.gov.vn

1. COMMUNIST PARTY OF VIET NAM

Website: www.dangcongsan.vn; www.cpv.org.vn

2. NATIONAL ASSEMBLY OF VIET NAM

Website: www.quochoi.vn; www.na.gov.vn

3. GOVERNMENT OF VIET NAM

Website: www.chinhphu.vn; www.vietnam.gov.vn

Ministries, ministerial-level agencies

Ministry of National Defence (MND)

Address: No. 1B Nguyen Tri Phuong Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.mod.gov.vn

Ministry of Public Security (MPS)

No 44 Yet Kieu Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.bocongan.gov.vn; www.mps.gov.vn

Ministry of Foreign Affairs (MOFA)

Address: No. 01 Ton That Dam Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.mofa.gov.vn

Ministry of Justice (MOJ)

Address: No. 60 Tran Phu Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.moj.gov.vn

Ministry of Finance (MOF)

Address: No. 28 Tran Hung Dao Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.mof.gov.vn

Ministry of Industry and Trade (MOIT)

Address: No. 54 Hai Ba Trung Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.moit.gov.vn

Ministry of Labour, War Invalids and Social Affairs (MOLISA)

Address: No.12 Ngo Quyen Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.molisa.gov.vn

Ministry of Transport (MOT)

Address: No. 80 Tran Hung Dao Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.mt.gov.vn

Ministry of Construction (MOC)

Address: No. 37 Le Dai Hanh Str., Hai Ba Trung, Ha Noi, Viet Nam

Website: www.xaydung.gov.vn

Ministry of Information and Communications (MIC)

Address: No. 18 Nguyen Du Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.mic.gov.vn

Ministry of Education and Training (MOET)

Address: No. 49 Dai Co Viet Str., Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.moet.gov.vn

Ministry of Agriculture and Rural Development (MARD)

Address: No. 02 Ngoc Ha Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.agroviet.gov.vn; www.mard.gov.vn

Ministry of Planning and Investment (MPI)

Address: No.6B Hoang Dieu Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.mpi.gov.vn

Ministry of Home Affairs (MOHA)

Address: No. 08 Ton That Thuyen Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.moha.gov.vn

Ministry of Health (MOH)

Address: No. 138A Giang Vo Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.moh.gov.vn

Ministry of Science and Technology (MOST)

Address: No. 113 Tran Duy Hung Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.most.gov.vn

Ministry of Culture, Sports and Tourism

Address: No. 51- 53 Ngo Quyen Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.bvhttdl.gov.vn; www.cinet.gov.vn

Ministry of Natural Resources and Environment (MONRE)

Address: No. 10 Ton That Thuyet Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.monre.gov.vn

Office of the Government

Address: No. 01 Hoang Hoa Tham Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.vpcp.chinhphu.vn

Government Inspectorate

Address: Plot D29 New Urban Area, Tran Thai Tong Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam

Website: www.thanhtra.gov.vn

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Địa chỉ: 47 - 49 Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Website: www.sbv.gov.vn

Ủy ban Dân tộc

Địa chỉ: 80-82 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, Hà Nội
Website: www.ubdt.gov.vn; www.cema.gov.vn;

Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Địa chỉ: 01 Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội
Website: www.vass.gov.vn

Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Địa chỉ: 18 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Website: www.vast.ac.vn

Thông tấn xã Việt Nam

Địa chỉ: 79 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Website: www.vnnet.vn

Đài Tiếng nói Việt Nam

Địa chỉ: 58 Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Website: www.vov.org.vn

Đài Truyền hình Việt Nam

Địa chỉ: 43 Nguyễn Chí Thanh, quận Ba Đình, Hà Nội
Website: www.vtv.org.vn

Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Địa chỉ: 07 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Website: www.baohiemxahoi.gov.vn

Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 135 Nguyễn Phong Sắc, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Website: www.npa.org.vn

Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 01 Ông Bích Khiêm, quận Ba Đình, Hà Nội
Website: www.bqlang.gov.vn

4. VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Địa chỉ: 44 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Website: www.vksndtc.gov.vn

5. TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Địa chỉ: 48 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Website: www.toaan.gov.vn

6. KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Địa chỉ: 111 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Website: www.kiemtoannn.gov.vn
www.sav.gov.vn

7. CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI**Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam**

Địa chỉ: 82 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Website: www.congdoanvn.org.vn

Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 62 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Website: www.doanthanhnhien.vn

Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

Địa chỉ: 39 Hàng Chuối, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Website: www.hoailhpn.org.vn

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Địa chỉ: 46 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Website: www.mattran.org.vn

Hội Cựu chiến binh Việt Nam

Địa chỉ: 34 Lý Nam Đế, quận Ba Đình, Hà Nội
Website: www.cuuchienbinh.com.vn

Hội Nông dân Việt Nam

Địa chỉ: 103 Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội
Website: www.hoinongdan.org.vn

The State Bank of Viet Nam (SBV)

Address: No. 47-49 Ly Thai To Str., Hoan Kiem Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Website: www.sbv.gov.vn

Committee for Ethnic Minority Affairs (CEMA)

Address: No. 80-82 Phan Dinh Phung Str., Ba Dinh Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Website: www.ubdt.gov.vn; www.cema.gov.vn

Viet Nam Academy of Social Sciences (VASS)

Address: No. 01 Lieu Giai Str., Cau Giay Dist., Ha Noi,
Viet Nam
Website: www.vass.gov.vn

Viet Nam Academy of Science and Technology (VAST)

Address: No. 18 Hoang Quoc Viet Str., Cau Giay Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Website: www.vast.ac.vn

Viet Nam News Agency (VNews)

Address: No. 79 Ly Thuong Kiet Str., Hoan Kiem Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Website: www.vnnet.vn

Radio the Voice of Viet Nam (VOV)

Address: No. 58 Quan Su Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi,
Viet Nam
Website: www.vov.org.vn

Viet Nam Television (VTV)

Address: No. 43 Nguyen Chi Thanh Str., Ba Dinh Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Website: www.vtv.org.vn

Viet Nam Social Insurance

Address No. 07 Trang Thi Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam
Website: www.baohiemxahoi.gov.vn

Ho Chi Minh National Academy of Politics and Public Administration

Address: No.135 Nguyen Phong Sac Str., Cau Giay Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Website: www.npa.org.vn

Management Board of Ho Chi Minh's Mausoleum

Address: No. 01 Ong Bich Khiem Str., Ba Dinh Dist., Ha
Noi, Viet Nam
Website: www.bqlang.gov.vn

4. SUPREME PEOPLE'S PROCURACY OF VIET NAM

Address: No. 44 Ly Thuong Kiet Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam
Website: www.vksndtc.gov.vn

5. SUPREME PEOPLE'S COURT OF VIET NAM

Address: No. 48 Ly Thuong Kiet Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam
Website: www.toaan.gov.vn

6. STATE AUDIT OFFICE OF VIET NAM

Address: No.111 Tran Duy Hung Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
Website: www.kiemtoannn.gov.vn;
www.sav.gov.vn

7. SOCIAL AND POLITICAL ORGANIZATIONS***Viet Nam General Confederation of Labour***

Address: No. 82 Tran Hung Dao Str., Hoan Kiem Dist., Ha
Noi, Viet Nam
Website: www.congdoanvn.org.vn

Ho Chi Minh Communist Youth Union

Address: No. 62 Ba Trieu Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi,
Viet Nam
Website: www.doanthanhvien.vn

Viet Nam Women's Union

Address: No. 39 Hang Chuoi Str., Hai Ba Trung Dist, Ha
Noi, Viet Nam
Website: www.hoiphpn.org.vn

Viet Nam Fartherland Front

Address: No. 46 Trang Thi Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi,
Viet Nam
Website: www.matran.org.vn

Veterans Association of Viet Nam

Address: No. 34 Ly Nam De Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi,
Viet Nam
Website: www.cuuchienbinh.com.vn

Viet Nam Farmer's Union

Address: No. 103 Quan Thanh Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi,
Viet Nam
Website: www.hoinongdan.org.vn



XV

CÁC ĐƠN VỊ CHUYÊN TRÁCH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

**Units in charge of ICT
in state agencies**



1. TẠI CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ

Văn phòng Trung ương Đảng

Trung tâm Công nghệ thông tin

Địa chỉ: 01A Hùng Vương, quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84) 8045028

Văn phòng Quốc hội

Trung tâm Tin học

Địa chỉ: 37 Hùng Vương, quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84) 80 46514/(84) 80 48078

Website: www.na.gov.vn

Văn phòng Chính phủ

Trung tâm Tin học

Địa chỉ: 16 Lê Hồng Phong, quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84) 80 43162; Fax: (84) 80 48924

Website: www.vpcp.chinhphu.vn

Bộ Quốc phòng

Cục Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Tri Phương, quận Ba Đình, Hà Nội

Bộ Công an

Cục Tin học nghiệp vụ (Cục E15)

Địa chỉ: 44 Yết Kiêu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84) 69 47801

Website: www.bocongan.gov.vn; www.mps.gov.vn ;

Bộ Ngoại giao

Trung tâm Thông tin

Địa chỉ: 01 Tôn Thất Đàm, quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3799 3721

Website: www.mofa.gov.vn

Bộ Tư pháp

Cục Công nghệ thông tin

Địa chỉ: 60 Trần Phú, quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6273 9715; Fax: (84-4) 6273 9730

Website: www.moj.gov.vn

Bộ Tài chính

Cục Tin học và Thống kê tài chính

Địa chỉ: 28 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 2220 2828; Fax: (84-4) 2220 8091

Website: www.mof.gov.vn

Bộ Công Thương

Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin

Địa chỉ: 25 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 2220 5396; Fax: (84-4) 2220 5397

Website: www.vecita.gov.vn

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Trung tâm Thông tin

Địa chỉ: 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6270 3645; Fax: (84-4) 6270 3609

Website: www.molisa.gov.vn

Bộ Giao thông vận tải

Trung tâm Công nghệ thông tin

Địa chỉ: 80 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (84-4) 3942 4243; Fax: (84-4) 3822 1066

Website: www.mt.gov.vn

Bộ Xây dựng

Trung tâm Thông tin

Địa chỉ: 37 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3821 5137; Fax: (84-4) 3974 1709

Website: www.moc.gov.vn

Bộ Giáo dục và Đào tạo

Cục Công nghệ thông tin

18 ngõ 30 Tạ Quang Bửu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3869 5712/(84-4) 3623 0483;

Fax: (84-4) 38693712;

Website: www.moet.gov.vn

Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Trung tâm Tin học và Thống kê

Địa chỉ: 02 Ngọc Hà, quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3734 1635; Fax: (84-4) 3823 0381

Website: www.agroviat.gov.vn; www.mard.gov.vn;

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trung tâm Tin học

Địa chỉ: 6B Hoàng Diệu, quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84) 80 43485; Fax: (84) 80 48473

Website: www.mpi.gov.vn

Bộ Nội vụ

Trung tâm Thông tin

Địa chỉ: 08 Tôn Thất Thuyết, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6282 1016; Fax: (84-4) 6282 1020

Website: www.moha.gov.vn

Bộ Y tế

Viện Công nghệ thông tin - Thư viện y học

Trung ương

Địa chỉ: Ngõ 135 Núi Trúc, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3736 8315; Fax: (84-4) 3736 8319

Website: www.cimsi.org.vn ; www.cimsi.vn

1. UNITS IN MINISTRIES AND MINISTERIAL LEVEL AGENCIES

Office of Central Committee of the Communist Party of Viet Nam *Information Technology Center*

Address: No. 01A Hung Vuong Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84) 80 45028

Office of National Assembly *Information Center*

Address: No. 37 Hung Vuong Str., Ba Dinh Distr., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84) 80 46514/(84) 80 48078

Website: www.na.gov.vn

Office of the Government *Informatics Center*

Address: No.16 Le Hong Phong Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84) 80 43162; Fax: (84) 80 48924

Website: www.vpcp.chinhphu.vn

Ministry of National Defense

Authority of Science, Technology and Environment

Address: No. 02 Nguyen Tri Phuong Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Ministry of Public Security

Authority of Technical Informatics (E15)

Address: No. 44 Yet Kieu Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84) 69 47801

Website: www.bocongan.gov.vn ; www.mps.gov.vn ;

Ministry of Foreign Affairs

Information and Technology

Address: No. 01 Ton That Dam Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi

Telephone: (84-4) 3799 3721

Website: www.mofa.gov.vn

Ministry of Justice

Department of Information Technology

Address: No. 60 Tran Phu Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 6273 9715; Fax: (84-4) 6273 9730

Website: www.moj.gov.vn

Ministry of Finance

Department of Financial Informatics and Statistics

Address: No. 28 Tran Hung Dao Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 2220 2828; Fax: (84-4) 2220 8091

Website: www.mof.gov.vn

Ministry of Industry and Trade

Viet Nam E-Commerce and Information Technology Agency

Address: No. 25 Ngo Quyen Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 2220 5396; Fax: (84-4) 2220 5397

Website: www.vecita.gov.vn

Ministry of Labour, Invalids and Social Affairs *Information Center*

Address: No. 12 Ngo Quyen Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 6270 3645; Fax: (84-4) 6270 3609

Website: www.molisa.gov.vn

Ministry of Transport

Information Technology Center

Address: No.80 Tran Hung Dao Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3942 4243; Fax: (84-4) 3822 1066

Website: www.mt.gov.vn

Ministry of Contruction

Information Center

Address: 37 Le Dai Hanh Str., Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3821 5137; Fax: (84-4) 3974 1709

Website: www.moc.gov.vn

Ministry of Educationa and Training

Information and Communication Center

Address: No.18 Alley No.30 Ta Quang Buu Str., Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam

Điện thoại: (84-4) 3869 5712/(84-4) 3623 0483;

Fax: (84-4) 38693712;

Website: www.moet.gov.vn

Ministry of Agriculture and Rural Development *Centre for Informatics and Statistics*

Address: No. 02 Ngoc Ha Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3734 1635; Fax: (84-4) 3823 0381

Website: www.agroviet.gov.vn; www.mard.gov.vn

Ministry of Planning and Investment

Informatics Center

Address: No. 6B Hoang Dieu Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84) 80 43485; Fax: (84) 80 48473

Website: www.mpi.gov.vn

Ministry of Home Affairs

Information Center

Address: No. 08 Ton That Thuyet Str., Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 6282 1016; Fax: (84-4) 6282 1020

Website: www.moha.gov.vn

Ministry of Health

Central Institute of Medical Science Information

Address: Alley No. 135 Nui Truc Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi, Viet Nam

Telephone: (84-4) 3736 8315; Fax: (84-4) 3736 8319

Website: www.cimsi.org.vn; www.cimsi.vn

Bộ Khoa học và Công nghệ
Trung tâm Tin học

Địa chỉ: 113 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3943 9062; Fax: (84-4) 3943 6706
 Website: www.most.gov.vn

Bộ Văn hóa - Thể thao và Du Lịch
Trung tâm Công nghệ Thông tin

Địa chỉ: 20 Ngõ 2 Hoa Lư, Văn Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3974 5845/(84-4) 3974 5846;
 Fax: (84-4) 2241 3412
 Website: www.bvhttdl.gov.vn; www.cinet.gov.vn

Bộ Tài nguyên và Môi trường
Cục Công nghệ thông tin

Địa chỉ: 28 Phạm Văn Đồng, quận Cầu Giấy, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3754 8925; Fax: (84-4) 3754 8925
 Website: www.ciren.gov.vn

Bộ Thông tin Truyền thông
Trung tâm Thông tin

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3556 3457; Fax: (84-4) 3556 3458
 Website: www.mic.gov.vn

Thanh tra Chính phủ
Trung tâm Thông tin

Địa chỉ: Lô D29 Khu đô thị mới Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy, Hà Nội
 Điện thoại: (84) 80 43490
 Website: www.thanhtra.gov.vn

Ngân hàng nhà nước Việt Nam
Cục Công nghệ Tin học ngân hàng

Địa chỉ: 64 Nguyễn Chí Thanh, quận Ba Đình, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3834 3784; Fax: (84-4) 3834 5180
 Website: www.sbv.gov.vn

Ủy ban dân tộc
Trung tâm Tin học

Địa chỉ: 80 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3823 1122
 Website: www.ubdt.gov.vn; www.cema.gov.vn

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
Trung tâm Tin học và Tính toán

Địa chỉ: 18 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3791 6938; (84-4) 3791 4773;
 Fax: (84-4) 3791 6938
 Website: www.ciid.vast.ac.vn

Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội Việt Nam
Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin

Địa chỉ: 01 Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 6273 0552; Fax: (84-4) 6273 0552
 Website: www.vass.gov.vn

Kiểm toán Nhà nước
Trung tâm Tin học

Địa chỉ: 111 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 6282 2158; Fax: (84-4) 6282 2159
 Website: www.kiemtoannn.gov.vn ; www.sav.gov.vn

2. TẠI CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang

Địa chỉ: 01 Lê Hồng Phong, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
 Điện thoại: (84-76) 395 6898; Fax: (84-76) 395 6898
 Website: http://sottht.angiang.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Địa chỉ: 198 Bạch Đằng, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
 Điện thoại: (84-64) 351 2223; Fax: (84-64) 351 2224
 Website: http://sottht.baria-vungtau.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: 04 Phan Đình Phùng, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
 Điện thoại: (84-781) 394 2236; Fax: (84-781) 394 2555
 Website: http://stttt.baclieu.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Kạn

Địa chỉ: 10 Trường Chinh, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
 Điện thoại: (84-281) 381 0198; Fax: (84-281) 387 1064
 Website: http://backan.gov.vn/sottht

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Giang

Địa chỉ: Đường Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
 Điện thoại: (84-240) 355 5996, Fax: (84-240) 355 5995
 Website: http://stttt.bacgiang.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Ninh

Địa chỉ: 11A Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
 Điện thoại: (84-241) 387 5555 Fax: (84-241) 387 5000
 Website: http://stttt.bacninh.gov.vn

Ministry of Science and Technology
Informatics Center

Địa chỉ: No.113 Tran Duy Hung Str., Cau Giay Dist.,
 Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3943 9062; Fax: (84-4) 3943 6706
 Website: www.most.gov.vn

Ministry of Culture – Sports and Tourism
Information Technology Center

Address: No. 20 Alley No. 2 Hoa Lu Str., Van Ho,
 Hai Ba Trung Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3974 5845; (84-4) 3974 5846;
 Fax: (84-4) 2241 3412
 Website: www.bvhttdl.gov.vn; www.cinet.gov.vn

Ministry of Natural Resources and Environment
Department of Information Technology

Address: No. 28 Pham Van Dong Str., Cau Giay Dist.,
 Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3754 8925; Fax: (84-4) 3754 8925
 Website: www.ciren.gov.vn

Ministry of Information and Communications
Information Center

Address: No. 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,
 Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3556 3457; Fax: (84-4) 3556 3458
 Website: www.mic.gov.vn

Government Inspectorate
Information Center

Address: Plot D29 New Urban Area, Tran Thai Tong Str.,
 Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84) 80 43490
 Website: www.thanhtra.gov.vn

State Bank of Viet Nam
Informatics Technology Agency

Address: No. 64 Nguyen Chi Thanh Str., Ba Dinh Dist.,
 Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3834 3784; Fax: (84-4) 3834 5180
 Website: www.sbv.gov.vn

Committee for Ethnic Minority Affairs
Informatics Center

Address: No. 80 Phan Dinh Phung Str., Ba Dinh Dist.,
 Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3823 1122
 Website: www.ubdt.gov.vn; www.cema.gov.vn

Viet Nam Academy of Science and Technology
Center for Information Infrastructure Development

Address: No. 18 Hoang Quoc Viet Str., Cau Giay Dist.,
 Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 3791 6938; (84-4) 3791 4773
 Fax: (84-4) 3791 6938
 Website: www.ciid.vast.ac.vn

Viet Nam Academy of Social Sciences
Center for Information Technology Application

Address: No.01 Lieu Giai Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi,
 Viet Nam
 Telephone: (84-4) 6273 0552; Fax: (84-4) 6273 0552
 Website: www.vass.gov.vn

State Audit Office of Viet Nam
Informatics Center

Address: No. 111 Tran Duy Hung Str., Cau Giay Dist.,
 Ha Noi, Viet Nam
 Telephone: (84-4) 6282 2158; Fax: (84-4) 6282 2159
 Website: www.kiemtoannn.gov.vn; www.sav.gov.vn

2. UNITS IN PROVINCIAL AGENCIES

Department of Information and Communications of An Giang Province

Address: No. 01 Le Hong Phong Rd, Long Xuyên City,
 An Giang Prov., Viet Nam
 Telephone: (84-76) 395 6898; Fax: (84-76) 395 6898
 Website: <http://sotttt.angiang.gov.vn>

Department of Information and Communications of Ba Ria - Vung Tau Province

Address: No.198 Bach Dang Rd, Ba Ria Dist., Ba Ria -
 Vung Tau Prov., Viet Nam
 Telephone: (84-64) 351 2223; Fax: (84-64) 351 2224
 Website: <http://sotttt.baria-vungtau.gov.vn>

Department of Information and Communications of Bac Lieu Province

Address: No. 04 Phan Dinh Phung Rd, Bac Lieu City,
 Bac Lieu Prov., Viet Nam
 Telephone: (84-781) 394 2236; Fax: (84-781) 394 2555
 Website: <http://stttt.baclieu.gov.vn>

Department of Information and Communications of Bac Kan Province

Địa chỉ: No.10 Truong Chinh Rd, Bac Kan Dist.,
 Bac Kan Prov., Viet Nam
 Điện thoại: (84-281) 381 0198; Fax: (84-281) 387 1064
 Website: <http://backan.gov.vn/sotttt>

Department of Information and Communications of Bac Giang Province

Address: Hoang Van Thu Rd, Bac Giang City,
 Bac Giang Prov., Viet Nam
 Telephone: (84-240) 355 5996; Fax: (84-240) 355 5995
 Website: <http://stttt.bacgiang.gov.vn>

Department of Information and Communications of Bac Ninh Province

Address: No. 11A Ly Thai To Rd, Bac Ninh City,
 Bac Ninh Prov., Viet Nam
 Telephone: (84-241) 387 5555 Fax: (84-241) 387 5000
 Website: <http://stttt.bacninh.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bến Tre

Địa chỉ: 28 Cách Mạng Tháng Tám, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
 Điện thoại: (84-75) 381 8103; Fax: (84-75) 381 8104
 Website: www.bentre.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Dương

Địa chỉ: 36 Trịnh Hoài Đức, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
 Điện thoại: (84-650) 384 2999; Fax: (84-650) 384 2300
 Website: www.binhduong.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Định

Địa chỉ: 460 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
 Điện thoại: (84-56) 381 5519; Fax: (84-56) 381 5517
 Website: <http://stttt.binhdin.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Phước

Địa chỉ: Quốc lộ 14, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
 Điện thoại: (84-651) 388 8207; Fax: (84-651) 388 8201
 Website: <http://www.ict-binhphuoc.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Thuận

Địa chỉ: 16 Cường Để, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
 Điện thoại: (84-62) 383 3500; Fax: (84-62) 383 3501
 Website: <http://stttt.binhthuan.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Cà Mau

Địa chỉ: 284 Trần Hưng Đạo, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
 Điện thoại: (84-780) 356 7887; Fax: (84-780) 356 7889
 Website: <http://sotttt.camau.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Cao Bằng

Địa chỉ: 113 phố Cũ, thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
 Điện thoại: (84-26) 385 9818; Fax: (84-26) 385 9866
 Website: <http://www.caobang.gov.vn/wps/portal/sotttt>

Sở Thông tin và Truyền thông TP. Cần Thơ

Địa chỉ: 03A Nguyễn Trãi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
 Điện thoại: (84-710) 381 1502; Fax: (84-710) 381 1502
 Website: <http://sotttt.cantho.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông TP. Đà Nẵng

Địa chỉ: 15 Quang Trung, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
 Điện thoại: (84-511) 384 0123; Fax: (84-511) 384 0124
 Website: <http://tntt.danang.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ: 15 Nơ Trang Long, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
 Điện thoại: (84-500) 386 0010; Fax: (84-500) 386 0008
 Website: www.stttt.daklak.gov.vn

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đắk Nông

Địa chỉ: Đường 23 Tháng 3, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông
 Điện thoại: (84-501) 626 0215; Fax: (84-501) 626 0203
 Website: <http://stttt.daknong.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Điện Biên

Điện chỉ: Phố 10, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên
 Điện thoại: (84-230) 383 5666; Fax: (84-230) 383 5669
 Website: <http://dic.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ: 281 Đường 30-4, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
 Điện thoại: (84-61) 382 4841; Fax: (84-61) 382 7071
 Website: <http://stttt.dongnai.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ: 12 Trần Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
 Điện thoại: (84-67) 387 3999; Fax: (84-67) 387 3999
 Website: <http://www.stttt.dongthap.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai

Địa chỉ: 17 Trần Hưng Đạo, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
 Điện thoại: (84-59) 371 7564; Fax: (84-59) 371 7564
 Website: <http://tntt.gialai.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hà Giang

Địa chỉ: 222 Nguyễn Trãi, TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang
 Điện thoại: (84-219) 386 0986; Fax: (84-219) 386 0988
 Website: <http://stttt.hagiang.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hà Nam

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
 Điện thoại: (84-351) 384 4999; Fax: (84-351) 384 4999
 Website: <http://hanam.gov.vn/vi-vn/stttt>

Sở Thông tin và Truyền thông TP. Hà Nội

Địa chỉ: 185 Giảng Võ, quận Đống Đa, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3512 3536; Fax: (84-4) 3736 6617
 Website: <http://ict-hanoi.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ: 66 Phan Đình Phùng, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
 Điện thoại: (84-39) 369 4496; Fax: (84-39) 385 0288
 Website: <http://www.ict-hatinh.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hải Dương

Địa chỉ: 199 Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương
 Điện thoại: (84-320) 389 7350; Fax: (84-320) 389 7345
 Website: <http://sotttt.haiduong.gov.vn>

Department of Information and Communications of Ben Tre Province

Address: No. 28 Cach Mang Thang Tam Rd, Ben Tre City, Ben Tre Prov., Viet Nam
Điện thoại: (84-75) 381 8103; Fax: (84-75) 381 8104
Website: www.bentre.gov.vn

Department of Information and Communications of Binh Duong Province

Address: No. 36 Trinh Hoai Duc, Thu Dau Mot City, Binh Duong Prov., Viet Nam
Telephone: (84-650) 384 2999; Fax: (84-650) 384 2300
Website: www.binhduong.gov.vn

Department of Information and Communications of Binh Dinh Province

Address: No. 460 Tran Hung Dao Rd, Quy Nhon City, Binh Dinh Prov., Viet Nam
Telephone: (84-56) 381 5519; Fax: (84-56) 381 5517
Website: <http://stttt.binhdin.gov.vn>

Department of Information and Communications of Binh Phuoc Province

Address: Highway 4, Dong Xoai Dist., Binh Phuoc Prov., Viet Nam
Điện thoại: (84-651) 388 8207; Fax: (84-651) 388 8201
Website: <http://www.ict-binhphuoc.gov.vn>

Department of Information and Communications of Binh Thuan Province

Address: No.16 Cuong De Rd, Phan Thiet City, Binh Thuan Prov., Viet Nam
Telephone: (84-62) 383 3500; Fax: (84-62) 383 3501
Website: <http://stttt.binhthuan.gov.vn>

Department of Information and Communications of Ca Mau Province

Address: No. 284 Tran Hung Dao Rd, Ca Mau City, Ca Mau Prov., Viet Nam
Telephone: (84-780) 356 7887; Fax: (84-780) 356 7889
Website: <http://sotttt.camau.gov.vn>

Department of Information and Communications of Cao Bang Province

Address: No. 113 Old Str., Cao Bang Dist., Cao Bang Prov., Viet Nam
Telephone: (84-26) 385 9818; Fax: (84-26) 385 9866
Website: <http://www.caobang.gov.vn/wps/portal/sotttt>

Department of Information and Communications of Can Tho City

Address: No. 03A Nguyen Trai Rd, Ninh Kieu Str., Can Tho City, Viet Nam
Telephone: (84-710) 381 1502; Fax: (84-710) 381 1502
Website: <http://sotttt.cantho.gov.vn>

Department of Information and Communications of Da Nang City

Address: No. 15 Quang Trung Str., Hai Chau Dist., Da Nang City, Viet Nam
Telephone: (84-511) 384 0123; Fax: (84-511) 384 0124
Website: <http://tttt.danang.gov.vn>

Department of Information and Communications of Dak Lak Province

Address: No. 15 No Trang Long Rd, Buon Ma Thuot City, Dak Lak Prov., Viet Nam
Telephone: (84-500) 386 0010 - Fax: (84-500) 386 0008
Website: www.stttt.daklak.gov.vn

Department of Information and Communications of Dak Nong Province

Address: 23-3 Rd, Gia Nghia Dist., Dak Nong Prov., Viet Nam
Telephone: (84-501) 626 0215; Fax: (84-501) 626 0203
Website: <http://stttt.daknong.gov.vn>

Department of Information and Communications of Dien Bien Province

Address: No. 10 Str., Dien Bien Phu City, Dien Bien Prov., Viet Nam
Telephone: (84-230) 383 5666; Fax: (84-230) 383 5669
Website: <http://dic.gov.vn>

Department of Information and Communications of Dong Nai Province

Address: No. 281, 30-4 Rd, Bien Hoa City, Dong Nai Prov., Viet Nam
Telephone: (84-61) 382 4841; Fax: (84-61) 382 7071
Website: <http://stttt.dongnai.gov.vn>

Department of Information and Communications of Dong Thap Province

Address: No. 12 Tran Phu Rd, Cao Lanh City, Dong Thap Prov., Viet Nam
Telephone: (84-67) 387 3999; Fax: (84-67) 387 3999
Website: <http://www.stttt.dongthap.gov.vn>

Department of Information and Communications of Gia Lai Province

Address: No. 17 Tran Hung Dao Rd, Pleiku City, Gia Lai Prov., Viet Nam
Telephone: (84-59) 371 7564; Fax: (84-59) 371 7564
Website: <http://tttt.gialai.gov.vn>

Department of Information and Communications of Ha Giang Province

Address: No. 222 Nguyen Trai Rd, Ha Giang City, Ha Giang Prov., Viet Nam
Telephone: (84-219)386 0986; Fax: (84-219) 386 0988
Website: <http://stttt.hagiang.gov.vn>

Department of Information and Communications of Ha Nam Province

Address: Ly Thai To Rd, Phu Ly City, Ha Nam Prov., Viet Nam
Telephone: (84-351) 384 4999; Fax: (84-351) 384 4999
Website: <http://hanam.gov.vn/vi-vn/stttt>

Department of Information and Communications of Ha Noi City

Address: No. 185 Giang Vo Str., Dong Da Dist., Ha Noi City, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3512 3536; Fax: (84-4) 3736 6617
Website: <http://ict-hanoi.gov.vn>

Department of Information and Communications of Ha Tinh Province

Address: No. 66 Phan Dinh Phung Rd, Ha Tinh City, Ha Tinh Prov., Viet Nam
Telephone: (84-39) 369 4496; Fax: (84-39) 385 0288
Website: <http://www.ict-hatinh.gov.vn>

Department of Information and Communications of Hai Duong Province

Address: No. 199 Nguyen Luong Bang, Hai Duong City, Hai Duong Prov., Viet Nam
Telephone: (84-320) 389 7350; Fax: (84-320) 389 7345
Website: <http://sotttt.haiduong.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông TP. Hải Phòng

Địa chỉ: 62 Võ Thị Sáu, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
 Điện thoại: (84-31) 373 6907; Fax: (84-31) 373 6907
 Website: <http://haiphong.gov.vn/sothongtintruyenthong>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hậu Giang

Địa chỉ: Đường Điện Biên Phủ, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang
 Điện thoại: (84-711) 358 1345; Fax: (84-711) 358 1345
 Website: <http://sottht.haugiang.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hòa Bình

Địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
 Điện thoại: (84-218) 379 8780; Fax: (84-218) 389 8678
 Website: <http://sothongtin.hoabinh.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hưng Yên

Địa chỉ: Đường Nguyễn Lương Bằng, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
 Điện thoại: (84-321) 386 7089; Fax: (84-321) 386 7090
 Website: <http://sottht.hungyen.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 59 Lý Tự Trọng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (84-8) 3520 2727; Fax: (84-8) 3520 2424
 Website: <http://www.ict-hcm.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Khánh Hòa

Địa chỉ: Nhà A1, Khu liên cơ số 01 Trần Phú, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
 Điện thoại: (84-58) 356 3531; Fax: (84-58) 356 3530
 Website: <http://www.ict-khanhhoa.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Kiên Giang

Địa chỉ: 123-125 Nguyễn Hùng Sơn, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
 Điện thoại: (84-77) 392 1616; Fax: (84-77) 392 1600
 Website: <http://stttt.kiengiang.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Kon Tum

Địa chỉ: 112E Bà Triệu, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum
 Điện thoại: (84-60) 391 5457 ; Fax: (84-60) 391 2299
 Website: <http://stttt.kontum.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lai Châu

Địa chỉ: Nhà D, Khu hợp khối hành chính tỉnh Lai Châu, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu
 Điện thoại: (84-231) 379 1558; Fax: (84-231) 379 1559
 Website: <http://laichau.gov.vn/sothongtintruyenthong>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lạng Sơn

Địa chỉ: 01 Mai Thế Chuẩn, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
 Điện thoại: (84-25) 381 4918; Fax: (84-25) 381 4614
 Website: <http://www.langson.gov.vn/bcv>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai

Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai
 Điện thoại: (84-20) 382 8665; Fax: (84-20) 382 8667
 Website: <http://laocai.gov.vn/sites/sottht>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ: 19 Lê Hồng Phong, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
 Điện thoại: (84-63) 354 1546; Fax: (84-63) 354 1547
 Website: <http://stttt.lamdong.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Long An

Địa chỉ: 01A Huỳnh Việt Thanh, TP. Tân An, tỉnh Long An
 Điện thoại: (84-72) 382 4888; Fax: (84-72) 352 3567
 Website: <http://stttt.longan.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nam Định

Địa chỉ: 250 Hùng Vương, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định
 Điện thoại: (84-350) 363 1115; Fax: (84-350) 363 1330
 Website: <http://sottht.namdinh.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nghệ An

Địa chỉ: 06 Lê Hoàn, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
 Điện thoại: (84-38) 359 9522; Fax: (84-38) 359 9522
 Website: <http://nghean.gov.vn/wps/portal/sottht>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Ninh Bình

Địa chỉ: 04 Phạm Văn Nghị, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
 Điện thoại: (84-30) 388 9238; Fax: (84-30) 388 9239
 Website: <http://www.ttttninhbinh.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Ninh Thuận

Địa chỉ: 17 Nguyễn Trãi, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
 Điện thoại: (84-68) 392 0292; Fax: (84-68) 392 0292
 Website: <http://www.ninhthuan.gov.vn/chinhquyen/sottht>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Thọ

Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
 Điện thoại: (84-210) 381 2494; Fax: (84-210) 381 1485
 Website: <http://tttt.phutho.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên

Địa chỉ: 10 Trần Phú, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
 Điện thoại: (84-57) 381 9958; Fax: (84-57) 381 9958
 Website: <http://www.phuyen.gov.vn/wps/portal/sottht>

Department of Information and Communications of Hai Phong City

Address: No. 62 Vo Thi Sau Str., Ngo Quyen Dist.,
Hai Phong City, Viet Nam
Telephone: (84-31) 373 6907; Fax: (84-31) 373 6907
Website: <http://haiphong.gov.vn/sothongtintruyenthong>

Department of Information and Communications of Hau Giang Province

Address: Dien Bien Phu Rd, Vi Thanh City, Hau Giang
Prov., Viet Nam
Telephone: (84-711) 358 1345; Fax: (84-711) 358 1345
Website: <http://sottht.haugiang.gov.vn>

Department of Information and Communications of Hoa Binh Province

Address: Tran Hung Dao Rd, Hoa Binh City,
Hoa Binh Prov., Viet Nam
Telephone: (84-218) 379 8780; Fax: (84-218) 389 8678
Website: <http://sothongtin.hoabinh.gov.vn>

Department of Information and Communications of Hung Yen Province

Address: Nguyen Luong Bang Road, Hung Yen City,
Hung Yen Prov., Viet Nam
Telephone: (84-321) 386 7089; Fax: (84-321) 386 7090
Website: <http://sottht.hungyen.gov.vn>

Department of Information and Communications of Ho Chi Minh City

Address: No.59 Ly Tu Trong, Dist.1, Ho Chi Minh City,
Viet Nam
Telephone: (84-8) 3520 2727; Fax: (84-8) 3520 2424
Website: <http://www.ict-hcm.gov.vn>

Department of Information and Communications of Khanh Hoa Province

Address: A1 Buiding, Interagency Area, No.01 Tran Phu
Rd, Nha Trang City, Khanh Hoa, Viet Nam
Telephone: (84-58) 356 3531; Fax: (84-58) 356 3530
Website: <http://www.ict-khanhhoa.vn>

Department of Information and Communications of Kien Giang Province

Address: No. 123-125 Nguyen Hung Son Rd,
Rach Gia City, Kien Giang Prov., Viet Nam
Telephone: (84-77) 392 1616; Fax: (84-77) 392 1600
Website: <http://stttt.kiengiang.gov.vn>

Department of Information and Communications of Kon Tum Province

Address: No. 112E Ba Trieu Rd, Kon Tum City,
Kon Tum Prov., Viet Nam
Telephone: (84-60) 391 5457 ; Fax: (84-60) 391 2299
Website: <http://stttt.kontum.gov.vn>

Department of Information and Communications of Lai Chau Province

Address: Building D, Administrative Area of Lai Chau
Province, Tan Phong Ward, Lai Chau Dist.,
Lai Chau Prov., Viet Nam
Telephone: (84-231) 379 1558; Fax: (84-231) 379 1559
Website: <http://laichau.gov.vn/sothongtintruyenthong>

Department of Information and Communications of Lang Son Province

Address: No. 01 Mai The Chuan Rd, Lang Son City,
Lang Son Prov., Viet Nam
Telephone: (84-25) 381 4918; Fax: (84-25) 381 4614
Website: <http://www.langson.gov.vn/bcv>

Department of Information and Communications of Lao Cai Province

Address: Tran Hung Dao Highway, Lao Cai City,
Lao Cai Prov., Viet Nam
Telephone: (84-20) 382 8665; Fax: (84-20) 382 8667
Website: <http://laocai.gov.vn/sites/sottht>

Department of Information and Communications of Lam Dong

Address: No. 19 Le Hong Phong, Da Lat City,
Lam Don Prov., Viet Nam
Telephone: (84-63) 354 1546; Fax: (84-63) 354 1547
Website: <http://stttt.lamdong.gov.vn>

Department of Information and Communications of Long An Province

Address: No. 01A Huynh Viet Thanh Rd, Tan An City,
Long An Prov., Viet Nam
Telephone: (84-72) 382 4888, Fax: (84-72) 352 3567
Website: <http://stttt.longan.gov.vn>

Department of Information and Communications of Nam Dinh Province

Address: No. 250 Hung Vuong Rd, Nam Dinh City,
Nam Dinh Prov., Viet Nam
Telephone: (84-350) 363 1115; Fax: (84-350) 363 1330
Website: <http://sottht.namdinh.gov.vn>

Department of Information and Communications of Nghe An Province

Address: No. 06 Le Hoan Rd, Vinh City, Nghe An Prov.,
Viet Nam
Telephone: (84-38) 359 9522; Fax: (84-38) 359 9522
Website: <http://nghean.gov.vn/wps/portal/sottht>

Department of Information and Communications of Ninh Binh Province

Address: No. 04 Pham Van Nghi Rd, Ninh Binh City,
Ninh Binh Prov., Viet Nam
Telephone: (84-30) 388 9238, Fax: (84- 30) 388 9239
Website: <http://www.ttttninhbinh.gov.vn>

Department of Information and Communications of Ninh Thuan Province

Address: No. 17 Nguyen Trai Rd, Phan Rang - Thap
Cham City, Ninh Thuan Prov., Viet Nam
Telephone: (84-68) 392 0292; Fax: (84-68) 392 0292
Website: <http://www.ninhthuan.gov.vn/chinhquyen/sottht>

Department of Information and Communications of Phu Tho Province

Address: Nguyen Tat Thanh Rd, Viet Tri City,
Phu Tho Prov., Viet Nam
Telephone: (84-210) 381 2494; Fax: (84-210) 381 1485
Website: <http://tttt.phutho.gov.vn>

Department of Information and Communications of Phu Yen Province

Address: 10 Trần Phú, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Telephone: (84-57) 381 9958; Fax: (84-57) 381 9958
Website: <http://www.phuyen.gov.vn/wps/portal/sottht>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Bình

Địa chỉ: 02 Hương Giang, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
 Điện thoại: (84-52) 384 4303; Fax: (84-52) 384 4456
 Website: <http://www.dic-quangbinh.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Nam

Địa chỉ: 50 Hùng Vương, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
 Điện thoại: (84-510) 381 1758; Fax: (84-510) 381 1759
 Website: <http://www.dptqnam.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: 118 Hùng Vương, TP. Quảng Ngãi,
 tỉnh Quảng Ngãi
 Điện thoại: (84-55) 371 1570; Fax: (84-55) 371 1577
 Website: <http://www.quangngai.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Ninh

Địa chỉ: Trụ sở liên cơ quan số 02 Nguyễn Văn Cừ, TP.
 Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
 Điện thoại: (84-33) 363 8468; Fax: (84-33) 363 8822
 Website: <http://quangninh.gov.vn/vi-VN/So/sothongtintt>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Trị

Địa chỉ: 28 Trần Hưng Đạo, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
 Điện thoại: (84-53) 355 4715; Fax: (84-53) 355 4711
 Website: <http://www.quangtri-ict.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng

Địa chỉ: 56 Lê Duẩn, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
 Điện thoại: (84-79) 362 1090; Fax: (84-79) 362 1171
 Website: <http://www.sotttt.soctrang.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sơn La

Địa chỉ: 47 Tô Hiệu, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La
 Điện thoại: (84-22) 375 0983; Fax: (84-22) 375 0926
 Website: <http://www.sonla.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tây Ninh

Địa chỉ: 06 Trần Quốc Toàn, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
 Điện thoại: (84-66) 382 4666; Fax: (84-66) 381 2878
 Website: <http://sotttt.tayninh.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Bình

Địa chỉ: 09 Trần Hưng Đạo, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình
 Điện thoại: (84-36) 374 3787; Fax: (84-36) 374 3787
 Website: <http://sotttt.thaibinh.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên

Địa chỉ: 05 Nha Trang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 Điện thoại: (84-280) 365 5369; Fax: (84-280) 365 5336
 Website: <http://thainguyen.gov.vn/wps/portal/sotttt>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ: 32 Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
 Điện thoại: (84-37) 371 3988; Fax: (84-37) 371 3985
 Website: <http://stttt.thanhhoa.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thừa Thiên Huế

Địa chỉ: 36 Phạm Văn Đồng, TP. Huế,
 tỉnh Thừa Thiên Huế
 Điện thoại: (84-54) 388 2333; Fax: (84-54) 388 2444
 Website: <http://www.stttt.hue.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tiền Giang

Địa chỉ: 02 Lê Văn Duyệt, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
 Điện thoại: (84-733) 888 8880; Fax: (84-73) 388 8881
 Website: <http://stttt.tiengiang.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Trà Vinh

Địa chỉ: 06 Trưng Nữ Vương, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 Điện thoại: (84-74) 385 0856; Fax: (84-74) 385 0850
 Website: <http://travinh.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang

Địa chỉ: 274 Tân Trào, TP. Tuyên Quang,
 tỉnh Tuyên Quang
 Điện thoại: (84-276) 325 0589; Fax: (84-276) 325 0589
 Website: <http://stttttuyenquang.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ: 35 Đường 2 Tháng 9, TP. Vĩnh Long,
 tỉnh Vĩnh Long
 Điện thoại: (84-70) 383 6333; Fax: (84-70) 383 6444
 Website: <http://www.stttt.vinhlong.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Vĩnh Phúc

Địa chỉ: 396 Mê Linh, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
 Điện thoại: (84-211) 384 6464; Fax: (84-211) 384 6488
 Website: <http://sotttt.vinhphuc.gov.vn>

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Yên Bái

Địa chỉ: Tổ 57, phường Đồng Tâm, TP. Yên Bái,
 tỉnh Yên Bái
 Điện thoại: (84-29) 385 8959; Fax: (84-29) 385 8929
 Website: <http://sotttt.yenbai.gov.vn>

Department of Information and Communications of Quang Binh Province

Address: No. 02 Huong Giang Rd, Dong Hoi City,
Quang Binh Prov., Viet Nam
Telephone: (84-52) 384 4303; Fax: (84-52) 384 4456
Website: <http://www.dic-quangbinh.gov.vn>

Department of Information and Communications of Quang Nam Province

Address: No. 50 Hung Vuong Rd, Tam Ky City,
Quang Nam Prov., Viet Nam
Telephone: (84-510) 381 1758; Fax: (84-510) 381 1759
Website: <http://www.dptqnam.gov.vn>

Department of Information and Communications of Quang Ngai Province

Address: No. 118 Hung Vuong Rd, Quang Ngai City,
Quang Ngai Prov., Viet Nam
Telephone: (84-55) 371 1570; Fax: (84-55) 371 1577
Website: <http://www.quangngai.gov.vn>

Department of Information and Communications of Quang Ninh Province

Address: Interagency Area, No. 02 Nguyen Van Cu Rd,
Ha Long City, Quang Ninh Prov., Viet Nam
Telephone: (84-33) 363 8468; Fax: (84-33) 363 8822
Website: <http://quangninh.gov.vn/vi-VN/So/sothongtintt>

Department of Information and Communications of Quang Tri Province

Address: No. 28 Tran Hung Dao, Dong Ha City,
Quang Tri Prov., Viet Nam
Telephone: (84-53) 355 4715; Fax: (84-53) 355 4711
Website: <http://www.quangtri-ict.gov.vn>

Department of Information and Communications of Soc Trang Province

Address: No. 56 le Duan Rad, Soc Trang City,
Soc Trang Prov., Viet Nam
Telephone: (84-79)362 1090; Fax: (84-79) 362 1171
Website: <http://www.sottht.soctrang.gov.vn>

Department of Information and Communications of Son La Province

Address: No. 47 To Hieu Rad, Son La City, Son La Prov.,
Viet Nam
Telephone: (84-22) 375 0983; Fax: (84-22) 375 0926
Website : <http://www.sonla.gov.vn>

Department of Information and Communications of Tay Ninh Province

Address: No. 06 Tran Quoc Toan Rd, Tay Ninh Dist.,
Tay Ninh Prov., Viet Nam
Telephone: (84-66) 382 4666; Fax: (84-66) 381 2878
Website: <http://sottht.tayninh.gov.vn>

Department of Information and Communications of Thai Binh Province

Address: No. 09 Tran Hung Dao Rd, Thai Binh City,
Thai Binh Prov., Viet Nam
Telephone: (84-36) 374 3787; Fax: (84-36) 374 3787
Website: <http://sottht.thaibinh.gov.vn>

Department of Information and Communications of Thai Nguyen Province

Address: No. 05 Nha Trang Rd, Thai Nguyen Prov.,
Thai Nguyen Prov., Viet Nam
Telephone: (84-280) 365 5369; Fax: (84-280) 365 5336
Website: <http://thainguyen.gov.vn/wps/portal/sottht>

Department of Information and Communications of Thanh Hoa Province

Address: No. 32 Le Loi Highway, Thanh Hoa City,
Thanh Hoa Prov., Viet Nam
Telephone: (84-37) 371 3988; Fax: (84-37) 371 3985
Website: <http://stttt.thanhhoa.gov.vn>

Department of Information and Communications of Thua Thien Hue Province

Address: No. 36 Pham Van Dong Rd, Hue City,
Thua Thien Hue Prov., Viet Nam
Telephone: (84-54) 388 2333; Fax: (84-54) 388 2444
Website: <http://www.stttt.hue.gov.vn>

Department of Information and Communications of Tien Giang Province

Address: No. 02 Le Van Duet Rd, My Tho City,
Tien Giang Prov., Viet Nam
Telephone: (84-733) 888 8880; Fax: (84-73) 388 8881
Website: <http://stttt.tiengiang.gov.vn>

Department of Information and Communications of Tra Vinh Province

Address: 06 Trung Nữ Vương, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
Telephone: (84-74) 385 0856; Fax: (84-74) 385 0850
Website: <http://travinh.gov.vn>

Department of Information and Communications of Tuyen Quang Province

Address: No. 274 Tan Trao Rd, Tuyen Quang City,
Tuyen Quang Prov., Viet Nam
Telephone: (84-276) 325 0589; Fax: (84-276) 325 0589
Website: <http://stttttuyenquang.gov.vn>

Department of Information and Communications of Vinh Long Province

Address: No. 35, 2-9 Rd, Vinh Long City, Vinh Long Prov.,
Viet Nam
Telephone: (84-70) 383 6333; Fax: (84-70) 383 6444
Website: <http://www.stttt.vinhlong.gov.vn>

Department of Information and Communications of Vinh Phuc Province

Address: No. 396 Me Linh Rd, Vinh Yen City,
Vinh Phuc Prov., Viet Nam
Telephone: (84-211) 384 6464; Fax: (84-211) 384 6488
Website: <http://sottht.vinhphuc.gov.vn>

Department of Information and Communications of Yen Bai Province

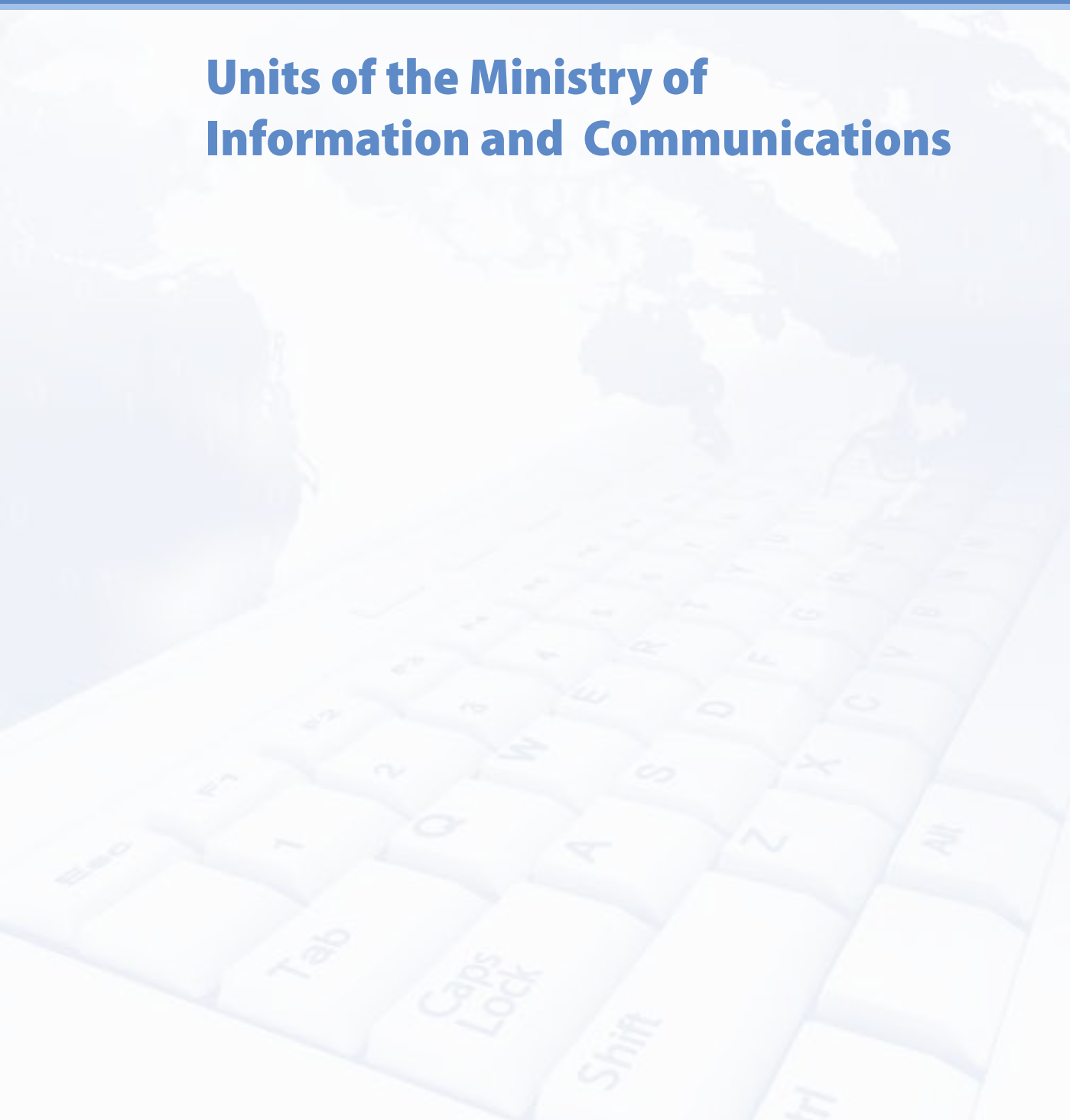
Address: Tổ 57, Dong Tam Ward, Yen Bai City,
Yen Bai Prov., Viet Nam
Telephone: (84-29) 385 8959; Fax: (84-29) 385 8929
Website: <http://sottht.yenbai.gov.vn>





CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Units of the Ministry of Information and Communications



Vụ Bưu chính

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3822 6625; Fax: (84-4) 3822 6954
 Email: vanthubuuchinh@mic.gov.vn

Vụ Công nghệ thông tin

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3943 6404; Fax: (84-4) 3943 6404
 Email: vanthucntt@mic.gov.vn

Vụ Khoa học và Công nghệ

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3943 7328; Fax: (84-4) 3943 7328
 Email: vanthukhcn@mic.gov.vn

Vụ Kế hoạch - Tài chính

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3943 7077; Fax: (84-4) 3822 8869
 Email: vanthukhtc@mic.gov.vn

Vụ Hợp tác quốc tế

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3943 0204; Fax: (84-4) 3822 6590
 Email: vanthuhtqt@mic.gov.vn

Vụ Pháp chế

Điện thoại: (84-4) 3943 7312; Fax: (84-4) 3943 7313
 Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Email: vanthuphapche@mic.gov.vn

Vụ Tổ chức cán bộ

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3943 1814; Fax: (84-4) 3943 1814
 Email: vanthutccb@mic.gov.vn

Thanh tra Bộ

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3556 3852; Fax: (84-4) 3556 3855
 Email: vanthuthanhtra@mic.gov.vn

Văn phòng Bộ

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3943 5602; Fax: (84-4) 3826 3477
 Email: vanphongbo@mic.gov.vn

Cơ quan đại diện của Bộ tại TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 27 Nguyễn Bình Khiêm, quận I, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (84-8) 3823 5404; Fax: (84-8) 3822 2988
 Email: vanthucqddtphcm@mic.gov.vn

Cơ quan đại diện của Bộ tại Đà Nẵng

Địa chỉ: 42 Trần Quốc Toàn, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
 Điện thoại: (84-511) 389 7959; Fax: (84-511) 389 7466
 Email: daidiendanang@mic.gov.vn

Cục Tản số vô tuyến điện

Địa chỉ: 115 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3556 4919; Fax: (84-4) 3556 4930
 Website: www.rfd.gov.vn

Cục Viễn thông

Địa chỉ: Tòa nhà VNTA, Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
 Điện thoại: (84-4) 3943 6608; Fax: (84-4) 3943 6607
 Website: www.vnta.gov.vn

Cục Ứng dụng công nghệ thông tin

Địa chỉ: Tòa nhà VNTA, Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3537 8201; Fax: (84-4) 3537 8208
 Website: www.aita.gov.vn

Cục Báo chí

Địa chỉ: 92C Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 Điện thoại: (85-4) 39446290 ; Fax: (85-4) 3944 6287
 Email: vanthucucbaochi@mic.gov.vn

Cục Xuất bản

Địa chỉ: Số 10 Đường Thành, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3828 5697; Fax: (84-4) 3828 7738
 Email: vanthucucxb@mic.gov.vn

Cục Quản lý phát thanh truyền hình và thông tin điện tử

Địa chỉ: 17 Trần Quốc Toàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3944 8035; Fax: (84-4) 3944 8036
 Email: vanthucucqlpth@mic.gov.vn

Cục Thông tin đối ngoại

Địa chỉ: 07 Yết Kiêu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3767 6666; Fax: (84-4) 3767 5959
 Email: vanthucucttdn@mic.gov.vn

Department of Posts

Address: No. 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3822 6625; Fax: (84-4) 3822 6954
Email: vanthubuuchinh@mic.gov.vn

Department of Information Technology

Address: No. 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3943 6404; Fax: (84-4) 3943 6404
Email: vanthucntt@mic.gov.vn

Department of Science and Technology

Address: No. 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3943 7328; Fax: (84-4) 3943 7328
Email: vanthukhcn@mic.gov.vn

Department of Planning and Finance

Address: No. 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3943 7077; Fax: (84-4) 3822 8869
Email: vanthukhtc@mic.gov.vn

Department of International Cooperation

Address: No. 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3943 0204; Fax: (84-4) 3822 6590
Email: vanthuqtqt@mic.gov.vn

Department of Legal Affairs

Address: No. 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3943 7312; Fax: (84-4) 3943 7313
Email: vanthuphapche@mic.gov.vn

Department of Personnel and Organization

Address: No. 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3943 1814; Fax: (84-4) 3943 1814
Email: vanthutccb@mic.gov.vn

MIC's Inspectorate

Address: No. 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3556 3852; Fax: (84-4) 3556 3855
Email: vanthuthanhtra@mic.gov.vn

MIC's Office

Address: No. 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3943 5602; Fax: (84-4) 3826 3477
Email: vanphongbo@mic.gov.vn

Representative Office of MIC in Ho Chi Minh City

Address: No. 27 Nguyen Binh Khiem, Dist. 1,
Ho Chi Minh City, Viet Nam
Telephone: (84-8) 3823 5404; Fax: (84-8) 3822 2988
Email: vanthucqddtphcm@mic.gov.vn

Representative Office of MIC in Da Nang

Address: No. 42 Tran Quoc Toan Str., Hai Chau Dist.,
Da Nang, Viet Nam
Telephone: (84-511) 389 7959; Fax: (84-511) 389 7466
Email: daidiendanang@mic.gov.vn

Authority of Radio Frequency Management (RFD)

Address: No. 115 Tran Duy Hung Str., Cau Giay Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3556 4919; Fax: (84-4) 3556 4930
Website: www.rfd.gov.vn

Viet Nam Telecommunication Authority (VNTA)

Address: VNTA Building, Yen Hoa Str., Cau Giay Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3943 6608; Fax: (84-4) 3943 6607
Website: www.vnta.gov.vn

Authority of Information Technology Application (AITA)

Address: VNTA Building, Yen Hoa Str., Cau Giay Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3537 8201; Fax: (84-4) 3537 8208
Website: www.aita.gov.vn

Authority of Press

Address: No. 92C Ly Thuong Kiet Str., Hoan Kiem Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (85-4) 3944 6290; Fax: (85-4) 3944 6287
Email: vanthucucbaochi@mic.gov.vn

Authority of Publication

Address: No. 10 Duong Thanh Str., Hoan Kiem Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3828 5697; Fax: (84-4) 3828 7738
Email: vanthucucxb@mic.gov.vn

Authority of Broadcasting and Electronic Information Management

Address: No. 17 Tran Quoc Toan Str., Hai Ba Trung Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3944 8035; Fax: (84-4) 3944 8036
Email: vanthucucqlpth@mic.gov.vn

Authority of Foreign Information Service

Address: No. 07 Yet Kieu Str., Hai Ba Trung Dist., Ha Noi,
Viet Nam
Telephone: (84-4) 3767 6666; Fax: (84-4) 3767 5959
Email: vanthucuctdn@mic.gov.vn

Trung tâm Thông tin

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3556 3457; Fax: (84-4) 3556 3458
 Email: tt_tt@mic.gov.vn
 Website:

Trung tâm Internet Việt Nam

Địa chỉ: Tòa nhà VNTA, Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
 Điện thoại: (84-4) 3556 4944; Fax: (84-4) 3782 1462
 Website: www.vnnic.vn

Trung tâm ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Nam Hải, Khu Đô thị Vĩnh
 Hoàng, quận Hoàng Mai, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3640 4421; Fax: (84-4) 3640 4425
 Website: www.vncert.gov.vn

Trung tâm Báo chí và Hợp tác truyền thông quốc tế

Địa chỉ: 61B Thợ Nhuộm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3824 5621; Fax: (84-4) 3824 5623
 Website: www.vietbao.vn

Viện Chiến lược thông tin và truyền thông

Địa chỉ: 115 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3556 5328; Fax: (84-4) 3556 7399
 Website: www.niics.gov.vn

Viện Công nghiệp phần mềm và nội dung số Việt Nam

Địa chỉ: 115 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 6656 6708; Fax: (84-4) 3782 1632
 Website: www.nisci.gov.vn

Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý Thông tin và Truyền thông

Địa chỉ: Lô A5/D5 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch
 Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
 Điện thoại: (84-4) 3766 5959; Fax: (84-4) 3766 8994
 Website: www.mic-edu.vn

Trường Cao đẳng CNTT Hữu nghị Việt - Hàn

Địa chỉ: Phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
 Điện thoại: (84-511) 396 2963; Fax: (84-511) 396 2964
 Website: www.viethanit.edu.vn

Trường Cao đẳng Công nghiệp In

Địa chỉ: Xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3764 4489; Fax: (84-4) 3764 1933
 Website: www.cdcnin.edu.vn

Tạp chí Công nghệ thông tin và truyền thông

Địa chỉ: 95E Lý Nam Đế, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3773 7136; Fax: (84-4) 3773 7130
 Website: www.tapchibcv.gov.vn

Báo Bưu điện Việt Nam

Địa chỉ: 40A Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3936 9898; Fax: (84-4) 3936 9364
 Website: www.ictnews.vn

Báo điện tử VietnamNet

Địa chỉ: Tòa nhà C' Land, 156 Xã Đàn, quận Đống Đa,
 Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3772 2729; Fax: (84-4) 3772 2734
 Website: www.vietnamnet.vn

Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông

Địa chỉ: Số 09, Ngõ 90 phố Ngụy Như Kon Tum, quận
 Thanh Xuân, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3577 2139; Fax: (84-4) 3557 9858
 Website: www.nxbthongtintruyenthong.vn

Quỹ Dịch vụ Viễn thông công ích

Địa chỉ: Số 7 Ngõ 1160, Đường Láng, quận Đống Đa,
 Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3211 5343; Fax: (84-4) 3944 6769
 Website: www.vtf.gov.vn

Ban Quản lý dự án phát triển công nghệ thông tin và truyền thông tại Việt Nam

Địa chỉ: 03 dãy A Lô 1 Khu Đô thị Trung Yên, Phường
 Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3537 7738; Fax: (84-4) 3537 7742

Ban Quản lý Dự án BMGF tại Việt Nam

Địa chỉ: Phòng 2402, Nhà 24T1, Khu đô thị Trung Hòa,
 quận Cầu Giấy, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 6283 7777; Fax: (84-4) 6284 7777
 Website: www.bmgf-mic.vn

Information Center

Address: No. 18 Nguyen Du Str., Hai Ba Trung Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3556 3457; Fax: (84-4) 3556 3458
Email: tt_tt@mic.gov.vn
Website:

Viet Nam Internet Network Information Center (VNNIC)

Address: VNTA Building, Yen Hoa Str., Cau Giay Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3556 4944; Fax: (84-4) 3782 1462
Website: www.vnnic.vn

Viet Nam Computer Emergency Response Team (VNCERT)

Address: 7th Floor, Nam Hai Building, Vinh Hoang Urban
Area, Hoang Mai Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3640 4421; Fax: (84-4) 3640 4425
Website: www.vncert.gov.vn

Center for International Press and Communication Cooperation

Địa chỉ: No. 61B Tho Nhuom Str., Hoan Kiem Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3824 5621; Fax: (84-4) 3824 5623
Website: www.vietbao.vn

National Institute of Information and Communications Strategy (NIICS)

Address: No. 115 Tran Duy Hung Str., Cau Giay Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3556 5328; Fax: (84-4) 3556 7399
Website: www.niics.gov.vn

National Institute of Software and Digital Content Industry (NISCI)

Address: No. 115 Tran Duy Hung Str., Cau Giay Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Điện thoại: (84-4) 6656 6708; Fax: (84-4) 3782 1632
Website: www.nisci.gov.vn

Information and Communications Public Management School

Address: Plot A5/D5 Cau Giay New Urban Area,
Dich Vong Hau Ward, Cau Giay Dist., Ha Noi,
Viet Nam
Telephone: (84-4) 3766 5959; Fax: (84-4) 3766 8994
Website: www.ics.edu.vn

Viet Nam - Korea Friendship Information Technology College

Address: Hoa Quy Ward, Ngu Hanh Son Dist., Da Nang,
Viet Nam
Telephone: (84-511) 396 2963; Fax: (84-511) 396 2964
Website: www.viethanit.edu.vn

Printing Technology College

Address: Phu Dien Ward, Tu Liem Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3764 4489; Fax: (84-4) 3764 1933
Website: www.cdcnin.edu.vn

Information Technology and Communications Journal

Address: No. 95E Ly Nam De Str., Hoan Kiem Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3773 7136; Fax: (84-4) 3773 7130
Website: www.tapchibcv.gov.vn

Viet Nam Post Newspaper

Address: No. 40A Hang Bai Str., Hoan Kiem Dist., Ha Noi,
Viet Nam
Telephone: (84-4) 3936 9898; Fax: (84-4) 3936 9364
Website: www.ictnews.vn

VietnamNet

Address: C' Land Building, No. 156 Xa Dan Str.,
Dong Da Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3772 2729; Fax: (84-4) 3772 2734
Website: www.vietnamnet.vn

Information and Communications Publishing House

Address: No. 9 Lane No. 90, Nguy Nhu Kon Tum Str.,
Thanh Xuan Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3577 2139; Fax: (84-4) 3557 9858
Website: www.nxbthongtintruyenthong.vn

Viet Nam Public -Utility Telecommunication Service Fund

Address: No. 7 Lane No. 1160, Lang Str., Dong Da Dist.,
Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3211 5343; Fax: (84-4) 3944 6769
Website: www.vtf.gov.vn

Viet Nam ICT Development Project Management Unit

Address: No. 3A Plot 1 Trung Yen Urban Area, Trung Hoa
Ward, Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 3537 7738; Fax: (84-4) 3537 7742

BMGF's Project Management Unit in Viet Nam

Address: Room No. 2402, 24T1 Building, Trung Hoa
Urban Area, Cau Giay Dist., Ha Noi, Viet Nam
Telephone: (84-4) 6283 7777; Fax: (84-4) 6284 7777
Website: www.bmgf-mic.vn

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM 2013

VIET NAM INFORMATION AND COMMUNICATION TECHNOLOGY 2013

Chịu trách nhiệm nội dung

Content Responsibility

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

MINISTRY OF INFORMATION AND COMMUNICATIONS

Bản quyền đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chép, phân phối dưới dạng in ấn, điện tử hay bất kỳ hình thức nào khác không được sự cho phép của Bộ Thông tin và Truyền thông là vi phạm pháp luật.

This publication and all parts thereof are protected by copyright. All rights reserved. Any use of it outside the strict provisions of the copyright law without the consent of the Ministry of Information and Communication is forbidden and will incur penalties

Chịu trách nhiệm xuất bản

Nguyễn Thị Thu Hà

Publishing Responsibility

Nguyen Thi Thu Ha

Biên tập: Mỹ Hạnh - Thọ Việt - Long Biên

Editors: My Hanh - Tho Viet - Long Bien

Thiết kế: Nhị Lương - Hồng Minh

Designer: Nhi Luong - Hong Minh

In 1.500 cuốn, khổ 18,5 x 25,7cm,
tại Công ty TNHH In và dịch vụ thương mại Phú Thịnh
Đăng ký xuất bản số: 970-2013/CXB/1-417/TTTT
Giấy phép xuất bản số: 218/QĐ-NXB TTTT
ngày 26/8/2013
In xong nộp lưu chiểu tháng 9 năm 2013.

Mã số: QT 02 HM 13

Printed 1.500 copies, size 18,5 x 25,7cm,
in Phu Thinh Printing and Service trading Co., Ltd
Publishing Plan: No 970-2013/CXB/1-417/TTTT
Publishing Decision: No 218/QĐ-NXB TTTT
date 26/8/2013
Completed and Registered in September 2013.

Code No: QT 02 HM 13